HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

60 THÁNG 8 & 9 NĂM 2001

tranh ĐINH CƯỜNG



HUỲNH HỬU ỦY THỤY KHUÊ NGUYỄN NGỌC BÍCH NGUYỄN HƯNG QUỐC NGUYỄN KIẾN GIANG THƯỜNG QUÁN PHẠM XUÂN NGUYÊN NGUYỄN HOÀNG VĂN LƯU HY LẠC MAI NINH PHAN TRIỀU HẢI NGÔ THẾ VINH NGÔ VĂN PHÚ LAM TRÙNG DƯƠNG HOÀNG XUÂN SƠN NGUYỄN THỊ PHƯỚC ĐỨC PHỔ BÙI NGỌC TẤN THU TỨ THƠ THƠ NGÔ TỰ LẬP DANH BẰNG TRỊNH THANH THỦY ĐỖ QUỲNH DAO CHU VƯƠNG MIỆN PHẠM HẢI ANH NGUYỄN TÔN NHAN LÊ HÙNG VỌNG LÊ CẦN SƠN NGUYỄN ĐỨC TÙNG THẬN NHIÊN CATHERINE ARGAND JENNIFER TRAN DƯƠNG THU HƯƠNG KIM THI NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU.



TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO

P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA

Tel: (714) 534-2205- Email: tchl@aol.com

http://saigonline/hopluu.com

Phát hành mỗi 2 tháng • Số 60 tháng 8 & 9 năm 2001

Đại diện tại Florida: Triều Hoa Đại / Tel: (904) 282-2419 - *Đại diện tại Houston, TX:* Ngu Yên / Tel: (713) 524-6262 - *Đại diện tại San Jose*: Phạm Việt Cường / Tel: (408) 294-2413 - *Đại diện tại Âu châu*: Mr Lê Tất Luyện / 15 Place Souham, 75013 Paris, France / Tel: 33 (0) 1 45 83 19 12 - *Đại diện tại Na Uy*: Hoài Mỹ / Olsvikaasen 138. N-5079 Olsvik, Norway - *Đại diện tại Canada*: Hồ Đình Nghiêm / Tel: (514) 342-8018 & Trân Sa / Tel:: (416) 762-4659 - *Đại diện tại Australia:* Thường Quán / Tel: 61.3 / 8071.797 - *Đại diện tại Đông Âu*: Yên Phong / PSF-21.37284 - Waldkappel. Germany.

Chủ biên

Khánh Trường

Thể lệ gửi bài:

Kèm theo bài xin ghi dịa chỉ, tên thật, số điện thoại, email, fax (nếu có). Bài gửi *Hợp Lưu* đừng gửi báo khác. Trường hợp đã phổ biến, phải cho tòa soạn biết, dù chỉ trên báo địa phương. Viết một mặt giấy, rõ ràng, nhất là ngoại ngữ (tốt nhất dùng chữ IN). Nếu đánh máy xin chừa rộng khoảng cách giữa hai dòng. Viết trên computer gửi bài kèm disk (ghi rõ nhu liệu sử dụng và ký hiệu của bài), hoặc email. Bài không đăng không trả lại bản thảo. Nếu là thơ, sau 3 số không thấy xuất hiện, xin gửi báo khác. Nếu là truyện, biên khảo... bài chọn đăng sẽ có thư riêng hoặc điện thoại.

Số đăng ký tại Quốc Hội Hoa Kỳ ISSN 1065-9323



HỢP LƯU

số 60, tháng 8&9 năm 2001



mục lục

Tranh bìa (Đá tịch lặng, *sơn dầu, 40" X 40"*)
và minh họa các trang trong:
Đinh Cường





thư tòa soạn



Phần nhận định, lý luận kỳ này gồm các bài viết:

1. Huỳnh Hữu Ủy "thử bước vào cõi thơ" của một tác giả, dịch giả, đồng thời cũng là một tu sĩ uyên bác vào bật nhất của Phật Giáo Việt Nam:Tuệ Sỹ, người từng bị nhà cầm quyền đương thời tại quê nhà kết án tử hình vào cuối tháng 9 năm 1988, rồi giảm án xuống chung thân khổ sai, mãi đến tháng 9 năm 1998 mới được phóng thích, sau 14 năm tù đày.

2. Nguyễn Ngọc Bích biện luận và chứng minh đích thị hai *câu "Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như*" là của chính Tố Như, một tự khác của Nguyễn Du, tác giả truyện Kiều, mà chúng ta không ai không biết, nhằm phá bỏ lập luận của GS Phạm Trọng Chánh, trong một bài viết đăng trên tạp chí Khởi Hành, chứng minh rằng Tố Như "không phải là bút hiệu của Nguyễn Du", do đó, hai câu thơ ấy cũng không phải của ông.

3. Nguyễn Hưng Quốc, vẫn như mọi bài viết khác, rất mạnh mẽ trong lập luận và bút pháp, phê phán quyết liệt một vấn đề khá nhập nhằng thường thấy trong sinh hoạt chữ nghĩa Việt Nam, đó là biên giới

kém minh bạch giữa nhà báo và nhà văn. Hậu quả đã sản sinh ra một lớp người thiếu lương thiện, chỉ *"làm báo, hoàn toàn làm báo, mạo nhận là nhà văn và hay lẩn quẩn vào sân chơi văn chương để dành ghế của người này và đòi cụng ly với người khác"*. Từ đó, đưa đến hệ quả: *"Tính chất xô bồ và nhếch nhác trong sinh hoạt văn học Việt Nam lâu nay, trong cũng như ngoài nước, theo tôi, phần lớn xuất phát từ đám người mạo danh này"*. Bài viết hứa hẹn nhiều tranh luận.

4. Trong Hợp Lưu số 57 (tháng 4 & 5/2001) chúng tôi có giới thiệu tham luận của ba tác giả thuộc Trung tâm nghiên cứu tâm lý dân tộc do tiến sĩ Phạm Bích Hợp làm giám đốc. Bài viết "Đi tìm cách tiếp cận bản tính gốc người Việt" của Nguyễn Kiến Giang độc giả sẽ đọc ở những trang sau là một trong các tham luận được trình bày ở một buổi hội thảo của trung tâm. Tính chất nghiêm túc, cộng với quá trình tư duy thấu đáo và tinh tế, bài viết của Nguyễn Kiến Giang cung cấp cho chúng ta một cái nhìn rất bổ ích về "tâm lý dân tộc".

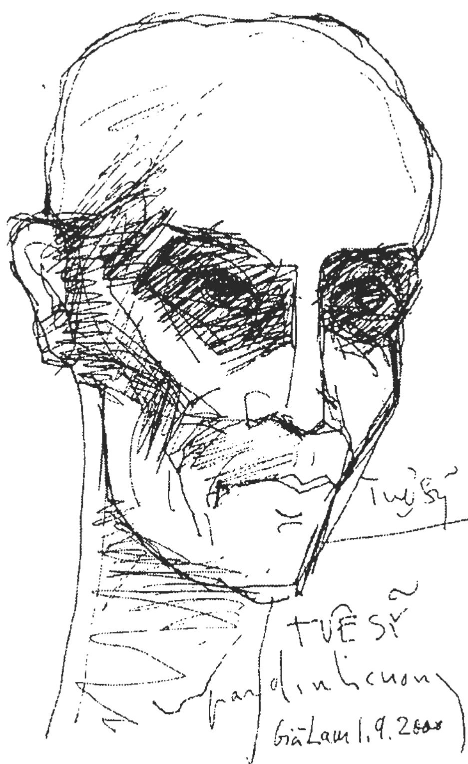
5. "Buổi chiều, linh diệu" của Thường Quán trong HL số này đề cập đến "buổi chiều, những buổi chiều" trong thơ Jorge Luis Borge. Cùng với bản văn, một số thơ của J.L.Borge được anh chuyển sang Việt ngữ. Tính chất thơ ca tỏ lộ rất đậm trên từng trang chữ của Thường Quán. Đó là nhận xét chung của nhiều người. Điều này hẳn độc giả cũng sẽ chia xẻ.

6. Phạm Xuân Nguyên từ trong nước gửi đến Hợp Lưu bài viết "Khát vọng thành thực". Ông cho rằng thế hệ văn học Việt Nam từ 1932 đến 1945 là một thế hệ thành thực, nhờ sự thành thực này mà giai đoạn ấy đã có được những thành tựu rực rỡ để lại về sau như đã có.

Phần sáng tác văn, thơ, đọc sách, phỏng vấn và các mục thường xuyên cũng phong phú không kém, với các bài viết của Thụy Khuê, Dương Thu Hương, Cathérine Argand (Jennifer Tran dịch), Lưu Hy Lạc, Mai Ninh, Phan Triều Hải, Ngô Thế Vinh, Lam Trùng Dương, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Thị Phước, Đức Phổ, Bùi NgọcTấn, Thơ Thơ, Ngô Tự Lập, Danh Bằng, Trịnh Thanh Thủy, Đỗ Quỳnh Dao, Chu Vương Miện, Phạm Hải Anh, Nguyễn Tôn Nhan, Lê Hùng Vọng, Nguyễn Đức Tùng, Lê Cần Sơn, Thận Nhiên.

Cuối cùng, xin được thông báo trước: Tháng 12/ 2001, song song với việc phát hành số Xuân Nhâm Ngọ, sẽ là tuần lễ kỷ niệm Thập Nhị chu niên của Hợp Lưu (xem thông báo chi tiết ở trang bìa 3 số này)

HỢP LƯU





HUỲNH HỮU ỦY
thử bước vào cõi thơ tuệ sỹ

Trước Tết, Đinh Cường trở về từ Việt Nam, anh gửi cho tôi mấy tấm hình chụp Tuệ Sỹ và Nguyễn Đức Sơn. Hình chụp trong phòng triển lãm chung của Đinh Cường, Bửu Chỉ, Trịnh Công Sơn nơi một Galerie trên đường Tự Do, và nơi căn phòng của Tuệ Sỹ ở chùa Già Lam, Gia Định. Nhìn lại hình ảnh người quen biết cũ, lòng thực cảm xúc, có chút gì ngậm ngùi, u hoài, man mát; lại nữa, vừa được đọc bài viết của Tuệ Sỹ về Nguyễn Đức Sơn trên báo Khởi Hành của Viên Linh (*), bỗng dưng như có điều gì đó thúc giục để ngồi viết đôi dòng về nhân vật này, một con người thực giản dị mà vô cùng kỳ lạ mà tôi đã có dịp gặp gỡ và giao hảo thân tình nhiều năm trước đây.

Khi Tuệ Sỹ còn ở trong tù, bạn tôi là nhà văn Trần Doãn Nho có bài tùy bút đầy cảm hứng "Thầy, trong trí tưởng" in trên tạp chí *Phật Giáo Việt Nam* của Thầy Mãn Giác ở Los Angeles (1). Bài viết có nhắc lại nhiều kỷ niệm của chúng tôi thời còn đi học ở Huế, thường gặp gỡ, chuyện trò, ngồi quán café với thầy Tuệ Sỹ. Lúc ấy Tuệ Sỹ

còn rất trẻ nhưng đã có một phong thái khác thường, đã bắt đầu viết sách về triết học (2), và trước đó đã từng là thư ký tòa soạn một tạp chí lớn của Phật giáo: *Tạp Chí Vạn Hạnh* của Thầy Đức Nhuận. Vài ba người bạn, chúng tôi và Tuệ Sỹ thường gặp nhau ở mấy quán café quen biết, đặc biệt là quán Sơ Huyền, chắc cũng có để lại đôi chút ấn tượng trong lòng nên sau đó, tôi thấy có từ kép Sơ Huyền trong một bài thơ của thầy, dĩ nhiên cái từ đó chỉ gợi lên âm thanh quen thuộc ấy mà thôi, bởi vì đã biến nghĩa rồi, chẳng phải là chỉ đề cập đến một thiếu nữ ngồi lấp ló sau quầy, sẵn sàng cho chúng tôi nghe những đĩa nhạc thời thượng bấy giờ, giữa những buổi chiều mùa thu và mùa đông của Huế.

Một tăng sĩ trẻ ngồi trong quán café với bạn đúng là một hình ảnh không bình thường trong khung cảnh Huế cổ kính. Về sau này tôi mới biết là kỷ luật trong thiền viện đối với tăng chúng rất chặt chẽ, tuy nhiên đối với Tuệ Sỹ, dường như các bậc trưởng lão cũng dành nhiều phần đặc biệt, lơi lỏng, vì biết thầy phóng dật mà bản lãnh, sống lang bạt mà biết tự chế. Lúc ấy, Tuệ Sỹ còn rất trẻ, khoảng chừng trên dưới 25 tuổi, vậy mà đã để lộ ra cái dị thường và uyên bác của một tâm hồn và trí tuệ mênh mông, kiệt xuất. Cùng với Tuệ Sỹ, tôi được dự những bữa cơm đạm bạc giữa các thiền viện. Có một bữa cơm nơi một ngôi chùa trên dốc Bến Ngự, gần bên Nhà thờ Cụ Phan Bội Châu. Cuối bữa ăn, mỗi người uống nước trong chính cái bát mình vừa ăn cơm xong. Hình ảnh ấy, lần đầu tiên tôi được chứng kiến, cũng giúp cho tôi phần nào thấy được cái giản dị, đạm bạc và tinh tấn nơi cửa thiền, dù ấy chỉ là một hình ảnh rất nhỏ. Lúc bấy giờ, Tuệ Sỹ đang giảng dạy ở Phật học viện Báo Quốc nên thỉnh thoảng tôi cũng được dự những buổi giảng của thầy ở đấy. Tuệ Sỹ còn mời tôi nói chuyện về mỹ thuật cho tăng sinh nghe, nhưng tôi thấy e ngại nên đã từ chối.

Từ sau biến cố 1.11.1963, cảnh tượng biểu tình, lên đường xuống đường, đấu tranh chống chính quyền đã trở thành chuyện thường ngày nơi một số cơ sở của Phật giáo. Thỉnh thoảng tôi cũng thấy Tuệ Sỹ thuyết pháp giữa đám đông tụ tập hỗn độn ấy, Tuệ Sỹ có một lối nói chuyện nhẹ nhàng, đầm ấm mà cũng rất hùng hồn, rất hấp dẫn người nghe. Giai đoạn ấy, nhìn Tuệ Sỹ từ nhiều góc cạnh, tôi đúc kết được điểm chính yếu nhất từ con người ấy, với một nội lực thâm hậu, kiến thức uyên bác, trí tuệ mênh mông, chơi giỡn với cuộc đời mà chẳng có gì ràng buộc cả. Từ thời thơ ấu, tôi đã lui tới các cửa chùa, biết được nhiều vị tu hành, rồi lớn lên đọc nhiều sách Phật học, đọc thơ văn Lý - Trần, tôi chưa từng thấy ai như Tuệ Sỹ, nặng gánh với



Tuệ Sỹ & Đinh Cường tại chùa Già Lam

cuộc đời mà cũng nhẹ tênh với cuộc đời, nhẹ nhàng phiêu lãng, chẳng có gì phải ràng buộc cả, chỉ một chiếc túi vải nhỏ là lên đường đi mất hút. Trước Tết Mậu Thân, Tuệ Sỹ có một căn phòng nhỏ ở hậu liêu Chùa Từ Đàm, thỉnh thoảng thầy xuống ở lại vài ngày dưới ngôi chùa của thầy Thích Đức Tâm ở Cồn Hến, ven bờ Vĩ Dạ, để thay đổi không khí hoặc để được yên tĩnh hơn mà làm việc. Đi đâu cũng chỉ cần mang theo một cái máy đánh chữ là đủ, để làm việc, làm việc miệt mài. Tôi cùng mấy người bạn: Lê Khắc Cầm, Trần Hữu Thục (tức Trần Doãn Nho), Kinh Dương Vương, Nguyễn Nguyên Phương, thường ghé thăm thầy ở các nơi này. Rồi bỗng nhiên Tuệ Sỹ bỏ đi vào miền Nam. Sau năm 1970, gặp lại ở Sài Gòn, bấy giờ thầy đã trở nên một nhân vật đặc biệt của Trường Đại Học Vạn Hạnh, dường như là Trưởng khoa của phân khoa Phật Học của Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo này. Từ năm 1970, đi lính rồi làm việc ở Bộ Tổng Tham Mưu gần Tân Sơn Nhất, tôi thường gặp Tuệ Sỹ nhưng trước đó lúc còn ở Huế, nhớ đến Tuệ Sỹ xa xôi, tôi hay lẩm nhẩm đọc lại dăm ba bài thơ của Trần Nhân Tông, vị tổ đệ nhất của Thiền Phái Trúc Lâm mà tôi thấy Tuệ Sỹ có nhiều nét gần gũi.

Xuân Vãn
Niên thiếu hà tằng liễu sắc không,
Nhất xuân tâm sự bách hoa trung.
Như kim khám phá Đông hoàng diện,
Thiền bản bồ đoàn khán trụy hồng (3).

Vũ lâm thu vãn
Họa kiều đảo ảnh chám khê hoành,

Nhất mạt tà dương thủy ngoại minh.
Tịch tịch thiên sơn, hồng diệp lạc,
Thấp vân hòa lộ tống chung thanh (4)

Xuân cảnh
Dương liễu hoa thâm điểu ngữ trì.
Họa đường thiềm ảnh mộ vân phi
Khách lai bất vấn nhân gian sự
Chỉ bạng lan can khán thúy vi (5).

Cái chất của Tuệ Sỹ, tôi có cảm giác vẫn là cái chất nối dài từ thời Lý - Trần, rồi bắt nhịp được trong cuộc sống hiện tại, thực hết sức đẹp, mà lại bay bổng trong cái độc đáo của một bầu trời riêng tư. Thâm thúy, uyên bác, nặng nợ mà vẫn nhẹ gánh, như hình ảnh vừa được đề cập đến bên trên trong một tứ thơ của Trần Nhân Tông: giữa cảnh hoa liễu nở nhiều, tiếng chim đua hót nhặt thưa, trước thềm hoa mây từng khóm bay qua che phủ, người khách bước vào thăm thú lại chẳng hỏi gì đến chuyện đời mà chỉ tựa vào lan can ngắm nhìn bầu trời xanh biếc. Chẳng lạ gì là về sau này, khi cụ Đào Duy Anh từ miền Bắc vào, gặp Tuệ Sỹ ở Nha Trang năm 1976, đã mở lời trân trọng mà thân tình: "Thầy là viên ngọc quý của Phật Giáo và của Việt Nam" (6).

*

Hồi còn ở Huế, tôi không thấy Tuệ Sỹ làm thơ. Bỗng dưng đọc được bài thơ "Không đề" do Bùi Giáng dẫn giải nơi mấy trang đầu tiên của tập *Đi vào cõi thơ,* Nxb Ca Dao của Hoài Khanh ấn hành (7), lòng một người đọc là tôi bỗng nhiên cũng thấy bàng hoàng, mênh mông, xa vắng, một cảm giác lạ lùng chơi vơi tràn ngập trong thoáng chốc.

Đôi mắt ướt tuổi vàng cung trời hội cũ.
Áo màu xanh không xanh mãi trên đồi hoang
Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ
Thắp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn.
Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan
Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chăng.

Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ
Bụi đường dài gót mỏi đi quanh
Giờ ngó lại bốn vách tường ủ rũ
Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn.

Nhân bàn về bài thơ này, rồi nói về Tuệ Sỹ, Bùi Giáng viết như đùa, như bỡn mà lại ngấm vào lòng người đọc thực thâm sâu. Bùi Giáng viết: "Tuệ Sỹ một vị sư. Ông viết văn nghiêm túc, những sở tri của ông về Phật học quả thật quảng bác vô cùng. Thấy ông vẻ người khắc khổ, không ai ngờ rằng linh hồn kia còn ẩn một nguồn thơ thâm viễn u u...

Nhưng có ai ngờ đâu nhà sư kín đáo e dè kia, không hề bao giờ có vướng lụy, lại còn mang một nguồn thơ Việt phi phàm? Một bài thơ "Không đề" của ông đủ khiến ta khiếp vía mất ăn mất ngủ.

Mới nghe bốn câu thôi, tôi đã cảm thấy lạnh buốt linh hồn, tê cóng cõi dạ... Mở lời thơ ra, nguồn thơ trực nhập vào trung tâm cơn mộng chiêm niệm. Đầy đủ hết mọi yếu tố bát ngát: một cung trời xán lạn bao la, một hội cũ xao xuyến, một tuổi vàng long lanh... Một đôi mắt ướt ngậm ngùi của hiện tại.

Nhưng mạch thơ đi ngầm. Tiết nhịp âm thầm nhiếp dẫn. Thi sĩ không cần tới một hình dung từ nào cả, vẫn nói được hết mọi điều *"phải nói"* với mọi người *"muốn nghe,"* với riêng mình *"không thiết chi chuyện nói."*

Người thi sĩ xuất chúng xuất thần thường có phong thái khác thường đó. Họ nói rất ít mà nói rất nhiều. Họ nói rất nhiều mà chung quy hồ như chẳng thấy gì hết. Họ nói cho họ, mà như nói hết cho mọi người. Nói cho mọi người mà cơ hồ chẳng bận tâm gì tới chuyện thiên hạ nghe hay là chẳng nghe..." (8).

Bùi Giáng thay đổi cấu trúc vài câu thơ cho khác đôi chút, rồi nói thêm:

"Phút vội vã bỗng thấy mình du thủ?

Mình là thân Bồ Tát, quanh năm kinh kệ trai chay, thế sao bỗng nhiên một phút vội vã lại dám làm thân du thủ? Dám gác bỏ kệ kinh? Dám mở cuộc thắp đèn khuya ngồi kể chuyện trăng tàn?

Phải có nhìn thấy gương mặt khắc khổ chân tu của Tuệ Sỹ, mới kinh hoàng vì lời nói thăm thẳm đơn sơ nọ. Lời nói như ngân lên từ đáy sâu linh hồn tiền kiếp

Từ núi lạnh đến biển im muôn thuở
Đỉnh đá này và hạt muối đó chưa tan

Cười với nắng một ngày sao chóng thế
Nay mùa đông mai mùa hạ buồn chăng.

Mối tình rộng thả suốt biển non im lìm lạnh lẽo. Một hạt muối vẫn chưa tan. Một nếp u uẩn của lòng mình bơ vơ không gột rửa.

Ta tưởng như nghe ra "cao cách điệu" bi hùng của một Liệp Hộ, một Nerval, một chỗ trầm thanh nhất trong cung bậc Nietzsche.

Thi nhân đã mấy phen ngồi ngó trăng tàn. Ngồi trên một đỉnh đá? Bốn bề rừng thiêng giăng rộng ngút ngàn màu trăng xanh tiếp giáp với chân trời xa xuôi đại hải?

Đỉnh đá và hạt muối là hai chốn kết tụ tinh thể của núi và biển. Đỉnh đá quy tụ về mọi hương màu trời mây rừng rú. Hạt muối chứa chất cái lượng hải hàm của trùng dương. Đó là cái bất tận của tâm tình dừng sững tại giữa tuế nguyệt phiêu du... Chỉ một bài thơ, Tuệ Sỹ đã trùm lấp hết chân trời mới cũ từ Đường Thi Trung Hoa đến siêu thực Tây Phương" (9).

Cùng với bài thơ được Bùi Giáng đề cập đến bên trên, giai đoạn này, thập niên 70 (đứt đoạn vào năm 75), Tuệ Sỹ có một số thơ khác nữa, khoảng chừng mươi bài, hầu hết đều theo thể thơ tám chữ. Tìm một bài thơ toàn bích trong giai đoạn đó thì chưa có, nhưng một vài câu rời rạc rất hay thì chúng ta sẽ gặp, những câu thơ sẽ đưa chúng ta vào một cõi trời mênh mông, phiêu hốt, thênh thang.

Không có được những bài thơ toàn bích, không tì vết, có lẽ bởi vì Tuệ Sỹ không chú tâm lắm trong khi viết, mà chỉ viết một cách thản nhiên trong cuộc sống phiêu lãng của mình. Hãy thử đọc lại vài câu thơ dẫn lại dưới đây, dĩ nhiên là rất thơ mộng, chan chứa cái đẹp rắn rỏi của một tâm hồn đã vượt ra khỏi cái phù trầm của cuộc thế, bởi vì vướng mắc vào đấy mà đã vượt thoát ra tự lúc nào.

Ta là kẻ rong chơi từ hỗn độn
Treo gót hài trên mái tóc vào thu...
(Mười năm trong cuộc lữ)

Này đêm rộng như khe rừng cửa biển
Hai bàn tay vén lại tóc xa xưa.
(Không đề, Tạp chí Tư Tưởng, số 8, tháng 12.1970)

Hay mấy câu thơ khác nữa dưới đây, đọc lên chúng ta sẽ cảm ra được cái trầm hùng của một tâm hồn như đang muốn hòa hợp với trời đất hồng hoang bát ngát.

Như cánh hải âu cuối trời biển lộng
Bồng bềnh bay theo cánh mỏng ngàn đời
....
Chiều lắng đọng thênh thang ghềnh đá dựng,
Những nỗi buồn nhân thế cũng phôi pha
Màu nhiệm nào đằng sau bao hủy diệt
Mà nụ hồng vừa nở thắm ven khe (10).

Chuyện đã kể rồi hồng hoang lững thững
Vẫy tay chào nối gót chẳng buồn trông (11).

Rồi biến cố 30.4.75 dội xuống như một cơn bão dữ trên toàn cõi Miền Nam đất nước.

Nhiều năm dài sống trong những đổi thay tàn khốc; có lẽ ai cũng như ai, đều phải nhận chịu cảnh mất mát, tang thương, nỗi đau lan từ ngoài công trường, đường phố, đến tận mỗi căn nhà, mỗi lòng người. Mà phủ trùm lên tất cả mọi cảnh tượng là một rừng cờ hồng tràn ngập khắp nơi. Hơn hai mươi năm trước, Trần Dần đã lập đi lập lại nhịp điệu màu cờ đỏ giữa cảnh mưa phùn đất Bắc:

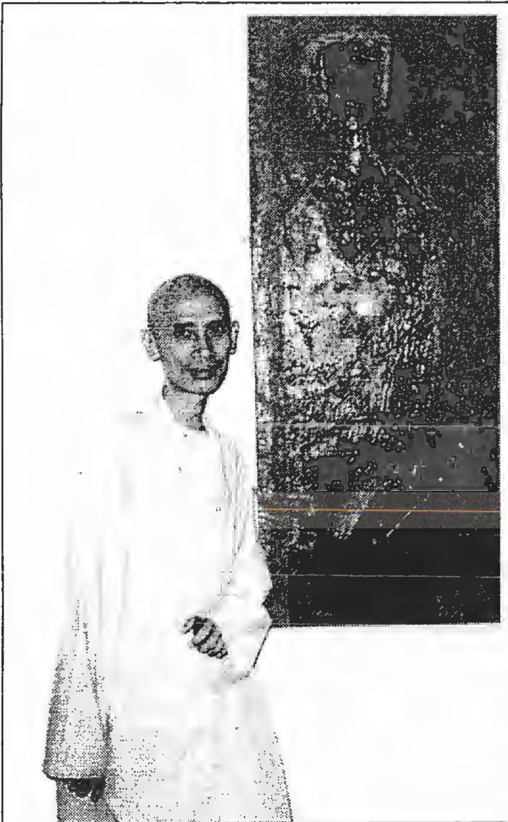
Tôi bước đi
Không thấy phố
Không thấy nhà
Chỉ thấy mưa sa
Trên mầu cờ đỏ
...
Bóng cờ bay đỏ phố đỏ nhà
...
Cờ bay
đỏ phố
đỏ nhà

Thì hai mươi năm sau, không lập lại thành một nhịp điệu mà Tuệ Sỹ lại mở đầu bằng hình ảnh rừng cờ hồng trong nắng đỏ của Miền Nam đẫm lệ đau buồn, giữa thế kỷ điêu linh, giữa hận thù sôi sục. Viết những câu thơ dưới đây, rõ ràng là Tuệ Sỹ đang chuẩn bị cho những ngày tù dài sắp đến.

Phố trưa nắng đỏ cờ hồng

Sầu trên thế kỷ điêu linh
Giấc mơ hoang đảo thu hình tịch liêu
Hận thù sôi giữa nắng chiều
Sông tràn, núi lở nước triều mênh mông
Khói mù lấp kín trời Đông
Trời ơi tóc trắng rũ lòng quê cha
Con đi xào xạc tiếng gà
Đêm đêm trông bóng Thiên hà buồn tênh.
....

Tôi không gặp Tuệ Sỹ sau nhiều năm dài, cho đến một buổi tình cờ, một người bạn của thân phụ tôi nhắn tôi cùng đi lên chùa Già Lam để dự lễ cầu siêu cho ông V.V.H, cũng là một người bạn khác của thân phụ tôi vừa qua đời trong một trại cải tạo ngoài Bắc. Sau buổi lễ cầu siêu, chợt nhớ đến Tuệ Sỹ đang ở Già Lam, tôi đã ghé lên thăm thầy. Thực sự ra, lúc ấy tôi chưa biết Tuệ Sỹ đang bị rình rập, theo dõi cẩn mật, chỉ sau khi bước vào phòng thầy, thấy đôi chút e ngại của thầy khi nhìn thì tôi mới biết chuyện đó. Thầy hỏi tôi có bị ai hỏi han gì không, sau đó thì tôi mới biết ra cảnh chùa đã thay đổi hoàn toàn, chẳng còn được như trước nữa. Nhiều người ở trong chùa không phải là kẻ tu hành, và chung quanh chùa thì cả một hàng rào của bao nhiêu cặp mắt đang rình rập, giám sát từng mỗi giây phút. Lần ấy, lục lạo trên mớ giấy tờ của thầy để khắp nhà, tôi có xin thầy một tờ bút thiếp viết



Tuệ Sỹ cạnh tranh Đinh Cường
Gallery Tự Do, Sài Gòn, 8/2000

chữ "Phật" trên giấy xuyến chỉ, về dán trong phòng sách của tôi. Chữ viết của Tuệ Sỹ, cả chữ Nho lẫn chữ Quốc ngữ, đều không được đẹp, thường viết tròn đầy, hơi nguệch ngoạc nhưng cá tính và sự phóng khoáng thì để lộ rõ.

Một lần khác nữa, tình cờ gặp lại Tuệ Sỹ trên đường đi ở vùng Bà Chiểu. Tuệ Sỹ vừa đi mua giấy mực gì đó, đang trên đường trở về chùa. Chúng tôi nói chuyện qua loa rồi chia tay, và không lâu sau đó, tôi nghe tin Tuệ Sỹ bị bắt giữ cùng với vài khuôn mặt trí thức lỗi lạc khác của Phật Giáo.

Đời sống ở Sài Gòn vào những năm sau khi Tuệ Sỹ bị bắt giữ thực hết sức là ngột ngạt, đó là một thời điểm bắt đầu có nhiều chuyển động. Việc Tuệ Sỹ bị bắt, rồi hơn 4 năm sau một phiên tòa công khai xử Tuệ Sỹ là một biến cố thực chấn động, rung chuyển lòng người khắp nơi. Khuôn mặt thanh nhã, dáng dấp mảnh mai ấy không những chỉ chứa đựng một trí tuệ tuyệt hảo mà còn cả một ý chí kiên cường thực lạ lùng. Thái độ và lời tuyên bố của Tuệ Sỹ khi nhận bản án tử hình, rồi giảm xuống chung thân khổ sai, là tấm gương của một kẻ sĩ khí phách, góp thêm một hình ảnh rạng rỡ vào những trang sử vàng của đất nước.

Chung quanh biến cố chính trị và văn học này, tạp chí *Văn Học* ở California có thực hiện một số đặc biệt vào ba tháng sau đó. Viên Linh trong cách nhìn của mình, đã viết được ba đoạn thơ khá đẹp, chữ nghĩa rất cô đọng, cổ kính mà vẫn rất mới để mô tả chân dung nhà sư kỳ lạ này của đất nước vào thời hiện đại.

Nhà Lý Văn Lang Công Uẩn ơi!
Bao nhiêu thế kỷ đã qua rồi?
Thăng Long rồng hiện xem bờ cõi
Cửa mở Già Lam thả phượng chơi.

Mỏng mảnh như mây gió thổi về
Vén tầm vô hạn xuống bờ mê
Gác chuông Trí, Tuệ kinh vừa giảng
Dưới đáy trần gian quỉ kéo đi.

Vẫn tiếng sông sầu róc rách trôi
Bến vàng lớp lớp mộng lôi thôi
Vung tay Sỹ hận hề, tung sách
Chữ nghĩa nghìn trang, Trí vá trời.
(Văn Học, số 35, 12/1988)

Tuệ Sỹ bị chế độ chuyên chính kết án tử hình, đó là một bản án chung quyết ác liệt nhất dành cho một người chống đối, một nhà cách mạng hay hoạt động chính trị. Tuy nhiên, trong mắt nhìn của tôi, Tuệ Sỹ vẫn chỉ là một nhà văn hóa, một tu-sĩ-nghệ-sĩ. Nếu thầy phải có những phản ứng nào đó đối với nhà cầm quyền đương thời thì chỉ vì lòng ngay thẳng trung hậu thúc giục mà làm thôi, trong đó còn phải nói là có đôi chút ngây thơ nữa. Sự nghiệp của Tuệ Sỹ vẫn chính là những công trình về học thuật và văn nghệ, những trước tác đó mới là đáng kể.

Công trình học thuật và tư tưởng của Tuệ Sỹ là một giá trị đồ sộ, điều đó đã rõ ràng, nhưng sáng tác thực sự của Tuệ Sỹ thì phải là những bài thơ được viết từ bên kia chấn song sắt của nhà tù, đó mới chính là tinh huyết của nhà thơ. Thơ trong tù của Tuệ Sỹ viết bằng chữ Hán và chữ Quốc ngữ, nhưng những bài thơ viết bằng chữ Hán mới thực là toàn bích.

Trước khi đọc lại thơ chữ Hán của Tuệ Sỹ, chúng ta cũng thử đọc một đôi bài thơ quốc âm của Tuệ Sỹ, dù thế nào đi nữa thì cũng vẫn là một dòng chảy riêng biệt của nhà thơ.

Bài thơ viết trong tù *"Tôi vẫn đợi"* có lẽ đã được nhắc đến nhiều nhất, được lan truyền ở hải ngoại, được phổ biến nhiều trên các tạp chí ở nước ngoài. Các nhà phân tích văn học và thời thế cũng thường nhắc đến bài thơ này.

Tôi vẫn đợi những đêm xanh khắc khoải
Màu xanh xao trong tiếng khóc ven rừng
Trong bóng tối hận thù tha thiết mãi
Một vì sao bên khóe miệng rưng rưng

Tôi vẫn đợi những đêm đen lặng gió
Màu đen huyền ánh mắt tự ngàn xưa
Nhìn hun hút cho dài thêm lịch sử
Dài con sông tràn máu lệ quê cha

Tôi vẫn đợi suốt đời quên sóng vỗ
Quên những người xuôi ngược Thái Bình Dương
Người ở lại với bàn tay bạo chúa
Cọng lau gầy trĩu nặng bóng tà dương

Rồi trước mắt ngục tù thân bé bỏng

Ngón tay nào gõ nhịp xuống tường rêu
Rồi khép lại hàng mi về cõi mộng
Như sương mai như bóng chớp mây chiều.

Qua bài thơ này, Trương Vũ nhìn thấy "Tâm hồn Việt Nam cũng đang được nuôi dưỡng bởi những kẻ hành đạo, như Tuệ Sỹ, để chống lại các nỗ lực làm con người tha hóa hầu tiêu diệt khả năng phản kháng của họ trước bạo lực" (12).

Chúng ta hãy đọc tiếp bài thơ dưới đây, Tuệ Sỹ viết trong nhà tù gởi ra điếu ngài Đôn Hậu khi được tin vị đại lão hòa thượng qua đời. Lời rắn rỏi, khí văn mạnh mẽ. Bài thơ chỉ có 28 chữ , có thể gọi là *nhị thập bát tú* như chữ dùng của Vũ Hoàng Chương, với 6 câu ngắn ngủi lại chứa đựng được cái thâm u mà hùng tráng của một áng văn lớn, vừa vẽ được chân dung thầy Đôn Hậu, mà có lẽ cũng phần nào cảm khái bày tỏ được nỗi lòng của chính mình.

Thuyền nhỏ mù sâu
Quẫy sóng tay chèo
Cả tiếng vô sanh vô tử
Cây cao vách hiểm
Xua mây vừng nguyệt
Tỏ lời tức vọng tức chơn (13)

Tuệ Sỹ là một nhà Phật học uyên thâm, quảng bác, lại thực chứng thiền đạo ngay từ thuở còn là một đứa trẻ nhỏ. Cơ duyên đã đưa thầy vào ở trong một ngôi chùa thanh tĩnh vùng Thượng Lào khi còn là một đứa bé tóc còn để chỏm. Rồi từ đó, chống gậy trúc bước đi trên đường tu trì, phóng dật mà luôn nghiêm túc. Hiểu được lẽ sinh diệt biến ảo nên lúc nào cũng giữ cho thâm tâm tự tại, chỉ lấy trí tuệ làm sự nghiệp lớn. Sống giữa đời mà luôn trong sạch giữ đạo, giữa cảnh sinh tử, khổ não bất tận, luôn phát tâm đại thừa. Đó chính là con đường mà kinh *Bát Đại Nhân Giác* đã chỉ ra cho các hành giả trong hành sử từng mỗi giây phút, để đối đãi với cuộc đời và ngoại vật, để nắm chắc cái tâm của mình, trên hành trình tiến đến một sự giải thoát toàn diện.

Những bài thơ trong tù của Tuệ Sỹ, viết bằng chữ Hán, đều là những hạt ngọc long lanh. Tấm lòng trong sáng, thanh thản, trí huệ bát nhã bát ngát, thâm sâu, kỹ thuật thơ và chữ nghĩa thì cô đọng, hàm súc, và khi trong lòng đã sống thực, đã chìm đắm với những điều suy

gẫm ấy từ bao nhiêu năm tháng trước, thì khi biểu lộ ra tất nhiên sẽ phải sáng sủa, tài tình. Văn chương như vậy không những chỉ làm chúng ta xao xuyến, cảm xúc, mà chính thực là đã làm cho lòng người đọc chúng ta được thêm nhiều phần cao nhã, thơm tho. Đọc mấy bài thơ trong tù của Tuệ Sỹ, nguyên bản chữ Hán, và bản dịch của Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh, tôi cũng có cảm giác như Phạm Trọng Chánh: "Những bài thơ trong tù vẫn siêu thoát, an nhiên tự tại, lời thơ ung dung phong độ các thiền sư Lý, Trần, mà ngỡ Thiền sư Tuệ Sỹ đã đạt đạo, đã trở thành bậc Thanh Văn, Bồ Tát ngay trước ngưỡng cửa Thế kỷ 21 chúng ta ngày nay" (14).

Nghe nói tập thơ viết trong tù bằng chữ Hán của Tuệ Sỹ đã được in lại toàn tập ở Mỹ, gần mười năm nay tôi nhờ tìm khắp nơi mà vẫn chưa có được. Thôi thì có được bảy bài dưới đây, cũng đã là quý lắm. Mấy bài này, đã có người này người khác chuyển dịch, dưới đây xin trích in lại bản dịch của Nhất Uyên Phạm Trọng Chánh, cùng với nguyên tác chữ Hán của Tuệ Sỹ.

1. Cúng Dường
Phụng thử ngục tù phạn
Cúng dường Tối Thắng Tôn.
Thế gian trường huyết hận
Bỉnh bát lệ vô ngôn.

Cúng Dường
Dâng chén cơm tù phạm
Cúng dường Tối Thắng Tôn
Thế gian đầy máu hận
Nâng bát lệ trào tuôn.

2. **Tự Vấn**
Vấn dư hà cố tọa lao lung
Dư chỉ khinh yên bán ngục trung.
Tâm cảnh tương tri kinh lữ mộng
Cố giao gia tỏa diện hư ngung

Tự Hỏi
Hỏi mình thân phận sao tù ngục
Ta bảo tù giam sương khói thôi
Tâm cảnh quyện nhau cơn mộng dữ

Lời xưa: ngẩng mặt ngửa nhìn trời

3. **Trách Lung**
Trách lung do tự tại
Tán bộ nhược nhàn du.
Tiếu thoại độc ảnh hưởng
Không tiêu vĩnh nhật tù.

Lồng Chật Hẹp
Lồng hẹp vẫn tự tại
Đi bách bộ khoan thai
Cười nói mình ta thấy
Cũng qua ngày tù dài.

4. **Tảo Thượng Tẩy Tịnh**
Tảo khởi xuất tẩy tịnh
Thung dung lập phiến thì
Tự hữu thần tiên thái
Hà tu sơn hữu vi

Sáng Sớm Rửa Mặt
Sáng sớm ra rửa mặt
Ung dung trong khoảnh khắc
Vốn phong thái thần tiên
Cần chi cảnh non nước

5. **Biệt Cấm Phòng**
Ngã cư không xứ nhất trùng thiên,
Ngã giới hư vô chân cá thiền.
Vô vật, vô nhân, vô thậm sự
Tọa quan thiên nữ tán hoa miên.

Phòng Biệt Giam
Tôi ở trời không vô biên xứ
Tôi cảnh hư vô thật cõi thiền
Không vật không người không lắm chuyện
Ngồi xem tiên nữ rải hoa xuân

6. **Dạ Tọa**
Trục nhật lao tù sự cánh mang

Trung tiêu độc tọa đối hàn đăng
Không môn thiên viễn do hoài mộng
Quy lộ vô kỳ nhiệm chuyển bồng.

Ngồi Trong Đêm
Ngày trôi tù ngục, việc mênh mang
Phòng đơn, đèn lạnh một mình chong
Hình ảnh cửa Thiền lòng vẫn nhớ
Vô hạn đường về, mệnh rối lòng

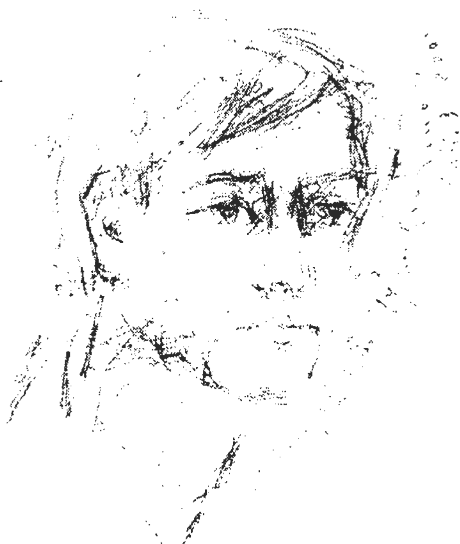
7. Tự Thuật
Tam thập niên tiền học khổ không
Kinh hàm đôi lũy ám tây song.
Xuân hoa bất cố xuân quang lão,
Thúy trúc tà phi túy mộng hồn.
Nhẫm nhiễm trường mi thùy hoại án
Ta đà tố phát bán tàn phong.
Nhất triêu cước lạc huyền nhai hạ
Thủy bả chân không đối tịch hồng.

Tự Thuật
Ba mươi năm trước học khổ không
Kinh điển đôi chồng che cửa song
Xuân xanh không đoái, xuân già cỗi
Trúc biếc tà bay, ngát mộng lòng
Thấm thoát mi dài buông án cũ
La đà tóc bạc nửa tàn phong
Một sớm hụt chân rơi vách núi
Mới thấy chơn không đối tịch hồng (15).

Trước đây, trong lời tựa mở đầu cho một tập sách nghiên cứu và bàn luận về Tô Đông Pha, Tuệ Sỹ đã viết: *"Thơ vẫn là một cuộc lịch nghiệm Riêng và Chung, của Thời đại và Lịch sử."* Đóng lại tập sách, hai dòng cuối cùng lại là: "*Cõi thơ, có đến và có đi, nhưng không hề có dấu vết. Một cánh chim nhạn, một cánh chim hồng, ngoài ven trời vạn dặm*" (16). Những lời Tuệ Sỹ viết về Tô Đông Pha, tôi tưởng như Tuệ Sỹ đang viết về chính mình. Thơ của Tuệ Sỹ nằm trong dòng thơ thiền Việt Nam, nhập vào giữa thời đại, vang lên tiếng nói của thời đại, mà rồi lại tự xóa mờ tất cả, để đạt tới một cõi-trời-vô-biên-xứ, lịch sử và thời gian cũng chỉ còn là

một vết chim hồng trên tuyết, tan biến tự lúc nào.

California, tháng 3, 2001
HUỲNH HỮU ỦY


Huỳnh Hữu Ủy nhìn bởi Đ.C.

CHÚ THÍCH:

(*) Tuệ Sỹ, *"Sơn Núi,"* *Khởi Hành*, California, số 48 tháng 10, 2000. Sơn Núi tức biệt danh hiện nay của thi sĩ Nguyễn Đức Sơn. Xin xem thêm hai bài viết của chúng tôi về Nguyễn Đức Sơn: 1) *"Nguyễn Đức Sơn, một đỉnh thơ kỳ dị và cô độc"* (Hợp Lưu số 47), 2) *"Viết thêm về Nguyễn Đức Sơn"* (Hợp Lưu số 55, tháng 10 & 11 năm 2000.

(1) Trần Doãn Nho, *"Thầy, trong trí tưởng,"* in trên tạp chí *Phật Giáo Việt Nam*, về sau in lại trong tập truyện *Căn Phòng Thao Thức*, Nxb Thanh Văn, California, 1997.

(2) *Đại Cương Về Thiền Quán*, Nxb Liên Hoa, Huế, in khoảng năm 1966 hay 1967. Nội dung sách đề cập đến Long Thọ và Trung Quán, thêm phần phụ lụcvề Heidegger.

(3) Ngô Tất Tố dịch:

CHIỀU XUÂN
Thuở trẻ chưa tường lẽ sắc không,
Ngày xuân hoa nở rộn tơ lòng.
Chúa xuân nay đã thành quen mặt,
Chiếu cọ, giường sư ngắm bóng hồng.

(4) Ngô Tất Tố dịch:

LÀNG VŨ LÂM BUỔI CHIỀU MÙA THU
Lòng khe lộn ngược bóng cầu treo,
Mặt nước in ngang ngấn nắng chiều.
Lá thắm nhẹ rơi, nghìn núi tĩnh,
Trong mây văng vẳng tiếng chuông chiều.

(5) Ngô Tất Tố dịch:

CẢNH XUÂN
Chim hót dề dà, liễu tả tơi,
Thềm hoa mây phủ, bóng nhà dài.
Khách vào chẳng hỏi chuyện nhân sự,
Tựa bức lan can chỉ ngắm trời.

(6) Dẫn theo Nguyễn Minh Cần, *"Đọc thơ tù Thầy Tuệ Sỹ"* trong *Công Lý Đòi Hỏi*, trang 303, Nxb Văn Nghệ, California, 1997.
(7) Bùi Giáng, *Đi Vào Cõi Thơ*, Nxb Ca Dao, Sài Gòn, 1969, An Tiêm, Paris, tái bản năm 1998.
(8) (9) Bùi Giáng, *"Tuệ Sỹ"* trong *Đi Vào Cõi Thơ*, An Tiêm, Paris, trang 9-16.
(10) (11) Dẫn theo Viên Linh, "Tuệ Sỹ, tù đày và quê nhà," Khởi Hành, Califonria, số 31, tháng 5, 1999.
(12) Trương Vũ, *"Xu hướng nhân bản của thời đại,"* Văn Học, số 78, tháng 10, 1992, trang 21.
Xin xem thêm bài viết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác: *"Đọc lại thơ Tuệ Sỹ,"* Văn Học số 65, tháng 7 năm 1991, trang 13-20.
(13) In lại trong Văn Học, California, số 82, tháng 2, 1993.
(14) Nhất Uyên, *"Thơ chữ Hán làm trong tù của Tuệ Sỹ,"* Thế Kỷ 21, số 92, tháng 12, 1996, trang 42.
(15) Tất cả bản dịch 7 bài thơ này đều là của Nhất Uyên, *"Thơ chữ Hán làm trong tù của Tuệ Sỹ,"* bđd, trang 41-42.
(16) Tuệ Sỹ, *Tô Đông Pha: Những Phương Trời Viễn Mộng*, Xuân Thu, California tái bản, tháng 4, 1991, trang 8 và 257.

Tuệ Sỹ sinh năm 1943 ở Paksé (Lào). Tổ quán Quảng Bình, Trung Phần, Việt Nam.
- Giáo sư thực thụ Viện Đại Học Vạn Hạnh từ năm 1970.
- Chủ bút tap chí Tư Tưởng của Viện Đại Học Vạn Hạnh.
- Tác giả và dịch giả của một số tác phẩm về văn học và Phật học: *Đại cương thiền quán, Triết học về tánh không, Tô Đông Pha: Những phương trời viễn mộng.* Tiếp tay với Trúc Thiên để dịch tiếp bộ *Thiền Luận*, tập trung và tập hạ của D.T. Suzuki. Chuyển dịch từ bản Pháp ngữ cuốn *Phật Giáo Việt Nam (Le Boudhisme en Annam)* của Trần Văn Giáp. Chủ biên *Long Thọ Tùng Thư*, thuộc tu thư Viện Đại Học Vạn Hạnh, nhằm chuyển dịch tất cả tài liệu về *Trung Quán Luận* sang Việt ngữ. Tuệ Sỹ đã dịch và in khoảng 2000 trang sách trong Tùng Thư này.
- Bị nhà cầm quyền đương thời kết án tử hình cùng giáo sư Trí Siêu Lê Mạnh Thát trước một phiên tòa công khai cuối tháng 9, 1988, rồi giảm án xuống chung thân khổ sai, và đến tháng 9 năm 1998 thì được phóng thích sau 14 năm tù đày.
- Từ tháng 4 năm 1999, Tuệ Sỹ là Tổng thư ký Viện Hóa Đạo theo lời đề cử của Hòa thượng Quảng Độ, và cho mãi đến nay vẫn tiếp tục đảm trách chức vụ này.



NGUYỄN NGỌC BÍCH

chẳng hiểu ba trăm năm nữa

Vừa rồi, một người bà con của tôi về Việt-nam có mang sang cho tôi cuốn *Tìm hiểu Nguyễn Du và Truyện Kiều* của học-giả Nguyễn Quảng Tuân[1]. Đây dễ dàng là một trong những cuốn sách súc tích nhất viết về đại-thi-hào của chúng ta và tuyệt-phẩm của ông, chứng tỏ là ngành Kiều-học ở trong nước giờ đây đã lên một trình-độ rất cao—cũng như ở hải-ngoại, một vị như Giáo-sư Đặng Cao Ruyên ở San Jose cũng đã có những đóng góp thật sâu sắc về thư-tịch hay tiểu-sử của Nguyễn Du (1765-1820)[2]. Cái đáng yêu, cái đáng quý là trong

học-thuật đứng đắn, khi những người làm nghiên cứu không để cho chính-trị chi-phối, thì sự đến với nhau thật dễ dàng. Như trong một số báo *Kiến thức ngày nay* gần đây, ông Nguyễn Quảng Tuân đã kể lần ông sang Mỹ vừa rồi ông đã được xem một bản Kiều in ra năm 1870 (Tự Đức thứ 23), gần như chắc chắn là bản Kiều cổ nhất mà ta hiện còn(3). Bản Kiều này là do G.S. Đàm Quang Hưng ở Texas cung-cấp một bản sao chụp cho ông.

Nhưng trong một bài viết, tôi không có tham-vọng nói về một đề-tài quá rộng và lớn như vấn-đề Kiều-học hôm nay. Tôi chỉ xin tập trung vào một chi-tiết trong sự-nghiệp sáng-tác của nhà thơ lớn của chúng ta, đó là bài "Độc Tiểu Thanh ký" hay nói chặt chẽ hơn nữa là hai câu "Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?"

Có một thời-gian khá lâu, ít ai biết Nguyễn Du còn là một nhà thơ chữ Hán bên cạnh chuyện ông là tác-giả Truyện Kiều và một số tác-phẩm Nôm khác. Đến khi Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ in ra *Truyện Thúy Kiều* do hai cụ hiệu-đính vào năm 1925(4) thì hai cụ đã theo Lê Thước và Phan Sĩ Bàng (trong *Truyện cụ Nguyễn Du* in ra năm 1924) mà cho là Nguyễn Du đã thốt ra hai câu trên trước khi mất. Như vậy là chỉ có hai câu "khẩu-chiếm" đó đứng riêng một cõi chứ không sát-nhập vào đâu cả. Hình như câu chuyện này đã được truyền lại trong họ Nguyễn Tiên-điền và đã được ông Nghè Mai (1876-1954, cháu 3 đời của Nguyễn Du, gọi Nguyễn Du là "ông bác") kể lại(5), như vậy độ khả tín không phải là nhỏ.

Bài "Độc Tiểu Thanh ký"

Nhưng đến năm 1942, viết trong báo *Thanh Nghị*, Đào Duy Anh(6) lại cho rằng hai câu "khẩu-chiếm" kia chỉ là hai câu cuối (7 và 8) trong bài "Độc Tiểu Thanh ký" của nhà thơ của chúng ta, làm vào lúc ông chưa đầy 40 tuổi: sách *Thanh Hiên thi-tập*, trong đó có bài thơ trên, gom những thơ chữ Hán của ông sáng-tác thời-gian ông làm quan ở Bắc-Hà (1802-04). Theo Đào Duy Anh thì toàn-văn bài thơ đó như sau:

ĐỘC TIỂU THANH KÝ

Tây-hồ hoa uyển tẫn thành khư,
Độc điếu song tiền nhất chỉ thư.

Chi phấn hữu thần liên tử hậu,
Văn chương vô mệnh lụy phần dư.
Cổ kim hận sự thiên nan vấn,
Phong vận kỳ oan ngã tự cư.
Bất tri tam bách dư niên hậu,
Thiên hà hà nhân khấp Tố Như?

Ta hãy thử dịch từng chữ một:
ĐỘC (=đọc) TIỂU THANH (tên một nữ-sĩ Trung-hoa(7)) KÝ (=bài/sách viết(8))
[Ở] Tây-hồ(9) hoa-uyển (=vườn hoa đẹp) tẫn (=đều, tất cả) thành (=[đã] hóa thành) khư (=gò hoang)
Độc (=một mình) điếu (=khóc) song tiền (=trước cửa sổ) nhất (=một) chỉ thư (=tờ giấy viết(10))
Chi phấn (=son phấn) hữu thần (=có thần(11)) liên (=tội-nghiệp, thương tiếc, xót xa) tử-hậu (=sau khi chết)
Văn chương (đồng-nghĩa trong tiếng Việt) vô mệnh (=không có mệnh, ngụ ý như con người ta) [vậy mà vẫn] lụy (đồng-nghĩa) [đến] phần-dư (=chỗ đốt còn sót lại(12))
Cổ kim (=xưa nay) hận-sự (=việc đáng hận) [thì] thiên (=ông Trời) nan vấn (=khó mà hỏi)
Phong-vận (=cái vận phong lưu, chữ nghĩa) kỳ oan (=về cái oan đó) ngã (=ta) tự cư (=tự đặt mình vào trong đó)
Bất (=không) tri (=biết) tam bách dư (=hơn ba trăm) niên hậu (=năm nữa)
Thiên-hạ (đồng-nghĩa) [còn] hà-nhân (=người nào, ai) khấp (=khóc) Tố Như?

Bản dịch thông-hành nhất ở trong nước trong lúc này có lẽ là bản của G.S. Vũ Tam Tập, cựu-giáo-sư Trường Trung-học Thành Chung ở Nam-định (còn gọi là "Collège de Nam Định" trước năm 1945, sau ngày Toàn-quốc kháng-chiến trường dọn về Yên-mô, Ninh-bình):

ĐỘC TIỂU THANH KÝ

Hồ Tây cảnh đẹp hoá gò hoang,
Thổn thức bên song mảnh giấy tàn.
Son phấn có thần chôn vẫn hận,
Văn chương không mệnh đốt còn vương.
Nỗi hờn kim cổ trời khôn hỏi,

Cái án phong lưu khách tự mang.
Chẳng biết ba trăm năm lẻ nữa,
Người đời ai khóc Tố Như chăng?

Một bản dịch khá tài-tình và lưu loát nhưng đúng như Nguyễn Quảng Tuân nhận xét, bản dịch vẫn chưa đạt còn Nguyễn Lộc thì cho rằng "bài thơ dịch có đôi chỗ nghĩa không được rõ." Trong cuốn "truyện ký" về Nguyễn Du xuất bản lần đầu năm 1988 (Nhà xb Đà Nẵng) và đã có in đến lần thứ 3 ("có bổ sung và sửa chữa")[13] vào năm ngoái, Nguyễn Lộc đã phải đưa vào cước-chú một đoạn như sau: "Câu 5 và 6 dịch sát nguyên văn [là]: *Những mối hận cổ kim khó mà hỏi trời được, Ta tự coi như người cùng một hội với kẻ mắc nỗi oan lạ lùng vì nết phong nhã.*" Sau khi so sánh những bản dịch của Bùi Kỷ-Phan Võ và Nguyễn Khắc Hanh ở một bên, bản mà ông gọi là bản A, và của Lê Thước và Trương Chính, mà ông gọi là bản B, Nguyễn Quảng Tuân cho rằng "có thể nói phần dịch thơ, bản A và bản B đều không đạt, kể cả bản dịch của Quách Tấn trong *Tố Như thi.*"[14] Một sự phán-đoán mà có thể làm cho không ít người phật lòng. Rồi chính Nguyễn Quảng Tuân cũng thử tay mình dịch lại bài thơ theo những hiểu biết mới rất cặn kẽ mà ông đưa ra trong phần nhận-định (rất có cơ-sở) của ông trước đó trong bài viết "Cần phải tìm hiểu chính xác hơn bài 'Độc Tiểu Thanh ký' của Nguyễn Du."[15]

Mấy thắc mắc: Chuyện thất niêm

Dù dịch xong rồi (nơi trang 100 sách của ông), Nguyễn Quảng Tuân vẫn đưa ra thắc mắc là "hai câu [kết] có đích thực là của bài Độc Tiểu Thanh ký không?" (trang 97) Tại sao? Tại vì theo ông:

"Hai câu ấy ghép vào trong bài thơ thì lại *thất niêm*:

"Câu 6: Phong *vận* kỳ oan ngã tự cư.

"Câu 7: Bất *tri* tam bách dư niên hậu.

"Đúng ra chữ thứ nhì câu 7 phải thuộc thanh *trắc* thì mới niêm được với chữ thứ nhì câu 6 thuộc thanh *trắc.* Ở đây *tri* (bằng) không niêm được với *vận* (trắc). Có phải Nguyễn Du muốn 'phá cách' chăng? Chúng tôi không cho là như vậy, vì các bài thơ 'phá cách' đều được phá ngay từ câu mở đầu, chứ không có trường hợp nào sáu câu đầu làm theo *luật bằng* và hai câu cuối lại làm theo *luật trắc.*" Rồi trong một cước-chú (số 3) ông cho biết "trong cả tập *Thơ chữ Hán Nguyễn Du* chỉ có hai bài phá cách mà phá cách từ câu mở đầu."

Như vậy, rõ ràng ông không chấp nhận nhận xét của Trương Chính[16], một học-giả thâm nho (của miền Bắc trước năm 75), khi cụ viết: "Mới xem qua thì cho hai câu này thất niêm... Chúng tôi cũng thấy vậy, nhưng không ai thắc mắc cả, bởi vì chúng tôi biết các nhà thơ lớn không câu nệ." Cụ còn khẳng-định: "Nguyễn Du có nhiều bài thất ngôn bát cú phá cách như vậy... Không tin giở sách mà xem." Rồi sau khi nêu ra ba trường-hợp khác "thất niêm" trong thơ Nguyễn Du, cụ còn bồi thêm bằng cách dựa vào người xưa: "Lý Bạch, Đỗ Phủ cũng có những bài thất ngôn hẳn hoi mà cũng 'phạm quy'" như thế.

G.S. Phạm Trọng Chánh[17] ở Pháp gần đây có vẻ không chấp nhận lập-luận kiểu đó khi ông cho là nếu để hai câu "Bất tri..." trong bài "Độc Tiểu Thanh ký" thì hóa ra Nguyễn Du thất niêm mà theo ông, "ngày xưa làm thơ thất niêm là lỗi rất nặng."

Thắc mắc: Nguyễn Du khóc ai?

Nhưng dù quyết-định cách nào đi chăng nữa (để hay không trong bài thơ) thì câu "tam bách dư niên hậu" cũng nêu ra một số nghi vấn[18]:

1. Để thì phải hiểu là từ Tiểu Thanh đến Nguyễn Du là đã có "hơn ba trăm năm" song các sách đều không ủng-hộ cho cách giải thích này. Theo sách *Nữ Liêu trai chí dị* (tác-giả không rõ) mà Nguyễn Quảng Tuân có trích dịch thì Tiểu Thanh sinh năm 1594 và mất năm Nhâm-tý, niên-hiệu Vạn Lịch (1573-1620), như vậy là năm 1612 ("chứ không phải là năm 1492 như ông Trần Đình Sử đã ghi"), và dù có tính đến năm Nguyễn Du mất (1820) thì cũng chỉ hơn 200 năm thôi chứ không thể là "hơn 300 năm" được. Hai quyển *Từ nguyên* và *Cổ thi trích dịch* của Phan Mạnh Danh lại chép là Tiểu Thanh sống đời nhà Thanh, và nếu đúng vậy thì tính đến Nguyễn Du chưa cả được 200 năm.

2. Nếu không để, nghĩa là tách rời bài thơ ra với hai câu cuối thì trước nhất ta còn lại một bài thơ ("Độc Tiểu Thanh ký") cọc cạch, thiếu hai câu 7-8, và ta sẽ phải trở lại truyền-thống cho rằng Nguyễn Du chỉ có hai câu "khẩu-chiếm" trước khi nhắm mắt vĩnh viễn ra đi. Trong trường-hợp này thì không còn vấn-đề "thất niêm" nữa và chắc chắn hai câu thơ làm ra vào lúc lâm chung, nghĩa là vào ngày 10 tháng 8 năm Canh-thìn (tương-đương với ngày 16-9-1820 Tây-lịch)[19]. Và nếu đúng đó là hai câu "khẩu-chiếm" thì Nguyễn Du nghĩ đến ai khi ông nhắc đến chuyện "hơn 300 năm nữa"?

3. Tách ra thì không còn gì đảm bảo là nhà thơ của chúng ta trước khi nhắm mắt lại nghĩ đến Tiểu Thanh hết (hay nghĩ đến Hồ Xuân Hương như G.S. Phạm Trọng Chánh ngờ). Riêng tôi nghi là ông đang tưởng về số-phận của không ai ngoài nhân-vật chính trong đại-tác-phẩm của ông, cô Kiều. Vì sao? Vì Vương Thúy Kiều là một nhân-vật có thật, sống vào giữa đời nhà Minh (1368-1644)[20] nên tính đến khi Nguyễn Du nằm xuống thì vừa đúng "hơn 300 năm," không còn gì để thắc mắc cả.

(Xưa có người cho Nguyễn Du tự-cao tự-đại khi đòi 300 năm sau vẫn phải còn có người nhớ đến mình. Thực-sự hiểu thế là hiểu lầm câu nói của ông. Dù là ông ca Tiểu Thanh, như lối hiểu thông quen tính đến nay, hay nhớ đến Vương Thúy Kiều, như lối hiểu tôi đề nghị, thì đều không thể bảo là hai phụ nữ đó đã quá nổi tiếng và ông đòi người sau phải nhớ đến cũng như "khóc" ông như ông đã "khóc" hay "điếu" họ. Không! Nguyễn Du thâm trầm hơn nhiều, ông là một con người ẩn kín, ít bộc lộ với đời. Có chăng là ông chỉ thổ lộ với vài người thân như Nguyễn Đề/Nễ hay Phạm Quý Thích. Câu nói của ông, do đó, không phải là nhằm đề cao ông—vì một nhà thơ lớn có thể lưu danh đến muôn đời chứ tại sao lại chỉ nói đến có hơn 300 năm? Sở dĩ có chuyện "ba trăm năm hơn" là vì ông cho rằng tìm ra một tri âm là một chuyện rất khó, Vương Thúy Kiều cần đến 300 năm hơn mới gặp được một tri âm là ông, vậy thì đã chắc gì 300 năm hơn nữa sẽ có người thực-sự hiểu ông? Riêng chuyện ta đang bàn cãi ở đây chứng tỏ là gần 200 năm sau, chúng ta còn đang hiểu nhầm ông hơn là tri âm với ông.)

Thắc mắc: "Tố Như" không phải là Nguyễn Du?

"Không ngờ bài thơ ấy của Nguyễn Du lại xới lên nhiều vấn đề đến thế," Trương Chính đã viết[21]. "Thầy giáo thắc mắc, học sinh thắc mắc, nhà nghiên cứu thắc mắc về thời gian, địa điểm sáng tác, về chữ nghĩa, về luật thơ... Mỗi người một ý, mỗi người có một cách giải thích của mình."

Tuy-nhiên, trong tất cả những cái thắc mắc mà Trương Chính nhắc đến không thấy ai thắc mắc về chuyện tự của Nguyễn Du có phải là Tố Như hay không. Cho đến gần đây, ta mới thấy G.S. Phạm Trọng Chánh nêu ra thẳng thừng: "Tố Như không phải là bút hiệu Nguyễn Du." (Trong một nghĩa nào đó, G.S. Chánh đúng hoàn-toàn vì Tố Như là tự của Nguyễn Du chứ không phải bút-hiệu.)

Trong những lập-luận chính của G.S. Phạm Trọng Chánh[22], ta có thể liệt-kê những điểm sau đây vì ông cho rằng "theo tôi nếu hiểu Tố Như là bút hiệu Nguyễn Du thì bài Độc Tiểu Thanh Ký trở nên kỳ quái":

1. Nguyễn Du "không hề nhắc đến bút hiệu Tố Như."

2. Gia-phả họ Nguyễn Tiên-điền cũng không đáng tin cậy vì "Gia Phả Tục Biên [là] do cụ Nghè Nguyễn Mai (1876-1954) viết khoảng năm 1920, nghĩa là 100 năm sau ngày Nguyễn Du mất" mà cụ Nghè Mai thì đã đưa tin sai về một số chuyện thành khi gia-phả nói tự Nguyễn Du là Tố Như thì không có gì đảm bảo là đúng.

3. Thơ của Nguyễn Đề (còn gọi là Nguyễn Nễ), anh của Nguyễn Du, gởi "Tố Như đệ" cũng không có gì là chắc chắn "vì lẽ anh em chẳng ai gọi nhau bằng bút hiệu cả" và "đó là bằng chứng chữ Tố Như mới được người đời sau thêm vào."

4. Tựa *Đoạn trường tân thanh* của Tiên Phong Mộng Liên Đường Chủ-nhân Phạm Quý Thích, bạn thân của Nguyễn Du và là người đầu tiên đem in truyện thơ của bạn, dù như có nhắc đến "Tố Như tử" tới ba lần, vẫn không tin được, thậm chí "có thể ông là người đầu tiên nhầm lẫn vì không cắt nghĩa được hai chữ Tố Như trong bài Độc Tiểu Thanh Ký nên đã gán cho Nguyễn Du là Tố Như Tử."

(Khi tôi thưa về sự lầm lẫn của ông trong *Khởi Hành* số 53[23], G.S. Phạm Trọng Chánh đã trách tôi, trong *Khởi Hành* số 55, là tôi mới đọc bài Đặng Tiến phỏng vấn ông trên *Thế Kỷ 21* mà chưa đọc sách *Hồ Xuân Hương, nàng là ai?* của ông. Về điểm này, G.S. Chánh đã sai hoàn-toàn vì tôi có lẽ là một trong những người đầu tiên được đọc cuốn sách của ông: tháng 5-2000 tôi đi công-tác ở Pháp, anh Trần Công Sung, biết tôi đang nghiên cứu về Hồ Xuân Hương, đã tặng ngay cho tôi cuốn sách của G.S. Chánh, vừa mới ra mắt trước đó có chừng một tuần. Nên nếu Giáo-sư nghĩ rằng chúng tôi chưa thấm nhuần luận-cứ của ông thì hiển-nhiên ông lầm.)

Vậy tôi xin được phân-tích những luận-cứ của G.S. Phạm Trọng Chánh như sau:

1. Nguyễn Du chưa bao giờ gọi mình là Tố Như: Sai trong ít nhất là hai nghĩa. Thứ nhất, chính câu "Bất tri..." chứng tỏ là Nguyễn Du đã làm đúng việc mà G.S. Chánh nói là ông không làm. Thứ hai, nếu lập-luận của Giáo-sư đúng thì ta thử hỏi: Có bao nhiêu chỗ Nguyễn Du tự gọi mình là Thanh Hiên, Nam Hải Điếu Đồ hay Hồng Sơn Liệp Hộ, là những bút-hiệu của ông?

2. Gia-phả nhà họ Nguyễn Tiên-điền, dù là cuốn *Nguyễn-tộc thế-phả* hay là bản *Hoan-châu Nghi*[-xuân] *Tiên*[-điền] *Nguyễn-gia*

thế-phả, cả hai đều do Nguyễn Nghiễm, tự Hy Tư, cụ thân-sinh Nguyễn Du, soạn nên không thể bảo là cụ Nghè Nguyễn Mai bịa ra chuyện tự của Nguyễn Du được khi *Gia-phả tập-biên* (phần "Tiên-điền Nguyễn-gia thế-phả") viết: "Đệ thất tử, húy Du, thiếu húy Du, tự Tố Như, hiệu Thanh Hiên..."[24] (= "Con thứ 7 [của Nguyễn Nghiễm], húy Du, nhỏ tên cúng cơm là Du...") Môt bản gia-phả khác cũng ghi: "Đệ thất nam (=con trai thứ 7) húy Du, tự Tố Như, trắc thất Trần Thị sinh dã. Ất-dậu niên." Không lẽ bố viết về con mà còn sai nữa sao? Đây cũng đâu phải là chuyện "tục-biên" của cụ Nghè Mai.

3. Nguyễn Đề làm bài "Hoài Tố Như đệ"[25] vào năm 1791 khi Nguyễn Du mới có 27 tuổi. Không lẽ Nguyễn Đề lại nhầm được tự của em mình, nhất là khi không phải chỉ có đề bài thơ nhắc đến hai chữ Tố Như. Trong thân bài thơ, câu đầu cũng nói: "Tố Như hà xứ trú?" ("Tố Như ở nơi nao?") Như vậy, không thể bảo là ai đó đã bịa ra cái đề "Hoài Tố Như đệ" cho bài thơ được mà đích-xác là do Nguyễn Đề đặt.

Trong chuyến đi sứ Trung-hoa năm trước (1790), nhớ đến em ở Quỳnh-châu, Nguyễn Đề còn có bài "Ký đồng hoài đệ Thanh Hiên Tố Như tử"[26] ("Gởi em cùng mẹ Thanh Hiên Tố Như tử"). Ở đây ta thấy cả hai tên của Nguyễn Du được gắn liền với nhau, không thể lầm lẫn được: Thanh Hiên là bút-hiệu còn Tố Như là tự.

Năm Nguyễn Du 29 tuổi (cuối năm Quý-sửu 1793), ông vào thăm anh ở Phú-xuân (Huế ngày nay) lúc bấy giờ đang coi việc văn-thư ở Cơ-mật-viện. Để tiễn em Nguyễn Đề nhân dịp này có 5 bài thơ ghi lại trong *Quế Hiên thi tập* với đề là "Tống Tố Như đệ tự Phú Xuân kinh Bắc hoàn"[27] ("Tiễn em Tố Như từ kinh Phú-xuân về Bắc," nghĩa là trở về Quỳnh-côi, quê vợ).

Đến khi Nguyễn Du mất, cháu ông là Nguyễn Hành (1771-1824) cũng có bài thơ khóc chú mang tên "Văn thúc-phụ Lễ-bộ Tham-tri phó âm cảm tác"[28] ("Làm khi nghe tin chú [làm] Tham-tri bộ Lễ về cõi âm") với hai câu đầu như sau: "Thập cửu niên tiền Tố Như tử / Nhất thế tài hoa kim dĩ hĩ!" ("Tố Như tử, cách đây 19 năm [đã nổi tiếng] / Một đời tài-hoa [như vậy là] đã qua đi!")

4. Phạm Quý Thích (1760-1825) là bạn thân thiết của Nguyễn Du—thân tới độ ông sẽ là người đầu tiên đem in Truyện Kiều cho Nguyễn Du (dưới tên *Kim Vân Kiều tân truyện,* khắc ván và in ở phường Hàng Gai, Hà-nội, nay không còn dù như bản này đã được xem là thủy-tổ của tất cả các "bản phường" in ra sau đó). Tựa ông viết cho cuốn *Đoạn trường tân thanh,* dưới bút-hiệu Mộng Liên Đường, viết từ tháng 2 năm Canh-thìn (1820)[29], nghĩa là cả sáu tháng trước khi Nguyễn Du mất, có nhắc tới ba lần tên "Tố Như tử" của nhà thơ.

Không lẽ bạn tri âm đến như vậy mà lại có thể lầm lẫn tự của bạn tới ba lần, ngay trong thời-gian bạn mình còn sống, nghĩa là có thể Nguyễn Du đã được đọc bài tựa của Mộng Liên Đường trước khi khuất núi. (Còn tại sao họ Phạm lại gọi bạn là "Tố Như tử" thay vì chỉ gọi suông là "Tố Như" thôi thì trước nhất ta có tiền-lệ Nguyễn Đề đã dùng cách gọi đó từ 10 năm trước. Cách gọi đó tự nó phủ-nhận ngay cách hiểu của G.S. Phạm Trọng Chánh khi ông cho "Tố Như" mà có lúc ông viết không hoa—thành "tố như"—là nói về Hồ Xuân Hương: Không ai gọi một nữ-sĩ là "tử" cả. Chắc hẳn Nguyễn Du ưng cái tự của mình lắm nên bạn bè, anh em, hay các cháu trong gia-đình mới thích gọi ông bằng tự—không phải bút-hiệu—của ông. Thân quen thì chỉ gọi "Tố Như," lúc cần trang trọng thì gọi "Tố Như tử.")

Thiết tưởng ngần ấy bằng-chứng cũng tạm đủ để gợi ý với G.S. Phạm Trọng Chánh nên sửa lại một ngộ-nhận mà có thể sẽ tai-hại đến muôn đời nếu như cứ để truyền đi mãi và nêu ra một sự rắc rối không cần thiết.

Để kết

Để kết, chúng tôi xin tóm lược cách đọc hai câu "Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như?" của tôi như sau:

1. Có rất nhiều khả-năng, nghĩa là xác-suất cao, là hai câu đó là hai câu "khẩu-chiếm" của Nguyễn Du, đúng như trong họ đã truyền kể và cụ Nghè Mai đã nhắc lại (chứ không phải bịa đặt).

2. Hai câu đó có thể là thuộc về bài "Độc Tiểu Thanh ký" nhưng nếu thế thì nó thất niêm và "hai câu thơ trên hoàn toàn vô lý" (Phạm Trọng Chánh). Vậy khả-năng này khá nhỏ.

3. Nhưng khác với G.S. Phạm Trọng Chánh, chúng tôi nghĩ là chuyện "300 năm hơn" là Nguyễn Du "khóc" Thúy Kiều mà có lẽ thời ông, ta chưa có những ngày tháng chính-xác, chỉ biết là sống vào khoảng giữa đời nhà Minh bên Tầu. Và vì đời nhà Minh kéo dài từ năm 1368 đến 1644 nên giữa nghĩa là khoảng 1500 dù như niên-hiệu Gia-tĩnh ("Rằng năm Gia-tĩnh triều Minh...") là 1522-1566.

4. Nguyễn Du khóc ("điếu" như trong câu 2 bài "Độc Tiểu Thanh ký" hay "khấp" như trong hai câu này) không thể giải thích được là Nguyễn Du muốn người đời sau nhớ đến ông để mà ca-tụng ông.

5. "Khóc" ở đây phải hiểu là như giọt nước mắt của My

Nương trên trái tim không chịu tan của Trương Chi: đó là một giọt nước mắt thông-cảm, một giọt nước mắt tri âm, một giọt nước mắt giải oan—về một con người mà thông minh đặc-biệt như vua Gia Long cũng vẫn không hiểu ông.

6. Qua hai câu đó, Nguyễn Du khẳng-định sức mạnh của thơ văn và nghệ-thuật: Truyện Kiều làm sống được lại một con người đã hiện diện trên trần-thế trước ông 300 năm, Vương Thúy Kiều. Đây là một chuyện không những vượt thời-gian mà còn vượt cả không-gian (chuyện bên Trung-quốc mà rồi Kiều trở thành nhân-vật có lẽ được người Việt xem là của mình hơn ai hết), và cuối cùng vượt được cả hai thế-giới, của người sống và người chết. Có thế Nguyễn Du mới "khóc" được cô Kiều để rồi một trăm năm kể từ đây hay hơn nữa, sẽ còn có những con người "khóc" được ông trong nghĩa tri âm, thông-cảm, và những người đó không nhất thiết là người Việt—họ có thể là người Nga, người Mỹ, người Pháp, người Anh, người Nhật.

NGUYỄN NGỌC BÍCH
Rochester, NY-Springfield, VA
Đêm 17 đến sáng sớm ngày 21-V-2001

---

1. In ra năm 2000 do Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 490 trang.

2. G.S. Đăng Cao Ruyên đã có loạt bài "Thư mục về Nguyễn Du" trên *Việt Nam Nhật Báo* (San Jose, CA) bắt đầu từ ngày 4-7-1998, tính đến nay đã được trên 140 bài. Ngoài những bài lẻ viết về nhiều khía cạnh của Truyện Kiều và Nguyễn Du, ông cũng còn có 46 bài về "Chữ nghĩa Truyện Kiều" đăng trên VNNB từ 1-4-1995 đến 21-12-1996 và một bài dài về dòng họ và tiểu-sử Nguyễn Du ("Bể dâu trong dòng họ Nguyễn Du") trong tập-san *Xuân Thu 2000* do Hội Văn Học Nghệ Thuật & Thi Đàn Lạc Việt (San Jose, CA) chủ-trương, Nhà xb Phương Đông, 2000, trang 35-127. Ở trong nước, G.S. Nguyễn Thạch Giang có lẽ là người chịu khó lập "niên-phổ" kỹ càng nhất về Nguyễn Du như trong *Thơ quốc âm Nguyễn Du* (Hà-nội: Nhà xb Giáo Dục, 1996) và *Nguyễn Du toàn tập* (San Jose: Nhà xb Bách Việt, 1996).

3. *Đoạn trường tân thanh*, Lâm Nhu Phu chép xong ngày 19.8 năm Canh-ngọ, Tự Đức 23 (1870). Xem Nguyễn Quảng Tuân, "Một bản Kiều Nôm ở Mỹ: Bản kinh đời Tự Đức," *Kiến thức ngày nay* số 368 (năm 2000), trang 3-8. Sở dĩ chúng tôi nói "gần như chắc chắn là bản cổ nhất" là do chúng ta chưa có bằng-chứng để kết-luận một cách dứt khoát về một bản chữ Nôm chép tay với lời bình của Vũ Trinh (1769-1828) và Nguyễn Lượng (1768-1817) mà có người nghi là đã có từ trước cả khi Nguyễn Du mất (1820) hay bản năm Minh Mạng 15 (Giáp-ngọ 1834) mang tên *Vương Thúy*

Kiều truyện, Cổ Hoan Nghi Tiên Nguyễn-gia tàng-bản - Biệt hữu diễn Nam-âm nhất bản, mới tìm thấy sau năm 1975 và được Nguyễn Thạch Giang công-bố năm 1991.
4. Nguyễn Du, *Truyện Thúy Kiều*, Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu khảo, Hà-nội: Việt-văn thư-xã, Vĩnh Hưng Long, 1925 (Lần thứ 2 có sửa chữa, 1927, và lần thứ 3, 1934). Bản này sau đó được Tân Việt tại Sài-gòn tái-bản nhiều lần, ít ra là bảy lần trước 1975 (thường không ghi năm).
5. Phạm Trọng Chánh, "Tố Như không phải là bút hiệu của Nguyễn Du," *Khởi Hành* số 55 (tháng 5-2001), trang 6.
6. Đào Duy Anh, "Tam bách dư niên hậu," *Thanh Nghị* 1942.
7. Tiểu Thanh là vợ lẽ của một người họ Phùng ở Hổ-lâm, nhà ở Quảng-lăng, Giang-tô, vì cùng họ với chồng nên chỉ được gọi là Tiểu Thanh, sinh năm 1594, chết yểu năm 1612. Thuở bé vì thông tuệ khác thường nên một ni-sư gặp báo trước là sẽ chết sớm nếu không đi tu. Thay vì đi tu, năm 16 tuổi lại đi lấy chồng, làm lẽ cho một công-tử quyền quý nhưng nhu nhược, bị vợ cả đánh ghen nên chỉ hai năm sau đã chết ở tuổi 18. Xem Trần Đình Sử, "Độc Tiểu Thanh Ký của Nguyễn Du," *Những thế giới nghệ thuật thơ*, Hà-nội: Nhà xb Giáo Dục, 1995.
8. Chữ "ký" này đã bị một số dịch-giả hiểu lầm là gắn liền với tên Tiểu Thanh đi trước để thành tên một cuốn sách. Song 12 bài thơ còn lại của Tiểu Thanh không đủ để thành một cuốn sách được. Do vậy chữ "ký" ở đây phải hiểu là một "bài viết" hay cùng lắm là "truyện," là một "cuốn sách [người khác] viết về" Tiểu Thanh.
9. Tây-hồ: một cảnh đẹp ở Kim-lăng (Nam-kinh bây giờ), kinh-đô nhà Minh (1368-1644) song cũng có thể là Hồ Tây ở Hà-nội. Trường-hợp sau này thì có thể bài thơ đã được làm ra trong những giai-đoạn Nguyễn Du ở Thăng-long. Trường-hợp đó, cảnh tả trong câu đầu chưa chắc đã có thật mà chỉ được đưa ra để gợi ý cho ta một khung cảnh bể dâu.
10. Nhất chỉ thư: mấy chữ này dễ bị hiểu lầm nên bản dịch Bùi Kỷ-Phan Võ-Nguyễn Khắc Hanh dịch thành "một tập giấy" còn bản dịch Lê Thước-Trương Chính dịch thành "một tập sách đọc trước cửa sổ." Sở dĩ vậy là vì các dịch-giả này nhầm khi nghĩ là Nguyễn Du đang nói đến một cuốn sách có tên là "Tiểu Thanh Ký" (xem chú số 8) và chữ "thư" ở đây được xem như một danh-từ với nghĩa là sách hay tối-thiểu là một tập. Trong khi chính thật "thư" đây là một động-từ, nghĩa là "viết," và Nguyễn Du đang nói đến "một tờ giấy [dùng để] viết," đúng như Vũ Tam Tập đã hiểu ("mảnh giấy") hay Nguyễn Quảng Tuân đã dịch ("một tờ"). So sánh bài "Sơn cư mạn hứng" trong *Thanh Hiên thi-tập* với hai câu cuối là: "Cố hương đệ muội âm hao tuyệt / Bất kiến bình an nhất chỉ thư" ("Em trai, em gái ở quê nhà tuyệt không tin tức / Không thấy tới một tờ thư cho biết là có bình an hay không.").
11. Để hiểu câu này, Nguyễn Quảng Tuân dẫn nguyên-truyện trong *Nữ Liêu trai chí dị* như sau: "Một hôm, nàng Tiểu Thanh bảo người vú già đi mời thầy họa giỏi lại. Nàng bảo vẽ *truyền thần* nàng. Vẽ xong, nàng soi gương nhìn kỹ nói: 'Hình tôi thì giống, nhưng chưa lột được hết *thần* của tôi. Thôi bỏ đi.' Vẽ bức khác. Nàng lại nói: '*Thần* thì được rồi nhưng bóng dáng chưa được lưu động... Thôi bỏ đi.' Nàng bèn cùng với vú già nói cười, hoạt động tự nhiên rồi bảo ông thầy họa trông [mà] vẽ lại. Tranh vẽ xong, đủ dáng lộng lẫy, nàng cười nói: 'Được rồi đấy!' Khi thầy họa ra về, nàng để bức tranh ở trước giường, đốt hương thơm... mà khấn rằng: 'Tiểu Thanh! Tiểu Thanh! Chốn này có phải nơi duyên phận của mày đâu.' Nói xong, nước mắt chan hòa, nấc lên một tiếng rồi chết." (Sđd, trang 92-93) Như vậy, theo tôi (NNB) ta có thể hiểu là: Sức mạnh của nghệ-thuật kinh khiếp đến độ một bức tranh khi đã đạt tới mức "hữu thần" thì có thể hút hết, bắt được cái "thần" của con người ta, và khi cái thần của ta đã để lại rồi thì chết cũng không uổng; dầu vậy, tranh của Tiểu Thanh sau đó đã bị vợ cả ghen đem đốt đi nên người đến sau (cái chết của

Tiểu Thanh) cũng không khỏi rơi lệ, buồn thương cho nàng.
12. Để hiểu câu 4, Nguyễn Quảng Tuân lại trích từ cùng sách trên: "May khi nàng sắp mất có mấy chiếc xuyến hoa, tặng cho con gái nhỏ của nàng, bọc vào hai tờ giấy. Chính ở những tờ giấy ấy, người ta thấy có thi cảo của nàng gồm 12 bài." Như vậy, NQT cho rằng, "tập *phần dư* [chỗ đốt còn sót lại] không phải là tập thơ của nàng Tiểu Thanh bị người vợ cả đốt đi mà còn sót lại. [Tập bị đốt cháy rụi hết, tập phần dư] chính là 12 bài thơ mà Tiểu Thanh lưu để lại [gồm 9 bài tuyệt-cú, một bài cổ-thi, một bài từ và một bài thơ gửi cho người vợ cả] sau khi đã tự đốt các bài thơ khác của mình." Ta có thể ngờ lối giải thích của NQT khi ông cho là Tiểu Thanh đã "tự đốt" thơ của mình vì ngay sau đó, ông lại trích cùng sách: "Người vợ cả biết chuyện giận lắm, chạy đến đòi bức tranh. Chàng giấu bức thứ ba đi, đưa ra bức thứ nhất. Lập tức bức này bị đốt cháy. Người vợ lại đòi tập thơ. Thơ đưa ra cũng bị đốt hết... Người ta lục bản thảo, không còn chi nữa." Xem thế thì rõ ràng là: tập thơ đã bị vợ cả đốt không còn gì, và "phần-dư" chỉ là phần do ngẫu-nhiên mà thoát nạn vì đã không rơi vào tay người vợ cả.
13. Nguyễn Lộc, *Nguyễn Du*, Nhà xb Văn Nghệ TP Hồ Chí Minh, 270 trang. Cước-chú ở nơi trang 175.
14. Nguyễn Quảng Tuân, "Cần phải tìm hiểu chính xác hơn bài 'Độc Tiểu Thanh ký' của Nguyễn Du," trong sách *Tìm hiểu Nguyễn Du và Truyện Kiều*, Sài-gòn: Nhà xb Khoa học xã hội, Trung tâm Nghiên cứu Quốc học, 2000, trang 94.
15. Như trên, trang 88-100.
16. Trương Chính, "Về bài 'Độc Tiểu Thanh Kí'," trong sách *Nguyễn Du*, Vũ Tiến Quỳnh tuyển chọn và trích dẫn, Nhà xb Văn Nghệ TP-HCM, 1998, trang 214-18.
17. Phạm Trọng Chánh, bài đã dẫn, trang 8.
18. Xem Trương Chính, bài đã dẫn, trang 218 (Tiểu-mục 4: "Còn câu '*Tam bách dư niên hậu...*' thì giải thích như thế nào?") và Nguyễn Quảng Tuân, bài đã dẫn, trang 97-99 (Tiểu-mục 3: "Những nghi vấn quanh hai câu kết của bài thơ").
19. Đặng Cao Ruyên, "Bể dâu...," bài đã dẫn, trang 106.
20. Trong bài "Chữ Hiếu trong Truyện Kiều" đăng trên *Tập văn Vu Lan* số 33 (1995) và có in lại trong sđd, trang 171, Nguyễn Quảng Tuân cho biết Vương Thúy Kiều "là một nhân vật lịch sử (1524-1554), quê ở Lâm Truy. Tiểu truyện nàng đã được chép trong sách *Kỷ tiễu trừ Từ Hải bản mạt* của Mao Khôn và trong *Ngu sơ tân chí* của Dư Hoài." Đương-thời, chuyện của nàng chắc cũng được nhiều người biết đến vì Thanh Tâm Tài Nhân (1521-1593), tên thật là Từ Văn-trường, tức Từ Vị, quê ở huyện Sơn-âm, tỉnh Triết-giang (Trung-quốc), một người sống cùng thời với nàng đã đủ xúc-động để viết nên *Kim Vân Kiều truyện* là một tác-phẩm tiểu-thuyết-hóa đời nàng gồm 20 hồi. Chính tác-phẩm này cung-cấp những nét chính cho cốt truyện mà Nguyễn Du đem diễn âm thành một tuyệt-tác trong các truyện thơ của Việt-nam. Xem La Sơn Nguyễn Hữu Sơn, "Tiếp nhận *Truyện Kiều* của Nguyễn Du trong sự so sánh với *Truyện Kim Vân Kiều* của Thanh Tâm Tài Nhân," *Văn Nghệ* số 44 (1990), có in lại trong Trịnh Bá Đĩnh và ngkh, *Nguyễn Du: Về tác gia và tác phẩm*, Hà-nội: Nhà xb Giáo Dục, 1999, trang 933.
21. Trương Chính, bài đã dẫn, trang 218.
22. Phạm Trọng Chánh, bài đã dẫn, trang 6 (Điểm 1, 2, và 3) và trang 8 (Điểm 4).
23. Nguyễn Ngọc Bích, "Bàn lại đôi điều về Hồ Xuân Hương," *Khởi Hành* số 53 (tháng 3-2001), trang 4-7. Phần nói về G.S. Phạm Trọng Chánh nằm ở trang 6.
24. Nguyễn Quảng Tuân, sđd, trang 11. Xem thêm Đặng Cao Ruyên, "Bể dâu...," bài đã dẫn, trang 122.
25. Như trên, trang 85. Xem toàn bài trong Nguyễn Lộc, sđd, trang 99-100.
26. Xem toàn bài trong Nguyễn Lộc, sđd, trang 100-101. Đặng Cao Ruyên cũng

ghi lại chi-tiết này nơi trang 62 bài "Bể dâu..." khi nói về Nguyễn Nễ (Đề) (1761-1805). Cả hai bài này viết về em của Nguyễn Đề đều có được chép trong sách *Hoa trình tiêu khiển tập* (2 tập: Tiền và Hậu) của Hoan-nam Sứ-giả Nguyễn Đề (Mục sách 1409 trong *Di sản Hán Nôm Việt Nam - Thư mục đề yếu,* tập I, Hà-nội: Nhà xb Khoa học xã hội, 1993, trang 798).
27. Đặng Cao Ruyên, "Bể dâu...," bài đã dẫn, trang 87.
28. Xem toàn bài trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam,* Tập III (Thế kỷ XVIII-nửa đầu thế kỷ XIX), trang 521-22, và có chép lại trong Đặng Cao Ruyên, "Bể dâu...," bài đã dẫn, trang 106-07). Trước đó, năm 1804 (Giáp-tý), dù như Nguyễn Du đã được Gia Long cử đi vào một phái-đoàn lên tận biên-giới Việt-Hoa (ở ải Nam-quan) đón "sắc phong vương" của Gia Khánh, vua nhà Thanh, dành cho vua nước Nam, mùa thu năm đó ông vẫn xin cáo bệnh để về quê. Dịp này, Nguyễn Hành cũng có bài thơ "Hỉ thúc phụ Thường-tín tri phủ giải quan quy" ("Mừng chú [làm] Tri phủ Thường-tín cáo quan về"). Có thể nói là họ Nguyễn Tiên-điền đã để lại đủ thơ văn để ta không thể nhầm lẫn về chuyện này được.
29. Năm viết bài tựa của Mộng Liên Đường hiện còn chưa có sự thống nhất. Đây là chúng tôi theo chính G.S. Phạm Trọng Chánh chứ Nguyễn Quảng Tuân thì lại viết: "Bài 'tựa' này... đề rõ: *'Tháng hai năm Mậu tý niên hiệu Minh Mạng'*" và trong cước-chú ông ghi: "Tức năm Minh Mạng thứ 9, theo Dương lịch là năm 1828." Bản dịch của cụ Bùi Kỷ in lại trong *Nguyễn Du toàn tập* (Nhà xb Văn Học, Trung tâm Quốc học, TP-HCM, 1996) thì lại chỉ ghi "Tháng hai, niên hiệu Minh Mệnh [1820-40, không ghi năm nào đích-xác], viết ở Thán Hoa hiên đất Hạc Giang."

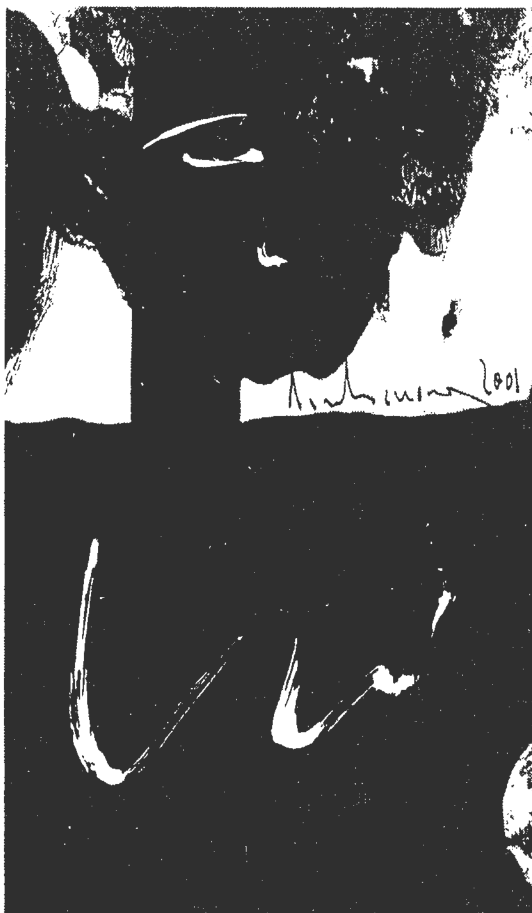
PHỤ LỤC

Dù như trong lúc này, tôi ngả về phe cho rằng hai câu "Bất tri tam bách dư niên hậu / Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như" là hai câu khẩu-chiếm do nhà thơ chúng ta thốt ra trước khi vĩnh-biệt cõi đời, tôi vẫn xin trình làng một bản dịch của tôi xem như hai câu đó thuộc về bài "Độc Tiểu Thanh ký":

Nhân đọc bài ký về Tiểu Thanh

Tây-hồ hoa-uyển: đống gò hư!
Mảnh giấy bên song khóc người xưa:
Son phấn có thần, thương vẫn mất,
Văn chương không mệnh, xót tàn-dư.
Xưa nay hận-sự trời khôn hỏi,
Phong-vận niềm oan khách tự mua.
Chẳng hiểu rồi ba trăm năm nữa
Thiên-hạ còn ai khóc Tố Như?

NGUYỄN NGỌC BÍCH dịch





NGUYỄN HƯNG QUỐC
nhà văn... không là ai?

Trong bài "Viết cho ai?" (1), tôi đặt vấn đề: Người đọc là ai? Cũng liên quan đến chuyện "viết cho ai?" ấy, tôi nghĩ, có một vấn đề khác cũng cần được đặt ra: Nhà văn là ai?

Câu trả lời chắc chắn không đơn giản. Khái niệm nhà văn thay đổi theo thời gian: ngày xưa, ở Việt Nam, bất kể ở những tài năng lớn hay nhỏ, tư cách nhà văn đều bị chìm khuất, thật mờ nhạt, đằng sau tư cách của những ông quan, ông đồ, ông cử hay ông tú. (2) Khái niệm nhà văn cũng thay đổi theo thể loại: trong ý nghĩa này, nhà văn chỉ là tên gọi chung cho nhiều loại người khác nhau, từ một nhà thơ đến một nhà tiểu thuyết, một nhà tuỳ bút, một nhà viết kịch hoặc một nhà phê bình và lý luận văn học. Khái niệm nhà văn còn thay đổi theo phương

pháp sáng tác người ta sử dụng: một nhà cổ điển, một nhà lãng mạn, một nhà hiện thực, một nhà siêu thực, một nhà hiện đại chủ nghĩa hoặc một nhà hậu hiện đại chủ nghĩa... Khái niệm nhà văn cũng thay đổi theo những mục tiêu mà người ta, qua động tác viết, nhắm tới: có người viết để độc giả tiêu khiển, có người viết để tuyên truyền cho một quan điểm và để kích động tâm lý của quần chúng, có người viết để thoả mãn lòng say mê đối với chữ nghĩa, cũng có người viết để chỉ gửi lòng mình vào thiên cổ, với hy vọng, may ra...

Lặn sâu vào những sự đa dạng và phức tạp ấy để tìm hiểu vấn đề "nhà văn là ai?" hẳn là một điều vô cùng thú vị (3). Tuy nhiên, trong bài này, tôi chọn một góc độ khác không kém thú vị nhưng lại thực tế hơn: nhà văn không là ai?

Cái không là cái vô hạn. Ở đây, tôi chỉ dừng lại ở một số nét chính.

Như, nhà văn không phải là nhà báo, chẳng hạn.

Về phương diện lý thuyết, sự phân biệt giữa nhà văn và nhà báo thật vô cùng đơn giản. Nhà báo trước hết là tình nhân của các vấn đề thời sự, trong khi nhà văn, trước hết, là tình nhân của nghệ thuật. Nhà báo đuổi theo các sự kiện, trong khi nhà văn đuổi theo cái đẹp. Với nhà báo, chữ nghĩa là phương tiện; với nhà văn, chữ nghĩa là cứu cánh. Tiêu chuẩn để đánh giá các nhà báo là tính chính xác và tính kịp thời, trong khi tiêu chuẩn chủ yếu để đánh giá một nhà văn là sự nhạy cảm và sự độc đáo. Đại khái thế. Sự khác biệt khá rõ ràng. Ít ai có thể lẫn lộn được. Có điều, ở Việt Nam thì khác. Ranh giới giữa nhà văn và nhà báo, cho đến nay, vẫn rất nhập nhằng. Đầu tiên là nhập nhằng về phương diện sinh hoạt: cả nhà văn lẫn nhà báo đều sử dụng một sân chơi chung: các tờ báo. Hầu hết các nhà văn chuyên nghiệp đều ít nhiều là các nhà báo chuyên nghiệp. Nguồn thu nhập chính của họ không đến từ sách mà là từ báo. Đăng trên báo thì gọi là bài báo; in lại dưới hình thức sách thì thành ra chương sách. Tính chất thông tin và giải trí vốn là đặc trưng của báo chí dần dần trở thành đặc trưng nổi bật của vô số các tác phẩm được gọi là văn học, đặc biệt dưới nhãn phê bình và tiểu luận. Hậu quả của điều này là sự nhập nhằng trong phong cách viết lách của nhà văn và của nhà báo: khi viết báo, người ta vẫn thích chút văn vẻ sang cả của văn chương, và khi làm văn chương thật, người ta lại không dứt bỏ được thói vội vàng đến cẩu thả của những người đưa tin. Từ hai sự nhập nhằng trên dẫn đến sự nhập nhằng khác, nhập nhằng trong danh xưng: không hiếm người làm báo, hoàn toàn làm báo, thích mạo nhận là nhà văn và hay lẩn quẩn vào sân chơi văn chương để giành ghế của người này và đòi cụng ly với người khác.

Tính chất xô bồ và nhếch nhác trong sinh hoạt văn học Việt Nam lâu nay, trong cũng như ngoài nước, theo tôi, phần lớn xuất phát từ đám người mạo danh ấy.

Trong ba sự nhập nhằng trên, sự nhập nhằng đầu tiên hầu như không thể giải quyết được trong tình hình kinh tế và xã hội hiện nay khi số người đọc sách quá ít và, hơn nữa, quá thấp; sự nhập nhằng thứ ba rất khó giải quyết một phần vì không thể có cá nhân hay tổ chức nào đủ quyền lực để ngăn chận tình trạng mạo danh; phần khác, quan trọng hơn, vì chính giới nhà văn cũng chưa đủ sức để tạo hẳn cho mình một diện mạo và một thế giá riêng, nhờ đó, có thể tự phân biệt mình và những kẻ ăn theo. Nói cách khác, nguyên nhân chính của tình trạng xô bồ và nhếch nhác trong sinh hoạt văn học Việt Nam lâu nay không phải chỉ do sự hiện diện của những kẻ mạo danh mà còn vì, nếu không muốn nói chủ yếu là vì sự bất tài của những kẻ được xem là nhà văn.

Chỉ có sự nhập nhằng thứ hai là có thể giải quyết được. Chỉ cần chút nỗ lực và nhất là, chút tự giác. Nỗ lực giữ ngòi bút của mình không bị trượt vào sự dễ dãi, không bị cuốn theo thói quen, và nhất là, không bị biến thành thứ phương tiện chỉ xài một lần rồi bị vứt bỏ; nỗ lực biến mỗi bài viết thành một công trình kiến trúc hoàn chỉnh bằng ngôn ngữ. Nhưng muốn thế, người ta cần phải, trước hết, tự giác về những đặc điểm và những chuẩn mực của văn chương để có thể, ít nhất, biết được khi nào mình còn ở trong lãnh thổ của văn chương và khi nào thì không; khi nào mình đang làm văn chương và khi nào mình chỉ thải ra chữ.

Cái ý thức tự giác ấy thật ra là một tài năng: đó là sự nhạy cảm về độ, về ngưỡng, về giới hạn, về sợi chỉ mong manh căng qua ranh giới giữa cái đẹp và cái đèm đẹp. Cái ý thức tự giác ấy cũng là một biểu hiện của văn hoá: đó chính là ý thức về giá trị và kỷ luật, ở đây chủ yếu là giá trị văn chương và kỷ luật của nghề làm văn chương. Hai khía cạnh này có quan hệ chặt chẽ với nhau: ý niệm về độ hay ngưỡng bao giờ cũng gắn liền với ý niệm về giá trị và kỷ luật. Bởi vậy, tôi cho điều quan trọng nhất trong việc tách nhà văn ra khỏi nhà báo là các nhà văn, chính các nhà văn, phải xây dựng và phải tôn trọng bảng giá trị và kỷ luật của văn chương: họ có thể sống như một nhà báo và viết như một nhà báo, nhưng khi đã có ý định làm văn chương thì phải quyết tâm làm văn chương thực sự, phải chấp hành những kỷ luật của văn chương và phải nhắm tới những giá trị văn chương chứ không phải bất cứ một thứ giá trị gì khác; nghĩa là, nói cách khác, phải tích cực đẩy mạnh quá trình chuyên nghiệp hoá văn học.

Biện pháp này, nghĩ cho cùng, cũng có thể áp dụng cho sự nhầm

lẫn giữa tư cách nhà văn và tư cách cán bộ.

Đúng ra, đó không phải là một sự nhầm lẫn. Đó là một sự cố tình đồng nhất tư cách nhà văn và tư cách cán bộ để tạo thành một thứ nhà-văn-cán-bộ như cái điều vẫn phổ biến tại Việt Nam từ năm 1945 đến nay (4). Sự đồng nhất này nằm trong âm mưu hành chính hoá và chính trị hoá văn học, biến văn học thành một bộ phận trong guồng máy nhà nước, ở đó, mỗi người cầm bút là một viên chức được trả lương và phải có nhiệm vụ chấp hành mọi mệnh lệnh từ giới lãnh đạo.

Khi văn hoá văn học bị khống chế bởi văn hoá hành chính, những cái được xem là giá trị không phải là tinh thần sáng tạo mà là sự vâng phục; không phải sự độc đáo mà là sự bình thường; không phải cá tính mà là ý thức tập thể; không phải cái riêng mà là cái chung. Từ văn hoá hành chính, nhà văn xem việc thực hiện trách nhiệm đối với tổ chức quan trọng hơn trách nhiệm đối với văn học, xem cái đẹp không bằng cái có ích, xem việc trung thành đối với các quan điểm và chính sách của đảng là một yêu cầu đạo đức cũng như xem tính hiệu quả trong việc phục vụ cho các quan điểm và các chính sách ấy là thước đo tài năng. Nói cách khác, khi văn hoá văn học bị khống chế bởi văn hoá hành chính, bảng giá trị văn học cũng bị khuynh loát bởi những yếu tố ngoài văn học. Theo bảng giá trị đó, địa vị, học vị hoặc tuổi tác của người cầm bút có tầm quan trọng cao hơn hẳn sáng tác của hắn. Cứ nhìn vào thứ tự bài vở trong các tạp chí hay các tuyển tập văn học thì rõ: những người thuộc giới lãnh đạo, từ lãnh đạo đảng, nhà nước đến lãnh đạo các cơ quan, đoàn thể, bao giờ cũng đứng đầu, bất kể tài năng của họ lớn hay nhỏ, tác phẩm của họ hay hay dở. Hậu quả là về phương diện phê bình, những người được tôn vinh nhất, những người hầu như luôn luôn đứng ở hàng đầu trong mọi danh sách được phong thần, lại là những người ít có tinh thần sáng tạo nhất, những người mà tác phẩm không những không có chút xíu gì là độc đáo mà thậm chí còn không có cả những phẩm chất tối thiểu để được gọi là văn chương: đó là những người được xem là có công lãnh đạo giới cầm bút hoặc những cán bộ cầm bút trung thành và tận tuỵ đối với chế độ (5). Có lẽ những người còn thiết tha với văn học và còn giữ ít nhiều sự độc lập trong cách suy nghĩ cũng thấy được cách đánh giá như thế là phi lý và lố bịch, tuy nhiên, không ai dám công khai phản đối: trong văn hoá hành chính, bởi vì uy tín văn học thường gắn liền với quyền lực nhà nước, một sự phản đối như thế không được xem là một sự chống đối thuộc phạm vi văn học mà là một sự chống đối thuộc phạm vi chính trị.

Điều đáng lưu ý là khi văn hoá văn học bị khống chế bởi văn

hoá hành chính, không phải chỉ có nhà-văn-cán-bộ mà còn có cả những độc-giả-cán-bộ. Độc-giả-cán-bộ ở đây không phải là những cán bộ đóng vai độc giả mà là những độc giả đóng vai cán bộ, đọc trong tinh thần của một cán bộ, dù độc giả ấy, trên thực tế, không phải là cán bộ và cũng không phải là người ăn lương của nhà nước, thậm chí, có khi đã di tản hẳn ra nước ngoài. Đọc trong tinh thần cán bộ là đọc với tâm thế tự nguyện chấp hành kỷ luật và với ý thức bảo vệ những tôn ti trật tự đang có. Một độc-giả-cán-bộ đánh giá tác phẩm trước hết dựa theo cái tên của tác giả: nếu đó là tác phẩm của một người thuộc giới lãnh đạo, họ sẽ đọc với thái độ cung kính của một thuộc hạ; nếu đó là tác phẩm của một người được xã hội xếp vào bậc thầy, họ sẽ đọc với thái độ ngoan ngoãn của một tên học trò; nếu đó là tác phẩm của một người không có chức vị gì đáng kể, họ sẽ đọc với thái độ phê phán có khi khắc nghiệt, có khi suồng sã của một kẻ bề trên hoặc ngang hàng; nếu đó là tác phẩm của một người bị xem là thù nghịch, họ sẽ đọc với thái độ hoàn toàn phủ định và đầy ác ý. Hơn nữa, khi đọc, điều một độc-giả-cán-bộ cần tìm kiếm nhất bao giờ cũng sự tái khẳng định những điều vốn đã được xem là chân lý bất biến. Họ không bao giờ cảm thấy chán khi đọc đi đọc lại những trích dẫn trùng lặp từ các tác phẩm được gọi là kinh điển hoặc từ các loại sách báo phổ thông. Ngược lại, điều làm họ dị ứng nhất chính là những cái mới lạ: trong tâm lý của một cán bộ, cái mới lạ bao giờ cũng hàm chứa một nguy cơ gây đảo lộn cái trật tự hiện có và cũng chính là cái trật tự họ muốn bảo vệ.

Nếu sự áp đảo của văn hoá hành chính gắn liền với chủ nghĩa xã hội và tồn tại chủ yếu ở miền Bắc trước năm 1975 cũng như trong cả nước sau năm 1975 (6) thì sự áp đảo của văn hoá chính trị lại là hiện tượng phổ biến trong sinh hoạt văn học Việt Nam từ trước đến nay, ở cả miền Nam lẫn miền Bắc, ở trong nước lẫn ở hải ngoại. Theo văn hoá ấy, nhà văn đồng nghĩa với một nhà chính trị, dù hầu hết chỉ là thứ chính trị gia theo đuôi.

Được hay tự đồng nhất với nhà chính trị, nhà văn nhìn mọi hiện tượng không phải từ góc độ thẩm mỹ mà trước hết, từ góc độ quyền lực, theo đó, viết là tham gia vào một cuộc đấu tranh, và một tác phẩm hay là tác phẩm góp phần đắc lực vào công cuộc đấu tranh ấy. Trong văn hoá chính trị, chỉ được xem là đẹp những gì có chức năng của một thứ vũ khí. Ngược lại là phù phiếm. Điều này giải thích tại sao bao nhiêu nhà văn say mê viết cáo trạng hay luận chiến, và cũng giải thích tại sao người ta lại làm ầm ĩ chung quanh những tác phẩm được xem là phản kháng đến như thế. Ở hải ngoại, hình như những tác phẩm làm

sôi động dư luận nhất đều xuất phát từ trong nước và đều có một đặc điểm giống nhau: tố cáo một tội ác nào đó của chế độ cộng sản.

Xuất phát từ văn hoá chính trị, sáng tác là để tập hợp lực lượng, hay nói như ai đó, một cách "gọi đàn". Điều người cầm bút quan tâm nhất là được đồng tình, đồng ý và được chấp nhận. Muốn thế, người ta thường tránh xa mọi sự thách đố. Người ta phải tự mài mòn cá tính của mình, tự bóp chết những giấc mơ tìm tòi và thử nghiệm. Văn hoá chính trị bao giờ cũng là văn hoá của đại chúng: nó đề cao những cái chung chung và những cái tầm tầm. Nó xem phản ứng của quần chúng như một thứ nhiệt kế văn học: tác phẩm được quần chúng hiểu, thích và nhớ là thành công; ngược lại, là thất bại, hoặc thất bại về nghệ thuật (chưa đủ trình độ để chinh phục người đọc), hoặc thất bại về đạo đức (cố tình làm ra vẻ cao vĩ để dối gạt hay hù doạ quần chúng).

Tự bản chất, một thứ văn hoá như thế rất xa lạ với văn hoá văn học. Khác với các lãnh vực khác, văn học là thế giới của sự riêng tây. Văn học không làm người ta tụ lại với nhau mà làm cho mỗi người tách ra một cõi riêng. Từ cả việc viết lẫn việc đọc, người ta đều một mình. Chức năng cao cả nhất của văn học, theo tôi, là nuôi dưỡng cái "một mình" ấy: một mình mình đối diện với chính mình; một mình mình lắng nghe những tiếng thì thầm của ngôn ngữ; một mình mình đi vào thế giới mênh mông vô cùng vô tận của sự sáng tạo. Trong những cuộc hành trình một mình đi vào cõi riêng tây như thế, chỉ có những khám phá mới mẻ hoặc những cách thể hiện mới mẻ mới thực sự có ích: chúng làm cuộc hành trình đẹp hơn và làm cõi riêng giàu có hơn. Chính vì vậy, với tư cách là một công việc sáng tạo, mọi cái viết chỉ thực sự có ý nghĩa khi nó thách đố lại với thói quen và định kiến, khi nó gây hấn với mọi lối mòn và mọi quy ước. Một nhà văn lớn là người, bằng tác phẩm của mình, góp phần mở ra những biên giới mới hoặc đưa ra định nghĩa mới cho các khái niệm văn học hoặc thể loại văn học. Cũng chính vì vậy, văn học có thể đi liền với cách mạng nhưng lại rất khó song hành với chính trị: khi các lực lượng cách mạng đã giành được chính quyền thì cũng là lúc văn học bị lâm nguy.

Nói cách khác, một nhà văn có thể là một nhà chính trị nhưng không thể viết như một nhà chính trị: viết như một nhà chính trị là sự phản bội đối với tinh thần sáng tạo.

Và nhà văn cũng không thể viết như một nhà giáo.

Ở đâu nhà văn và nhà giáo cũng có quan hệ khá chặt chẽ với nhau. Cả hai loại người này đều sinh hoạt chủ yếu trong thế giới sách vở. Nghề giáo lại tương đối có nhiều thì giờ, một điều kiện khá thuận lợi cho sáng tác. Cho nên, nhìn chung, những nhà văn xuất thân từ

hoặc kiêm nhiệm nghề dạy học chiếm tỉ lệ khá cao trong giới cầm bút. Riêng ở Việt Nam, quan hệ giữa nhà văn và nhà giáo lại càng sâu đậm. Ngày xưa, trong suốt thời kỳ Trung đại, nghĩa là từ cuối thế kỷ 19 trở về trước, sinh hoạt văn học Việt Nam gắn chặt với học đường và thi cử: chính trong môi trường giáo dục, người ta được sống với văn chương nhiều nhất. Học, chủ yếu là học văn chương. Thi, chủ yếu là thi văn chương. Không phải ngẫu nhiên mà chữ "văn nhân", trước khi có nghĩa là nhà văn như hiện nay, đã từng mang ý nghĩa là một người học trò (7).

Mối quan hệ lâu đời giữa văn học và giáo dục đã để lại một số dấu ấn trên văn học: văn hoá giáo dục nếu không bao trùm thì cũng bàng bạc trong văn hoá văn học, theo đó, tính chất giáo huấn được xem là một trong những chức năng chính của văn học. Hậu quả là phần lớn các nhà văn Việt Nam đều có khuynh hướng viết văn như một nhà giáo, hoặc là một nhà giáo tích cực: viết để truyền bá đạo lý; hoặc là một nhà giáo tiêu cực: tránh né việc mô tả những điều có thể có ảnh hưởng xấu đến phong hoá. Cả hai đều có vẻ như một thứ nhân viên xã hội, lúc nào cũng băn khoăn về tình trạng sức khoẻ tinh thần của cộng đồng. Cả hai đều đặc biệt thích những câu chuyện có hậu. Và cả hai đều căm ghét những sự xáo trộn, kể cả những xáo trộn cần thiết về phương diện văn chương và thẩm mỹ.

Một biểu hiện khác của việc viết văn như một nhà giáo là khuynh hướng diễn giải. Đối với nghề dạy học, một trong những yêu cầu quan trọng nhất là phải làm sao cho học trò hiểu vấn đề. Muốn thế, thầy/cô giáo phải giảng. Giảng là phân tích, là quảng diễn, là nêu ví dụ. Giảng từ tên bài học đến các khái niệm căn bản trong bài học ấy. Giảng như là tất cả học trò của mình đều là những kẻ hoàn toàn nhập môn, chưa từng biết gì về nội dung bài học cả. Cứ thế, nhà giáo phải giảng đi giảng lại những điều cực kỳ căn bản. Rất tiếc, không ít người đem cả thói quen diễn giảng ấy vào văn chương. Trong bài viết của họ, mỗi câu văn phải cõng trên lưng nó năm bảy câu giải thích. Chuyện mới, giải thích đã đành. Ngay cả những chuyện xưa như trái đất cũng vẫn giải thích. Lặp lại những kiến thức sơ đẳng và cũ rích, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến sự hiểu biết của người đọc. Giọng văn làm nhàm và lảm nhảm, cách viết như thế là một sự xúc phạm đến tính chất thẩm mỹ của văn chương.

Theo tôi, để văn chương hàm súc và ý vị, nhà văn phải viết trong giả thiết là người đọc của mình là những người cực kỳ thông minh và uyên bác: hắn không cần phải viết những gì, thứ nhất, độc giả có thể đã biết rồi; thứ hai, độc giả có thể chưa biết nhưng có thể tìm hiểu ở

những nguồn tài liệu khác. Với những người đọc thông minh và uyên bác ấy, hắn phải viết những điều thông minh và uyên bác tương xứng, nghĩa là, ít nhất phải thông minh và uyên bác hơn chính bản thân hắn. Lâu nay, trong những cách nghĩ thông thường, chúng ta có khuynh hướng xem tác phẩm chỉ là một phần của tác giả: nếu tác phẩm ấy có điều gì thông minh và uyên bác thì đó chỉ là một phần trong sự thông minh và uyên bác của tác giả. Sự thật ngược lại. Những tác phẩm thành công nhất của một tác giả bao giờ cũng thông minh hơn, uyên bác hơn, do đó, giàu có hơn và cũng cao hơn hẳn tác giả ấy. Những tác phẩm ấy trở thành một thách thức đối với chính cái kẻ đã tạo ra chúng. Đối diện với thách thức ấy, nhiều người đã đầu hàng: họ buông bút, không viết nữa.

Những tác phẩm tồn tại như một thách thức đối với chính tác giả của chúng hoàn toàn có quyền tồn tại như một thách thức đối với độc giả: để tiếp cận chúng, người ta bị đòi hỏi phải có một sự cố gắng nhất định. Dĩ nhiên không phải ai cũng làm được điều đó. Nhưng đó không phải là điều đáng quan tâm: phần nhiều những độc giả ấy không phải là những độc giả văn học thực sự; có thể họ vẫn đọc, đọc khá thường xuyên nữa là khác, nhưng cái họ tìm kiếm không phải là văn học, tức những giá trị thẩm mỹ liên quan đến nghệ thuật ngôn ngữ. Họ đến với văn học một cách hờ hững hoặc thiên lệch và, như là hệ quả của sự hờ hững và thiên lệch ấy, họ chẳng bao giờ giúp được gì trong việc tăng thêm tuổi thọ cho các tác phẩm văn học. Có được vài chục ngàn, vài trăm ngàn, hoặc thậm chí, vài triệu độc giả, như một số nhà văn *best-sellers* trên thế giới, người ta cũng không có chút bảo đảm nào là sẽ được đọc lâu dài.

Nói tóm lại, trong phạm vi bài này, tôi chưa dám khẳng định nhà văn là ai, nhưng tôi biết chắc một điều: dù là ai đi nữa thì nhà văn, ít nhất là lúc cầm bút làm văn chương, nhất định không phải là một nhà báo, kẻ chỉ xem chữ nghĩa như một phương tiện để rượt đuổi theo các sự kiện không ngừng diễn ra và không ngừng bị vùi lấp. Nhà văn cũng nhất thiết không phải là một cán bộ, kẻ chỉ biết phục tùng; một nhà chính trị, kẻ chơi trò mị dân, chỉ thích đầu tư trên cái vốn chung và cũ của tập thể; một nhân viên xã hội, kẻ đầy tinh thần trách nhiệm đối với xã hội và vì tinh thần trách nhiệm ấy, sẵn sàng hy sinh cả nghệ thuật. Cuối cùng, nhà văn cũng nhất thiết không phải là nhà giáo, kẻ chỉ thích dạy và giảng, nhất là những lời dạy và giảng ấy cứ lợn cợn và bốc mùi thoang thoảng của những thứ kiến thức hoặc chưa tiêu hoặc cũ mèm.

Tôi biết, loại trừ tất cả những tư cách lẫn lộn nhập nhằng ấy,

chưa chắc người ta đã trở thành một nhà văn thực sự bởi vì vẫn còn một sự nhập nhằng khác, tế nhị hơn: sự nhập nhằng giữa những người còn đang hoạt động và những người đã về hưu, phần nhiều là hưu non. Trong danh sách hội viên Hội Nhà văn Việt Nam ở trong nước, có vô số người lâu lắm không hề viết lách được gì cả. Ở ngoài nước cũng vậy. Hiện tượng sống dựa vào quỹ hưu bổng... văn học như vậy kể cũng bình thường. Tuy nhiên, điều bất bình hường là có quá nhiều người sống bám vào một thứ quỹ hưu bổng... ảo.

Người ta thường lý luận danh hiệu là nhà văn (hay nhà thơ, v.v...) là thứ danh hiệu muôn đời. Chỉ có nhà văn hay nhà thơ chứ không có cựu nhà văn hay cựu nhà thơ. Ngay cả chữ "cố" cũng không cần thiết được đặt trước hai chữ "văn sĩ" và "thi sĩ". Nguyễn Du, mất đã gần 200 năm rồi, vẫn là một nhà thơ. Nguyễn Trãi, mất đã hơn 500 năm rồi, vẫn là một nhà thơ. Không "cựu", không "cố" gì cả. Cũng đúng thôi: tác phẩm của họ còn đó thì mọi chữ "cựu" và mọi chữ "cố" đều trở thành vô duyên. Có thể nói tác phẩm của họ như một thứ quỹ hưu bổng vĩnh viễn đủ sức để duy trì cái danh hiệu nhà thơ của họ.

Nhưng đó là trường hợp của những người mà tác phẩm của họ còn tồn tại được với thời gian. Những tác phẩm văn học thực sự. Nó khó có thể áp dụng với những người in dăm ba cuốn sách và cuốn nào cũng bị thời gian chôn lấp một cách nhanh chóng đến độ chính bản thân họ cũng không đủ can đảm bươi lên để in lại dù diều kiện in ấn bây giờ cực kỳ dễ dàng. Những tác phẩm không có hoặc có rất ít giá trị văn học như vậy, nói theo chữ nhà văn Mai Thảo thường dùng lúc sinh thời, chỉ là những đồng tiền giả. Một thứ quỹ hưu bổng được làm bằng những đồng tiền giả như vậy chỉ là một thứ quỹ hưu bổng ảo. Sống bám vào một thứ quỹ hưu bổng ảo như vậy là một cách ăn gian.

Vâng, tôi biết, loại trừ tất cả những sự nhập nhằng ở trên cũng như loại trừ cả trường hợp "ăn gian" vừa kể thì chưa chắc người ta đã trở thành nhà văn thực sự. Tuy nhiên, tôi hy vọng là dù sao ít nhất nhờ đó sinh hoạt văn học cũng đỡ xô bồ và nhếch nhác, văn hoá văn chương đỡ bị ô nhiễm phần nào.

Tôi hy vọng thế.

Và vì hy vọng thế, cho nên mới viết bài này.

NGUYỄN HƯNG QUỐC
17.3.2001

Chú thích:

1. Đăng trên tạp chí *Chủ Đề* số 5,2001.

2. Xem thêm chương "Cuộc hoà giải vô tận: khái niệm nhà thơ thời trung đại" trong cuốn *Thơ, v.v... và v.v...* của Nguyễn Hưng Quốc,Văn Nghệ xuất bản, 1996, tr. 159-164.

3. Trong bài "Viết trong tiếng súng" in lại trong tập *Tạp Luận*, nhà văn Võ Phiến có một số nhận xét thú vị về nhà văn. Theo ông, "không có nhà văn". Lý do: "Nhà văn, thực ra tiếng ấy chỉ thị chung những hạng người có những hoạt động khác nhau rất xa, gần như không có gì liên quan với nhau. [...] Cố tìm ra một cái gì nối liền các hoạt động cách biệt như thế, có thể nêu lên cái nguyên liệu chung: chữ viết. Mọi nhà văn đều sử dụng chữ viết. Nhưng đó bất quá cũng như kẻ đóng tàu chiến và người thợ làm ra những chiếc đinh đóng guốc đều sử dụng một nguyên liệu chung là sắt, vậy thôi."

4. Chữ "nhà văn cán bộ" là chữ khá phổ biến ở Việt Nam từ thời đổi mới đến nay. Trong bài "Văn nghệ và cuộc sống hôm nay" đăng trên tạp chí *Tác Phẩm Mới* số 6 năm 1992, Lại Nguyên Ân viết: "Nền văn học mà chúng ta có hiện giờ, theo một nghĩa nào đó, chính là một nền văn học cán bộ (chữ 'nhà văn cán bộ' là tôi mượn của anh Vũ Tú Nam trong một lần anh gặp gỡ các nhà nghiên cứu của Đại học Tổng hợp,...)."

5. Ví dụ rõ nhất là bộ *Nhà văn Việt Nam* (1945-1975) gồm hai tập do Phan Cự Đệ và Hà Minh Đức biên soạn (nxb Đại học & Trung học Chuyên nghiệp, 1979 & 1983). Trong hai tập ấy, có 29 tác giả được phê bình; trong đó, có nhiều người chỉ là những nhà chính trị, như Hồ Chí Minh, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Xuân Thuỷ, Hồng Chương, Xuân Trường; hoặc chủ yếu là những cán bộ văn nghệ như Như Phong và Hoàng Trung Thông. Tuy nhiên, bộ sách vẫn bị Hà Xuân Trường, nguyên là trưởng Ban văn hoá văn nghệ trung ương đảng chê "có thiếu sót lớn là không giới thiệu chân dung một số lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta là những nhà lý luận đặt nền móng cho văn học dân tộc" (Hà Xuân Trường, *Văn học cuộc sống thời đại*, Văn Học, Hà Nội, 1986, tr. 170)

6. Thật ra ảnh hưởng của văn hoá hành chính còn lan cả ra sinh hoạt văn học hải ngoại. Biểu hiện rõ rệt nhất là kiểu "tôn ti trật tự" phi văn học thường thấy trên các tạp chí văn học hải ngoại: trong cách sắp xếp bài vở và cách khen ngợi người này người nọ, v.v...

7. Ví dụ, xưa, trong *Truyện Kiều*, tả Kim Trọng, Nguyễn Du viết: "Trông chừng thấy một văn nhân / Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng..."; gần hơn, trong bài "Chùa Hương", Nguyễn Nhược Pháp viết: "Em thấy một văn nhân/ Người đâu thanh lạ thường / Tướng mạo trông phi thường/ Lưng cao dài trán rộng/ Hỏi ai mà không thương?" Những chữ "văn nhân" ấy hoàn toàn đồng nghĩa với chữ "thư sinh", nghĩa là học trò.

Đọc số tới:

HÒA ĐA: kể chuyện làng quê





NGUYỄN KIẾN GIANG(2) đi tìm cách tiếp cận bản tính gốc người việt(1)

Xin thú thật, bàn về "bản tính dân tộc Việt Nam" như cách gọi của bản gợi ý là điều tôi rất ngại. Ngại vì hai lẽ: một mặt, người ta đã bàn nhiều -thậm chí quá nhiều- về những phẩm chất "yêu nước", "nhân ái", "sáng tạo", "giản dị", "vị tha" ... của người Việt, mà tôi thật sự không biết bổ sung gì nữa. Mặt khác, để đi tìm một "bản tính dân tộc" có cơ sở lý luận và phương pháp luận vững chắc và có sức thuyết phục, không chỉ đối với người Việt Nam mà cả đối với những người nước ngoài muốn tìm hiểu chúng ta, thì lại không dễ dàng chút nào. Cho đến nay, nói chúng ta chưa có cơ sở lý luận và phương pháp luận nào thật rõ ràng như thế cả. Hầu hết những bàn luận về vấn đề này đều dựa vào lối quan sát và suy nghĩ theo lối kinh nghiệm. Phương pháp kinh nghiệm cũng rất cần, nhưng không đủ để phân tích, lý giải vấn đề này. Ngay cả những thuật ngữ như "bản tính" và "dân tộc" cần được hiểu như thế nào cho đúng và tương đối thống nhất, cũng không đơn giản. Không phải không có những ý định đi xa hơn lối quan sát kinh nghiệm; đã có người đề xướng ra việc đi tìm nguồn gốc bản sắc

văn hóa Việt Nam từ nền văn minh trồng trọt và trồng lúa nước để đối lập với nền văn minh chăn nuôi du mục; cũng có người muốn nhấn mạnh tới tính chất bricolage (sửa vặt) của văn hóa Việt Nam... Nhưng chỉ với những quan sát kinh nghiệm, cũng có thể thấy rằng những luận điểm ấy khó đứng vững.

Về phần mình, cách đây khoảng mươi lăm năm, nhân có một cuộc hội thảo về «bản sắc văn hóa Việt Nam» (do Viện Văn hóa thuộc Bộ Văn hóa tổ chức), tôi đã thử mày mò đi tìm cơ sở lý luận và phương pháp luận cho vấn đề này. Cuối cùng đành phải bỏ dở, vì chưa đủ những dữ kiện cần thiết để tự mình rút ra những nhận định dù chỉ để thuyết phục bản thân mình.

Tôi đã thử chứng minh rằng văn hóa Việt Nam là một «hệ thống mở» trong hàng nghìn năm tồn tại của tộc người Việt. Nó là một hệ thống có nhiều cơ tầng có liên quan tới những «đợt» tiếp xúc với những nền văn hóa bên ngoài (cũng tương tự như tiếng Việt gồm nhiều cơ tầng khác nhau mà các nhà ngôn ngữ học đã tìm thấy). Với những cơ tầng hình thành nối tiếp nhau trong lịch sử như vậy, rõ ràng người Việt chúng ta đã tiếp nhận (như một «cái phễu» ngày càng rộng miệng) rất nhiều nguồn văn hóa khác nhau trong lịch sử (Trung Quốc, Ấn Độ, Chiêm Thành, Pháp, Nhật Bản, Liên Xô, Mỹ...). Tách ra từng yếu tố một, khó có thể nói cái gì của người Việt và cái gì của bên ngoài. Điều đó không có gì lạ. Rất tiếc nhiều tộc người khác, rõ nhất là các tộc người ở Châu Âu, cũng đã trải qua những quá trình tương tự, và văn hóa của họ cũng chính là những «hệ thống mở» như của chúng ta hay còn hơn thế nữa. Nhưng vẫn có một cái gì đó làm cho văn hóa của chúng ta trở thành của chính chúng ta mà không trộn lẫn với bất cứ một thứ văn hóa nào khác. Cái gì đó, theo tôi nghĩ hồi viết tiểu luận nói trên, có lẽ là một «bộ lọc». Những sự tiếp nhận văn hóa từ bên ngoài (dù bị áp đặt hay tự nguyện) đều phải đi qua «bộ lọc» này để trở thành của chúng ta. Vấn đề đặt ra là «bộ lọc» này gồm những gì và được cấu tạo như thế nào. Có lẽ đó là điều khó giải đáp nhất, ít ra đối với tôi. Với những hiểu biết có hạn, còn lỗ mỗ của mình, tôi đã thử trả lời câu hỏi đó: «bộ lọc» này gồm ba yếu tố là ứng xử, ngôn ngữ và tâm thức, ba yếu tố này quyện chặt với nhau đến mức không thể tách riêng từng yếu tố, nói cho đúng, «tuy ba mà một» (cũng có thể gọi là «tam vị nhất thể» (trinité) như ở một số tôn giáo, nhưng ở đây không có «ba ngôi» theo thứ bậc, mà là cùng tồn tại và hòa vào nhau).

Ứng xử là những hành vi làm cho đời sống cá nhân và cộng đồng thích ứng với những điều kiện tự nhiên và xã hội, không chỉ để bảo tồn mà còn để phát triển. Ứng xử nói ở đây là sự thích ứng với một khu vực khí hậu đặc biệt (từ á nhiệt đới đến á ôn đới), có những gió mùa, những mưa bão, những hạn hán gần như thường xuyên; là sự

thích ứng với nghề làm lúa nước; là sự thích ứng với đời sống làng xã từ «đồng đẳng» đến «bất đồng đẳng», từ đơn giản đến phức tạp, nhưng bao giờ tính cộng đồng cũng là nét trội... Ngôn ngữ ở đây là tiếng Việt với vốn từ vựng và hệ ngữ pháp riêng của nó, với những từ ngữ ngoại nhập ngày càng phong phú nhưng vẫm bám chắc vào cấu trúc của tiếng Việt. Và tâm thức ở đây là một phong cách tư duy riêng, phản ánh ứng xử và ngôn ngữ, đồng thời làm cho ứng xử và ngôn ngữ thấm đượm phong cách tư duy riêng ấy. Xin lấy vài ví dụ trong tiếng Việt, nhiều hành vi cơ bản -hay còn có thể gọi là «những hoạt động sống»- được gắn với từ ăn và từ này bao giờ cũng là tiếp đầu ngữ: ăn uống, ăn mặc, ăn làm, ăn chơi, ăn nằm..., khiến cho người ta phải tự hỏi phải chăng đối với người Việt, mục đích của «những hoạt động sống» là «ăn» (tức là những kết quả có thể hưởng thụ một cách chắc chắn và cụ thể)? Hoặc, nhiều từ ngữ chỉ những khái niệm trừu tượng, những cái thuộc về đời sống tinh thần của con người, thường bắt nguồn từ những bộ phận nằm trong phần bụng: lòng tốt, tốt bụng, lòng gan dạ, to gan lớn mật... (mà không bắt nguồn từ «trái tim» như ở một số ngôn ngữ khác). Phải chăng điều đó có nghĩa là, đối với người Việt, cái tinh thần (le spirituel) và cái thể chất (le corporel) chỉ là một, hay ít ra, nằm trong một sự liên tưởng (association) mật thiết với nhau?

Tôi chỉ tẩn mẩn tự hỏi được có thế, và đến đây, đành phải dừng lại. Một phần là vì không có thời gian, nhưng có lẽ chủ yếu vì không đủ sức đi tiếp. Lần này, xin nhắc lại ở đây (rất tiếc là bản thảo tiểu luận ấy đã mất, nên chỉ tóm tắt một số ý còn nhớ được) để may ra có giúp được chút gì chăng cho việc tìm kiếm và lý giải về «bản tính dân tộc» mà chúng ta đang thảo luận. Lại tiếp tục cuộc hành trình...

II

Vâng, như đã nói trên đây, ngay cả các thuật ngữ «bản tính» và «dân tộc» vẫn chưa được hiểu một cách rõ ràng và thống nhất. Vì thế, việc đầu tiên theo tôi có lẽ là nên làm sáng tỏ hai thuật ngữ ấy.

Để cho tiện, xin nói tới thuật ngữ «dân tộc» trước, vì vấn đề không phức tạp lắm, dù không phải là quá đơn giản. Chúng ta sẽ không nói nhiều về khái niệm «dân tộc» hiểu theo lối thông thường như là một cộng đồng người sống cùng một lãnh thổ với một ngôn ngữ. Cách hiểu này có thể được áp dụng cho bất cứ cộng đồng nào có hai dấu hiệu ấy. Vì thế, người ta thường nói Việt Nam có 54 dân tộc dù đó là những «dân tộc» có những văn hóa và trình độ phát triển rất

khác nhau (dân tộc Việt -thường gọi là dân tộc Kinh- cũng ngang như dân tộc Ê-đê, dân tộc Hà Nhì, chẳng hạn). Gọi như thế tiện lợi thật, nhưng không khoa học, (nhân thể cũng xin nói rằng khái niệm «dân tộc học» cũng là theo nghĩa thông thường này, do đó, cũng chỉ môn khoa học mà đối tượng của nó lại không được chỉ ra một cách khoa học). Thật ra, theo nghĩa chặt chẽ về khoa học, đó là «tộc người» hay «nhóm tộc người» (ethnos hay groupement ethnique) mà không phải là «dân tộc» (nation). Xin dẫn ra ý kiến của nhà sử học, nhà tộc người học có thẩm quyền thời Xô-Viết, Iulian Vlađimirovich Bromlei. Trong bài Tộc người và các quá trình tộc người (Nauka i chelovechestvo, Niên giám quốc tế, Moskva, 1976), ông viết đại ý: «Các tộc người (ethnosy - trong tiếng Nga) thuộc về một dạng cộng đồng xuất hiện không phải do ý muốn của người ta, mà là kết quả của một quá trình tự nhiên -lịch sử» (được duy trì trong nhiều thế kỷ, ông nói thêm). Ngoài những đặc điểm bề ngoài về thể chất của con người, tức là những dấu hiệu chủng tộc ra, các tộc người còn được phân biệt bằng những đặc điểm (dấu hiệu) khác còn quan trọng hơn nhiều so với đặc điểm thể chất, đó trước hết là những đặc điểm văn hóa hiểu theo nghĩa rộng nhất của từ này. Đó là «tập hợp những phương thức hoạt động sống riêng biệt của con người và những kết quả của chúng», và khái niệm văn hóa ở đây bao gồm những thành phần bền vững và dễ nhận biết là ngôn ngữ, tôn giáo, nghệ thuật tạo hình dân gian, sáng tác miệng, phong tục, nghi lễ, chuẩn mực hành vi, tập quán... Không riêng một thành phần nào trong số những thành phần trên đây là dấu hiệu để phân biệt các tộc người, mà phải là toàn bộ tập hợp những thành phần ấy. Ông đặc biệt nhấn mạnh tới những đặc điểm về tâm thần, chủ yếu là những sắc thái, phong cách biểu hiện các thuộc tính tâm thần chung của con người, đó chính là cái được gọi là «tính cách dân tộc» (ethnicheskij kharakter trong tiếng Nga). Về mặt này, ông lưu ý tới sự tự ý thức về tộc người như một yếu tố đặc biệt quan trọng, vì sự tự ý thức này dựa vào ý niệm của một cộng đồng người về nguồn gốc của nó, về cơ sở hiện thực của sự giống nhau về những số phận lịch sử của các thành viên cộng đồng cũng như tổ tiên của họ. Đó là cơ sở để một tộc người tự nhận biết mình (identification) và để nó có thể tự phân biệt mình với những tộc người khác (phân biệt «ta» và «họ»). Tên tự gọi của một tộc người cũng là một yếu tố không kém quan trọng về mặt này (tiếc thay, cho đến nay, chúng ta vẫn chưa biết được tên tự gọi của tộc người Việt chúng ta vào thời sơ sử, chưa nói tới thời tiền sử, là gì. Tên tự gọi của tộc người chúng ta hiện nay -người Việt- có lẽ cũng chỉ xuất hiện khoảng gần một nghìn năm nay, từ thời thiết lập nước Đại Việt. Đấy cũng còn là một mảnh đất trống cho các nhà nghiên cứu, đặc biệt về sử học và tộc người học).

Quá trình hình thành tộc người, theo Bromlei, bắt đầu diễn ra từ thời tan rã của xã hội nguyên thủy, như một quá trình củng cố, đồng hóa và hội nhập. Và từ điểm xuất phát là hình thái thị tộc, các tộc người đã phát triển lên những trình độ («bậc») cao hơn: bộ lạc, bộ tộc và dân tộc. Cũng có những tộc người dừng lại ở trình độ bộ lạc hay bộ tộc (như ở nhiều vùng châu Phi), nhưng nhiều tộc người đã đi hết hoặc gần hết quá trình phát triển này. Như vậy, dân tộc hiểu theo quá trình phát triển của các tộc người là trình độ cao nhất của nó, trước hết trong lĩnh vực văn hóa và kinh tế.

Khi nói đến «bản tính dân tộc», tôi muốn hiểu đó là nói tới bản tính của tộc người mà không phải là dân tộc như trình độ phát triển cao nhất của tộc người. Vì nếu chỉ tính tới dân tộc mà không phải là tộc người, thì sẽ đóng khung tính dân tộc vào chỉ một trình độ của nó, dù là trình độ cao nhất, và sẽ bỏ quên những trình độ trước đó, mà như chúng ta thấy, cái gọi là «tính dân tộc» không thể bị cắt đứt khỏi quá khứ lâu dài của một tộc người, ngược lên thời nó còn là bộ lạc và bộ tộc. Dù có kéo lùi thời điểm hình thành dân tộc đến mấy (có người cho rằng sự hình thành này ở Việt Nam đã diễn ra từ thế kỷ X, có người lại cho là từ thế kỷ XVIII, và cũng có người, như Hoàng Xuân Nhị, chủ trương dân tộc Việt Nam hình thành từ năm 1930, nghĩa là cùng với việc thành lập của Đảng Cộng sản Việt Nam, về vấn đề này, tôi xin không bàn đến ở đây), thì cũng không thể cắt đứt với những giai đoạn phát triển của tộc người trước khi hình thành dân tộc(3). Do đó, tôi đề nghị thay từ «dân tộc» trong thuật ngữ «bản tính dân tộc» bằng «tộc người» cho chính xác hơn về mặt khoa học.

Nhưng thuật ngữ «bản tính» còn phức tạp hơn nhiều. Nó chỉ tới cái gì, thật ra không rõ lắm. Tôi đã tẩn mẩn tra cứu vài cuốn từ điển, may ra có hiểu rõ hơn gì không. Đây là định nghĩa của Đào Duy Anh trong Hán-Việt từ điển: bản tính: Nch. bản lai; bản lai: Nch nguyên lai; nguyên lai: chỗ do đó mà lại. Từ điển Từ Hải không có mục từ bản tính, chỉ có một từ bản sắc với định nghĩa rõ hơn đôi chút, nhưng vẫn còn đánh đố: diện mạo vốn có. Tôi lại thay đổi cách tra cứu. Vì từ bản tính, bản sắc thường được dịch sang tiếng Pháp là identité, nên tôi tra thử xem sao. *Larousse: cái làm cho sự vật này giống với sự vật khác; toàn bộ những hoàn cảnh làm cho một người thành một người nhất định; (trong logic học) nguyên lý đồng nhất; «a là a». Robert: tính chất của hai đối tượng tư duy giống nhau; tính chất của cái gì là một; (tâm lý học) tính chất của cái gì giống với chính nó; (logic học) nguyên lý đồng nhất... Từ vựng kỹ thuật và phê phán về triết học (Vocabulaire technique et critique de la philosophie do André Lalande chủ biên, một thứ từ điển triết học có uy tín ở Pháp): tính chất của cái gì là giống*

nhau; tính chất của một cá nhân hay một thực thể có thể đồng nhất với một cá nhân được coi là giống nhau, hoặc tính chất của một cá nhân được coi là «vẫn như thế» (la même) vào những thời điểm khác nhau trong cuộc sống của nó; tính chất của hai đối tượng tư duy khác nhau trong thời gian và trong không gian, nhưng luôn luôn có những phẩm chất giống thế...

Có lẽ «bản tính», «bản sắc» tương đương với identité này chăng? Nếu thế, «bản tính» phải chăng là những phẩm chất vốn có, không thay đổi, hay thay đổi rất ít của một sự vật hay một đối tượng trong sự tiến hóa của nó? Và như vậy, phải chăng có thể hiểu «bản tính tộc người» là những phẩm chất vốn có, gần như không thay đổi, hay rất ít thay đổi, của một tộc người trong sự tiến hóa của nó. Tôi muốn hiểu như vậy, nhưng từ đó lại nảy sinh ra rất nhiều câu hỏi khác: những phẩm chất gì có thể được coi là «vốn có»? Tính «vốn có» ấy xuất hiện từ bao giờ, ngay từ lúc khởi đầu hay có thể nảy sinh muộn hơn trong sự tiến hóa của một tộc người? Lấy ví dụ cụ thể: những từ du nhập từ tiếng Hán tất nhiên không thể có ở tộc người Việt thời bộ lạc, mà có lẽ được du nhập trong nhiều thế kỷ sau đó để biến thành những từ Hán-Việt như thường gọi, những từ thường gọi là Hán-Việt ấy có mang bản tính của tộc người Việt không? Có thể dẫn ra vô số những ví dụ kiểu đó: từ những điệu ca Huế và hát múa cung đình đến những thứ nghệ thuật không phải đã xuất hiện từ thời «lập quốc», v.v... và v.v... và nếu những «hiện tượng» như vậy cũng được coi là nằm trong bản chất tộc người thì «bản tính tộc người» không phải là một cái gì «nhất thành nhất biến» mà là có những biến đổi nhất định: cái hôm qua là «bản tính», ngày mai lại có thể không thế nữa, chỉ có điều «hôm qua» và «hôm nay» ở đây được đo bằng những thứ thước rất dài, hàng trăm năm, ít ra cũng nhiều chục năm. (Tốc độ biến đổi của «bản tính tộc người» trong hoàn cảnh phát triển gia tốc của thời đại hiện nay có thể ngắn hơn, nhưng cũng phải tính theo đơn vị nhiều thập kỷ).

III

Nhưng nội dung «bản tính tộc người» không phải là sự lắp ghép máy móc nội dung của hai thuật ngữ lại với nhau. Theo tôi, đó là một thuật ngữ mang tính thống nhất bên trong (hay hữu cơ). Nó là một khái niệm hoàn chỉnh. Và việc xác định nội dung của nó không phải là dễ dàng. Rất may, trong thời gian gần đây, tôi được làm quen với một môn học và một tác giả có thể giúp chúng ta rất nhiều về mặt này.

Môn học ấy là: Tâm bệnh học tộc người (Ethnopsychiatrie), và tác giả ấy là Georges Devereux, một trong những người sáng lập ra môn học này.

Đối với G. Devereux, «bản tính tộc người» (identité ethnique) vừa là một khái niệm lý luận, vừa là một khái niệm thao tác. Nó liên kết hai cách tiếp cận tâm lý và văn hóa thành một cách tiếp cận thống nhất. Bởi vì, theo ông, có thể qua những hiện tượng tâm bệnh (cái không bình thường, anormal) để tìm hiểu và xác định cái tâm lý bình thường (normal). Người ta có thể qua văn hóa để tìm hiểu tộc người, vì trong quan niệm của ông, khái niệm «tộc người» và «văn hóa» là đồng nhất, hoặc gần như thế. Nhưng vấn đề là ở chỗ phải liên kết hai khái niệm đó thành một khái niệm thống nhất hữu cơ, như đã nói ở trên. Và có thể nói, ông là một trong những người đầu tiên làm được sự thống nhất ấy một cách thuyết phục. Ở đây, xin tóm tắt những luận điểm của ông mà không đi vào trình bày dài dòng. Bởi vì không thể thuật lại những tác phẩm chủ yếu vô cùng phong phú của ông trong lĩnh vực khoa học mới mẻ này, như Ethnopsychanalyse complémentariste (Phân tâm học tộc người theo thuyết bổ sung), hay Essais d'ethnopsychiatrie générale (Các tiểu luận về tâm bệnh học tộc người đại cương), hay một cuốn sách giới thiệu rất hay của Francois Laplantine về môn khoa học này, L'éthnopsychiatrie (Tâm bệnh học, tủ sách Que sais-je? No. 2384). Dưới đây là một số luận điểm chính của G. Devereux (hoặc do chính ông trình bày, hoặc qua sự lý giải của Laplantine).

- Khi nói tới bản tính tộc người, tức là nói tới một loại (genre) bản tính nhất định. Đối với một cá nhân, đó là tính đơn nhất tuyệt đối (unicité absolue) khiến cho anh ta có thể được phân biệt với một cá nhân khác. Một tộc người cũng thế, bản tính của nó làm cho người ta nhận biết được nó khác với những tộc người khác. Theo ông, để có một bản tính tộc người, phải xuất phát từ tính người (humain), vì tính người bao hàm khả năng trở thành đơn nhất, khác với người khác một cách mạnh mẽ. Nhưng khả năng ấy chỉ có thể có trong mối quan hệ với người khác. Giả sử có một bộ lạc nào đó hoàn toàn cô lập, thì mô hình bản tính tộc người của nó sẽ hoàn toàn đồng nhất với mô hình tính người của nó. Nó chỉ trở thành nó khi tiếp xúc với một nhóm tộc người khác.

- Không phải là những đặc điểm về thể chất (chủng tộc), mà chính là văn hóa làm cho tộc người này khác với tộc người khác. Mặc dầu con người (từ khi trở thành homo sapiens), về mặt sinh học, có tiềm năng phân hóa, cá thể hóa, nhưng chỉ có văn hóa mới chính là đặc trưng của con người và chỉ của nó. Văn hóa trở thành một thuộc tính tâm lý của con người. Như vậy, tâm lý con người và văn hóa là những

khái niệm không thể tách khỏi nhau được về mặt phương pháp luận cũng như về mặt chức năng (khi chữa trị một số bệnh tâm thần, G. Devereux đã dùng phương pháp chữa trị bằng văn hóa).

- G. Devereux cho rằng bên dưới tầng văn hóa của các tộc người là một sự thống nhất căn bản của tâm thần con người. Về cơ chế tâm thần, một người điên ở Anh, chẳng hạn, không khác gì một người điên ở châu Phi. Nhưng biểu hiện của chứng điên (tâm thần phân lập, schizophrénie) thì lại mang những dấu ấn văn hóa rất rõ. Hai người điên ấy nói những lời lẽ khác nhau, in dấu văn hóa của tộc người họ. Luận điểm này giúp tránh được cả việc chỉ nhìn thấy cái chung (mà không thấy cái riêng) của các tộc người.

- Cái mới quan trọng nhất của G. Devereux, rút ra từ những luận điểm trên là sự tồn tại của một tính đồng đẳng thật sự (véritable homologie) về cấu trúc của tâm thần (tâm lý) và văn hóa, không phải cái này đẻ ra cái kia, mà cả hai là những cái «đồng hiện « (coémergentes). Không thể quan niệm một thứ văn hóa không qua trải nghiệm tâm lý, và ngược lại, không thể nghĩ tới sự hình thành của nhân cách, nghĩa là những quá trình nhận thức và tình cảm, độc lập với văn hóa. Các cơ chế tâm thần không phải là cái gì khác mà chính là bộ mặt «bên trong» của quá trình văn hóa, và các quá trình văn hóa theo quan điểm này có thể được coi là các quá trình «bên ngoài» của tâm thần. Nói cách khác, cái tâm lý là «cái bên trong» của văn hóa, còn văn hóa là «cái bên ngoài» của tâm thần. Hay nói cách khác nữa, «cái tâm thần» là sự phóng chiếu của «cái văn hóa» vào «bên trong», và «cái văn hóa» là sự phóng chiếu của «cái tâm thần» ra «bên ngoài». Những sự phóng chiếu ấy tạo thành sự thăng hoa (sublimation). Chính theo ý nghĩa ấy, khái niệm cơ sở của tâm bệnh học tộc người không phải là bệnh lý, mà là sự thăng hoa.

- Cuối cùng, do mối tương tác của «cái tâm thần» và «cái văn hóa», cả hai đều không bao giờ là hoàn tất, là «dứt khoát» cả, mà bao giờ cũng nằm trong quá trình tạo dựng và biến đổi. «Bản tính tộc người», do đó, phải được xem xét trong một không gian và một thời gian nhất định (tất nhiên là ở phạm vi to lớn) với tính liên tục và biến đổi của chúng.

Một loạt những khái niệm được G. Devereux tạo ra để mô tả các quá trình tâm lý - văn hóa khác nhau ấy, dựa vào tiêu chí văn hóa là cái dễ nhận biết hơn cả: văn hóa, tiếp nhận văn hóa (acculturation), từ bỏ văn hóa (déculturation), xuyên văn hóa (transculturelle), nội văn hóa (intraculturelle), ngoại văn hóa (métaculturelle)... Đặc biệt ông nêu lên khái niệm «tiếp nhận văn hóa đối kháng» (acculturation antagoniste) mà chúng ta có thể sử dụng để phân tích sự tiếp nhận của các dân tộc thuộc địa đối với văn hóa chính quốc (chẳng hạn vào cuối

thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX ở nước ta).

Như vậy, với tâm bệnh học tộc người, chúng ta ít ra cũng đã có thêm được một phương tiện có hiệu quả để nghiên cứu «bản tính tộc người». Nhưng cũng như nhiều môn khoa học khác, nó giúp chúng ta có được một «cần câu», còn có «câu» được con cá nào không, là chuyện khácẠ(4).

IV

Khi giới thiệu kỹ hơn cách tiếp cận tâm lý - văn hóa của G. Devereux qua những tác phẩm của ông về phân tâm học tộc người hay về tâm thần học tộc người, tôi không hề muốn khẳng định đó là phương pháp đúng nhất và duy nhất. Sự phát triển của các khoa học nói chung, của các khoa học xã hội và nhân văn nói riêng, vào mấy thập kỷ cuối của thể kỷ XX đã đạt tới một trình độ, hay nói đúng hơn, một tư duy khoa học mới, không thừa nhận địa vị thống trị của bất cứ môn khoa học nào cả, càng không vì theo một khoa học nào đó để gạt bỏ một (hay các) môn khoa học khác. Tư duy khoa học mới thay thế công thức «hoặc là/hoặc là» bằng công thức «vừa là/vừa là», nói cách khác, thay thế sự loại bỏ lẫn nhau giữa các khoa học (và nói rộng ra, các hoạt động tinh thần của con người) bằng sự bổ sung (complémentarité) của chúng.

Trong lĩnh vực nghiên cứu «bản tính tộc người» cũng vậy. Có thể có nhiều cách tiếp cận khác nhau với những kết quả bổ sung lẫn nhau. Ở đây, không có chỗ cho sự độc tôn.

Cách tiếp cận kinh nghiệm, với những kết luận rút ra từ sự quan sát kinh nghiệm của mỗi người nghiên cứu, hay thậm chí của mỗi người quan tâm đến lĩnh vực này, ở một mức độ nào đó cũng rất cần thiết, miễn là dựa vào những dữ kiện rõ ràng và vững chắc mà không phải là những suy luận chung chung. Ở nước ta, có lẽ cách tiếp cận này vẫn còn tồn tại lâu dài, và không thể đánh giá quá thấp nó.

Những cách tiếp cận «truyền thống», như của sử học, của tộc người học v.v... vẫn có giá trị, nhất là trong việc khám phá nguồn gốc và sự phát triển lịch sử của các tộc người, những nét văn hóa đặc trưng của mỗi tộc người, mà những cống hiến của chúng ta đã và sẽ không thể phủ nhận được. Cách tiếp cận bằng folklore cũng như vậy, và theo tôi nghĩ, ở đây còn hứa hẹn nhiều khám phá rất lý thú.

Cũng có thể nói tới cách tiếp cận văn học, với những tác phẩm có khả năng khám phá tuyệt vời về «bản tính và tộc người». (A.Q. chính truyện và nhiều tạp văn của Lỗ Tấn, chẳng hạn, cho chúng ta biết rất sâu sắc những cái được ông gọi là «quốc hồn quốc túy» của

người Trung Hoa vào những thập kỷ đầy biến động đầu thế kỷ XX, không có gì có thể thay thế được. Ở một mức độ nào đó, cũng có thể nói như vậy về những nhân vật Xuân tóc đỏ của Vũ Trọng Phụng, Chí Phèo của Nam Cao hay Núp của Nguyên Ngọc... Hai nhân vật trên điển hình hóa các loại người có thật, với tâm lý tiêu cực của họ, mà ngày nay chưa phải đã mất hết, còn nhân vật dưới tượng trưng cho cái được gọi là «chủ nghĩa anh hùng» của người Việt Nam trong cuộc chiến đấu lâu dài giành giải phóng dân tộc. Cho đến nay, nhất là trong những năm đổi mới, chính văn học đã làm nhiều nhất về mặt tìm kiếm và xác định «bản tính tộc người», dù có thể còn phiến diện, một chiều và chưa sâu sắc lắm.

Tâm lý học, tâm lý học tộc người, phân tâm học, phân tâm học tộc người cũng mở ra cho chúng ta những chân trời khám phá mới, có thể giúp giải đáp những vấn đề như tính cá nhân và tính cộng đồng được liên kết, đan xen, lồng vào nhau như thế nào ở tộc người Việt trước kia và hiện nay; quan hệ giữa truyền thống (xin chú ý: có truyền thống thật và «truyền thống» giả) và cách tân trong tâm lý và ứng xử. Vấn đề di truyền văn hóa từ những mẫu cổ (archétype), và cả vấn đề vai trò của vô thức trong sự hình thành tâm lý và văn hóa của chúng ta... Lấy vấn đề vô thức để nói: tâm lý học chiều sâu của C. G. Jung có thể giúp khám phá con người ở các chiều sâu của nó, mà đối với ông, như một tác giả người Việt ở nước ngoài viết, vô thức không phải chỉ là nơi tích tụ những kinh nghiệm sống đã chìm lặn và bị dồn nén xuống tầng bên dưới, mà nó còn là nguồn cội của những khả năng sống mới cho tương lai. Những khả năng này là sản phẩm tập thể của loài người, nói hẹp hơn là của tộc người mà mỗi người với vô thức tập thể của mình được tham dự vào (xem Lưu Hồng Khanh, Giải kinh tâm lý Chiều sâu, 1997, Franfurt). Cái vô thức đóng một vai trò rất lớn trong sự hình thành và phát triển tâm lý cũng như văn hóa của một tộc người (những sáng tạo nghệ thuật với những yếu tố vô thức là những bằng chứng rất rõ, ngày nay không ai có thể bác bỏ, nhưng phải đề phòng việc lạm dụng «cái vô thức» để giải thích những cái không phải là nó).

Như đã biết, cái vô thức trong nhiều trường hợp không thể phân tích được, vì mọi sự phân tích đều trải qua và sử dụng những yếu tố lý trí, do đó, càng phân tích nó càng tan biến, chỉ để lại một «mớ sản phẩm» rời rạc do lý trí tạo nên. Tôi muốn nhấn mạnh điều này, vì bản tính tộc người, hay nói hẹp hơn, tinh thần gắn bó da diết với tộc người (mà ta thường gọi là lòng yêu nước), nhiều khi được cảm nhận hơn là được hiểu bằng lý trí. Ai đã ra nước ngoài lâu, sẽ cảm thấy nhớ nước đến quặn lòng.

Cách tiếp cận về mặt tâm linh cũng là một cách tiếp cận đáng

được chú ý. Dù nó vượt ra khỏi lý trí, nhưng không vì thế mà nó không đem lại một nhận thức sâu lắng về bản tính tộc người. Con người, bên cạnh đời sống hiện hữu (vie réelle) còn sống một đời sống tâm linh bằng sự cảm nhận cái thiêng ở mỗi bản thân con người. Nói như Micrea Eliade, một nhà nghiên cứu lịch sử các tôn giáo được đánh giá như một bậc thầy, con người luôn luôn sống trong không gian thiêng (espace sacré) và trong thời gian thiêng (temps sacré). Vì con người bao giờ cũng gắn với một tộc người nhất định, nên tộc người nào cũng có không gian thiêng và thời gian thiêng của nó, do đó, tính tộc người bao giờ cũng bao hàm tính tâm linh. Không gian thiêng và thời gian thiêng là những bệ đỡ để mỗi con người, mỗi tộc người cảm thấy mình gắn bó với cái cao cả, cái toàn thể của vũ trụ (cái thiêng luôn luôn hướng thượng, hướng tới cái Một, hướng tới tính toàn vẹn của vũ trụ). Trong tiếng Việt, chúng ta có thể bắt gặp yếu tố tâm linh này ở những từ ngữ như «hồn nước», «hồn sông núi»... Chính vì thế, những nghiên cứu về tín ngưỡng và tôn giáo chắc chắn có thể giúp chúng ta nhận rõ hơn bản tính tộc người. Chỉ cần đọc một số tác phẩm có liên quan tới lĩnh vực này, đặc biệt là cuốn Về văn hóa và tín ngưỡng truyền thống người Việt của cha Léopold Cadière, và bài Vũ trụ luận Mường qua đám tang (trong Người Mường ở Hòa Bình) của Trần Từ, tức Từ Chi, cũng đủ để ta co thể cảm nhận được khá sâu sắc đời sống tâm linh của người Việt. Không thể không nhắc tới một ý kiến của M. Eliade trong Cái thiêng và cái phàm của ông, đáng để chúng ta nghiền ngẫm: Theo một ý nghĩa nào đó, gần như có thể nói rằng, ở những con người hiện đại tự coi mình là không tôn giáo, tôn giáo và huyền thoại bị «che khuất» trong những bóng tối của cái vô thức - điều này cũng có nghĩa là những khả năng khôi phục một kinh nghiệm tôn giáo về sự sống ở những người đó nằm rất sâu trong chính bản thân họ.

Còn có thể kể ra một số cách tiếp cận khác cũng có hiệu quả, như nhân học văn hóa (anthropologie culturelle), một trong những môn khoa học phát triển mạnh mẽ gần đây, y học với những khả năng to lớn của nó, và văn hóa học, một môn học xuất hiện chưa lâu nhưng đầy hứa hẹn.

Cuối cùng, tôi xin nhắc tới cách tiếp cận rất có hiệu quả theo từng lĩnh vực chuyên biệt, mà gần đây tôi được làm quen với cách tiếp cận này về một lĩnh vực dược học. Lê Đình Phái, tác giả cuốn Những vấn đề dược học dân tộc (Nhà xuất bản Đà Nẵng, 1996) với phụ đề Môi trường và ứng xử của dân cư Việt Nam trên lĩnh vực bảo vệ sức khỏe, đã đem lại cho tôi những hiểu biết thật thú vị, mà giá trị của những hiểu biết này vượt ra khỏi một lĩnh vực chuyên biệt.

Có thể còn nhiều nhà nghiên cứu trong những lĩnh vực chuyên biệt như vậy đã và sẽ mang lại nhiều điều lý thú để chúng ta hiểu rõ

hơn tộc người Việt yêu dấu của mình. Những công trình như của Lê Đình Phái chắc chắn có ích hơn những lời bàn suông về bản tính người Việt rất nhiều.

V

Chắc hẳn tôi cũng mắc cái bệnh «bàn suông» này, nếu như không đưa ra được dù chỉ là một nét bản tính nào đó của tộc người Việt. Nhưng dù chỉ làm như thế, cũng không hề được tha cho sự đòi hỏi khắt khe của công việc nghiên cứu. Những gì tôi nói dưới đây chỉ xin được coi là một giả thuyết làm việc (hypothèse de travail). Tôi xin mạnh bạo nêu lên vài gợi ý về «phong cách tư duy» của người Việt.

Trong đoạn mở đầu, tôi có nhắc tới «bộ lọc» của người Việt đối với các nguồn ảnh hưởng văn hóa từ bên ngoài, trong đó có cái được tôi gọi là «tâm thức»(5), bên cạnh yếu tố «ứng xử» và «ngôn ngữ». Ứng xử nói đây bao gồm tất cả những hoạt động sống để một tộc người tồn tại và phát triển, vì đó trước hết là những hoạt động sáng tạo của con người, của tộc người. Ngôn ngữ là một yếu tố dễ hiểu hơn, vì nó có cái «vỏ vật chất» có thể nắm bắt được, tất nhiên là trong những biến hóa ngày càng phong phú của nó. Thế còn «tâm thức»? Khái niệm này tôi muốn hiểu đó là «lối tư duy», «cách tư duy», hay nói cho rõ hơn, «phong cách tư duy». (Từ tương ứng của «tâm thức» trong tiếng Pháp là «mentalité», được Petit Robert định nghĩa là «Trạng thái tinh thần, những năng lực tâm lý hay đạo đức», nhưng tôi muốn hiểu khái niệm này một cách hẹp hơn như đã nói trên).

Tôi sẽ không nói tới những điều mọi người đã biết về hoàn cảnh địa lý, về những điều kiện lịch sử trong đó tộc người Việt chúng ta từng tồn tại hàng nghìn năm (chỉ cần lấy hơn một nghìn năm Bắc thuộc và nhiều cuộc chiến tranh xâm lược từ nhiều thế lực bên ngoài đến, cũng đủ hiểu bản lĩnh kiên cường của tộc người Việt phải lớn đến mức nào để nó có thể tồn tại đến hôm nay). Ở đây, vì nói đến «phong cách tư duy» nên chỉ xin đặc biệt nhấn mạnh tới những gì có liên quan trực tiếp.

1. Có lẽ tộc người Việt từ thời xa xưa cũng đã có một thứ vũ trụ luận của mình, giống như ở rất nhiều tộc người khác. Và có lẽ vũ trụ luận của người Mường, như Trần Từ mô tả trong tác phẩm xuất sắc đã nhắc tới trên đây của ông, cũng rất gần gũi, nếu không nói là giống hay gần giống với vũ trụ quan của người Việt, nếu chúng ta chấp nhận những kết luận của tộc người học Việt Nam, theo đó, thật ra tộc người Việt Nam và tộc người Mường thời xa xưa chỉ là một, sau đó phân hóa

thành hai. Chắc chắn người Việt ngày xưa cũng thờ cúng tô-tem và vật linh, mà dấu vết vẫn còn lại cho đến nay. Nhưng điều nổi bật ở tư duy về «sống-chết» này (như cốt lõi của mọi tín ngưỡng và tôn giáo), đó là không có sự ngăn cách tuyệt đối giữa người sống và người chết. Dù đó là một thứ vũ trụ «hai bên» đi nữa, thì sự giao lưu giữa «hai bên» vẫn còn thân thiết và bền chặt, như Trần Từ nói về người Mường: «chuyến đưa người chết từ thế giới bên này sang thế giới bên kia là việc diễn ra giữa người và người, giữa người sống và người chết, không có sự can thiệp của các nhân vật siêu nhiên bên trên và bên dưới». Chết không phải là hết, mà là chuyển từ trạng thái sống này sang trạng thái sống khác, đó chỉ là sự «khuất núi», nghĩa là vẫn ở trên mặt đất này nhưng là ở bên kia núi, sự xa cách được rút lại. «Ở đây, chúng ta bắt gặp thêm một nét quan trọng trong tâm thức người Việt: cõi âm là cõi vĩnh hằng của con người... Không phải là đi sang cõi âm mà là về cõi âm. Về - từ này hàm nghĩa một sự trở về và là sự trở về nơi cũ. Về không chỉ là có cái gì đó tiếp nối sự sống sau khi chết, đó còn hơn là một sự tiếp nối đơn thuần, đó là sự tồn tại vĩnh hằng sau khi chết...» (Lê Diên, Rồi ai cũng về cõi âm, Đối thoại, số 4, 1994). Chết đối với người Việt không phải là một sự trừng phạt ghê gớm, người ta coi đó là một điều tự nhiên. «Người già lắm khi chứng kiến sự chuẩn bị cho cái chết sắp tới của mình, rất bình thản. Đây, chiếc quan tài sắm trước đặt ngay dưới bàn thờ, chưa sơn quét và còn dùng để chứa vài thùng thóc ngừa lúc giáp hạt... Người già quen với cái chết cũng như quen với những ngôi mộ gần gũi nằm giữa cộng đồng gần gũi, cũng như quen với dãy núi xanh lam ở phương trời tây kia. Một vòng đời đi qua, cũng như một vòng đường từ nhà ra đồng, lên núi, rồi lại về nhà... Vậy đó!» (như trên).

Từ quan niệm về «sống-chết» ấy, người Việt nói chung không thích lắm những mặt đối kháng triệt tiêu, loại bỏ nhau, không sùng bái lối suy nghĩ theo lối đối lập triệt để. Sống và chết có thể dung hòa, mọi mâu thuẫn có thật và không có thật cũng có thể dung hòa. Những hành vi loại bỏ nhau, giết hại nhau không thương xót, không được người Việt Nam đồng tình. Lối nghĩ ấy nhiều khi còn được áp dụng cả cho những quan hệ thù địch nhau. Kẻ thù, dù đã gây hại rất lớn cho mình, người Việt cũng sẵn sàng tỏ thái độ nhân đạo. Người Việt sẵn sàng bỏ mình cho nghiệp lớn được họ coi là chính nghĩa, nhưng không coi «cái chết nhẹ tựa lông hồng» theo lối anh hùng hảo hán.

2. Đến nay, vẫn chưa ai mô tả được thật chi tiết về những đối tượng tư duy của người Việt cổ. Tài liệu quá hiếm hoi! Nhưng chắc chắn là người Việt mang những tư tưởng rất phong phú, ít ra cũng đã được phản ảnh trong folklore, về vũ trụ, đất trời, gia đình, làng nước,

xã hội, làm ăn, tình yêu v.v... Chỉ có điều là những suy nghĩ ấy chưa bao giờ được tổng kết thành hệ thống để trở thành những học thuyết, những kinh sách. Ngay cả thờ cúng tổ tiên, một thứ tôn giáo sâu sắc của người Việt như L. Cadière xác định, thật ra đã không thể trở thành một tôn giáo chặt chẽ, với giáo lý, giáo hội và giáo trưởng của nó, ngoài việc tiếp nhận một số nghi thức và bài trí du nhập từ Trung Quốc. Óc khái quát chưa bao giờ là mặt mạnh của người Việt cả. Những đỉnh cao trí tuệ và tâm linh, in đậm sức sáng tạo và tính độc đáo, gần như rất hiếm hoi, có lẽ chỉ trừ lĩnh vực y học và đánh giặc, hai lĩnh vực có liên quan trực tiếp đến sống chết của con người. Năng lực tư duy của người Việt quá kém cỏi chăng? Tôi không muốn nghĩ như vậy, vì trong lịch sử, thời nào cũng có những trang tài giỏi mà năng lực tư duy không kém ai. Nhưng chính họ cũng không đẩy được những kết quả tư duy của mình lên thành học thuyết, thành hệ thống có tính phổ quát, mà nói chung, chỉ dừng lại ở trình độ «vận dụng» như ta nói hiện nay, dù là «vận dụng sáng tạo» hay «vận dụng tuyệt vời» đi nữa. Nguyên nhân của tình trạng này có lẽ cũng không phải ở sự «nhỏ bé» của đất nước. Biết bao dân tộc và đất nước cũng nhỏ bé như chúng ta, thậm chí còn nhỏ bé hơn, đã cống hiến cho loài người những tư tưởng đặc sắc và có tính phổ quát cao.

Phải chăng đó là do vị trí địa lý và văn hóa của nước ta? Tôi muốn hiểu như vậy. Cách đây khoảng 2000 hay 2500 năm, chẳng hạn, khi nền văn minh thời Văn Lang và Âu Lạc (hay có người còn gọi là «văn minh sông Hồng») đạt tới một trình độ tương đối cao (có kỹ thuật đồ đồng khá tinh tế), thì tộc người Việt đã bị những nền văn minh lớn, chủ yếu là của Trung Quốc và Ấn Độ, vượt lên rất xa. Trong khi người Việt vẫn chưa có chữ viết (gần đây, có người chủ trương rằng người Việt đã có chữ viết vào thời ấy, nhưng chưa có sức thuyết phục), thì các nền văn minh Trung Quốc và Ấn Độ đã có cả những tòa lâu đài đồ sộ về tư tưởng, kết tinh ở những tôn giáo, những triết thuyết có sức mạnh phổ quát đến mức ngày nay người ta vẫn còn lấy làm kinh ngạc trước sức sống của chúng. Chưa kịp xây dựng những hệ thống tư tưởng riêng của mình, thì người Việt đã có sẵn những câu giải đáp về đời sống tâm linh và hiện hữu của con người nằm sẵn trong những tôn giáo và triết thuyết của hai nền văn minh khổng lồ ấy. Từ Trung Quốc truyền sang (có kèm theo những đạo quân xâm lược hay không) nhiều học thuyết khác nhau, chủ yếu là Khổng giáo và Đạo giáo. Phật giáo thì từ Ấn Độ truyền sang bằng những con đường khác nhau, trực tiếp hay gián tiếp, với sức thuyết phục của nó là chính. Sự tiếp nhận văn hóa từ Trung Quốc tuy mang tính chất tiếp nhận văn hóa đối kháng, theo thuật ngữ của G. Devereux, nhưng do chính sức mạnh phổ quát của Khổng giáo và Đạo giáo, người Việt đã dần dần tìm thấy ở đó

những chỗ dựa cần thiết (một viên thái thú như Sĩ Nhiếp, vì có công truyền bá tư tưởng Trung Quốc, chủ yếu là Khổng giáo, được người Việt tôn sùng như một vị thần bản địa, dưới tên gọi Sĩ vương, là một ví dụ).

Nói một cách hình ảnh, ảnh hưởng của những tư tưởng Trung Quốc và Ấn Độ giống như hai bóng cây khổng lồ trùm phủ lên mảnh đất nước ta ngày xưa, khiến cho mọi thứ «cây tư tưởng» của người Việt bị «cớm nắng». Tình trạng này đưa tới một hệ quả nặng nề: dựa dẫm vào những tư tưởng bên ngoài, và như vậy trong gần hai nghìn năm. Sức sáng tạo tư tưởng bị còi cọc: lối suy nghĩ giáo điều, sao chép và học thuộc lòng sách vở nước ngoài trở thành một tâm thức quá quen thuộc, như một thứ thuộc tính khó dứt bỏ. Phần được dành cho sức sáng tạo về tư tưởng của người Việt rút lại chỉ là ở phần «vận dụng». Tuy sự vận dụng này không phải không đem lại những thành công nào đó (như khi Nguyễn Trãi «vận dụng» tư tưởng nhân nghĩa của Khổng giáo để chống trả và đánh thắng sự xâm lược của nhà Minh, chẳng hạn), nhưng nếp nghĩ giáo điều vẫn chi phối đời sống tư tưởng của người Việt (chính Khổng giáo càng chi phối mạnh mẽ và sâu sắc hơn ở thời Hậu Lê, sau khi đánh thắng nhà Minh). Nói như ngày nay, người Việt ngày xưa lấy Khổng giáo làm hệ tư tưởng chính thống, tạo ra tâm thức phục tùng chính thống gần như vô điều kiện. Người ta không thể sống mà không dựa vào một hệ tư tưởng chính thống nào đó. Chính tâm thức này, cùng với bản thân các học thuyết mang tính phổ quát bên ngoài, làm cho sức sáng tạo về tư tưởng bị thui chột. Hàng trăm năm như thế.

Nói cho cùng, tộc người Việt có một ưu điểm lớn: không bài ngoại về tư tưởng, sẵn sàng tiếp nhận những tư tưởng bên ngoài nào phù hợp với mình. Nhưng cũng chính vì thế, tâm thức sùng ngoại về mặt này trở thành một nhược điểm cố hữu. Trong quá trình hiện đại hóa hiện nay, có lẽ cần tỉnh táo nhất về mặt này để không biến nước ta thành một «thùng nước gạo» bị đổ vào đó mọi thứ thức ăn ngoại bang (những sự tiếp nhận văn hóa kiểu sùng ngoại hiện nay).

3. Như đã nói, tâm thức «hệ tư tưởng chính thống» là một nét cố hữu của người Việt, đặc biệt trong đời sống tư tưởng. Tâm thức này có mặt tốt: những lúc đất nước đứng trước nguy cơ lớn đối với sự tồn tại của nó, một «hệ tư tưởng chính thống» là cần thiết để có thể tập hợp tất cả những sức mạnh của dân tộc thành một sức mạnh thống nhất có sức chiến đấu cao. Nhưng chính tâm thức này đã cản trở không ít những sức mạnh sáng tạo về tư tưởng. Mọi sáng tạo tư tưởng ít nhiều đều không ăn khớp, thậm chí ngược lại với «hệ tư tưởng chính thống». Nếu duy trì hệ tư tưởng chính thống như cái gì duy nhất đúng, thì xin

dùng lại hình ảnh trên đây, sẽ tạo ra một thứ bóng cây trùm phủ lên tất cả và mọi tư tưởng sáng tạo chắc chắn bị «cớm». Phải chăng trong hoàn cảnh nước ta hiện nay, khi phải tìm kiếm những con đường, những phương pháp để hiện đại hóa, sự thống nhất về tư tưởng là cần thiết, nhưng chỉ nên thống nhất ở những mục tiêu, còn về những con đường, những phương pháp thì nên để cho sức sáng tạo được phát triển một cách tự do, dù có những cái không theo chính thống.

4. Nhìn chung trong đời sống tư tưởng của người Việt, do nhiều nguyên nhân xã hội và lịch sử, tâm thức duy cộng đồng luôn luôn chiếm ưu thế đối với tâm thức duy cá nhân. Ở đây, xin nói rõ một điểm, người ta thường cho rằng ở phương Đông, hay nói cụ thể hơn ở các nước Đông Á, trong đó có Việt Nam, chỉ có tính cộng đồng mà không có tính cá nhân, ngược lại với các nước phương Tây. Đó là một lối nói siêu hình, tách cái cá nhân và cái cộng đồng thành những cái riêng biệt và đem đối lập chúng với nhau một cách tuyệt đối. Không ở đâu có điều đó cả. Ngay cả ở những xã hội cổ xưa, mà theo lời Marx, cá nhân chưa cắt được «cuống rau» của nó khỏi tập thể, khỏi cộng đồng, cũng đã có sự hình thành của cá nhân, của con người cá nhân rồi. Về vấn đề này, C.G. Jung đã có một phân tích sâu sắc trong Biện chứng giữa cái tôi và cái vô thức (Dialectique du Moi et de l'inconscient, Gallimard, Paris, 1986). Theo ông, trong những xã hội này, nhân cách (personnalité) mang hai bộ mặt. Một bộ mặt được gọi là persona, mà theo từ nguyên của nó, đó là cái mặt nạ để làm cho mỗi người có những ứng xử phù hợp với cộng đồng, với tập thể, nó là «một mảnh của tâm thần tập thể để chỉ vai trò của nó trong tập thể, và về thực chất, nó thuộc về cái vô thức tập thể, che giấu một phần của tâm thần tập thể». Khi lật mặt nạ ấy lên, người ta có thể thấy hiện lên con người cá nhân, hay nói cho đúng, tính cá nhân, ở dưới dạng phác thảo của một sự phát triển cá nhân (ébauche d'un développement individuel), dù rằng về căn bản, nó gắn chặt với tập thể, mang tính tập thể (trong bài Có những quan niệm về con người cá nhân ở phương Đông, tạp chí Văn học, số 5, 1995, tôi đã trình bày rõ vấn đề này, xin không nhắc lại ở đây). Đúng là ở các nước Đông Á, con người cá nhân đã hình thành ít ra như một tiềm năng chực bùng nổ khi có điều kiện, nhưng cũng đúng là con người cá nhân ở đây nói chung phụ thuộc vào cộng đồng, bị cộng đồng chi phối gần như từ đầu đến cuối, từ lúc sinh ra cho đến lúc chết đi. Nhân vật Chí Phèo của Nam Cao, theo cách hiểu của tôi, tiêu biểu cho con người cá nhân giẫy giụa, chống đối, đập phá, với khát vọng thoát khỏi cái cộng đồng làng xã từng hủy hoại nhân cách của y, nhưng theo lối tiêu cực, phá hoại. Từ đầu thế kỷ XX, trong những hoàn cảnh xã hội đã biến đổi, con người cá nhân có điều kiện

để phát triển hơn (với sự hình thành của các đô thị hiện đại, do đó, của các tầng lớp xã hội hiện đại) và đòi hỏi giải phóng cá nhân cũng trở nên mạnh mẽ hơn, không chỉ để đáp ứng với những khát vọng cá nhân, mà còn với sự phát triển xã hội nói chung. Nhưng cả cho đến nay, cá nhân ở nước ta vẫn chưa thoát khỏi cái «tổ kén» cộng đồng để trở thành những cá nhân độc lập trong mối quan hệ mật thiết với cộng đồng kiểu mới văn minh hơn. Vấn đề không phải là lựa chọn giữa cá nhân và cộng đồng (không phải trong cộng đồng thì cá nhân sống ở đâu, phát triển ở đâu và dùng những năng lực của nó vào đâu?). Vấn đề là đảo ngược vectơ của mối quan hệ này: thay «cá nhân vì cộng đồng» bằng «cộng đồng vì cá nhân», hay nói đúng hơn, cá nhân và cộng đồng cùng phát triển. Nếu không như vậy, con đường hiện đại hóa của nước ta sẽ bị tắc tị. Gần đây, có những người đề xướng lấy những giá trị làng xã làm nền tảng cho sự phát triển xã hội, với lý lẽ «nguồn gốc của văn hóa dân tộc là ở nông thôn», vì làng xã có tất cả những ưu điểm lớn nhất: đoàn kết, tương trợ, tự chủ, dân chủ... Tôi xin được phép không tin vào những lý lẽ hoài cổ rất mùi mẫn ấy.

5. Xin nói trước, về điểm này tôi chưa đi sâu để có thể nêu thành một tâm thức của tộc người Việt, nhưng vì đó là luận điểm do một học giả uyên bác đưa ra, nên cũng xin giới thiệu ở đây với tất cả sự dè dặt (và chính tác giả của luận điểm này cũng coi đó là một «giả thiết làm việc»). Đó là tinh thần «nhu đạo» của người Việt do Cao Xuân Huy đưa ra trong bài Một «giả thiết làm việc» trong quá trình nghiền ngẫm về lịch trình tư tưởng dân tộc (trong Tư tưởng Đông phương - Gợi những điểm nhìn tham chiếu, Nhà xuất bản Văn học, 1995). Ông nhắc lại lời Lão tử: «Trong thiên hạ không có gì nhu nhược bằng nước, thế mà trong tất cả những cái gì công phá được những vật kiên cường, không có cái gì hơn được nó», và nói: «Tôi nghĩ rằng tinh thần lập quốc của chúng ta chính là cái tinh thần nhu đạo». Theo ông, sở dĩ người Việt chiến thắng được bao nhiêu thiên tai, địch họa (mà ông gọi rất đúng là «một hoàn cảnh thiên nhiên ác liệt» và «sức đồng hóa kinh khủng của một dân tộc khổng lồ»), đó là «nhờ ở chỗ dân tộc ta có cái đặc tính mềm mại, uyển chuyển, linh hoạt, lưu động, như nước»... Thậm chí ông còn đi tới chỗ coi nước «lại còn dễ tính đến nỗi khi người ta rót nó vào chai, thì nó ngoan ngoãn rập khuôn theo hình dạng của chai, rót vào bầu, vào ấm cũng vậy». Nhưng ông khẳng định: «Đó không phải là vì nó không có cá tính. Trái lại, đó là khả năng thích ứng vô hạn của nó, mà chính cái khả năng thích ứng đó là cái tinh ưu việt, cái bí quyết sinh tồn của dân tộc ta». Ông cũng nhấn mạnh tới đặc tính của nước là cái «quân thế» (équilibre) tuyệt vời của nó, (cái «quân thế», tức thế cân bằng, này thể hiện trong kiến trúc

đình chùa, nhà cửa, trong niêm luật lục bát của thơ ca, trong trật tự xã hội và tình cảm cá nhân...).

Những nhận định ấy hẳn có nhiều phần đúng, nhưng lẽ nào người Việt chỉ có «mềm» (nhu) mà không có «cứng» trong ứng xử, chỉ có «quân thế» mà không có «mất quân thế»? Ở đây, chúng ta đụng tới tính liên tục và tính đứt đoạn trong sự phát triển của các tộc người. Tộc người nào cũng tồn tại và phát triển trong tính liên tục cũng như qua tính đứt đoạn. Khi dòng chảy mang tính liên tục thì ứng xử của người ta thường «mềm», thường «cân bằng», nhưng khi dòng chảy bị đứt đoạn thì khó mà không «cứng» trong ứng xử, không «mất quân thế». Dường như tộc người nào cũng mang theo bản thân nó những nguyên lý đối lập nhau, vì bản chất con người chính là được tạo nên bằng những nguyên lý đối lập nhau ấy? Nó vừa hướng tới cái tuyệt đối, cái tâm linh, vừa hướng tới cái trần tục, cái hiện hữu, vừa hướng tâm, vừa ly tâm, vừa Đạo vừa Đời. Tác giả người Nga N.F. Rakhmankulova khi bàn về triết học Ấn Độ đã đưa ra một nhận xét rất lý thú: «trong thế giới quan triết học Ấn Độ, có sự kết hợp của chủ nghĩa duy lý (trong việc mô tả «cấu trúc thế giới» và «công nghệ giải cấu trúc thế giới») và chủ nghĩa tâm linh thần bí (theo hướng tồn tại siêu lý trí)» (Các giá trị và sự xuất hiện của truyền thống triết học dân tộc (Ấn Độ và Trung Quốc), Bản tin Trường Đại học Tổng hợp Moskva, Triết học, số 1, năm 2000).

Xin nhắc lại một lần nữa: tất cả những điểm nói trên về «tâm thức Việt Nam» chỉ là những giả thuyết, và chắc chắn còn phải làm rất nhiều việc để chứng minh, để kiểm chứng và khẳng định và cũng là để bác bỏ nữa. Đối với sức một người không chuyên như tôi, thế là đã quá mạo muội.

*

Cũng như cách đây mươi lăm năm, khi bàn tới vấn đề này, bây giờ tôi vẫn cảm thấy như đứng trước một cái gì vừa mơ hồ, vừa rõ rệt, vừa vô hình, vừa hữu hình, vừa thuộc về vô thức, vừa thuộc về hữu thức. Một vấn đề (hay hệ vấn đề) như vậy không thể được giải quyết nhanh chóng bởi một người hay thậm chí một nhóm người. Tôi chỉ tự nhủ: khi bàn về vấn đề này, cần tránh hai cực đoan: chủ nghĩa dân tộc chật hẹp, đi tới một thái độ tự say mê với dân tộc mình (narcissisme national), tự coi mình là «nhất thiên hạ», đồng thời cũng tránh rơi vào chủ nghĩa hư vô dân tộc (nihilisme national), với mặc cảm tự ti dân tộc, không tính đến những giá trị dân tộc (dù có nghèo đến

đâu cũng rất quý giá).

Con người, theo tôi hiểu, bao giờ cũng tồn tại và phát triển theo ba trục gộp thành một (lại «ba mà một»), hay ba cấp độ lồng vào nhau: cá nhân, dân tộc và tộc loại. Bỏ quên một mặt nào trong ba mặt ấy, «không thể thành người», như lời một bài hát đầy rung cảm.

NGUYỄN KIẾN GIANG
Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2000

Chú thích

1. Bài viết nhân cuộc tọa đàm «Tâm Lý Người Việt Nam Nhìn Từ Nhiều Góc Độ» (20/04/2000) do Trung tâm Nghiên cứu Tâm lý Dân tộc (TPHCM) tổ chức.
2. Nhà nghiên cứu văn hóa.
3. Ý kiến cho rằng dân tộc Việt Nam đã hình thành từ thời Hùng Vương thật ra là đã lẫn lộn hai thuật ngữ «dân tộc» và «tộc người».
4. Để hình dung cụ thể hơn, xin lấy ví dụ từ những kết quả nghiên cứu của F. Laplantine theo tâm bệnh học tộc người về tính tộc người ở Brazilia, được coi như một «xã hội tổng thể» (société globale). Theo ông, xã hội này có hai đặc trưng:
a) Xu hướng thế giới rõ rệt của nó. Trái với những xã hội có xu hướng nghi ngại những sự khác nhau và những sự tiếp xúc văn hóa, ở đây tất cả những gì đến từ một xã hội bên ngoài đều được tôn trọng. Tính đa dạng không những được chấp nhận, mà còn được đòi hỏi, và sự trộn lẫn (cái hiện thực và cái tưởng tượng, cái thiêng và cái phàm, người da trắng và người da màu) được ca ngợi. Đặc trưng của «tính Brazilia» là tích hợp mọi cái đến từ bên ngoài, vì tính số nhiều (pluralité) ấy là cái tạo ra xã hội Brazilia ở những gì độc nhất của nó.
b) Một đặc trưng khác là thái độ nồng nhiệt, chan hòa, ít hướng tới xung đột, một thứ văn hóa tình cảm, thống nhất và cố kết dân tộc như thường được biểu hiện ở bóng đá và hội hóa trang. Thái độ chan hòa này không mang tính trí tuệ mà mang tính xúc cảm, bằng thân thể và trái tim. Chính là qua thái độ ấy, người Brazilia hiểu được «tính Brazilia» từ bên trong và cho chính bản thân họ.
5. Chữ thức có nhiều nghĩa: thức là sự nhận biết (trong nhận thức), thức là cách, là phép, là kiểu mẫu (trong phương thức)... Ở đây dùng theo nghĩa sau.





THƯỜNG QUÁN
Buổi chiều, linh diệu

Đâu đó ở một lời bạt trước Los Conjurados Borges tự thú rằng thời tuổi trẻ ông đã mê đắm ngoại ô nhạt màu, những buổi chiều và sự sầu muộn thì ở tuổi già ông mê say trung tâm thị tứ, những đầu ngày, và hạnh phúc. Nói thế rồi nhưng buổi chiều vẫn cứ chiếm một không khí nhất định trong thơ ông. Cho tới Los Conjurados, tập thơ cuối cùng của một thi nghiệp kéo dài dư ngoài 60 năm (tính từ Fervor de Buenos Aires, xuất bản năm 1923). Buổi chiều khi nắng đã nồng ngất, đã lóa lòa, đã bất một hương bụi cát, thì trong thị giác không còn được bao nhiêu của một người mang tên Jorge Luis Borges, nắng ấy cũng tượng lên những viền cắt của bóng, thứ bóng thẫm đậm nhất, để buổi chiều trở thành một tụ đọng. Tụ đọng lại, như một lăng kính, ở đó những sách vở và những đồ vật như những vật-mẫu được thu hút về trên một mặt bàn, giữa căn phòng, ở đó, trên một mặt tường căn phòng: một chiếc kiếng lớn, mọi thứ phản chiếu soi rọi trong im lặng tự thể. Buổi chiều im lặng rớt vào bên trong và đứng lại, như từ thiên thu. Buổi chiều đứng lại, tượng trưng và làm chứng cho hàng nghìn hàng vạn buổi chiều đã tới, đã đi qua. Tới và đi qua, tuần hoàn, mãi mãi. Sự lập

đi lập lại làm nên buổi chiều nguyên sơ nguyên mẫu (la tarde elemental) .

Trong buổi chiều ấy, một đứa trẻ (hay gió, hay linh hồn của nó) chạy vòng quanh một ngôi nhà mà tưởng tượng thời gian đã làm phai bạc quá lắm

Buổi chiều nguyên sơ chạy vòng quanh ngôi nhà .
Của hôm qua, của hôm nay, một buổi chiều luôn có đó.
(Los Conjurados, 1985)

Hoặc là như thế hoặc là một cách thấy khác, một hình tượng khác: chính buổi chiều như một biểu tượng đang chạy vòng quanh ngôi nhà. Ngôi nhà của con người. Ngôi nhà trên trái đất. Ngôi nhà trong thời gian. Mà thời gian không cho vào được, thời gian với một chiếc cửa dày, và buổi chiều bị lưu đày sẽ mãi chạy vòng quanh.

Trong buổi chiều ấy có buổi triêu dương. Trong buổi chiều ấy có đêm tối và những giấc mộng. Những bài thơ thì làm nên từ những giấc mộng. Bài thơ thì hát lên và tượng hình nên buổi chiều. Buổi chiều trong buổi chiều. Mộng trong mộng . *Ad infinitum.* Như phong thái Eleatic mà Borges từng đã khám phá và sử dụng trong những cái viết của ông.

— một bài thơ khác, Spinoza, trong tập Bản Ngã và Kẻ Khác (1964), buổi chiều được đặt vào đôi tay một người đang chùi bóng ngời một lăng kính thuỷ tinh thể:

Trong đôi tay trong suốt buổi chiều hôm nay
Của người đàn ông Do Thái đang chùi bóng ngời
thủy tinh thể sắc cạnh
Buổi chiều mạc tận lạnh những vòng băng hãi sợ
(Mỗi ngày tất cả những buổi chiều đi qua y hệt nhau.)
Đôi tay và không gian thảo hương tím
Nhạt màu trong những vòng khoanh những thành tường ghết-tô
Hiện hữu mờ nhạt duy cho người đàn ông im lặng cuống cổ
Đứng đấy, mơ một ma trận rực rỡ

Trong buổi chiều ấy cũng thế phản ảnh của những giấc mộng trong một giấc mộng trong một gương soi, nhưng mà

tình yêu cũng không, những người đàn bà tình yêu kín đáo.

Những chấn song biến mất, ông ta tự do .

Tự do của người đàn ông trong vòng ghết-tô có tên là Spinoza (hay Borges ?) được đồng hoá với sự thoát khỏi danh vọng, tình yêu, những chấn song đời sống. Buổi chiều trong Spinoza chỉ là một không gian, một tấm phông. Buổi chiều trong Los Conjurados thì sâu thẳm bí mật và tự tại. Nó nhắc lại bản chất của thời gian, phù du của kiếp người, chỗ đứng của ngôi nhà nhân thế, kiếp người, văn chương (9 cuốn sách của Polymus/ đời sống ngắn ngũi/ phản chiếu thoắt biến).

Không khí của tập Los Conjurados mang một nét u trầm thoáng đãng và tình tứ (ẩn kín). Một không khí bí nhiệm (như Borges lắm lúc không dằn nỗi đã kêu lên / que misterio ! *kỳ diệu thay sự buông xuôi đầu hàng của những biểu tượng !/* (Lời Ghi). Kỳ diệu và bí ẩn, mà là ở ngưỡng cuối của một hành trình, khi ma trận đã không còn

Ma trận đã biến mất. Cũng đã mất theo
Những đại lộ hai hàng khuynh diệp ngay ngắn,
màn vải che cửa nắng mùa hạ, và con mắt gương
soi dõi chừng chẳng bao giờ giấc ngủ
(Elegy cho một công viên, Los Conjurados)

Los Conjurados có thốt lên những câu hỏi về cái chết : Thành phố nào của tôi trong đó tôi sẽ chết ? *(Mạng Lưới).* Về kẻ lạ đã tới kêu đi trong giấc mộng (Lá Bách). Về đất, định mệnh của người

Jêsu trên thập tự giá; chân người chạm vào đất.
Ba thập tự giá cùng một kích tấc.
Jêsu không ở giữa . Người chỉ là người thứ ba .
(Jêsu trên Thập Tự Giá)

Về một công viên, công viên đã từng đón ta đi qua bây giờ ta gởi lại một bài sầu ca. Bài sầu ca cho những chiếc đồng hồ đã ngưng đập. Bài sầu ca cho chính chúng ta

Chúng ta hiện đang sống quá khứ chúng ta sẽ trở nên là .
Chúng ta là chính thời gian, giòng sông không
phân tách được.

Chúng ta là Uxmal và Carthage, chúng ta những bức tường cổ La Mã đã biến mất, một công viên đã biến mất,

Công viên đã biến mất những câu thơ này tưởng niệm .

Về Mây. Mây, trong hình dung. Trong tương liên bản chất với mọi sự vật. Với mơ mộng sơ cổ. Kiến trúc ban đầu. Kế hoạch khởi nguyên. Lang bạt. Tạo tác. Gặp gỡ, bôi xoá .

Mây (I)

Không thể có một vật nào mà không là mây .
Những ngôi giáo đường có trong nó cây ấy
của những hòn đá tròn và cửa kiếng màu
và những huyền thoại trong kinh thánh
thời gian sẽ chốc nữa đây tới xoá đi .

Mây (II)

Một đám mây chiều thất lạc rực sáng,
Cháy trong chữ của nhà thơ, và chúng ta
Mang nó vàomột cái thấy chúng ta sẽ theo đuổi .
Chốc nữa chúng ta sẽ hỏi : Mây là gì ?
Một kiến trúc của rủi may chăng ?
. . . . Có lẽ Thượng Đế cần chúng như một cảnh giác
báo trước sự tiến hành kế hoạch sáng tạo
vô cùng mênh mông của Người, và chúng ta là những
sợi đan dệt của mưu cấu chưa hiển lộ, còn mơ hồ .
Có lẽ một đám mây thì chẳng cố định hơn
Là một kẻ nhìn vào nó trong một buổi sáng .

Có lẽ, Có lẽ / Quizá, Quizá - những âm vọng phù du, trôi nổi. Và mây, mây như một cảnh-giác, nghĩa là một ký hiệu, thứ ký hiệu cổ sơ, lang bạt, trong thế giới cổ sơ . Mọi thứ tinh khôi cũng là vạn tuổi. Thời gian thì không cửa mở. Ta đi bên trong, ta là thời gian mà mù mịt ta tuân thủ một thứ luật như mạng lưới biến thiên nhân quả và bất ngờ, vô định. Trong ma trận thời gian và tường vách ký ức, những con đường, những bậc thềm, vừa là trong, vừa là ngoài, vừa vào sâu, vừa lên cao . Không phải thuần là sản phẩm của tưởng tượng làm nên ma trận này, mà vì con người là con người của thời gian mờ mịt, của những giấc mộng, của hồi ức, của những điệu luân vũ vào lãng quên, của những sợi đan dệt một Plot/Mưu-cấu, mà kỳ diệu thay, vừa nằm trong tay con người, vừa nằm ngoài con người ấy .

Chỗ đứng nhìn những đám mây phù du cháy sáng ấy còn phù du hơn khi chỗ đứng đấy là đất đang xế bóng tà huy, tâm hồn đang dõi tìm cây lá của yên nghỉ. *Cây của cái chết tôi là một cây bách.* Borges chọn

bách, loài cây già mãi xanh lá . Chọn như thế trong giấc mơ về cái chết của ông, và trong giấc mộng ấy, ông kể lại đã tư duy và thấy mãi một chữ lenta/uyển chuyển. Uyển chuyển nghĩa là sống, trong khi cây trong ác mộng đã chết. Bài thơ Lá Bách ở gần cuối tập Los Conjurados nói gì về linh hồn uyển chuyển trên vật-chất-chết ? Và khoảng hụt mất một cuốn sách của Emerson trên kệ sáng ngày thức dậy nói gì về Kẻ Lạ thực đã tới đêm qua ? Bí-ẩn-kiểu-Borges trong thơ có là khác ở truyện ngắn và tiểu luận, nó chẳng để ta truy lùng, nó chẳng mang tính thách thức, nó được xướng ca và tự trình bày. Nó gởi người đọc tới chỗ cháy sáng cùng là tịch mịch. Nó khiến kẻ ấy nhìn sâu và lay động, và nhớ lại. Những bài thơ như ông nói, chúng nằm ngoài những thẩm mỹ hệ, những nỗ lực, những kích động. Những bài thơ như những chiêm ngắm, sờ chạm. Sờ chạm những giấc mộng, đồ vật, những cuốn sách, chữ, tình yêu, lòng tận tụy, chịu đựng giới hạn, đòi hỏi khai mở, viết, làm việc, một lăng kính chùi bóng ngời sáng trong đôi tay trong suốt buổi chiều, trong vòng vây hãm một ghết tô Do Thái

Không còn ẩn dụ huyền thoại, ngồi xuống
Chùi bóng ngời một lăng kính thuỷ tinh thể ngoan cố:
Bản đồ không biên giới của người mà bây giờ là tất cả
các vì sao của con người ấy
(Spinoza)

Sự kế tục một định mệnh, một người, không riêng con người ấy, mà đi xuyên qua, vào số đông, vào kiếp người, dòng giống lưu lạc, những phố thành thực và ảo mộng. Ôi ma trận rực rỡ, ma trận kiên trì ! Ma trận của Borges còn làm nên từ một thế giới mà ông đã chọn như định mệnh riêng tư. Ma trận của những nhân vật có tên Spinoza, Emerson, Whitman, Descates, Shakespeare, Browning, Joyce, Heraclitus, Byron, có thể là Borges, có thể là Cervantes (Borges đã tới Phương Đông muộn màng hơn với văn học tiếng Anh và Tây Ban Nha). Trong phố thành vạn cửa vạn cảnh của sách vở hư cấu và thơ ca ấy một người cũng là kẻ khác. Viết và đọc, đọc lại, chung chia phần nào một đoạn hành trình. Hành trình vượt qua bản ngã, tới chỗ nhị trùng, phân ba rẽ tứ. Vừa lung linh uyển chuyển, lạ lùng, hư cấu, tiểu thuyết, vừa là đời sống. Đời sống làm như có lẽ đã được xếp đặt theo một định mệnh nào bí ẩn, linh diệu. !Que misterio

Linh diệu hỡi Đất! Đất mệt mỏi. Cuối cùng, người sẽ nói gì ở một Lời Mở và một Lời Ghi Tạc ? Ấy là sau những bài thơ, những bài thơ sau cùng, sau những giấc mộng, những giấc mộng còn sót, sau

những đời sống cháy sáng sâu thẳm, trong một đời sống vốn từng giới hạn, không biết

Lời Mở vào tập Los Conjurados*

Sẽ không ai ngạc nhiên khi biết rằng nguyên tố chất đầu tiên, lửa , không còn sung mãn trong cuốn sách của một người ở tuổi tám mươi . Một nữ hoàng ở giờ đối mặt cái chết nói bà là lửa là không khí. Tôi thường cảm thấy mình là đất, đất mỏi mệt. Tuy nhiên, tôi tiếp tục viết. Có một định mệnh nào khác nữa, có một định mệnh đẹp đẽ nào khác nữa ? Hoan lạc của nghiệp văn chẳng được đo lường bằng những đức hạnh hay những thành tựu mong manh của ngòi bút. Tất cả nỗ lực của con người đều có thể tan biến, như Carlyle từng minh xác, thế nhưng sự tiến hành nỗ lực ấy thì không, nó kiên trì.

Tôi không đưa ra một thẩm mỹ hệ nào. Mỗi tác phẩm chân thành đặt vào tay người viết hình thái nó kiếm tìm: thơ, văn, một kiểu thức ba-rốc hay một style đơn giản. Những lý thuyết có thể là những chất kích thích đáng ngưỡng mộ (chúng ta hãy nhớ lại Whitman) nhưng tự bản thân chúng có thể sản sinh những quái vật hay những vật trưng trong viện bảo tàng. Chúng ta hãy nhớ lại độc thoại nội tâm của James Joyce hay tác phẩm khó chịu siêu đẳng của Polyphemus.

Sau khi đi qua tất cả những năm tháng tôi đã quán sát thấy rằng vẽ đẹp, như hạnh phúc đã là khách viếng thường trực. Một ngày chưa thể trôi qua nếu chúng ta, trong khoảnh khắc, chưa ở trong thiên thai. Có một nhà thơ nào, dù là trung trung tầm cỡ, mà không từng viết nên một dòng đẹp nhất cho văn chương, cũng là những dòng khổ lụy nhất.

Cái đẹp không là đặc huệ của một vài tên tuổi. Thực là hiếm hoi nếu cuốn thơ này không chứa đựng trong nó một dòng bí mật đáng ở lại với bạn cho tới cuối cùng.

Trong cuốn thơ này có rất nhiều giấc mộng. Tôi muốn nói thực rõ rằng chúng là tặng phẩm của đêm, hay đúng hơn, của sớm mai triêu dương ngày rạng, chứ không phải là những hư cấu đã được vấn tra, gạn hỏi . — một đôi nơi tôi đã dám góp thêm một hai làn mạch văn hoa thoát từ hoàn cảnh mà thời đại chúng ta, bắt đầu tự Dafoe, đã đòi hỏi .

Tôi đọc xuống Lời Mở này từ một trong những quê hương của tôi, Geneva .

(9 tháng Giêng, 1985)

Ghi Tạc cho tập Los Conjurados

Viết một bài thơ là toan tính thực hiện một trò ảo diệu không quá lớn. Vật dụng có được, ngôn ngữ, chính nó vốn đã kỳ bí. Chúng ta chẳng hề biết một điều chi về gốc tích của nó. Chúng ta chỉ biết nó đã được phân chia thành những cấu hợp ký tự nối đuôi nhau, mỗi chữ cấu gồm một ngữ vựng luôn thay đổi, bất định, và một số lượng ngữ nghĩa ta có thể tìm tới vẫn mãi chưa được qui định. Với những nhân tố mù mờ trôi nổi ấy tôi đã hoàn thành cuốn thơ này. (Trong bài thơ thì nhạc điệu và khí hậu của mỗi chữ có hoá trị cao hơn la ý nghĩa của nó.)

Cuốn sách này là của em, María Kodoma. Tôi có cần nói thêm ở Lời Ghi Tạc này còn gồm cả những hoàng hôn sa chìm mặt nhật, một thân hưu trong rừng nõn Nara, đêm thức một mình, và những buổi sáng đầy, đầy ắp, những hải đảo xẻ chia, những biển khơi, biên trấn sa mạc, và vườn tược, những gì lãng quên đánh mất và ký ức chuyển thể, tiếng xé rít cao ngất một câu gọi vào kinh nguyện đạo Hồi, cái chết của một cánh rừng, đây đó những cuốn sách và những tranh thạch ấn.

Chúng ta chỉ có thể cho những gì chúng ta đã cho rồi. Chúng ta chỉ có thể cho những gì đã là của người khác rồi. Trong cuốn sách này có những điều mãi mãi là của em. Bí ẩn vô chừng đây một trân tặng, một buông xuôi đầu hàng của những biểu tượng .

Geneva 1985.

PHẦN II Thơ Jorge Luis Borges

Chiếc Hộp Nhả Nhạc

Âm nhạc Nhật Bản. Giọt giọt mật chậm
Hay chất vàng vô hình đang tan chảy
Thực chậm từ một chiếc đồng hồ nước,
Và lập lại trong thời gian một đan bện
Thiên thu, dễ vỡ, linh mật và trong suốt.
Tôi sợ hãi mỗi giọt có thể là giọt cuối .
Ấy là qúa khứ trở lại . Từ mái chùa nào,
Từ vườn xanh tươi nào trong núi ,
Từ lễ canh thức nào trước biển không biết,
Từ e ấp nào của muộn phiền riêng tư,
Từ buổi chiều nào đã mất, đã được cứu chuộc

Tương lai xa xôi của nó với tôi có phải đang trở về ?
Tôi không thể biết. Nào có gì quan trọng. Tôi hiện hữu .
Trong âm nhạc ấy . Tôi muốn là . Tôi đổ máu .
(từ tập Lịch Sử Đêm Tối, 1977)

Dự Tưởng Tình Yêu
Sự thân mật riêng tư của khuôn mặt em, vầng trán trắng hồng
ngày hội
ngày mai của thân thể em, còn ẩn mật, kín đáo và trẻ thơ
hay ngày mai của tôi làm nên từ đời sống em, lắng xuống thành
chữ lời hay im lặng,
thì tất cả cũng sẽ chẳng kỳ diệu như một tặng vật
được bằng hình ảnh em trong giấc ngủ đầy, nằm úp sấp
gọn trong canh thức đôi tay tôi .
Trinh nữ trở lại, huyền nhiệm, bởi phép thanh giải của giấc ngủ
tĩnh lặng và rực sáng một niềm gì hạnh phúc trí nhớ vừa gởi trả
em sẽ cho tôi bờ biển ấy của đời sống em mà chính em
không sở hữu
Cất đưa lên cao vào im lặng
tôi sẽ nhận ra bờ bãi tối hậu ấy của hữu thể em
và thấy em như lần đầu tiên, có lẽ,
như Thượng Đế phải thấy em như thế -
hư cấu của Thời Gian đã huỷ phá,
bay lượn ngoài tình yêu, ngoài tôi .
(từ tập Trăng Cắt Ngang, 1925)

Tháng Sáu, 1968
Trong một buổi chiều hoàng kim, hay trong
tĩnh mặc chất vàng của buổi chiều
có thể tượng trưng
một người xếp đặt những cuốn sách
trên những kệ sách chờ đợi
sờ chạm, cảm nhận thớ giấy, da thuộc, vải
và lạc thú được ban tặng
trong dự tưởng sắp đi vào một thói quen
và xết đặt một trật tự .
— đấy Stevenson và Andrew Lang, hai người Tô Cách Lan
sẽ lại bắt đầu thực kỳ diệu

cuộc thảo luận chậm rải từ tốn của họ
mà biển cả và cái chết từng cắt rời
Reyes chắc chắn sẽ không phật lòng
gần gũi bên cạnh Virgil.
(Bằng một cách thầm lặng, khiêm tốn
qua những xếp đặt sách vở vào kệ tủ
chúng ta thực hiện nghệ thuật của nhà phê bình.)
Người trong buổi chiều là một người mù, và biết
Anh ta sẽ không thể nào giải mã
những pho sạch đẹp đẽ anh ta đang cầm trong tay
và những pho sách thì sẽ không bao giờ giúp anh ta viết
cuốn sách tối hậu sẽ biện minh cho đời sống anh ta
trong mắt kẻ khác
nhưng trong buổi chiều có lẽ rực vàng
anh mĩm cười vào định mệnh lạ lùng của anh
và cảm thấy thứ hạnh phúc nhất định ấy
thứ hạnh phúc đến từ những vật cũ kỹ được mến yêu .
(từ tập Ca Ngợi Bóng Tối, 1969)

Spinoza
Trong đôi tay trong suốt buổi chiều hôm nay
Của người đàn ông Do Thái đang chùi bóng ngời thủy tinh
thể sắc cạnh
Buổi chiều mạc tận lạnh những vòng băng hãi sợ
(Mỗi ngày tất cả những buổi chiều đi qua y hệt nhau.)
Đôi tay và không gian thảo hương tím
Nhạt màu trong những vòng khoanh những thành tường ghết-tô
Hiện hữu mờ nhạt duy cho người đàn ông im lặng cuống cổ

Đứng đấy, mơ một ma trận rực rỡ .
Danh vọng không quấy rầy ông ta, phản ảnh
Của những giấc mộng trong một giấc mộng một gương soi khác,
tình yêu cũng không, những người đàn bà tình yêu kín đáo.
Những chắn song biến mất, ông ta tự do,
Không còn ẩn dụ huyền thoại, ngồi xuống
bóng ngời một lăng kính thuỷ tinh thể ngoan cố:
Bản đồ không biên giới của người mà bây giờ là tất cả
các vì sao của con người ấy.
(Từ tập Bản Ngã và Kẻ Khác, 1964)

Ranh Giới
Có một câu thơ của Verlaine tôi rồi lại quên .
Có một đường phố gần bên chân tôi chẳng được lai vãng .
Có một gương soi thấy tôi lần cuối .
Có một chiếc cửa tôi đã đóng kín cho tới tận thế .
Giữa những cuốn sách trong thư viện của tôi
(tôi đang nhìn chúng đây)
Có mấy cuốn tôi sẽ không bao giờ lật mở .
Mùa hè này tôi sẽ năm mươi .
Cái chết đang lấy dần tôi, lấy không ngơi nghỉ .
(Từ tập Kẻ Tạo Tác, 1960)

Elegy
Ôi định mệnh của Borges -
xuyên dương lạc hải bốn bể năm châu
hay cùng một biển đơn độc dưới muôn tên gọi
là một phần của những phố thành
Edinburg, Zurich, nhị phần Córdobas,
Colombia, Texas
đã trở về xuyên qua những đời tộc hệ
tới những miền đất thổ tổ tông
tới Andalucía, Bồ Đào Nha , tới những châu quận
nơi người Saxon xốc mũi dáo sắt vào quân Đan Mạch
trộn lộn máu huyết
đã lăn lóc qua những con đường bình an và hồng đỏ chùng chập
của Luân Đôn
đã già nua theo tháng ngày trong rất nhiều gương soi,
đã thử vồ chụp vô vọng những đôi mắt hoa cương tượng tạc,
đã tra cứu tranh thạch ấn, tự điển bách khoa, đồ bản atlas
đã chứng kiến những điều những vật tất cả
những con người khác chứng kiến -
cái chết, gánh nặng sớm rạng ngày,
trung ngươn đồng bãi vô hạn tận
phức tuế sao trời đêm khuya đổ tối
đã chẳng thấy một điều gì, hay hầu như chẳng một điều gì
trừ đôi mắt một cô gái ở Buenos Aires,
một khuôn mặt không muốn được nhớ.
Ôi định mệnh của Borges, dường chẳng lạ lùng hơn
định mệnh của các anh.
(từ tập Hoa Hồng Vô Tận, 1963)

Trích Bạt Kẻ Tạo Tác

Một người tự giao phó vào tay mình một trọng trách là vẽ lại chân dung thế giới. Năm tháng đi qua hắn lát đầy một mặt phẳng với hình tượng những châu quận và vương quốc, núi non, vịnh cảng, tàu bè, hải đảo, loài cá, những căn phòng, những vật dụng, những thiên thể, những giống ngựa và con người. Không lâu trước khi chết hắn khám phá ra rằng ma trận kiên nhẫn này là những đường nét của một bức vẽ khuôn mặt của chính hắn .

(Buenos Aires, 31 tháng 10, 1960)

Đồ Vật

Chiếc gậy của tôi, tiền xu lẻ trong túi, xâu chìa khoá này,
Ổ khoá tùng phục, những trang ghi chú muộn,
Một vài ngày còn lại sẽ không tìm được thời gian
Để đọc, bộ bài, mặt bàn,
Một cuốn sách và nhàu nát giữa những trang, nhàu nát
Hoa violet, tượng đài tưởng nhớ một buổi chiều
Rõ ràng không thể quên được, nay đã quên,
Mặt gương soi hướng tây nơi một bình minh đỏ
Cháy rực huyễn ảnh của nó. Bao nhiêu thứ
Hồ sơ, chậu hoa ngưỡng cửa, hoạ đồ atlas, những ly rượu,
những mẫu đinh
Phục vụ chiều chuộng chúng ta như những người hầu
không bao giờ nói một lời
Mù lòa và im lìm bí ẩn.
Họ sẽ còn đó sai khi chúng ta đã biến mất
Và sẽ không bao giờ biết rằng chúng ta đã ra đi .

(Ngợi Ca Bóng Tối)

Mạng Lưới

Tôi sẽ chết trong phố thành nào của tôi ?
Geneva, nơi những khai nghĩa hiển lộ đến cùng tôi
Qua Virgil, Tacitus, mà có chắc nó không đến từ Calvin không ?
Hay Montevidio, nơi Luis Melian Lafinur,
Mù và nặng nhọc cùng những năm,
đã chết giữa tàng thư danh mục
Của lịch sử Uruguay chí công vô tư
Thứ lịch sử nào ông ta đã không bao giờ viết ?

Hay Nara, ở đó trong một điếm quán
Tôi ngủ trên sàn, mơ một giấc mơ hình ảnh dữ dội
Của Đức Phật tôi đã sờ chạm nhẹ đầu tay chiều
qua nhưng chỉ thực sự thấy là trong giấc mộng ?
Hay Buenos Aires, nơi tôi hồ như là một khách lạ
Cho dù đã từng sống ở đó nhiều năm, đã là mục tiêu của
những dân săn tìm chữ ký ?
Hay Austin, Texas, nơi mẹ tôi và con trai của bà
Trong mùa thu 61 khám phá nước Mỹ ?
Những người khác cũng sẽ biết và sẽ quên đi .
Ngôn ngữ nào trong đó tôi sẽ chết ?
Tiếng Tây Ban Nha tổ tiên tôi đã dùng
Để trả giá để thương lượng ?
Hay tiếng Anh của Thánh Kinh
Bà nội tôi đọc từ những viền biên vực sa mạc ?
Những người khác cũng sẽ biết và sẽ quên đi.
Vào giờ nào nó sẽ tới ?
Trong hoàng hôn màu chim câu, nhạt sắc và lịm dần
Hay hoàng hôn của chim quạ
Khi đên trừu tượng hóa và đơn giản hóa
Tất cả mọi vật hữu hình, hay vào một giờ bất
thường ngoài dự đoán -
Hai giờ trưa ?
Những câu hỏi này là tản mạn bên lề, chẳng phải vì hãi sợ
Hay vì hy vọng bồn chồn,
Một phần của mạng lưới quyết định ấy: lưới nhân qủa
Mà chẳng ai có thể tiên liệu, cả những thần linh cũng chẳng thể
(Los Conjurados)

Buổi Chiều
Những buổi chiều sẽ đến và những buổi chiều đã trôi qua
tất cả là một, ngoài nhận thức.
Những buổi chiều là một lăng kính trong suốt,
một mình và chịu đựng,
không vào được thời gian và sự lãng quên của thời gian.
Chúng là những mặt kiếng soi buổi chiều thiên thu ấy
buổi chiều được ôm ấp như một bảo vật trong một
thiên đường bí mật .

Trong chốn ấy một thân cá, một sớm mai,
những chiếc cân tiểu ly, lưỡi kiếm, bình sứ đựng nước .
Mỗi vật là một vật mẫu. Như thế Plotinus
dạy cho chúng ta qua những cuốn sách, chín cuốn sách.
Ấy có lẽ rằng đời sống ngắn ngủi của chúng ta
là phản chiếu thoắt biến của thiên mệnh.
Buổi chiều nguyên sơ chạy vòng quanh ngôi nhà .
Của hôm qua, của hôm nay, một buổi chiều luôn có đó.
(Los Conjurados)

THƯỜNG QUÁN
chuyển ngữ từ Tuyển Tập Thơ - Jorge Luis Borges,
Của Nhà Penguin, Alexander Coleman biên tập,
ấn bản năm 2000)





PHẠM XUÂN NGUYÊN
khát vọng thành thực

1. Thế hệ văn học 1932-45 là một thế hệ thành thực. Khi ngọn gió phương Tây tư sản thổi tới giữa xã hội Việt Nam phong kiến ngàn năm, họ đã được thức tỉnh con người cá nhân trong mình. Cá nhân là tự do. áp lực của cộng đồng dễ khiến con người phải che giấu mình, phải khác mình, phải đè nén mình. Con người trong cộng đồng được chu toàn, che chở, bao bọc nên dễ đơn giản, dễ bằng lòng với bản thân. Tự do cá nhân của lớp người tây học thời 1932-45 là từ sự phát hiện ra sự phức tạp nội tâm của mình, cái bao lâu nay có mà không biết. Xuân Diệu viết: "Trong lòng An Nam của chúng ta, vẫn có phần nhiều những ý, những tình, những cảm giác mà người Tây có, xưa kia ta không nói là vì ta không ngờ, bây giờ cái nào khoa học của Âu Tây đã cho biết rằng ta có, vẫn có đã lâu những của cải chôn giấu ở trong lòng, thì sao ta không nói?" (Tính cách An Nam trong văn chương, 1939). Và một khi nói ra là phải thành thực. Bởi đây là những tình cảm, cảm xúc thực của mình, là những điều thực mình tâm niệm, nghĩ suy. Bởi cái cũ đã bóp nghẹt con người, nay cái mới phải được giải phóng, tự do.

Thành thực, đó là tiếng lòng của những người làm nên phong

trào Thơ Mới. Bắt đầu từ người mở đầu, một người thuộc phái cựu học, một người theo cốt cách thơ cũ - ông Phan Khôi. Lý do khiến ông phải đưa ra một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ là vì: "Thơ cốt chơn. Thơ cũ câu thúc quá nên mất chơn". Lưu Trọng Lư, người hăng hái đầu tiên nắm lấy ngọn cờ thơ mới, cũng là người đề cao nhất sự thành thực của lớp người mới, lớp thi nhân mới. Nhận xét về tập Thơ thơ của Xuân Diệu, ông viết: "Thơ Xuân Diệu "tây" nhưng mà có lẽ "tây" một cách thành thực. Mà khi nói đến thành thực, người ta không có quyền bĩu môi" (Đọc "Thơ thơ" của Xuân Diệu, 1939). Viết về các bậc đàn anh trong làng văn (Phan Khôi, Tản Đà), ông mạnh dạn: "Đây chỉ là những ý nghĩ rụt rè của một thanh niên đối với các bực đàn anh, những ý nghĩ rụt rè, chập chững, nhưng vẫn tin ở mình, vì tin ở lòng thành thực. Đây chỉ là những lời thành thực, vì nếu có tội ấy cũng chỉ vì quá thành thực" (Các bậc đàn anh, 1939). Nói đến trường hợp André Gide với hai cuốn sách Retour de lõURSS và Retouches au retour de lõURSS, ông dũng cảm bảo vệ cho nhà văn hào Pháp: "...có điều này ta phải hiểu cho tiên sinh, là những lời tố cáo trong hai cuốn sách ấy, vẫn như xưa nay, từ một con đường ấy, mà lại con đường thành thực. Sự thành thực của Gide đã biết bao lần chứng thực, không còn phải là một điều mà người ta có thể đưa ra ngờ vực được, hay đưa ra mà nhạo báng được. Nó phải là một vật thiêng liêng, làm cho kẻ chiến sĩ đi ngang qua phải hạ khí giới và tất cả mọi người phải cúi đầu" (Con đường riêng của trí thức, 1939).

Thành thực nên thẳng thắn. Khi sáng tạo cũng như khi tranh luận, dám hết mình, dám đi đến tận cùng mọi suy nghĩ, cảm xúc. Nói và viết không phải vòng vo, che chắn, không sợ xuyên tạc, bóp méo. Thành thực nên tin tưởng. Tin ở những điều mình nói, tin ở người khác hiểu mình. Bầu khí hậu văn học 1932-45 là như thế - khí hậu thành thực. Không được nuôi dưỡng trong bầu khí hậu đó, tôi chắc, văn học thời ấy đã không có được thành tựu rực rỡ để lại về sau như đã có.

2. Hoài Thanh vào nghề văn trong bầu khí hậu thành thực của thế hệ mình, của thời đại mình. Ông nhiệt thành say mê Thơ Mới, ngoài khoái cảm cái hay cái đẹp của văn chương, còn đồng cảm nỗi niềm tâm tình của cả một thế hệ thanh niên cùng thời. Ông viết cho mình và thế hệ: "Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cởi trói cho thi ca chỉ là cái khát vọng nói rõ những điều kín nhiệm, u uất, cái khát vọng được thành thực. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn" (Một thời đại trong thi ca). Ông có hẳn một bài viết nhan đề Thành thực và tự do trong văn chương (1939) có thể coi như một tuyên ngôn, một định hướng cho con đường văn nghiệp của mình.

Ông nhận thấy: "Văn chương ta từ trước tới nay vì bó buộc quá đỗi nên luôn luôn đi bên cạnh sự giả dối, sự bịa đặt. Nhà văn chỉ lo viết thế nào cho đúng với lẽ phải của xã hội mà không cần đúng với sự thật hiển nhiên. Văn chương thành ra một cái để dối mình và dối người". Từ đó ông coi thành thực và tự do là "một điều kiện cốt yếu để gây nên nền văn chương phong phú". Nhưng thành thực trong văn chương không phải ai cũng có được, "nó khó hơn cái điều người ta vẫn thường gọi là thành thực". Theo ông: "Phải là người có tài mới có thể đi vào những chỗ cùng sâu trong cõi lòng, vạch ra những cái kín nhiệm uất ức rồi đưa phả vào những âm điệu hồn nhiên. Những âm điệu ấy đến tai người đời, người đời sẽ giật mình không ngờ người ta có thể thành thực đến thế". Như vậy theo Hoài Thanh làm văn chương phải thành thực và muốn thành thực được phải có tài. Suốt quãng đời cầm bút phê bình văn học thời kỳ 1932-45 Hoài Thanh đã nhất quán với tâm niệm này. Nó đã khiến ông lao đao khi đó, đau khổ sau này, nhưng đến nay tôi có thể nói: Hoài Thanh đã đúng vì sự thành thực của mình.

Hợp tuyển Thi nhân Việt Nam (1942) đã xây đài vinh quang cho Thơ Mới, qua đó làm nổi lên cái tên Hoài Thanh. Ông thành công làm được tập đại thành cho một phong trào thơ đã tạo ra "một thời đại trong thi ca" là do "tôi cứ là tôi vậy", do ông đã "cố lấy hồn tôi để hiểu hồn người". Khi viết lịch sử phong trào Thơ Mới ông không sao giấu được những vui buồn theo ngòi bút hiện trên trang giấy. Hãy nghe ông "nhỏ to" giải thích: "Tôi đã sống trong lòng thời đại. Kể lịch sử thời đại làm sao có thể không nhớ lại những năm vừa qua trong đời tôi. Cũng như nói về các nhà thơ tôi thích, làm sao lời nói của tôi không đượm chút bâng khuâng lúc xem thơ". Sự vô tư, thành thực này rồi ra sẽ làm khổ ông một thời gian dài, sẽ day dứt bám theo ông mãi đến hết cuộc đời, khi Thi nhân Việt Nam bị đặt dưới một hệ quy chiếu khác với hệ quy chiếu của ông: "khi xem thơ tôi chỉ biết có thơ". Ông đã thành thực yêu thơ mới và đã thành thực phủ nhận thơ mới. Ông đã coi cuốn sách của mình và người em làm ra là một chút "của tin", nhưng ông cũng đã lại phê phán nó một cách quyết liệt, nghiệt ngã. Hai cái sự thành thực này nên hiểu thế nào? Ông, người đã cự tuyệt sự giả dối ngay từ độ tuổi "tam thập nhi": "Nghe thế nào, thấy thế nào, ta cảm xúc, ta suy nghĩ thế nào, ta sẽ cứ thế mà viết lên mặt giấy. Nếu ta có tài thì tác phẩm ta sẽ sống, bằng không chẳng có sự bày đặt gì, chẳng có phép tắc gì thay được sự bất tài của ta. Hai chữ thành thực ta sẽ cho nó một địa vị danh dự trong quan niệm văn chương". *Thi nhân Việt Nam thành công, có giá trị là do ở thành thực và tài năng của Hoài Thanh.* Cái bi kịch của ông là bi kịch tự nhận thức của con người. Cuối đời ông sẽ lại thành thực như chính chất con người mình

trong lời tâm sự gửi gắm với người con cả rằng: "Cha biết văn chương của cha cũng vậy vậy thôi. Nếu không có cuốn Thi nhân Việt nam thì không chắc gì người ta đã công nhận cha thực sự là một nhà văn". Tôi nghĩ cả trong những dũng cảm và yếu đuối trên đường văn, Hoài Thanh bao giờ cũng thành thực. Nhưng cuốn hợp tuyển Thơ Mới khẳng định một phẩm chất đáng quý của Hoài Thanh: tin những gì mình cho là đúng. Bởi lùi lên trước đó năm, sáu năm sự thành thực của ông đã được thử thách, kiểm nghiệm qua cuộc tranh luận với Hải Triều.

3. Cuộc tranh luận "Nghệ thuật vị...", bây giờ nhìn lại, ở độ lùi hơn sáu mươi năm sau, cho thấy Hoài Thanh (và các bạn hữu của ông) đã bị thành nạn nhân của sự thành thực của mình. Trên cơ sở tư liệu các bài viết tham gia tranh luận hồi ấy được sưu tầm, tập hợp lại thành sách trong thời gian qua (ở đây phải ghi công cho nhóm Nguyễn Ngọc Thiện đã để nhiều công sức sưu tầm, biên soạn cho ra được nhiều cuốn sách tư liệu quý như Nhìn lại cuộc tranh luận nghệ thuật 1935-1939, Tuyển tập phê bình văn học Việt Nam 1900-1945, Tao Đàn, đặc biệt là hai cuốn của Hoài Thanh: Bình luận văn chương, Văn chương và hành động), với thái độ khoa học nghiêm túc, tôi thấy đã đến lúc phải "minh oan" cho Hoài Thanh. (Điều này tôi đã có đề cập đến phần nào trong bài tham luận Hải Triều nhìn từ hôm nay viết nhân hội thảo kỷ niệm 40 năm mất Hải Triều (1954-1994) nhưng chưa được công bố).

Trước hết phải nói ngay là không có phái "nghệ thuật vị nghệ thuật" hiểu theo nghĩa một tập hợp người chủ đích theo cùng một chủ trương. Bên phái "nghệ thuật vị nhân sinh" có chủ trương và tập hợp. Đầu tiên là Hải Triều phản bác lại cái quan niệm văn học của Thiếu Sơn khi đọc ba bài viết của ông này đăng trên Tiểu thuyết thứ bảy. Tiếp đến Hải Triều lại tranh luận với Thiếu Sơn quanh việc phê bình tác phẩm Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan. Hải Triều cho những quan niệm của Thiếu Sơn là "nghệ thuật vị nghệ thuật" và ông xướng lên hẳn thuyết "nghệ thuật vị nhân sinh" để chống lại. Dần dần vây quanh ông có cả một đội ngũ: Hải Thanh, Hải Khách, Hồ Xanh, Lâm Mậu Quang, Phan Văn Dật, Phan Văn Hùm, Bùi Công Trừng, Cao Văn Chánh... Kịp đến khi có bài viết của Hoài Thanh nói lại bài của Hải Triều về cuốn Kép Tư Bền thì đội ngũ "nghệ thuật vị nhân sinh" bèn kết thành một "chiến tuyến hợp nhất" chĩa mũi nhọn công kích vào ông, nâng ông lên thành chủ soái của cái gọi là "nghệ thuật vị nghệ thuật" để phê phán một cách nặng nề. Hoài Thanh một mình chống đỡ, sau có sự góp sức thêm của Lưu Trọng Lư và Lê Tràng Kiều, cả ba người rốt cuộc đã phải lập thành văn phái Phương Đông để đối phó lại những đòn đánh của phái bên kia,

nhưng họ kiên quyết phản đối việc bị gán cho là chủ trương thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật".

Một tác phẩm ra đời được khen chê phê bình là chuyện thường tình. Mỗi nhà phê bình tùy quan niệm nghệ thuật, tùy cái "gout" riêng của mình mà nhìn nhận, đánh giá tác phẩm dưới từng góc độ khác nhau, đó cũng là chuyện thường tình. Tập truyện ngắn Kép Tư Bền của Nguyễn Công Hoan ra đời năm 1935 được hoan nghênh, thu hút được sự chú ý của các nhà phê bình. Hải Triều thấy ở đó "một tác phẩm thuộc về cái triều lưu "nghệ thuật vị nhân sinh" ở nước ta", bởi vì đọc nó độc giả "các ngài sẽ thấy trong xã hội một số đông người phải bán thân nuôi miệng, hoặc các ngài sẽ thấy những đứa bé cùng khốn quá, quyết ăn lường để chịu đấm, hoặc các ngài thấy một giai cấp đủ ăn, đủ mặc chực mua cái cười vui bên cái sầu cái khổ của kẻ nghèo khó". Hoài Thanh thấy sức hấp dẫn của tập truyện ở chỗ khác: "Công chúng thích tập truyện ngắn Kép Tư Bền không phải thích xem những chuyện họ vốn thừa biết từ bao giờ mà thích những câu văn ngộ nghĩnh, có ý tứ mà Nguyễn Công Hoan đã khéo lắp vào trong những cốt truyện không có gì. Người ta xem một quyển truyện chứ có phải một thiên phóng sự đâu?". Bài viết của Hoài Thanh có cái nhan đề cũng thẳng thắn, thành thực như bài của Hải Triều: Văn chương là văn chương. Đã thế đọc vào hai bài thấy cách hiểu văn chương của hai ông có thể bổ sung cho nhau, không nên xem nhẹ quá hay nặng quá một mặt nào trong thể thống nhất hữu cơ của tác phẩm văn học. Huống nữa Hoài Thanh đã viết có cân nhắc ý tứ: "Nhà văn là một người sống giữa xã hội, cố nhiên phải tùy sức mình làm hết phận sự đối với xã hội, tôi muốn nói nhà văn có lúc phải biết bênh vực kẻ yếu, chống lại với sức mạnh của tiền tài, của súng đạn; nhưng trong lúc đó nhà văn không làm văn nữa mà chỉ làm cái phận sự của một người cầm bút mà thôi. Ta nên nhớ rằng cầm bút chưa phải là viết văn. Văn chương là vật quý có đâu được nhiều thế". (Mở một cái ngoặc ở đây: bây giờ ta nghe kêu ca nhiều người viết mà ít tác giả, sách ra nhiều mà ít tác phẩm, càng thấy quý cái sự quý trọng văn chương của Hoài Thanh hơn sáu mươi năm trước, khi ấy ông chưa đến ba mươi tuổi. Và tình trạng thiếu chuyên nghiệp hóa của văn học ta giờ đây là điều đáng lo. Đóng ngoặc). Như vậy bài viết của ông chỉ tập trung vào một luận điểm cơ bản: văn chương muốn gì thì gì, trước hết nó phải là nó đã; văn chương mà bất thành văn chương thì có khoác cho nó bao nhiêu sứ mệnh, nhiệm vụ cũng thành là vô ích. Nói theo cách nói hiện đại thì mệnh đề của Hoài Thanh là: sứ mệnh của văn chương chính là bản thân văn chương. Hải Triều có lẽ do yêu cầu của hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, do nhận thức triết học nghệ thuật của chủ nghĩa Mác vào Việt nam thời bấy giờ, do sự

hăng hái đấu tranh thời bấy giờ đã vô tình đẩy đồng minh sang bên kia chiến tuyến từ một cuộc tranh luận văn chương. (ho phép tôi được có một liên hệ cá nhân: năm 1994 ông Trần Mạnh Hảo trong một bài viết tranh luận với tôi về đổi mới thơ, nhân nói đến kinh nghiệm thơ Bắc thơ Nam trước 1975, đã hạ một câu buộc tội tôi "giật lá cờ máu của thơ ca kháng chiến trao vào tay phía bên kia"; mới hay trong tranh luận văn chương người ta dễ thành thực không vô tư đến thế nào). ý kiến của Hải Triều có phần đúng nhưng đúng một cách cực đoan và máy móc. Ông đã "mượn cớ" (chữ dùng của người làm sách các bài viết về văn học nghệ thuật của Hải Triều) văn chương để làm chính trị, ông đã đẩy vấn đề từ nghệ thuật sang chính trị. Ông buộc cho Hoài Thanh đã xướng lên cái thuyết "nghệ thuật vị nghệ thuật"; quá hơn nữa, ông vu cho Hoài Thanh làm thế là để bênh vực cho giai cấp giàu sang. Hoài Thanh phút chốc từ một nhà phê bình văn học thiên về những cảm giác tinh tế, nhẹ nhàng, bị biến thành nạn nhân và bị cáo trong một "vụ án" sẽ kéo dài hơn nửa thế kỷ. Tôi hiểu vì sao một con người nhỏ nhẹ, ôn hòa như ông đã phải phát khùng lên trong bài viết trả lời những sự cáo buộc của phái "nghệ thuật vị nhân sinh": Chung quanh cuộc biện luận về nghệ thuật: một lời vu cáo đê hèn.

Tập sách Văn chương và hành động của Hoài Thanh, Lê Tràng Kiều, Lưu Trọng Lư xuất bản năm 1936 vừa ra đời đã bị thực dân Pháp tịch thu - đó là một bằng chứng cho thấy ông và bạn hữu đứng về phía ai khi hoạt động văn học. Nhưng bằng vào những bài viết của ông trên báo chí công khai thời 1936-39 ta thấy Hoài Thanh không hề chủ trương văn học chui vào tháp ngà, xa rời cuộc sống, quay lưng lại nhân quần. Ông kêu gọi "Cần phải có một thứ văn chương mạnh mẽ hơn" (Tiểu thuyết thứ bảy, số 39, 1935), vì theo ông, văn chương ta từ trước tới nay là một thứ "văn chương đàn bà", chỉ ưa những tình ý nhẹ nhàng, yếu đuối. Văn chương phải mạnh mẽ để "giúp người ta phản động lại với hoàn cảnh cùng bẩm thụ tự nhiên". Người đọc công tâm và thành thực có thể nào lờ đi câu này của Hoài Thanh: "Văn chương có ảnh hưởng lớn vì văn chương hun đúc phần tinh thần người đời. Văn chương - tôi không nói văn sĩ - không có quyền luôn luôn ở trên mấy tầng mây cao thẳm, lãnh đạm ngắm những cảnh phong ba dữ dội ở đời". Đó chẳng phải Hoài Thanh gắn rất chặt văn chương với cuộc sống hay sao? Ông "xin mách các nhà văn một nguồn văn" ở xứ thôn quê (Tiểu thuyết thứ bảy, số 83, 1935). Ông nhận thấy tuy phạm vi của văn chương đã có mở rộng, không còn quanh quẩn trong khuê phòng nơi cung cấm mà đã vươn tới những cảnh ngộ xa hơn bên ngoài, nhưng "các nhà văn chưa nói đến người dân quê mấy, trong văn nghệ hạng người chân lấm tay bùn chưa có một cái

địa vị quan trọng xứng đáng với cái địa vị của họ trong giữa xã hội Việt Nam". Nguyên nhân theo ông "phần vì trong đám nhà văn không có mấy ai là dân quê, tôi muốn nói những người sinh trưởng ở nhà quê và hằng sống ở nhà quê. Một cái lẽ nữa, lẽ này quan hệ hơn, là dân chúng xem văn phần đông đều ở thành phố, ít ưa nghe chuyện nhà quê". Thiết nghĩ, điều ông nói đây còn mang tính thời sự cho văn chương nước nhà hiện nay. Cái phần Hoài Thanh mách cho các nhà văn khai thác trong nguồn văn nhà quê là phần dị đoan, hiểu là tâm linh con người nông dân Việt Nam. Ông lấy làm tiếc cái mạch Văn chiêu hồn của Nguyễn Du không được ai tiếp nối: "các nhà văn ta thường quá thiên về trí mà ít hay tìm những cảm giác, những tính tình thâm thiết trong tâm linh của chủng tộc... E rằng lúc nhà văn ta biết tìm đến thì vì sự tiến hóa của dân tộc mà sẽ chậm quá mất rồi". Điều này đâu có trái với bình dân để Hải Triều nỡ nặng lời gọi ông là "văn sĩ phú hào"?

4. Ngay từ khi đặt chân vào nghiệp phê bình văn chương, Hoài Thanh đã xác định: "Phê bình và nghệ thuật cùng một mục đích, một tính cách: cái đẹp. Tìm cái đẹp trong tự nhiên là nghệ thuật, tìm cái đẹp trong nghệ thuật là phê bình". Nhà văn và nhà phê bình đều cần phải có một tâm hồn giầu tình cảm biết rung động trước cái đẹp. Cái khó ở đây là rung động một cách tự nhiên: "Chúng ta phần nhiều đều mang nặng những thành kiến, những tập quán, do hoàn cảnh, do sách vở tiêm nhiễm từ lâu, phán đoán vì thế thường có vẻ chênh lệch". Cãi lại phái Hải Triều, ông nhất quyết không nhận chủ trương thuyết gì cả, bởi vì "trong lúc bình phẩm một quyển sách tôi chỉ theo những cảm xúc tự nhiên của tâm trí tôi". Mỗi người có một cái "tạng" riêng, "tạng" của Hoài Thanh trong phê bình là trực giác, ấn tượng. Ông rất tự tin vào cảm xúc tự nhiên của mình, và thường là ông đúng. Sau này khi phải lấy trí để xét cảm trên những vấn đề văn học của một thời, ông đã bị ở vào tình thế "lúng túng như gà mắc tóc" giữa sự gay gắt thái quá bên ngoài và sự nhân nhượng rụt rè bên trong. Có thể thấy điều này qua thái độ của Hoài Thanh đối với hai câu thơ của Xuân Diệu: "Mây biếc về đâu bay gấp gấp / Con cò trên ruộng cánh phân vân".

Trong Thi nhân Việt Nam ông đã có lời bình nổi tiếng: "Từ con cò của Vương Bột bay lặng lẽ với ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một ngàn năm và của hai thế giới". Thời gian nước chảy qua cầu. Trải bao thăng trầm thế sự lòng người, hai mươi năm sau (1963) trong một đoạn ghi được gọi là tùy bút trong sổ tay, Hoài Thanh nghĩ đi và nghĩ lại về "cánh cò phân vân" ấy như sau: "Cái băn khoăn trong hai câu thơ của Xuân Diệu là một

cái băn khoăn không đúng nhất là vì nó đã được tô điểm thành lý tưởng thẩm mỹ đã trở nên một thứ băn khoăn rất nên thơ, một thứ băn khoăn không cần giải quyết, không nên giải quyết. Hình như giải quyết được thì sẽ mất mát đi một cái gì. Câu thơ do đó có thể gieo vào lòng người một thứ u buồn không lối thoát và không muốn có lối thoát giữa lúc bao nhiêu trách nhiệm lớn đang chờ đợi người ta. (sic! *lời quan tòa buộc tội!).* Dầu sao đây cũng là một niềm băn khoăn có thật và xét cho cùng một thanh niên trước đây bước vào đời mà có chút băn khoăn như thế cũng còn hơn là không băn khoăn gì hết hay chỉ băn khoăn làm sao cho có tiền tài, có địa vị dưới chế độ thực dân. Cho nên cái băn khoăn ở đây không thể nói là hoàn toàn không có phẩm chất. (sic! *lời trạng sư bào chữa!).* Riêng tôi vẫn thấy yêu những câu thơ ấy hơn là những câu cũng gọi là thơ mà nhạt nhẽo trống rỗng, không có lấy một chút tâm tình". Đến đây đang từ quan tòa, trạng sư, ông vụt trở lại bị cáo với câu răn mình đầy bất ngờ: "Cố nhiên yêu mà phải có đề phòng, có cảnh giác".

Ông cảnh giác, đề phòng vì sợ lại sai về tư tưởng. Đoạn tùy bút nói trên nằm trong chuỗi suy nghĩ của Hoài Thanh về thơ hay. Nhận thức của ông đã cao hơn, sâu hơn, một bài thơ hay giờ đây theo ông là phải hay cả về tư tưởng, cả về nghệ thuật: "Hay về nghệ thuật là có khả năng truyền cảm. Hay về tư tưởng là chứa đựng những xúc cảm, những tình cảm lành mạnh, đúng, có phẩm chất cao". Nhưng tận sâu trong quan niệm nghệ thuật, Hoài Thanh vẫn không từ bỏ tín niệm của mình: thơ trước hết phải là thơ đã, thơ hay phải là hay về thơ. Trong một đoạn tùy bút khác, ông viết: "... Thơ tầm thường, thơ vulgaire thì không thể gọi là thơ, lại càng không thể xem là thơ tiến bộ. Tư tưởng tiến bộ không nhất thiết lúc nào cũng được thể hiện thành thơ. ở rất nhiều người là như vậy... Điều đó không có gì là lạ. Còn một tiếng thơ dầu có phần lạc điệu nhưng nếu chân thành (sic!), nếu được thốt lên từ đáy lòng một con người lương thiện thì vẫn có thể nên thơ". Cuối cùng Hoài Thanh vẫn trở lại là Hoài Thanh.

5. Thế hệ văn học 1932-45 là một thế hệ thành thực. Văn chương của họ là thành thực. Khát vọng thành thực đã chắp cánh cho sáng tạo của họ, quan trọng hơn, đã giúp họ sống. Hoài Thanh đã sống cái thành thực đó của thời đại mình, với đủ sự hay dở vinh nhục hệ lụy đa mang do/từ thành thực. Thành thực là tin yêu con người. Nguyễn Huy Tưởng ghi nhật ký tuổi thanh niên "Người là thật, phải thật với người". Lưu Trọng Lư, kiện tướng Thơ Mới, người bạn thân của Hoài Thanh, phút lìa cõi thế vẫn đau đáu: dẫu bị dối lừa, vẫn không thể không tin con người. Nazim Hitmek từ chốn lưu đày nhắn nhủ con: cha mong con trước nhất hãy yêu

con người. Hoài Thanh viết trong nhật ký 1934: "Mỗi con người chúng ta - dù là con người tầm thường nhất - cũng tượng trưng cho một toàn bộ khó quan niệm những cố gắng của tự nhiên và của con người được theo đuổi không ngừng qua nhiều triệu thế kỷ. Chỉ riêng điều này có lẽ đủ để làm cho chúng ta xem xét tia lửa mà chúng ta mang trong người như là vô cùng quý giá và cuộc sống như là một cái gì vô cùng quan trọng". Bởi cao hơn văn chương là cuộc đời. Nói văn chương là văn chương cũng chỉ cốt làm cho cuộc đời đẹp hơn, tốt hơn mà thôi. Nguyễn Công Trứ đã nói trước Hoài Thanh: "Dở duyên với rượu khôn từ chén / Trót nợ cùng thơ phải chuốt lời". Đã say men đời, men thơ thì có lầm lạc, vấp ngã cũng là thành thực. Tôi xin dâng một nén hương cho Hoài Thanh nhân 90 năm sinh của ông và thưa rằng: ông hãy bình tâm ở thế giới bên kia, trên cõi đời này Thi nhân Việt Nam "của tin còn một chút này" đã chứng cho thành thực và tài năng của ông trong văn chương rồi. Tên ông đã có găm trong sử văn học hiện đại và trong lòng người đọc tri âm, văn chương như thế là văn chương, ông hãy thỏa lòng.

PHẠM XUÂN NGUYÊN



Hình ảnh: JIM GENSHEIMER
Bài viết: KRISTIN HUCKSHORN & MARK MCDOMALD
San Jose Mercury News xuấtbản
Giá 25MK

LƯU HY LẠC
chỗ đặt

Đặt tay vào chỗ không thể đặt
vậy mà đặt được chẳng làm sao...
Mai Thảo

vuốt nhánh lông về một phía
tôi đánh bạo thả nổi tình
cảm tôi trọn vẹn không một
động tĩnh nào cả ngoài tiếng

chép miệng của tôi mỗi lúc
mỗi đòi đoạn ở phía dưới
miếng tình cảm mà tôi vừa
thả nổi trên đám lông tìm

tôi ngâm lồn mà đầy hai
gánh lông anh thương.......Tôi lịm
đi chẳng biết bao lâu nữa
vừa kịp thở cơ duyên nào

lại xui anh thương.......Tôi ngất
lịm liền lần này khá lâu
bởi sự không động tĩnh nên
miếng tình cảm mà tôi vừa

thả nổi chép miệng mỗi lúc
mỗi cấp bách lắm không thể
ngâm nga được nữa rồi vùi
tôi vào bụi lông quả tình

bạ đâu cũng văn nghệ văn
gừng làm tôi lẫn lộn nắm
tóc nắm lông.

LƯU HY LẠC





MAI NINH
dấu nứt đêm

Lúc ba ngọn đèn rọi vào khoảnh gọi là sân khấu ấy vụt tắt ngấm trong vài chớp mắt, để lại sáng bừng lên báo hiệu vở kịch chấm dứt, người đàn ông đã đủ thời giờ ngửng lên vòm trời đêm. Một chùm năm ngôi sao ngọn mờ ngọn tỏ vẫn còn đấy, tự bao giờ. Rồi ông cúi xuống vùng ánh sáng đang toả trên khắp người cô ta, nhất là khuôn mặt. Miệng cười nhẹ, cô lùi ra sau cho người nam và người nữ giữ vai chính bước tới, nhận những tràng vỗ tay không ầm ĩ mà thân mật. Cuối cùng,

chàng đạo diễn với đuôi tóc dài và anh kéo đại hồ cầm từ sau cột gỗ đi ra, nắm tay cô dong tới ngang hàng với cặp diễn viên để gật đầu chào. Thêm một lượt vỗ tay nữa rồi đám khán giả đứng dậy. Người vội vã bước ngay ra cánh cửa che bức màn mong manh, người lục đục chồng những chiếc ghế vừa ngồi, đẩy vào một góc, quanh mấy cái bàn sắt nhỏ. Thể như khi ngày rạng sáng, thiên hạ lại giở bàn ghế này ra, vui vẻ bày tách cà phê buổi sớm.

Mùa hè năm nay chắc sẽ ra đi nhanh hơn, ông đoán thế. Khi cái nóng cứ rút cao đến cực điểm lúc đứng trưa, song chỉ đôi giờ là đột ngột bị ngọn gió không biết từ đâu nổi lên cuốn hút, đẩy thốc lên trời, cho thành phố bất chợt dịu mát cuối buổi chiều. Thường như vậy là mùa thu ngấp nghé. Hơn bao giờ, từ ngày dọn sang ở bên này con sông ông đã để tâm nhìn trời và ngó không gian. Nửa thành phố bên đây sông mang vẻ u trầm của gạch đá lẫn sự bình dị của một thứ đời sống hòa trộn lửng lơ giữa người và mặt nước lặng lẽ. Hình như không ai phải chạy đâu xa để kiếm tìm, từ điều thực dụng tới mộng mơ. Cứ thong dong vài bước là có thể vào ngay một cửa hiệu bày bán nghìn thứ linh tinh. Những thứ chẳng ăn nhập với nhau, khó lòng xếp chung theo một hệ thống lô -gích của cuộc sống. Ở tủ kính vài món đồ chơi bên cạnh cái giá lồng mấy cuộn giấy WC, dăm ba cái soong dưới chân tấm cạc- tông dựng hình cô gái đẹp cười tình tứ, tay uốn ngọn *mascara* chải vành mi cong. Quành sang góc phố bên kia là một phòng triển lãm mà tranh dựa chân tường, và trên sàn dở dang mô hình một phần Âu Châu nằm hai bên một giải sông xanh uốn lượn. Nhiều lần ông đi qua, những mảnh gỗ ép dùng xây dựng nào thành Viên, nào Luân Đôn...vẫn ngổn ngang bừa bộn. Có lẽ người nghệ sĩ, hay chỉ đơn giản là một nghệ nhân thủ công thực hành lắp ráp, thích bỏ những buổi chiều lơ lửng cạnh ly bia, dưới tán cây đầy hương nồng mùa hạ hơn là qùi bò trên sàn để dán ghép, hít thở một thứ văn hoá quá xa vời.

Cũng chẳng bao lâu, sau khi đến ở căn phòng trên bụi trúc, ông khám phá ra cái kịch trường nhỏ bé bình dân, sau sân gạch ấy. Chỉ là hàng hiên một căn nhà mái kéo dài ra, lợp thêm vài mảnh, ngăn với vuông sân bằng ba bức tường gạch thô sơ. Khó biết được đó là nơi chốn người ta có thể đến tìm, bắt gặp đôi điều ở ngoài cuộc sống. Không đèn màu rực rỡ, không bảng tên lóe sáng, chẳng có gì gợi hình trừ một tấm bảng đen học trò với nét phấn trắng quẹt vội tên vở kịch và ngày trình diễn dựng sát bờ tường. Lắm khi người ta quên ghi cả giờ mở màn. Chắc đâu cần thiết cho chừng ba bốn chục khán giả dường đã quen thuộc nơi chốn. Nào có sân khấu để vén màn, họ diễn

trên cùng sàn đất với người xem, đầu những hàng ghế thấp, giữa mấy đọt cột đỡ mái che vốn là thân cây già cỗi. Nhiều lần, lúc chờ đợi vở kịch bắt đầu, ông nhìn ngắm chúng, ở những vết sẹo loang lổ nơi cành bị chặt lià thân. Trong bóng tối lập lửng, vết đứt nhô lên, sần sùi, bệnh hoạn, nhưng có gì cứ rút sâu tầm mắt ông vào đó. Cũng may, một chốc thôi thì ba ngọn đèn đã rực nhóa, người đàn bà áo đỏ từ lúc nào lừng lững đứng đấy, đánh thức đám khán giả bằng lời rao sang sảng về bi kịch của bà ta. Rồi người nam diễn viên sau thân cây đi ra, nhập cuộc. Cả hai vừa vùng vẫy vừa quấn lấy nhau trong một tấn tuồng khép kín. Những đối thoại lúc rức cao, buốt xoáy với ánh đèn nhức sáng, phơi trần, lúc bỗng dưng đứt hẳn, ngưng bặt, im lặng, không cả hơi thở, chỉ còn tiếng trầm ngân của những sợi giây đàn.

Cô ta xuất hiện ở màn thứ nhì, khi người đàn bà đã bỏ đi. Cô là đứa con lạc về để vực ông bố đang cúi gục trên những trang đời viết dở. Viết nhưng trống không, viết để bôi xoá. Bôi xoá nhưng chẳng gạt sạch được những gì thuộc quá khứ. Càng không thể manh lên một vớt vát, nói chi phép màu, cho ngày sắp đến. Cúi xuống trên vai người cha với màu áo xanh nhàn nhạt khói, gương mặt cô biểu lộ những cảm xúc không phải xót xa mà ánh lên điều gì lấp lánh, tương phản với niềm tuyệt vọng của người đàn ông. Cô di chuyển chậm trên nền gạch, mỗi bước chân, cử động chính xác trong tự nhiên lẫn bất ngờ. Lời nói của nhân vật là những câu rành mạch, đau, sâu và sắc. Tiếng cô cất lên với thanh âm là lạ. Khán giả xì xào cô ta từ nơi khác đến và ban kịch này lần đầu ghé qua đây.

Người đến xem đã đi hết rồi, ông vẫn đứng lại đầu sân, dưới bóng tối phủ cả bức tường gạch rạn nứt của một ngôi nhà hai từng bọc khoanh một phiá. Cạnh bên kia của mảng sân cũng bọc bởi một căn nhà tương tự với những nhành cây leo bám chặt vào tường, và tuốt trên cao, hai cửa sổ đóng kín. Màu xanh bầu trời sắc lại, thẫm hơn với đêm khuya. Ngày còn ở hữu ngạn con sông, chiều tối đi về trong phần thành phố hiện đại, ngập nhoà đèn đóm ấy, chẳng có mấy lần ông để ý nhìn trời. Như thể thực tế của đời sống con người chỉ đọng lại ở tầng lớp sền sệt thấp, có vươn lên thì cao lắm là kích thước vài chục tầng lầu. Nên sao, trăng, mây trời là điều vời vợi, lửng trên đời sống. Có lẽ ông bắt đầu nhìn lên đêm xanh từ hôm đến nhà kịch này. Cũng không hiểu vì lý do gì ông nán lại, sau khi khán giả đã ra về. Rồi sau đó bước theo tiếng cười của cô ấy, chạy suốt từ khoảnh sân ông đang đứng đến con tàu điện. Những chuyến tàu điện đưa ông và bốn người trong ban

kịch về nơi họ ở mỗi đêm. Anh chàng nam diễn viên luôn luôn là người đầu tiên bước khỏi khung cửa trống, khi hai mảnh màn đã vén lên. Dừng lại giữa sân châm điếu thuốc, anh có bâng quơ hướng mắt về phiá ông. Người đàn bà áo đỏ ra sau, đôi mắt sâu còn đọng những vệt chì sậm xanh dù sự hoá trang của những người trong ban kịch này thật đã là đơn giản. Cuối cùng là cô ta và anh nhạc sĩ đại hồ cầm. Luôn luôn, ở lúc ấy, ông thấy mái tóc cô càng ngắn hơn, cái ngắn rất vị thành niên khiến mọi đường nét trên gương mặt tựa đều thu gọn lại, cùng một lúc trở thành mong manh trong không khí hơi se sắt nửa đêm và dưới bầu trời dường ngút cao hơn. Cặp diễn viên chính vừa đi vừa nói chuyện rào rào đùa bỡn, như thể vở kịch dài gần ba giờ đồng hồ với vỏn vẹn ba nhân vật chưa đủ làm họ thấm mệt. Cô ta ít nói nhưng tiếng cười thỉnh thoảng vang lên, trong và nghịch ngợm, đã khiến ông nghĩ đến ánh mắt cùng những vì sao lấp láy. Ông đi theo họ, con đường mở rộng với đêm. Trạm tàu điện ở cuối phố, hai con tàu với tuyến đường khác nhau. Nhưng ngay buổi đầu ông đã lững thững leo lên cùng một chuyến. Không ngại gì, ông sẽ đổi sang tuyến khác để về đến căn phòng trên bụi trúc. Ông còn cả một đêm trước mặt. Sau nhiều năm tháng, bất chợt một ngày người ta nhận ra đêm không cùng.

Người đạo diễn luôn ở lại nhà kịch lâu hơn. Cặp diễn viên chính thường hôn nhau bất chợt, cười rít lên và xuống cùng một trạm. Người đàn bà áo đỏ hay mặc áo thun chẽn ngoài vở kịch, tóc xoã màu đồng óng, dáng đi đong đưa khêu gợi, có gì già dặn. Nhưng ông đoán đấy chỉ là già hơn tuổi bởi giọng nói còn vang ấm thanh xuân. Anh chàng chơi đàn dáng trẻ sinh viên, là người duy nhất đem âm nhạc vào vở kịch, nhưng tiếng đàn anh đã biết thúc hối thêm những cuồng nhiệt, đứt đoạn hơn những chia biệt, mênh mông hơn những khoảng trống, và đẩy sâu tận cùng cảm xúc khi tiếng nói đã ngừng. Chàng ta đi đứng nhẹ nhàng, đùa nghịch với hai chân, có khi chực đổ cả đàn xuống đất. Bước bên cạnh, mấy lần cô giơ tay níu, giọng cười rúc lên tự nhiên, từng chuỗi. Không hiểu tại sao ông thích nghe chúng, như thể bắt gặp lại tiếng reo của những chiếc phong linh treo từng chùm ở cửa nhà một thời thơ ấu, rung lên khi gió chuyển.

Trên xe, người đàn bà ngồi thẳng người, hai chân mở ra, vững chãi. Trong khi ở ghế đối diện cô hơi dựa vào vai chàng nhạc sĩ. Mắt khép hờ, miệng vén nét cười trẻ thơ trên gương mặt, lặng im nghe ba người kia nói chuyện. Thỉnh thoảng anh đánh đàn gõ nhịp mấy ngón tay trên đùi, tự nhiên huýt sáo hay hát một đôi câu. Khi ba người ấy đã xuống xe điện thì bấy giờ cô duỗi người ra, gác chân thản nhiên lên

bờ ghế đối diện. Cử chỉ bất ngờ buông thả. Chẳng còn mấy ai trên xe, ngoài ông ngồi cách hai hàng. Hẳn cô nhận ra ông là người khán giả chăm chỉ và kẻ đã đồng hành mấy đêm nay trên chuyến xe khuya cuối cùng, cho đến lúc cô tới trạm ngừng và bước xuống. Có khi bỗng nhiên ngoảnh lại, cặp mắt lánh lên dưới ngọn đèn soi trạm đỗ. Có lúc quay đi vội vã, dáng người biến nhanh vào bóng tối phủ đầy bên kia bờ đường. Cứ nhìn theo thế, cô đơn thoáng từ đâu ngập ngợp, chập chùng. Hình như chẳng phải nó chỉ phủ chụp mình ông mà cả cô ta nữa, nó dập tắt ngúm chuỗi cười reo trong trước đó. Nỗi cô đơn tỏa như lụa quấn lấy đôi chân, ông chực vấp ngã khi bước xuống toa xe. Vuốt những sợi tóc hơi ẩm sương đêm, lao đao, ngây ngất. Có phải sự mỏi mệt của linh hồn hay chính là thời gian. Đã lâu, ông chẳng còn nghĩ đến ngày và tháng, cuộc sống trật tự yên ổn, già khốc, bao bọc bằng những ràng buộc thân thiết, hệ lụy miên man thành một bức tường kiên cố. Sự yên ổn vây kín đó chẳng những chặn đứng thời gian mà cả không gian. Tất cả kín bưng, không cánh cửa, hoặc giả nếu có thì khác gì cái cửa văn phòng ông từng ngồi đó bao năm, nó mở ra một hành lang trơ rỗng, rồi hành lang lại đâm vào những căn phòng làm việc vuông vức, nghẹt thở khác.

Đêm hôm đó, phấn trắng nguệch ngoạc tên vở tuồng mới trên tấm bảng đen. Đám khán giả thêm vài khuôn mặt lạ. Ông vẫn chăm chăm nhìn ngắm vết sẹo chương bấy xù xì trên thân cây già, cho đến lúc tiếng dây đàn bứng lên bục bục thay cho những hạt mưa nặng khởi đầu của vở kịch. Chỉ vách tường gạch mỏng ngăn cách không gian này và con đường xe cộ ngoài kia. Nhưng không ai khó chịu vì tiếng ồn của phố, ít nhất là ông, chẳng còn gì hiện hữu ngoài vùng sáng đang khoanh tròn quanh mấy nhân vật. Họ đang tra tấn và thương xót lẫn nhau, trong một định mệnh thản nhiên, phi lý nhưng sát gần cuộc đời như sự thật. Tuy thế chẳng có gì nặng nề, không có đối thoại gay gắt, cố ý nhận chìm người nghe, không có những kêu đau sướt mướt. Nhưng là những vết tước chậm, từng phân, từng sợi, với ý thức để hiển lộ dần dần mặt dưới vết thương.

Cô ấy giữ vai người đàn bà lúc tỉnh lúc say, khi hiền hoà đến nhút nhát, pha cả ngây thơ, khi lên cơn bạt mạng, phóng túng. Ông rợn người theo với chuỗi cười khăng khắc, và bàng hoàng ở hình ảnh cuối cùng. Cô ta, không, người đàn bà trong vở kịch, đã bị đời quật ngã, nằm tan hoang trên mặt đất, hai ngáng chân dạng ra như tình cờ. Giữa chúng, sự tình cờ rưng trắng bởi màu da trong sâu khuất vừa hé lộ, làm đám người xem lặng thở, ray rứt thật lâu. Thật lâu, sau khi người kéo

đàn đã ngừng cây mã vĩ.

Cũng khuya hôm ấy, cơn giông cuối mùa đổ xuống thành phố, đúng ngay lúc cô ta bước rời con tàu điện. Chiếc váy xanh nhạt và tấm áo trắng mỏng manh lạ, khác hẳn vai trò vũ bão cô vừa bỏ lại. Không nghĩ ngợi, ông xuống theo, cô ấy đang cuống quít núp dưới một tàn cây rộng. Cùng một lúc, lằn sét xanh xoẹt ngang trời. Không đắn đo, ông chạy tới vội vàng kéo cô rời xa gốc cây, đợt sấm cũng vừa nổ dồn từ bên kia con sông chia đôi thành phố. Những hạt mưa to, nặng đã kịp đáp ướt mái tóc cô và thấm sát manh áo vào khuôn ngực. Cô ta kéo khép hai bờ vải rồi ngửng lên, vừa đủ bắt gặp ánh nhìn của ông rạng ngời sự thảng thốt. Cùng lúc đó, trong tiếng đập vỡ tung của nước có tiếng vặn mình rên xiết rất gần. Hai người quay lại nhìn, cả thân cây cô vừa đứng trú đang quặn quẹo, trĩu gập, những tán lá xoè toang sắp ôm choàng mặt đất. Mắt xoáy vào dấu cành cắt cụt mưng trồi chỉ chực nứt bung, cô ta thốt kêu lên run rẩy. Những tiếng kêu làm ông bàng hoàng như vừa bị cứa cắt xót xa trên thân thể đồng thời lại được ban tặng một nỗi gì ngập tràn khoái cảm. Cúi ngay xuống, ông ngậm xiết lấy đôi môi đang hé mở trên khuôn mặt dính sát viền tóc mai đẫm nước. Ông hôn cô sâu suốt, mê mải hôn lên da thịt nứt rạn đau đớn, hân hoan giao hoà với vết sẹo trên cành cũng vừa toang vỡ. Chung quanh họ, những mảng vỏ cây rung chuyển, bựt nứt rồi tróc ra, lồng lộng cuốn theo từng vạt gió.

Khi ông rời khỏi căn phòng cô thì đêm đã trở lại trong xanh, mun mút, nhưng nước đọng trên cây còn lững thững rơi. Vài cánh lá bay trong gió đêm rồi chạm vào vai ông, như một lời chào, một san sẻ, trước khi rớt xuống trôi dần theo rãnh nước. Đi về hướng dòng sông, ông bước chậm, hít thật sâu khí trời và thích thú với cảm giác mát rượi trên da. Chiếc áo sơ-mi bây giờ buông thõng, hai vạt thong dong, không còn bị quấn gọn trong quần bằng sợi thắt lưng tề chỉnh. Sau cơn giông mà mặt nước sông phẳng lặng đến chẳng ngờ, mịn như tấm lưng cô ngả bày trên chăn nệm. Nửa khuya có tiếng sáo từ đâu đưa đến căn phòng ấy, đơn độc nhưng trong vắt, có lúc lại xoáy tròn để lút sâu vào xúc cảm. Ông đã nằm xuống bên cô, bập bềnh trong không gian tối, chỉ ánh một vệt đèn đường xuyên qua khung cửa nhỏ. Nằm nghe hơi cô thở, nghe từ làn da cổ và bờ ngực cô ngát một mùi hương gì vừa quen thuộc vừa xa vời như đã có từ thời thơ trẻ, rồi bay mất với dòng sống, nay lại bất ngờ trở về. Hốt nhiên chẳng còn những giới hạn vô hình chia đời người thành ba mảng, quá khứ, hiện tại và những gì người ta cứ thấp thỏm đợi chờ nó xảy ra. Ông lặng nhìn gương mặt cô

mê thiếp, không thể đếm tuổi đời trên những nét mong manh. Rồi sờ nhẹ tay lên bụng mình, lần đầu tiên, đã từ lâu lắm, ông ý thức được sự căng cứng của sức lực, bắt gặp tràn trề một thứ nhựa cây xanh.

Ông lâng lâng lẫn ngập chìm trong mấy đêm sau. Có khi vào ngồi trong kịch trường nhưng ông không chăm chú nhìn sân khấu, chỉ lắng nghe những giọng nói lúc vang toang, tách bạch, lúc âm u hoà trộn với tiếng đàn. Mắt vẫn hướng về mấy thân cây nhưng lòng nhẹ nhàng, như thể những vết sẹo đã được giũa mài, nhẵn mịn tựa lớp da trên thân thể ông vừa tìm lại được trạng thái phơi phới đong đầy của cánh đồng cỏ mùa xuân. Sau khi xuống trạm xe, ông lôi cô ấy lẩn vào dãy phố chập chờn bóng cây khuya. Mùa hè nực lên bao mùi hương lạ, suốt con đường ông dẫn cô về căn lầu trên đám trúc sẫm đen. Tiếng cười trong cao bây giờ nhỏ lại, chúi rúc, khi ông đẩy cô vào một ngách cửa hiệu đóng im, để cúi xuống trên bờ vai, cánh tay, rồi kéo cao chiếc váy trên hai sống chân buông thả. Những cửa tiệm bầy linh tinh muôn thứ, bình dị. Đời sống có thể sáng rưng lên qua những điều đơn giản, nhưng cảm nhận ấy là trong suốt. Tâm hồn thư thản mở ra, không còn khép kín một thế giới bưng bức. Chẳng còn những căn phòng chỉ có cửa chụm vào một hành lang, mà là không gian tháo tung hết ngăn chia, mà là thời gian không hạn định. Mỗi chiều, từ trung tâm đô thị lễu nghễu, tấp nập, ông đáp chuyến xe băng qua dòng sông, trở về căn phòng đơn độc bên này như lọt vào cõi sống khác, một cố tình bứt bung những níu kéo, phong bao. Ông nói với với cô ta điều đó, và cô đã cẩn trọng, dịu dàng, ôm lấy khuôn mặt ông bằng hai bàn tay nổi đường gân xanh sót. Ông chẳng biết cô bao nhiêu tuổi, cô cũng không kể cô từ đâu đến. Họ chỉ nói với nhau về những vở kịch, về nỗi đam mê sống với con người thể hiện đầy ắp qua các vai cô diễn và qua từng giờ phút cô chia với ông bao cảm xúc tràn ngập đêm khuya.

Cho đến một buổi chiều, ông nghĩ mình hãy đến nhà kịch ấy sớm hơn, khi nắng chưa hoàn toàn tắt hẳn. Để nhìn tường tận mấy đọt cột trong ánh sáng ngày, mà giờ đây, ông đã có thể bình thản vuốt lên những dấu sẹo. Nhưng tới đầu sân nhìn vào, trên tấm bảng đen chỉ còn vạt phấn xoá vội, dường như bằng một miếng giấy khô. Những chiếc ghế lổng chổng sau bức màn mỏng. Quang cảnh trống lạnh, không có ai, không dấu hiệu một vở kịch sẽ được diễn tối nay. Chẳng có gì đã từng hiện hữu, ngoài mấy thân cây nâu già. Lúc ông bước hẳn vào,

chúng bỗng rung chuyển, chừng như có sức mạnh gì trên cao đè xuống nên chúng phình ra bất ngờ. Các vết cành chặt đứt lại phù lên, sưng chướng. Ông chao đảo, vội vàng ra khỏi cửa. Hè phố còn đông người, chuyến xe điện bên kia con đường đã tới trạm dừng. Đôi mắt vẫn cố tình kiếm tìm một hình ảnh, ông ngỡ vừa thấy bóng cây đàn lềnh kềnh đeo theo chàng nhạc sĩ. Hấp tấp chạy tới, nhưng chỉ là một cậu học trò đi học đàn về, sửa soạn lên xe.

Người đàn ông tiếp tục bước trong dòng người, rồi chẳng hiểu nghĩ gì quay trở về nhà kịch, ngồi xuống ở bực thềm, giữa hai tấm màn vén toang. Gió cuối chiều lắc rung những tán lá. Trên cao, mây đang chạy về tụ hết nơi chân trời ráng đỏ, để lại ở khoảng giữa một vùng xanh nhẫn. Phố phường người đi qua lại cách ông một khoảng sân, nhưng cảnh tượng chẳng có một liên hệ gì, không ở trong tầm nhìn của cặp mắt. Những tiếng động cơ xe cộ, tiếng người ta rầm rập ồn ào cũng là ngoài đôi tai. Bao nhiêu náo nhiệt ấy rồi sẽ lắng dần với ánh sáng của ngày tắt ngấm. Khi đó, bầu trời sẫm lại, cùng với ngọn sao hôm sẽ có năm vì sao nam lấp lánh. Rồi sau lưng ông, tiếng đại hồ cầm cất lên mới đầu lắng nhẹ để sau đó kéo mạnh những dòng nhạc rộn ràng. Người ta vội vàng bày mấy hàng ghế, đèn màu trên cột gỗ chớp nháy, sửa soạn chiếu vào nơi mà cô ta sắp bước ra với đầy xúc cảm. Ông tin là như thế.

Tất cả những gì đã xảy ra, các vở kịch, cặp nam nữ diễn viên, anh chàng nhạc sĩ, tiếng đàn trầm hay tiếng sáo reo cao dù có thật hay không, thì ông vẫn tin rằng cô đã thực sự hiện hữu và bất biến. Nên ông ngồi lại đó đợi chờ, đợi cô, đợi đêm xanh trong suốt trên những con đường ông đi cùng với cô, không có tuổi.

MAI NINH
(mùa xuân, 2001)



PHAN TRIỀU HẢI
một biển thông tin

Trong ảnh là một phụ nữ chừng ba mươi tuổi mặc bộ quần áo may bằng vải mềm có những đốm hoa nhỏ. Đó là loại rẻ tiền gia đình tôi thường tìm mua để làm quà cho chị người ở trước khi về quê ăn Tết hằng năm. Tôi vẫn nhớ như in nụ cười của chị mỗi lần nhận món quà nhỏ đó, nụ cười có hồn của người quanh năm suốt tháng đầu lúc nào cũng cúi gằm vào những thau chậu đầy ắp áo quần nhà chủ. Nó rạng rỡ, khác với kiểu của những người được nói cười thoải mái thành tiếng mỗi ngày. Nhưng người phụ nữ trong ảnh thì không cười, chị ta khóc.

Vì tấm ảnh được in trên một tờ báo loại ra cách nhật, giấy không tốt và hơi vàng, nên không thể thấy được những giọt nước mắt. Nhưng rõ ràng là chị ta đang khóc bởi toàn bộ khuôn mặt co rúm lại, đầu chị hơi nghiêng nghiêng như để tránh ống kính chĩa

vào, nhưng chắc hẳn lúc ấy đã có ai đó bực mình vì như thế hình sẽ không rõ nên mới bảo, “Này, ngẩng đầu lên cao hơn một chút.” Và thế là mới có một tấm ảnh rúm ró như vậy. Có vẻ chị ta lúc ấy cũng đang ở tâm trạng hoảng loạn rồi, bởi hai cái vai nhỏ rụt lên cao, làm rũ xuống hai tay áo mềm không còn sức sống. Hai khủy tay chị gập lại, đỡ lấy một tấm bảng làm bằng mảnh bìa cac-tông với những dòng viết nguệch ngoạc bằng bút lông: *Kẻ chuyên ăn cắp hàng siêu thị.* Và ngay bên dưới là tên họ của người phụ nữ được kẻ bằng nét đôi cùng với ngày giờ xảy ra sự việc. Tấm bảng người phụ nữ đang cầm, cũng như toàn bộ bức ảnh, là một kiệt tác về mặt truyền đạt thông tin. Nó như một tấm bia đặt trước mộ người chết, ghi đầy đủ và chính xác những điều cần có, không thừa một chữ. Chắc chắn người viết tấm bảng ấy là người đã từng viết nhiều tấm bảng đại loại như thế, và đã trở nên chuyên nghiệp rồi, chỉ cần đưa cho anh ta một tấm bảng, báo cho anh ta biết tên tuổi, ngày tháng năm sinh thì trong nháy mắt sẽ có ngay một kiệt tác hoàn chỉnh như được đúc ra từ máy. Phía sau chị là một cuốn lịch đã được bóc đến những tờ cận kề ngày lễ Giáng Sinh, thời gian mà ai cũng dành tiền để mua sắm một thứ gì đó cho cuối năm. Tay phải chị nắm chặt mấy gói khăn giấy loại một ngàn rưỡi, và ở tay trái là một hộp vuông vuông trông như một hộp bánh, loại ta thường dùng để chấm cà phê sữa điểm tâm mỗi sớm mai.

Báo này ra chừng trăm ngàn bản mỗi lần, có hệ thống phát hành tỏa ra khắp nước. Cho dù lũ lụt ở miền Trung có làm tắt nghẽn đường giao thông thì chúng cũng không thể cản ngăn báo đến tay người đọc được bởi khắp nơi đã có máy bay to, máy bay nhỏ, với những nữ tiếp viên áo hồng nhạt trẻ đẹp phục vụ tận tâm những bữa ăn nóng, đảm trách công việc đó. Chỉ sau vài mươi phút chợp mắt ngắn ngủi trên chiếc ghế ngả được về sau nhờ có nút nhấn ở tay dựa, ta đã nghe tiếng trong vắt của nữ tiếp viên chính nhẹ nhàng yêu cầu dựng lưng ghế thẳng đứng, khép chặt bàn ăn, nghe lời dặn dò lặp đi lặp lại rằng chớ có mở khoang hành lý vội kẻo một thứ vặt vãnh nào đó chẳng may rơi ra sẽ làm tổn thương. Máy bay đã đến nơi. Lúc ấy, cả thế giới đã nằm trong tay người đọc. Này là Zidane, tất nhiên, cầu thủ số một bởi ghi những hai bàn thắng trong một trận chung kết thảm hại để đem chiến thắng về cho một đội bóng không biết tấn công là gì. Này là Clinton và Starr cả hai được ghép mặt khéo léo vào nhau để thành người đàn ông của năm. Và lẫn lộn trong tất cả những cái tin đó là khuôn mặt co rúm lại của người phụ nữ, nằm ở trang sau cùng, một tấm ảnh rúm ró vô vị, với vài dòng tin

mang tính giáo dục: *Đây là biện pháp tốt để ngăn chặn những hành động xấu tương tự tiếp diễn.* Mấy dòng ngắn ngủi ấy có vẻ như chỉ để minh họa thêm cho có mà thôi, bởi riêng tấm ảnh là đã đầy đủ thông tin rồi.

Không phải ai cũng có thể đọc hết nhớ hết một trăm phần trăm chuyện trên báo. Mỗi người có mỗi mối quan tâm khác nhau. Đồng nghiệp của tôi than: "Thời gian này ai cũng đều lui vào hậu trường, nghỉ ngơi mừng năm mới, cả Clinton lẫn Starf. Các giải thể thao cũng nghỉ đông. Không có chuyện gì để đọc." Quả thật, thế giới mà không có chuyện thì cái thú ngồi quán cà phê tìm kiếm thông tin mỗi sáng cũng hao hụt đi nhiều, chi bằng nói chuyện tương lai vậy, như giải quần vợt Úc mở rộng diễn vào tháng Giêng tới chẳng hạn. "Cá với ông là Rafter sẽ vô địch." Tôi thì luôn cho rằng chỉ có Sampras, mới là người xứng đáng nói đến danh hiệu đó cho dù gần đây thần tượng của tôi có sa sút ít nhiều. Nhưng không nhất thiết phải tranh cãi, bởi Rafter cũng là một tay lên lưới rất cừ. Mà chỉ có từng ấy tin thôi sao, không còn chuyện gì hay hơn sao. Đồng nghiệp của tôi chứng tỏ ngay anh ta cũng là người sâu sát tình hình trong nước, "Có đấy, người ta đã tìm ra cách trị những người ăn cắp siêu thị rồi." Ban đầu là dùng loa đọc oang oang, *Hiện nay có một số kẻ xấu đang trà trộn vào, đề nghị quý khách đề phòng bị móc túi.* Sau đó là dán ảnh đầy khắp trong siêu thị, và bây giờ thì đưa hẳn lên báo. "Nhưng chị ta đang khóc." Tôi hỏi. Đồng nghiệp tôi cười, "Thì đã sao. Đối với kẻ xấu, ta không nên tin vào những giọt nước mắt."

Có lẽ để có được tấm ảnh đó người ta phải thực hiện nhiều bước. Ngoài việc phải có sẵn máy và phim, thì nhà báo cần phải tìm một góc sáng để chị ta đứng vào. Sau đó sẽ có ai đó đặt vào tay chị ta tấm bảng viết vội. Lúc ấy chị ta bắt đầu khóc, tóc tai rũ cả ra, những sợi trước trán dễ gây bực mình cho những người thực hiện công việc bởi hình không rõ. Trước khi bấm máy người ta phát hiện ra hai bàn tay còn thừa thãi những ngón, vả lại cũng cần phải có một cái gì đó xác định tính chất quả tang của sự việc, thế là họ đặt thêm một vài thứ vặt vãnh vào đó. Tất cả mọi công đoạn đều diễn ra một cách tự nhiên, không ai phiền ai, không ai có ý kiến gì, bởi người có tội phải được minh họa rõ ràng là một người có tội, cũng như tả cô Tấm đàng hoàng thì khuôn mặt phải đẹp và nết na, khác hẳn nét đanh đá của cô Cám. Làm sao để mọi người ngay từ đầu tiếp nhận tấm ảnh ấy chưa cần đọc tin đã xác định được ngay lập trường cho riêng mình rằng đó là kẻ xấu, hay người tốt. Khi đặt những thứ vặt vãnh vào hai bàn tay thừa thãi những ngón của chị ta, họ chỉ muốn có một tấm ảnh đầy đặn,

họ chỉ nghĩ đơn giản (và một cách không cụ thể) rằng tấm bảng dù ghi rõ: *Đây là kẻ ăn cắp,* vẫn là một minh họa chưa hoàn chỉnh.

Đồng nghiệp của tôi nói chí lý. *Kẻ xấu phải bị trừng phạt.* Mọi câu chuyện dân gian xưa nay đều có kết thúc như thế và được thực hiện bằng nhiều cách. Kẻ xấu có thể bị chặt đầu để làm mắm rồi chính hũ mắm ấy được gửi cho mẹ ruột nhâm nhi. Mẹ ruột nhìn thấy đầu con gái mình có lăn đùng ra chết, thì cũng là một trừng phạt đối với một kẻ xấu khác, chứ không phải là biểu hiện xúc động của tình mẫu tử. Hoặc nhẹ nhàng nhân bản hơn thì kẻ xấu sẽ bị cho hóa kiếp thành muỗi mòng, ếch nhái. So với tất cả những hình thức trừng phạt đó, thì một tấm ảnh trên báo quả thật nhẹ nhàng không tổn hại gì. Thời đại văn minh nên mọi người cư xử với nhau cũng có khác. Vả lại qua ngày hôm sau thì còn mấy ai đọc tờ báo ấy nữa, bởi thông tin là cả một biển, mọi người cần phải tắm mỗi ngày. Với cơ man những tin vặt đại loại như thế, sẽ không ai còn nhớ và đọc gì ngày hôm trước. Những tờ báo cũ cần phải nhanh chóng quay lại nhà máy tái chế để tiết kiệm nguyên liệu. Những tờ có số phiêu lưu hơn sẽ hóa thành giấy gói hàng ở chợ trôi giạt tận hang cùng ngỏ hẻm. Chỉ có những tờ may mắn nhất được lọt vào tay những ông già khỏe mạnh, hằng ngày chăm chút đọc báo sau giờ tập dưỡng sinh, và chúng sẽ được xếp cẩn thận thành từng chồng theo trật tự ngày tháng.

Mọi chuyện cứ như thế mà trôi qua. Sau giải Úc mở rộng sẽ đến giải Pháp mở rộng, sau đó là giải Wimbledon và giải Mỹ. Nếu Sampras hay Rafter không đoạt được chức vô địch đầu năm ở Úc thì có thể sang Pháp mà thử thời vận. Tin tức cứ như thế chồng chất lên nhau. Tấm ảnh chụp người phụ nữ ấy không còn ai nhớ, ngay chính những người liên quan cũng còn mơ hồ. Đó chỉ là một trong nhiều thứ sản phẩm sinh ra trong quá trình thi hành nhiệm vụ của nhiều người. Anh bảo vệ siêu thị nói: "Bắt giữ kẻ cắp là việc của tôi. Tôi được trả tiền để theo dõi người ra người vào siêu thị này, mất mát gì tôi phải chịu. Chỉ mong ai vào đây cũng mua sắm đàng hoàng, thì tôi không phải mỏi mắt canh chừng mỗi ngày." Chủ siêu thị bảo: "Bị mất cắp hoài như vậy thì tụi tôi đóng cửa sớm. Không cần biết họ ăn cắp vì đói hay vì tham, bởi đó là chuyện của xã hội, mà tôi cũng không có thời giờ để nghĩ tới chuyện đó. Tôi chỉ muốn làm ăn dễ thở một chút. Bộ tưởng tiền thuê nhân viên canh chừng là rẻ lắm sao?" Và cuối cùng là nhà báo: "Chuyện này có gì để nói. Có tin, đưa tin là chuyện bình thường. Làm như vậy là để răn đe những kẻ khác, làm lành mạnh hóa xã hội." Tóm lại tất cả mọi người đều có thiện ý, tất cả đều bận rộn với công việc của mình, tất cả đều có trách nhiệm với đồng tiền

trong thu nhập của mình. Không còn gì để bàn cãi nữa.

Câu chuyện trên đây chỉ là tưởng tượng của tôi trong một ngày rảnh rang. Lúc ấy tôi đang nằm dài trong vườn, đọc vài dòng tin vặt để chờ mọi người tụ hội đông đủ cho bữa cơm cuối năm. Cũng như nhiều người trong cái thành phố to lớn này, tôi đã bận rộn với công việc mỗi ngày đến nỗi không có thời gian nghĩ tới việc thực hiện ước mơ nhỏ bé của mẹ, là được ăn một bữa cơm tối đầy đủ mọi người trong gia đình. Tôi không có thời gian đâu mà nghỉ đến một mơ ước rất cá nhân như vậy. Nhưng giờ đó chính là điều tôi đang làm đây. Tôi gọi những đứa em, ngày xưa còn lau nhau cãi lộn, nghịch phá, bồng bế con cái quay lại căn nhà nhỏ. Giữa một xã hội ngày càng đông đúc và chuyển động hấp tấp như vậy thì một chốn riêng mà mẹ tôi mơ ước, nay cũng là mơ ước của chính tôi. Tôi nhìn em gái đang la hét những đứa con kháu khỉnh nghịch ngợm của nó mà nhớ đến người phụ nữ trong ảnh kia. Chắc hẳn chị ta cũng có một gia đình, bởi chúng ta luôn cầu mong mọi người cùng có một hạnh phúc như vậy.

Nếu chúng ta cùng cầu mong như thế thì chắc chắn chị ta cũng có một gia đình. Sau khi được chụp tấm ảnh lịch sử trong đời, chị được hỏi xem có thuộc băng nhóm nào không hay chỉ là một tay đánh lẻ, nếu không có gì đặc biệt người ta sẽ ghi tên tuổi chị vào một hồ sơ riêng, cảnh cáo chớ bao giờ tái phạm. Rồi chị đặt xuống bàn những xấp khăn giấy loại một ngàn rưỡi đồng một gói và hộp bánh cầm lúc chụp hình. Chậm nhất là sau một vài ngày, họ thông báo: "Chị về được rồi." Chị cũng đã biết như thế, trước sau gì họ cũng sẽ cho chị về thôi. Nhưng giờ đây đó không là niềm vui nữa. Những đứa con, một tương lai khác của chị, đều là những đứa biết đọc biết viết, chúng đã được bạn bè gọi lại và vung vẩy tờ báo: "Có ảnh của mẹ chúng mày trong này nè." Tấm ảnh rúm ró ấy khiến những đứa trẻ mất một lúc lâu mới nhận ra khuôn mặt của mẹ dù đã có ghi chú tên tuổi đầy đủ. Chị bước ra ngoài phố. Một cuối năm ngồi với gia đình, còn gì bằng. Bên ngoài, ngược xuôi những xe đẹp và người đẹp. Chị biết họ sẽ thả chị, bởi chị chỉ ăn cắp vặt, cái tội ấy chưa đến mức bị tử hình như những kẻ cắp khác. Nhưng chị vẫn thấy chân muốn khuỵu xuống, một cảm giác chính xác rằng tâm hồn chị và những đứa trẻ vừa mới bị đem bán rồi.

PHAN TRIỀU HẢI

1-1999





NGÔ THẾ VINH

qua cầu mittaphap, một thoáng thái lan

Gửi Nhóm Bạn Cửu Long

BANGKOK [Tin Kyodo]_ Bom nổ trên cầu Mittaphap tại biên giới hai nước Lào Thái khiến 11 du khách tới từ Thái Lan bị thương, giao thông trên cầu ngay sau đó bị gián đoạn. Vụ nổ đã xảy ra vào lúc 4 giờ 5 phút chiều Thứ Tư ngày 25/ 01/ 2001. Tang vật tìm được cho thấy trái bom được điều khiển từ trạm kiểm soát nơi chân cầu phía Lào.

NONG KHAI BÊN KIA CẦU HỮU NGHỊ

Cầu Mittaphap [Hữu Nghị] 20 Km phía đông nam thủ đô Vạn

Tượng, 5 Km phía tây thị trấn Nong Khai, do Úc hoàn tất 1994 như cánh cửa mở ra để Lào tiếp xúc với thế giới bên ngoài. Từ Thái Lan qua cầu, du khách có thể đóng dấu nhập cảnh khi tới ố visas-on-arrival cũng như tại phi trường quốc tế Wattay. Kết quả thấy được của Đổi Mới ố Chin Thanakaan.

Nơi đầu cầu có trạm đổi tiền, bưu điện và cửa hàng bách hóa sang trọng miễn thuế dành cho du khách. Giai thoại về một hệ thống cửa hàng bách hóa "free duty shop" theo tiêu chuẩn quốc tế do Singapore thiết kế nơi các cửa khẩu trên toàn xứ Lào, mà chủ nhân triệu phú đô la xuất thân nghề buôn vàng lại là một phụ nữ Lào gốc Việt rất đơn sơ hiện sống ở Paksé miền Nam Lào.

Đứng trện cầu Mittaphap, nhìn xuống dòng nước chảy ố một thoáng để thấy suốt chiều dài 4661 Km của dòng sông từ Tây Tạng ra tới Biển Đông, với cả chiều dày lịch sử, đã và đang soi bóng bao nền văn minh, có cả Văn Minh Miệt Vườn nơi Đồng bằng Sông Cửu Long, một vùng đất mới chưa đầy 300 tuổi đã lại đứng trước nguy cơ tiêu vong.

Nong Khai chỉ là một thị trấn nhỏ nằm phía cực bắc cao nguyên Isan đông bắc Thái ố nguyên là cả một vùng đất rộng lớn mênh mông và khô hạn, bao quanh bởi con sông Mekong ố một biên giới tưởng như là thiên nhiên nhưng thật ra là do thực dân Pháp và Anh toa rập với nhau cắt một phần lớn đất Lào sát nhập vào Thái Lan từ 1941, do đó cư dân Isan đa số là người Lào còn gọi là Thay I-Xan, chiếm 1/3 dân số Thái ố nói cùng ngôn ngữ [cũng dễ hiểu vì sao các chương trình truyền hình Thái là phần giải trí và cả thông tin thường ngày của các gia đình khá giả bên Lào]. Phải kể tới số không ít những người Việt tản cư sinh sống lâu năm ở đây từ những thập niên 40 ố 50 khi cuộc kháng chiến chống Pháp lan rộng ra cả ba nước Đông Dương.

Cho tới những năm 60, cao nguyên Isan vẫn còn là vùng đất nghèo nàn và hẻo lánh. Để đáp ứng với cường độ Chiến Tranh Việt Nam gia tăng và cũng để ngăn chặn xâm nhập của cộng sản vào đất Thái, người Mỹ đã ồ ạt đổ tiền vào phát triển Isan, mở mang hệ thống xa lộ tối tân, xây 4 phi trường quân sự chiến lược, nơi xuất phát các đoàn máy bay phản lực oanh kích Bắc Việt và cả những đoàn cấp cứu các phi công Mỹ bị bắn rơi. Mỹ cũng tích cực giúp Thái xây các con đập thủy điện trên phụ lưu sông Mekong điển hình là hai con đập Nam Pong và Nam Pung, nhằm điện khí hóa nông thôn, cải thiện hệ thống tiêu tưới khiến mức nông sản gia tăng vượt mức.

Như từ bao giờ, Nong Khai vẫn là cửa ngõ đi vào xứ Lào nhưng hương vị của một thị trấn tỉnh nhỏ bên sông ngày nay hầu như không

còn nữa do từ ngày có cây cầu Mittaphap với thương mại phát triển. Đây là nơi du khách đổ tới bằng đường bộ ố đến cả từ thủ đô Bangkok trên những chuyến xe bus Nhật sáng choang có gắn máy lạnh, dừng chân trước khi vượt sông qua Lào.

Các nhà nghỉ [guest houses] tiện nghi, khách sạn 4 sao mọc lên mau chóng, có cả Holidays Inn Mekong Royal 8 từng cao lừng lững với 200 buồng lộng lẫy trên đường Jomanee nhìn ra con sông Mekong.

Sơn tới Nong Khai vào giữa mùa bầu cử, trên đường phố tràn ngập Posters với khẩu hiệu và các hình ảnh lòe loẹt [như quảng cáo từ các rạp hát] của các ứng viên vận động tranh ghế.

Bác tài xế taxi người Thái có ánh mắt lúc nào cũng như đang cười, giọng hiền lành:

- Chúng tôi sẽ chọn bầu cho ứng cử viên nào giàu nhất, vì họ chỉ cần danh chẳng cần tiền nên sẽ không có tham nhũng.

Không biết tự bao giờ người dân Thái đã thấm nhuần chủ nghĩa thực tiễn kiểu Mỹ. Đó cũng là lý do tại sao đảng Người Thái Yêu Thái của nhà tỉ phú Thaksin Shinawatra có triển vọng thắng phiếu dễ dàng để tiến tới lập nội các mới. Học vấn của Thaksin cũng là điều đáng nói: tốt nghiệp tiến sĩ Đại Học Houston Texas trở thành người giàu có nhất Thái vì kinh doanh thành công trong ngành điện toán, được báo chí Mỹ mệnh danh là "ông trùm kỹ thuật cao / high-tech mogul".

Thaksin biểu tượng cho thế hệ lãnh đạo mới tại các quốc gia đang phát triển trên đà toàn cầu hóa / globalization theo cái nghĩa Mỹ hóa / Americanization: biểu hiện rõ nét là nguyên thủ các quốc gia như Đài Loan, Chile, Mễ Tây Cơ và sắp tới là Thái Lan, Phi Luật Tân ... đều được đào tạo và có học vị từ các Đại Học Mỹ.

Thái Lan là quốc gia duy nhất ở Đông Nam Á không bị ách đô hộ của thực dân Anh Pháp vào thế kỷ 19, lại thoát khỏi nửa thế kỷ chiến tranh, được hưởng lợi từ cuộc chiến tranh Việt Nam, và còn tiếp tục được hưởng lợi sau cuộc chiến ấy do dịch vụ cung cấp gạo thực phẩm cho hai triệu người Việt hải ngoại, phải nói rằng thập niên 80 là thời kỳ kinh tế phát triển huy hoàng nhất của Thái.

Như từ bao giờ, người dân quê Thái chỉ lại được nhớ và nhắc tới trong mùa bầu cử. Mỗi lá phiếu đều có giá tính theo đồng baht ố bản vị tiền tệ Thái. Mua chuộc không xong thì có giải pháp bạo lực. Tham nhũng và bạo lực luôn luôn là bộ đôi nguy hiểm ố Dangerous Duo như một truyền thống của xã hội Thái. Nền dân chủ Thái chỉ là vỏ bọc của chế độ toàn trị theo chủ nghĩa thực dụng.

Câu nói của một giáo sư Chánh Trị Học Đại Học Thammasat

phản ánh điều ấy:

- Tại sao lại phải tiêu hơn 30 triệu baht [hơn nửa triệu đô la] để mua một ông xã trưởng trong khi chỉ cần 1/10 số tiền ấy thuê một tay súng là xong?

Cũng để trấn an người dân đi bầu, viên Tướng tổng tư lệnh quân đội Thái đã hứa là "sẽ không có đảo chánh cho dù kết quả cuộc bầu cử ra sao." [Sic] Nhưng nếu cần phải đổi ý thì cũng là quyền của ông Tướng ấy.

Cuộc binh biến 1932, đã như một khúc rẽ trong sinh hoạt chánh trị Thái, đã chấm dứt vương quyền độc tôn, chuyển qua chế độ quân chủ lập hiến giống như Anh Quốc, vua và hoàng gia chỉ có vai trò lễ nghi. Nhưng đến đời Bhumibol thì tình hình đổi khác, nhà vua trở thành một trọng tài được kính trọng bởi mọi phía như một "mẫu số chung" nối kết lòng người và đứng trên mọi tranh chấp.

Tên Bhumibol Adubjadej có nghĩa như sức mạnh của đất. Ông sinh năm 1927 tại Cambridge tiểu bang Massachusetts ở Mỹ, phụ thân nguyên là bác sĩ ở Boston. Bhumibol theo học kỹ sư đại học Lausanne Thụy Sĩ, thông thạo hai ngôn ngữ Anh Pháp, là tay đua thuyền cự phách từng đoạt huy chương vàng Á Vận Hội, ông còn là một nhạc sĩ một tay thổi Saxo có hạng. Sau thời gian du học, ông về nước và được tôn lên ngôi năm 1950. Cũng như ông Hoàng Sihanouk, Bhumibol đã có thời gian xuống tóc vào chùa tu theo đúng tục lệ của những người đàn ông theo đạo Phật Tiểu Thừa / Theravada.

Giữa một xã hội Thái không ngừng có những biến động vậy mà ông vẫn vững vàng trị vì suốt hơn 50 năm. Trong thời gian ấy ông luôn luôn giữ được sự độc lập và đứng trên mọi tranh chấp phe phái và khi cần phải can thiệp thì tiếng nói của ông được kính trọng lắng nghe. Điển hình là vào tháng 10 năm 1973 khi xảy ra vụ bạo loạn đổ máu ở Đại học Thammasat, nhà vua đã khuyến cáo Thanom lúc đó đang là thủ tướng và đám thuộc hạ phải rời khỏi xứ để tránh hỗn loạn thêm và họ đã tuân theo. Tương tự như vậy sau chuỗi biến cố đẫm máu vào tháng 5 năm 1992 quân đội dã man đàn áp các đoàn biểu tình, vua cho gọi viên tướng chỉ huy Suchinda cũng đang là thủ tướng tới dinh và trước ống kính truyền hình, Suchinda đã phải quỳ lạy trước nhà vua và bị công khai khiển trách, sự kiện này đưa tới vụ từ nhiệm và ra đi của Suchinda đang đầy quyền uy.

Không phải tự nhiên mà nhà vua được dân Thái yêu mến như vậy. Trong suốt những năm trị vì, vua và hoàng hậu Sirikit đã không ngừng quan tâm tới an sinh và phúc lợi của người dân Thái, đi tham

quan khắp nước, theo dõi các dự án phát triển.

Khi mà nhà vua là yếu tố để đoàn kết và ổn định xã hội Thái trong hơn nửa thế kỷ, thì một câu hỏi lớn được nêu ra là sau Bhumibol liệu ai là người có thể thay thế nối ngôi trong khi hoàng thái tử thì hoang đàng chỉ là một phó bản mờ nhạt của phụ thân. Đây đang là mối ưu tư của mỗi người dân Thái khi biết nhà vua năm nay đã cũng đã 72 tuổi rồi và người ta đang nghĩ tới công chúa Chakri Sirindhorn có cơ trở thành nữ hoàng đầu tiên trong lịch sử đầy biến động của Thái Lan bước sang thế kỷ 21.

Đặt chân tới thị trấn biên thùy này, Sơn không có nhiều mối bận tâm về chánh trị của xứ Thái. Anh đến một quán ven sông và đang muốn tìm tới sự yên tĩnh của dòng sông Mekong. Anh cũng đang nghĩ tới mấy con cá Pla Beuk ố Pangasianodon gigas, giống cá bông lau khổng lồ nặng hơn 300 kg, nay còn hay mất nơi khúc sông dưới chân cầu Mittaphap.

Pla Beuk có đó cả bao ngàn năm rồi chứ đâu có phải chờ tới năm 1930, mới có con cá Pla Beuk đầu xuất hiện trên sách báo Tây phương. Và sớm hơn trước đó cả nửa thế kỷ James McCarthy (1881 ố 1893) nhà thám hiểm Anh trong cuốn sách Surveying and Exploring in Siam đã có ghi nhận về cá Pla Beuk với nhiều chi tiết khi ông : "giúp ngư dân kéo con cá Pla Beuk nặng 130 cân Anh dài 7 bộ vòng thân 4.2 bộ, là loại cá không vẩy không răng..." McCarthy còn đề cập tới cả trứng cá Pla Beuk giống như trứng cá tầm caviar [sturgeon] rất ngon và hiếm quý từng được các vua Lào dùng như phẩm vật triều cống triều đình Huế hay Bangkok.

Vào thăm chợ Nong Khai, chủ yếu để thăm những mớ cá còn lưới được từ con sông Mekong. Không khác bao nhiêu với những ngôi chợ Việt Nam, đầy màu sắc với hoa trái vùng nhiệt đới. Tuy đã trải qua cái tuổi trèo me hái sấu nhưng chưa bao giờ Sơn thấy me dốt lại có thể nhiều đến như vậy với những sọt những thúng chất thành vồng trên các xạp. Cô bác sĩ người Lào cùng đi không còn ở lứa tuổi ô mai nhưng vẫn thích vị chua của me dốt nên mua luôn cả mấy kí.

Bạn hàng trong chợ không ít là người Việt Nam nhưng họ tránh nói tiếng Việt. Lý do là dân Thái không mấy ưa người Việt mà họ coi như là cội nguồn bất an do có liên hệ tới các hoạt động của đảng Cộng Sản Thái trước đây [CPT ố Communist Party of Thai]. Các nhà cách mạng Việt Nam như chí sĩ Phan Bội Châu, ông Hồ Chí Minh khi bị thực dân Pháp lùng bắt cũng đã có một thời gian từng bôn ba sống

và hoạt động trên lãnh thổ Thái.

VIỆT KIỀU TRÊN ĐẤT THÁI

Theo Hoàng Văn Hoan, Giọt Nước Trong Biển Cả thì vào giữa thập niên 40, khởi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, số người Việt ở Thái [đa số từ Lào tản cư sang] đã lên tới cả 100 ngàn người. Ban đầu do có thiện cảm với cách mạng Việt Nam, người Thái và chánh phủ Thái không những chấp nhận sự có mặt đông đảo của cộng đồng người Việt, họ còn giúp đỡ lương thực và cả vũ khí nữa. Về lâu dài, đám người Việt tản cư này còn được cung cấp đất canh tác sinh sống và xây dựng nhà cửa. Đất Thái trở thành hậu phương an toàn và địa bàn hoạt động của cuộc kháng chiến chống Pháp. Cuộc sống tuy tha hương nhưng lại thuận lợi tới nỗi chính những người Việt ấy như quên là mình đang sống trên đất khách quê người. Tới mức họ trở thành chủ quan và cao ngạo, sống phô trương lộ liễu chẳng quan tâm gì tới tập quán phong tục của người Thái. Họ mở Nông Trường lấy tên Việt Nam, luôn luôn rầm rộ tổ chức những ngày lễ hội với cờ đỏ sao vàng treo khắp nơi,với cả bộ đội Việt kiều mang súng nghênh ngang đi khắp đường phố...

Và hiển nhiên cái gì phải tới đã tới, hậu quả là ố như một thứ Boomerang Effect: từ thập niên 50 không phải chỉ người dân Thái địa phương than phiền mà cả báo chí Thái Lan của chánh quyền mới hữu khuynh chống cộng cũng khởi đầu một chiến dịch chống đối người Việt.

Từ thiện cảm giúp đỡ, đã lại chuyển sang tình cảm thù nghịch. Và hậu quả là Việt kiều ở Thái tuy không bị cưỡng bách hồi hương nhưng họ bị kỳ thị, bị cấm di chuyển ra khỏi nơi đang cư trú. Khác với người Hoa dễ dàng được chấp nhận hội nhập vào xã hội Thái, người Việt sống trên đất Thái đã có một thời gian từng bị đối xử như một thứ công dân hạng hai.

Và chỉ mới đây thôi, sau hơn nửa thế kỷ tình hình có phần nào được cải thiện khi chánh phủ Bangkok bắt đầu chấp thuận cho những người Việt sống lâu năm và sinh đẻ trên đất Thái được nhập tịch.

Cho dù đã sang thế hệ thứ ba, trở thành công dân Thái ố đã từ lâu mất liên hệ với thực tại của Việt Nam nhưng họ vẫn là những người Thái gốc Việt giữ tình cảm gắn bó với quê nhà, với chế độ cộng sản Hà Nội qua hình ảnh Cách Mạng Tháng Tám và cuộc Kháng Chiến Chống Pháp ngày nào. Chân dung ông Hồ vẫn còn được các cụ

già thuộc thế hệ thứ nhất tuổi ngoài 80 trưng giữ ở một nơi trang trọng trong gia đình.

Tới khu chợ cá Nong Khai, niềm vui là còn thấy được mớ cá tươi ngon lưới được từ con sông Mekong. Ngạc nhiên hơn nữa là trên sạp cá ấy có cả một con cá lớn hơn 50 kg [Pa Pu] đang được xẻ khúc. Sơn hỏi mà không chút trông đợi về một con cá Pla Beuk. Lần này thì là sự kinh ngạc khi thấy chủ vựa lại tủ nước đá khệ nệ bưng ra một đầu cá Pla Beuk với lời giải thích:

- Pla Beuk nay rất hiếm nhưng may là anh tới đúng lúc. Đây không phải là một con cá Pla Beuk lớn đúng cỡ, chỉ cân nặng chừng 45 Kg chứ không phải hơn ba tạ, mà người ta còn lưới được trên sông Mekong.

Có lẽ đây là một trong mấy con cá Pla Beuk thiên nhiên cuối cùng còn sót lại nơi lũng sâu nào đó của con sông Mekong mà Sơn còn có may mắn thấy được trong khu chợ Nong Khai vào năm cùng tháng tận của Thế Kỷ 20 này. Cho tới bây giờ thì chưa ai lưới được một con cá Pla Beuk tạo sinh nhân tạo nào trong số hàng trăm con được công chúa Thái Lan thả xuống nơi hồ chứa đập Nam Ngum đã từ mấy năm rồi.

Nong Khai còn được biết đến với di tích ngôi Đền Phật Giữa Sông ố Phrathat Klang Nam. ..." Đó là ngôi đền bị đổ sập xuống từ năm 1847 và càng ngày càng bị nước cuốn xa ra giữa dòng và chỉ thấy nhô lên trong mùa nước thấp. Henri Mouhot 140 năm trước (1860) khi từ Bangkok băng qua cao nguyên Isan để sang Lào, khi ngược dòng sông Mekong cũng đã ghi nhận về "Một ngôi đền Phật bị lũ cuốn xa khỏi bờ, và nay chỉ còn phân nửa nhô trên mặt nước, giống như một con tàu đắm".

5 Km phía đông Nong Khai là Wat Khaek, một cảnh trí kỳ lạ khác [như những nét văn hóa mới của con sông Mekong] với những tượng đài khổng lồ chỉ mới được dựng lên gần đây thôi [từ thập niên 70]. Khác với rắn thần Naga 7 đầu nơi các đền chùa với sự tích che chở cho Đức Phật qua cơn giông bão, tượng ở đây kích thước ngoại khổ cao tới hơn 30 mét. Rắn thần Naga còn biểu trưng cho những khu rừng mưa, ngậm giữ nước trong mùa mưa và nhả ra trong mùa khô điều hòa mực nước con sông Mekong, giúp ngư dân có cá và nông gia bốn mùa đủ nước gieo trồng. Rắn thần Naga thì nay đang bị chặt khúc bằng không ngừng những cuộc phá rừng tự sát ố suicidal deforestation. Cũng nơi đây không thiếu những công trình xây dựng kỳ lạ khác với đậm nét ảnh hưởng Ấn Độ giáo. Như chuỗi ảnh tượng Vòng Sinh Diệt lại có

tảng đá trạm một linga [dương vật] chỉ có trong Ấn giáo. Một nhà báo Mỹ hài hước gọi đó là một khủng hoảng căn cước [identity crisis] trên một đất nước Thái Lan mà đạo Phật đang được coi là quốc giáo.

UDON THANI NGÀY NÀO

50 km phía nam Nong Khai là Thị trấn Udon Thani, trước đây là căn cứ không quân chiến lược Mỹ được nhắc đến nhiều nhất trong cuộc Chiến Tranh Việt Nam với tràn ngập những cô gái Thái từ vùng quê đổ về làm việc trong những quán Bar, tiệm đấm bóp, khách sạn với phòng máy lạnh chủ yếu để phục vụ đám lính Mỹ GIõs đồn trú. Điện từ đập Nam Ngum phía Lào bên kia sông Mekong cũng đã góp phần không nhỏ cho bước phát triển nhảy vọt của Udon.

Sau 1975 cho dù Chiến Tranh Việt Nam đã chấm dứt, hàng trăm lính Mỹ lấy vợ Thái Lan chọn ở lại Udon lập nghiệp và từ chối hồi hương. Trở lại đây 25 năm sau, đã không còn dấu vết của một khu gia binh như vậy. Họ đã phân tán đi tứ xứ: số về Mỹ, số theo chân vợ và con cái đã trưởng thành đi làm ăn ở những nơi khác. Còn lại chăng là một tiệm fast food T&J với Hamburger và French Fries khá thành công mà chủ nhân là một cựu chiến binh Mỹ hiếm hoi còn ở lại.

Udon ngày nay được đánh giá là một thành phố đẹp chưa có ô nhiễm tệ hại như Bangkok. Không còn người Mỹ nhưng nếp sống Mỹ hóa thì đã lại rất đậm nét nơi đây với Pizza Hut, Kentucky Fried Chicken và Mac Donnald... trong các Malls.

Cũng không thể không nhắc tới trạm tiếp vận của đài Tiếng Nói Hoa Kỳ VOA vẫn còn đó bền bỉ và không ngừng phủ sóng lên các vùng đất cấm của lục địa Châu Á.

Với cây cầu Mittaphap, Udon nay trở thành địa điểm lý tưởng cho người dân Vạn Tượng qua mua sắm [shopping] mỗi cuối tuần không phải chỉ có giá rẻ hàng đẹp mà còn đáp ứng tiêu chuẩn thời trang cho các cô gái Lào thế hệ 2000. Cũng vẫn cô bác sĩ Lào từng du học ở Pháp cho biết:

- Bất cứ mode nào mới có ở Paris, New York hay Hong Kong thì chỉ một hai tuần sau đã có mặt đủ ở tiệm bách hóa Udon.

Cho dù đang có tranh giành ảnh hưởng gay gắt giữa Việt Nam và Trung Quốc [có thể nhuốm máu nữa] nhưng một cách lặng lẽ và chắc chắn đất nước Lào đang thực sự từng bước "Thái Hóa" qua sức mạnh thẩm thấu kinh tế và văn hóa của nước láng giềng Thái Lan đầy năng động bên kia bờ con sông Mekong.

Chỉ tấm bảng hiệu rất lớn bên đường "We Care, Ask Oudon International Hospital", cô bác sĩ Lào nói tiếp:

- Bệnh viện Quốc Tế Udon như là tuyến trên để chuyển bệnh cấp cứu từ nhà thương Mahousot Vạn Tượng mà không cần phải đi Bangkok.

TỚI VỚI KHU LÀNG TIỀN SỬ

Ban Chiang như đỉnh của một tam giác với Nong Khai và Udon là cạnh đáy, 56 Km về hướng đông theo con lộ 22. Tới với khu khai quật Ban Chiang là trở lại với Thời Kỳ Đồ Đồng với nền văn minh có lẽ là cổ xưa nhất của con sông Mekong bị vùi lấp và được coi là phát hiện quan trọng nhất trong vùng Đông Nam Á từ sau Thế Chiến II.

Trước đó, vào thập niên 30 phải kể tới sự phát hiện của Nền Văn Minh Ốc Eo của Louis Malleret huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang nơi Đồng Bằng Sông Cửu Long Việt Nam.

Như một giai thoại, cách đây 44 năm (1966) một sinh viên khảo cổ học người Mỹ khi đi vào cánh đồng của khu làng Ban Chiang, anh ta đã bị vấp ngã trên rễ một gốc cây bông gạo và chẳng thể ngờ rằng anh đã ngã vào cả một kho tàng cổ sử. Quanh anh là vô số mảnh sành nhô ra từ mặt đất. Anh thâu thập những mảnh vỡ ấy gửi về Bangkok và sau đó về Đại Học Pennsylvania để nghiên cứu.

Những mảnh sành mảnh xứ kể cả xương người với dân làng Ban Chiang từ trước đến nay đâu có xa lạ gì vì thỉnh thoảng họ vẫn đụng phải khi đào xới đất để trồng trọt canh tác. Nhưng khi có tin đồn về khám phá "ngôi làng tiền sử" được lan truyền thì đông đảo dân làng quanh vùng đổ xô tới đào bới kiếm đủ loại cổ vật mà họ không biết là vô giá đem bán rẻ cho các nhà sưu tập ngoại quốc.

Khá trễ mãi 4 năm sau, các nhà khảo cổ Mỹ và Thái Lan mới khởi sự một cuộc khai quật có hệ thống. Chỉ trong 2 năm họ đã đào bới được 18 tấn di chỉ gồm các dụng cụ bằng đồng, bình chậu sứ, cả đồ dệt và hài cốt trong 123 ngôi mộ cổ. Nghiên cứu sơ khởi cho thấy đây là một khu làng cổ trên 5 ngàn năm, và có lẽ phát hiện kỳ thú nhất là các vật dụng bằng đồng được đúc cách đây hơn 3600 năm trước công nguyên ố nghĩa là sớm hơn các đồ đồng xưa nhất của Trung Đông 500 năm. Phát hiện này đã phủ nhận luận cứ cho rằng kỹ thuật luyện đồng khởi đầu từ lưu vực sông Tigris và Euphrates năm 3000 trước công nguyên, cũng phủ nhận luôn giả thiết cho rằng đồ đồng là từ Trung Quốc du nhập về Phương Nam [bởi vì đồ đồng cổ nhất của Trung Quốc

chỉ mới từ 2000 năm trước công nguyên]. Như vậy có thể nói rằng kỹ thuật luyện đồng là từ Đông Nam Á du nhập sang Trung Hoa thay vì ngược lại.

Đó là chưa kể tới những đồ trang sức cũng bằng đồng rất mỹ thuật phản ánh một xã hội thái hòa [không có vũ khí] có văn hóa cao chứ không ở trình độ man di so với Trung Quốc như người ta vẫn nhận định. ả về nông nghiệp cũng vậy nữa, từ những vỏ trấu còn sót lại trong các bình sứ khai quật ở Ban Chiang chứng tỏ trên vùng đất Đông nam Á đã sớm có một nền nông nghiệp phát triển trước cả Trung Hoa.

Vậy cư dân nào đã sống nơi khu làng tiền sử ấy? Khảo sát sọ và các xương khai quật được, các nhà nhân chủng học đã vẽ lại chân dung của người tiền sử tại Ban Chiang: họ có trán rộng, lưỡng quyền cao với cặp chân dài và khỏe mạnh tuổi thọ trung bình là 31 nguyên nhân tử vong là bệnh tật như sốt rét. Các nhà khảo cổ học giả thiết rằng họ thuộc chủng tộc Hòa Bình [Hoabinhians] từ Thời đại Đồ Đá đã sinh sống trong vùng Đông Nam Á Châu từ 12 000 tới 5000 năm trước công nguyên được coi là tổ tiên của chủng tộc Austronasians. Joyce White nhà khảo cổ hoc Mỹ cho rằng khu làng tiền sử Ban Chiang đã có được một tổ chức xã hội nông nghiệp ổn định từ 8000 tới 7500 năm trước công nguyên, trong khi dấu hiệu về lúa sớm nhất ở Trung Hoa vùng Pengtoushan thượng nguồn sông Dương Tử / Yangtze vào khoảng 6500 ố 5800 trước công nguyên nhưng không rõ đó là lúa hoang hay được gieo trồng? Trả lời được câu hỏi đó rồi thì vẫn không thể phủ nhận được Đông Nam Á đã có một nền nông nghiệp nếu không sớm hơn thì cũng không hề lạc hậu để phải chờ người Phương Bắc xuống dạy họ trồng cây lúa thuần hóa / domesticated rice plants đầu tiên trong bản làng của họ. Luận cứ ấy càng được thêm củng cố khi Peter Bellwood cho rằng nếu kể tới yếu tố khí hậu thì cái “nôi đầu tiên trồng lúa” phải là vùng nhiệt đới Đông Nam Á Châu Gió Mùa.

Qua các di chỉ khai quật được, cho thấy rõ 3 thời kỳ phát triển: Thời Kỳ Sớm [the Early Period] kéo dài khoảng 2600 năm; kế đến Thời Kỳ Giữa [the Middle Period] vào khoảng thời gian 1000 trước công nguyên tới 300 trước công nguyên; Thời Kỳ Trễ [the Late Period] kéo dài tới năm 200 sau công nguyên để rồi sau đó không rõ vì nguyên nhân kỳ bí nào Ban Chiang trở thành hoang vắng không còn cư dân nào sinh sống nữa.

Với sự hỗ trợ của viện bảo tàng Smithsonian, Washington DC và của Kennedy Foundation về sau này, sau 4 năm triển lãm lưu động ở Mỹ [1982 ố 1986] nay những di chỉ khai quật được đem về trưng bày nơi Viện Bảo Tàng Quốc Gia Ban Chiang này: đó là những trang cổ sử

kỳ thú của vùng đất ấy ố như một nền văn hóa khác của con sông Mekong ố được viết lại một cách rất thuyết phục.

Rõ ràng sách vở được coi như kinh điển từ trước tới nay viết về nguồn gốc các nền văn minh thế giới ố hầu như người ta đã lãng quên vùng Đông Nam Á, chỉ được coi như phó bản của các nền văn minh lục địa từ Ấn Độ và Trung Hoa, nhưng thực ra Đông Nam Á lại chính là cái nôi của một vùng văn hóa cổ xưa đa dạng và phong phú nhất trên hành tinh này.

Stephen Oppenheimer trong tác phẩm Địa Đàng ở Phương Đông (Eden in the East, The Drowned Continent of Southeast Asia_ Weidenfeld & Nicolson 1999) đi xa hơn thế nữa, đã chứng minh được là các nền văn hóa gốc / founder cultures hay cái nôi của văn minh nhân loại là từ vùng Đông Nam Á, bao gồm cả phần thềm lục địa Sunda (Sunda shelf) đã bị nhận chìm dưới biển sâu tiếp theo trận lụt vào Thời Kỳ Băng Tuyết Sau Cùng ố the Last Ice Age.

Trong số 5 ngàn bao di chỉ đã khai quật. dĩ nhiên còn ẩn chứa rất nhiều câu hỏi gây tranh luận và chưa có lời giải đáp. Đây cũng chính là khu rừng còn nhiều hoang vu mà Sơn nhà ngữ học trẻ tuổi của MIT tiếp bước của Noam Chomsky muốn đặt chân vào trong cuộc hành trình Tìm Lại Tiếng Nói của Thời Gian Đã Mất vẫn còn âm vang từ những chiếc trống đồng từ nền văn hóa Nam Á Austro-Asiatic culture. Chọn cái khó và cả sự thách đố bao giờ cũng là bản chất thứ hai của Sơn.

NGÔ THẾ VINH

Nong Khai ố Oudon, 12/2000





NGÔ VĂN PHÚ
người tình của chú tôi

Khi tôi đến, bà mừng ra mặt. Bà ở một căn nhà cuối ngõ. Bà vẫn còn óng ả lắm, mỗi khi đi chợ, bà vận một chiếc áo lụa tơ nõn, đã chuội mềm, mặc chiếc yếm cổ xẻ, dấn nâu, chiếc váy xồi màu đen nền nã, đôi dép quai ngang với chiếc thắt lưng xanh gọn, khiến bà mềm mại, dịu dàng thêm.

Bà ở với cô em gái chồng chết sớm, chưa tái giá, đang nuôi một đứa cháu nhỏ chừng hai tuổi.

Chợ tỉnh một tháng sáu phiên, bà đi vài buổi. Bà đem hoa quả trong vườn trẩy được hoặc những thứ đậu, đỗ, đôi khi là chục trứng, lồng gà đi bán...

Cũng có khi bà quảy long tong đôi quang thúng không, để mua

sắm những thứ cho gia đình dăm bữa nửa tháng.

Trông bà lúc nào cũng ung dung thư thái. Bà có mái tóc dài, đen. Mỗi khi bà gội đầu, đứng ở trước thềm chải rồi quay tóc cho khô, sao mà nền nã đến thế!

Bà là bạn thân của mẹ tôi. Thường tối nào bà cũng lên nhà tôi, nghe tôi đọc truyện nôm Tống Trân - Cúc Hoa, Phạm Công - Cúc Hoa - Phạm Tải - Ngọc Hoa hoặc sự tích chúa Ba. Nhà tôi thuở ấy là nơi tụ tập các bà, xưa kia vốn cũng là hoa khôi của làng, của xóm, cũng đáng mặt những người con gái làm giỏi, hát hay, xinh đẹp, chết mệt không biết bao nhiêu người.

Cái đám con gái mê hát, mê ca cũng hay rủ rê nhau đến để học những làn điệu dân ca. Tôi không thể nào quên được cái mảnh sân nhỏ, trải chiếu ngay giữa sân, cứ mỗi cô gái ngồi kề một bà già tay đặt ra phía trước, vai sát vai, một kiểu ngồi giữ tư thế trang trọng, đoan trang, miệng thì hát lên những lời ca tha thiết, trong sáng, luyến láy, uyển chuyển. Thường thì mẹ tôi hát câu đố:

- Em đố anh biết huê gì nở trong rừng bội bạc
Em đố anh biết huê gì nở giữa đồng không!
Em đố anh biết huê gì nở bảy tám lần chông
Em đố anh biết huê gì nở mùa đông huê vàng

thế là bà lại hát câu giảng:

- Huê sim huê mua nở trên rừng bội bạc
Nhược bằng huê lúa nở nội đồng không.
Nhược bằng huê dứa nở bảy tám lần chông
Nhược bằng huê cải nở mùa đông huê vàng

Cũng có khi bà hát câu đó. Rõ ràng giọng bà đanh, sắc hơn giọng của mẹ tôi:

Em đố anh biết chữ gì trên trời rơi xuống
Em đố anh biết chữ gì là ruộng nuôi ta
Em đố anh biết chữ gì nên việc cửa nhà,
Em đố anh biết chữ gì thấy người qua là chẳng chào.

Bà vừa dứt hơi, thì mẹ tôi cất lên một thứ giọng trầm, ấm cúng, thân thiết đến lạ kỳ, giảng những câu bà vừa hát đố:

Vũ *là mưa trên trời rơi xuống*
Ngưu *là trâu làm ruộng nuôi ta,*

Thê *là vợ nên cửa nên nhà,*
Nộ *là giận thấy người qua chẳng chào...*

Các cô gái lẩm nhẩm trong miệng hát theo để nhớ làn điệu, nhớ lời, nhớ cách buông nhịp, thả nhịp, cách giữ hơi, ngắt giọng. Hát đến câu này, bà thường nhắc lại với một giọng buồn buồn, kín đáo:

- Câu đố này là ông Thuần, ông ấy đặt ra đấy, bà nhỉ!

Mẹ tôi đáp:

- Phải, đúng là chú Thuần nhà tôi đặt ra đấy. Ông ấy thật khó có ai trong làng sánh nổi...

Ông Thuần, chính là chú tôi. Thời còn con gái mẹ tôi và bà Lý vừa đảm, vừa đẹp, hát hay lại hay đi đôi với nhau. Cha tôi, nhất là chú Thuần vừa nổi tiếng học giỏi, hát xoan, hát đúm cũng nổi tiếng hào hoa.

Bà Lý nói:

- Lúc nào chú Thuần cháu xuất hiện là lũ con gái bọn thím thấy nao nao hết người lên. Chú cháu có một sức quyến rũ thầm. Người đĩnh đạc, đường hoàng, không lẫn với ai. Trán cao, mắt lúc nào cũng buồn buồn, dáng thư sinh, người đúng là người của một thời. Hồi ông ấy trẻ, xinh như cháu nhưng cương nghị hơn nhiều.

Tôi vẫn được cha mẹ tôi nói về chú. Chú Thuần như người mẫu một thời của làng nên ai cũng nhớ.

Cha tôi nói:

- Cha chẳng bén gót chú con đâu. Ông nội con rất công bằng, mà lắm lúc các con vẫn thấy, cụ yêu chú con nhất. Chú Thuần học giỏi nhất huyện, chú đã thi khoa cuối cùng. Chú đỗ đầu xứ nhưng thi hương thì đến nhị trường bị đánh hỏng. Ông nội con xem bài thi, không quở trách chú Thuần lại rung đùi thú vị bảo: Bài thi này mấy thằng quan nam triều và thống sứ Bắc Kỳ đánh hỏng con là phải."

Tôi hỏi:

- Thế chú viết những gì hở thầy?

Cha tôi đáp:

- Ông nội con vẫn giữ lại bài thi hương của chú con. Cụ vẫn thường khoe với các văn thân trong vùng về căn văn khí khái này: *Ta ta tạo vật, hề dĩ ngã vi sinh? Sinh nhi luân ư khuyển dương chi dị vực. Hà như tử nhi đồng hề thiên địa diểu mình. Sinh nhi vi nhân gian chi huyền vưu vụ thuế. Hà như tử nhi vi giang sơn chi quỳnh chi ngọc anh. Nhị triêm thủy bích, Nùng thượng sơn thanh. Nhất thốn tĩnh địa, thiên cổ giai thành. Du du hồ. Dương dương hồ! Sóc chi kiếm! Không chi thi! Đằng chi thung! Tương dữ vi trắc giáng tả hữu, phong vũ lôi đình. Dĩ tẩy hồ di thiên chi tính.*

Tôi hỏi:

- Câu này nghĩa là thế nào hở thầy?

Cha tôi đáp:

- Câu này thống thiết lắm, lại hùng tráng nữa. Thầy dịch từng chữ cho con nghe: *Hỡi tạo hóa kia, sinh ta làm gì? Sống mà bị chìm đắm với đất của loài dê chó. Thà chết để cùng với trời đất cùng dáng trong. Sống mà làm cái bướu, thịt thừa của cõi dời. Thì thà chết làm cành quỳnh hoa bằng ngọc ở nước đẹp non xanh. Sông Nhị Hà còn đỏ thắm. Núi Nùng còn xanh ngần. Một dải đất thanh tịnh, một bức thành đẹp thiên cổ. Mênh mang thay. Lồng lộng thay. Kiếm của Sóc Sơn. Thơ ngâm từ trời. Cọc sông Bạch Đằng... Khí thiêng xông trận chín tầng mây. Hãy hòa làm gió mưa sấm sét. Rửa những hôi tanh theo dòng nước trôi đi.*

Tôi thốt lên: "Hay quá." Và tôi học bằng thuộc những câu văn này. Tôi bỗng hình dung ra chú tôi đang đứng ở đầu làng, thanh thản đón cái đám lính Pháp kéo đến định bắt những chiến hữu của chú. Bà Lý nói:

- Hôm ấy, chú cháu hiên ngang hùng dũng, tay cầm một cuốn sách đứng ở trước cổng làng. Dân làng thì sợ liên lụy không ai dám ra. Tất cả những người trong làng đang cày bừa, đều dừng lại xem động tĩnh ra sao... Bọn tây kéo đến. Chúng nó lên đạn, giương súng nhằm vào ngực của chú cháu. Một thằng tây chắc là chỉ huy tiến lên xí lô, xí là gì không rõ. Chú giơ quyển sách chữ nho lên bảo: - Chính ta là người viết những bài trong này, thục giục mọi người nổi dậy chống bọn Tây Dương chúng mày đấy!

Thế là chúng nó trói chú lôi đi, lên tỉnh đưa về Hỏa Lò rồi đẩy đi xa tít mù tắp. Các chiến hữu của chú giả người làm ruộng thoát được cả.

Bà Lý nói:

- Thế là thím (bà vẫn xưng hô với tôi là thím) không được làm dâu họ Ngô nhà cháu.

Bà cười, mắt nheo lại rất có duyên, nhớ lại một thời son trẻ. Bà ghé tận tai tôi thì thầm:

- Lúc đang thì con gái, mẹ cháu và thím nháy nhau phải lấy được bố cháu và chú cháu để làm chị làm em với nhau.

Bà Lý thở dài:

- Mẹ cháu tốt số, quả là lấy được cha cháu. Còn thím thì...

Mặt bà Lý buồn rượi. Buồn đến khổ sở. Tôi thấy thương cho bà, và cũng không thể san sẻ nổi cùng bà. Mẹ tôi thường vẫn kể cho chúng tôi về mối tình của hai người. Thật ra bà Lý mê chú tôi nhiều hơn. Mẹ tôi nói, chú Thuần tôi hình như trí lự lớn lắm. Nên lúc ấy, dẫu tài hoa, đẹp trai là thế, nhưng không có ý muốn lấy vợ.

Ý là chú muốn theo những người "Đông Du" của cụ Phan Bội Châu kia. Bà Lý thì đắm đuối lắm! Những buổi lễ hội nào chưa thấy chú tôi đến là bà cứ bồn chồn như đứng trên lửa, ngồi trên than... Cho đến khi thấy chú tôi cùng đám bạn trai thấp thoáng trên bờ đê lặng lẽ tiến vào, bấy giờ bà Lý mới nở từng khúc ruột, nói nói cười cười, nhí nha nhí nhảnh.

Những khi bà Lý, mẹ tôi ngồi với nhau, vui vẻ lên, lại lôi các chuyện thời trẻ để chọc nhau. Khi chú Thuần tôi đi tù về, thì ván đã đóng thuyền. Bà Lý đã lấy chồng. Rồi chú tôi cũng phải lấy vợ. Lúc bấy giờ, ông nội tôi đã mất. Nhà vốn thanh bạch, hào lý trong làng luôn o ép. Chú tôi bỏ làng vào làm ấp, đồn điền của viên tri phủ ở giáp tận chân núi...

Tôi đã có lần vào thăm chú với cha tôi. Chú tôi ở với mấy đứa em tôi trong một căn nhà lá tồi tàn xiêu vẹo. Đất đồn điền xấu lắm, lùa chó chạy hở đuôi. Lúc này thím tôi đã mất. Trừ hai con trai lớn giúp đỡ được, chú tôi phải làm quần quật. Tôi nhìn ông. Đâu còn những nét nho nhã thư sinh như mẹ tôi, bà Lý thường tả. Đâu còn những dáng học trò thong dong, nhàn nhã mà lòng thì đầy khí phách một thời như cha tôi vẫn nói về chú...

Chú tôi gầy gò, đen nhẻm. Tóc muối tiêu. Ông đi tù bị đánh, ngực bị gãy mấy xương sườn, phổi yếu cứ làm được một lúc lại ngồi thở... Bữa cơm đãi cha con tôi cũng chỉ là cơm độn sắn, nấu bát dưa xào với thịt ếch, rất tanh, tôi không sao ăn nổi. Cha tôi vẫn điềm tĩnh nói chuyện với chú Thuần. Nhưng khi về, cha tôi mắng tôi:

- Con không ý tứ gì cả! Chú nghèo, cơm canh chỉ có thế, dù không thích vẫn phải vui vẻ mà ăn chứ!

Nhưng chú tôi đâu có giận tôi. Khi về chú còn vuốt đầu tôi bảo:

- Cháu phải học làm cho rạng rỡ họ nhà ta...

Mỗi khi tôi xuống vườn bà Lý đi câu, bà thích lắm. Những ai câu ở ao bà thử xem, hoặc bà bẻ cần, hoặc chửi như té như tát. Nhưng tôi xuống câu, thì bà không đuổi. Có khi thấy bóng bà, tôi định lỉnh, sang ao khác, bà không những lờ đi mà còn gọi lại bảo cứ ngồi mà câu. Còn bảo bữa nay trời mưa đêm thế nào cũng câu được cá trê! Có lúc tôi mải câu quá không để ý, bà đứng đằng sau lúc nào không biết. Tôi giật mình, thì bà lại cười bảo:

- Thím đứng đây lâu rồi, ngắm cháu mãi. Cháu càng lớn càng giống chú Thuần.

Thực ra thì tôi giống cha tôi. Nhưng bởi vì bà Lý quá yêu chú Thuần, lúc nào cũng nghĩ đến chú, nên mới nói thế. Mẹ tôi bảo: cha tôi tám thì chú Thuần đẹp gấp mười. Chú hơn ba tôi cặp mắt sáng tột vời, cái trán cao và trắng trẻo.

Làng vẫn đồn đại rằng bà Lý vẫn ngầm giúp chú Thuần tôi.

Những lúc buổi ba, ngày tám, người ta thường thấy bà Lý không đi chợ tỉnh mà đi chợ núi. Mà bà có gánh gạo vào chợ bán đâu. Bà gánh vào ấp cho chú tôi. Bảo là cho vay. Nhưng thật ra chẳng bao giờ đòi cả.

Chú Thuần tôi mất giữa hội nước nóng. Năm ấy đang xẩy ra trận đói dữ. Các em tôi chẳng có gì ăn, huống chi còn nghĩ đến chuyện làm ma. Khi mẹ tôi lặng xuống báo tin, nước mắt bà Lý chan hòa. Bà rên rẩm: Trời hại tôi rồi! Sao không bắt tôi chết luôn mà lại bắt ông ấy phải chết. Cả đời ông ấy khổ, có được lúc nào sung sướng đâu. Người thì cứ như ngọc như ngà ấy!

Rồi bà hối hả, thu xếp việc nhà tức tốc vào ngay trong ấp. Bà bắt các em tôi phải mua cho ông chiếc quan tài gỗ cực tốt, lại cho gạo, cho tiền để mấy em tôi lo đám ma cho chú chu tất mồ yên, mả đẹp. Bà coi các con của chú tôi như con mình, còn bù trì mãi về sau này...

*

Bà Lý tóc bạc phơ, nhưng giọng hát vẫn còn hay lắm. Bây giờ Ty văn hóa huyện còn mời bà lên dạy cho mấy cô văn công tỉnh, hoặc hát mẫu cho các điệu hát xoan... Bà rất vui khi được mời.

Tôi đã được dự một buổi biểu diễn của bà ở trước cửa đình. Bà ngồi giữa các đám thanh nữ như một bà tiên. Tóc bạc phơ, da thì đỏ đắn, dáng vẫn đẹp lắm. Bà cất tiếng hát:

Em đố anh biết huê gì nở trong rừng bội bạc
Em đố anh biết huê gì nở giữa đồng không!
Em đố anh biết huê gì nở bảy tám lần chông
Em đố anh biết huê gì nở mùa đông huê vàng

Các cô thanh nữ hát theo lời bà vừa hát... giọng rất đều, ấm và thanh. Nhìn những vẻ đẹp thôn dã mộc mạc, người ta như thấy cả một thời êm đềm của một làng đồi ở cửa ngõ vùng Tây Bắc:

Huê sim huê mua nở trên rừng bội bạc
Nhược bằng huê lúa nở nội đồng không.
Nhược bằng huê dứa nở bảy tám lần chông
Nhược bằng huê cải nở mùa đông huê vàng...

Dàn đồng ca lại mượt mà hát theo, không khí hội làng thật đầm ấm.

Nhưng kìa, ai tinh ý sẽ thấy những giọt nước mắt đang giỏ xuống chiếu hát... Bà Lý lại đang nhớ đến chú Thuần.

NGÔ VĂN PHÚ





LAM TRÙNG DƯƠNG
chuyện một người điên

*"Lành mạnh" đôi khi chỉ là vấn đề có cùng bệnh như những người xung quanh.**

Thế ra Nguỵ điên thật. Trưa, Ngộ gọi vào bảo: "Cậu ra gấp". Đi vội quá, chỉ kịp dán lại mảnh giấy trên tủ lạnh: "Anh về Hà Nội." Tôi vẫy vẫy. Chiếc taxi trượt nhanh trên loáng nước ven đường trước khi dừng hẳn, bắn bẩn cả một vạt hè vốn đã ướt sẵn. Trời mưa. Gió đem từng đợt hạt mưa quất vào mặt, nghe ran rát. Xe chạy qua những những hàng me tây, thường ngày khi nắng ráo, vẫn xanh um tỏa mát, giờ rũ oặt dưới cơn dông. Bao năm rồi, đã thành lệ, cứ mỗi độ mưa về người ta lại dần cưa đi những cành lá rườm rà. Lâu, không thấy họ trồng thêm cây mới. Chỉ thấy hàng me già ngày càng trở nên cằn cỗi, héo úa. Thỉnh thoảng gió thổi bạt làm gãy những cành khô, trúng vào

người đi đường, có lẽ đến khi chết họ còn chưa kịp hiểu vì đâu. Và người ta vẫn qua lại, chuyện trò dưới hàng me mát rượi. Chắc cũng không mấy người nghĩ ngợi, sao nhỉ nếu một ngày đẹp trời nọ cả hàng cây mục ruỗng cùng đổ ập xuống. Lúc đó, ắt hẳn không chỉ vài người chết. Cả thành phố cúp điện, giao thông tắt nghẽn, phải thuê người dựng lại trụ, dọn quang lối đi. Mai, mọi người đi dưới cơn nắng gắt, chặc lưỡi bảo ít gì cũng vài mươi năm nữa mới có lại hàng cây như thế, nếu trồng.

Sài Gòn chiều. Mưa, như trút hết nước trên trời xuống. Một lần. Rồi dứt hẳn.

*

Ngộ đón ở sân bay, trông hắn tím tái như chàm đổ, môi thâm sì hệt người vừa qua cơn sốt rét. Xe vào tận sát chân cầu thang máy bay, khỏi phải chầu chực phiền phức. “Cậu có vẻ béo ra đấy!”, Ngộ vừa quàng tay ôm tôi vừa chồm qua mở cửa xe. Tôi cười cười: “Láo phét. Tớ vừa sút ba cân vì cái vụ hợp đồng tháng trước đấy”. Ngộ im, nắm tay lôi tuột vào xe, hất đầu bảo anh tài xế: “Đi thôi”. Xe chạy êm quá, tôi ngủ suốt quãng đường từ phi trường về nội đô. Ngộ không nói gì, cứ để yên cho tôi nghỉ, chắc hắn đang mải nghĩ chuyện khác.

“Tớ đặt phòng cho cậu rồi đấy nhá, giờ có chút việc phải biến đây. Hẹn mai gặp.” Hắn lẻn vào xe nhanh đến độ tôi không kịp hỏi là phòng số mấy. Chịu ! Tự dưng bỗng thấy hắn giống thằng Ngộ ngày xưa quá đỗi, chỉ có dáng người bệ vệ hơn, nói chuyện Tây hơn. Ở quầy tiếp tân, người ta bảo có một phòng hạng nhất vừa đặt sáng nay. Xem ra, đúng tên mình : Lê Văn Ngân.

Tắm xong, bật ti vi lên, thấy có cả CNN. Cô phóng viên duyên dáng nói nói cười cười, tự nhiên như một thói quen. Ngay cả lúc đang tường thuật về cảnh lũ làm hàng chục triệu người Bangladesh khốn đốn, cô vẫn cười. Nghe hoài cũng chỉ hiểu lõm bõm, mà lại toàn chuyện đâu đâu, xa cả hàng chục nghìn ki lô mét. Ra tiếng Anh mình tệ thật. Tắt. Đi ngủ.

Sáng Ngộ đến sớm. Hai đứa dắt nhau đi một vòng hồ Gươm, gọi hai cốc cà phê nóng; trời hãy còn lạnh. Ngộ vẫn không bỏ thói quen uống cà phê giải khát. Nhoáng một hớp đã sạch vèo. “Mình đâu ngờ đến nỗi thế. Lẽ ra không cho cậu hay nhưng đến nước này mà không báo, sau cậu lại trách. Bốn đứa thì hai thằng phương Bắc, hai thằng phương Nam. Vả lại trong cả bọn, cậu là thằng bình tĩnh nhất nên mình mới gọi.” “Thế chuyện- chuyện gì?”, tôi sốt ruột. “Cậu cứ

để mình nói. Chả là tháng trước mình có giới thiệu cho cậu ấy đến nhà một người quen để trị tà. Con bệnh không hết thì đã, cả thầy cũng hóa điên. Mình cuống, lo thủ tục nhập viện, còn vợ cậu ấy bôn ba hết đền này, phủ nọ _ chẳng kết quả. Riết chán. Đưa về nhà. Lại nữa, từ khi về, cậu ấy chỉ đòi ở trong phòng, tắt đèn, đóng cửa kín mít. Ai vào cũng hét toáng lên, không kể là quen hay lạ." Ngộ liếc xéo đồng hồ, đứng dậy gọi tính tiền. "Tớ đi làm đây, kẻo muộn" . Hắn chở tôi đến ngõ vào nhà Ngụy rồi bảo xuống. "Mình không vào đâu. Từ hôm đó đến giờ, mình chỉ gặp nó có một lần trong viện. Nó cứ nhìn mình trừng trừng. Hãi lắm."

Vừa thấy tôi ngoài ngõ, Thúy, vợ Ngụy, đã khóc rống lên: "Gớm, thế cuối cùng bác cũng ra đấy. Em khổ đến chết thôi. Ối trời ơi!.. Thế chú Nguyễn đâu, sao không đi cùng." "À, lỗi tại tôi. Vội quá không kịp báo." Thúy mời tôi vào trong, giục người nhà lấy nước. Tôi gạt, "Còn chè thuốc cái nỗi gì; thế cậu ấy đâu?" Lại khóc. "Ở trên tầng thượng đấy. Để em đưa bác lên." Cả căn phòng tối om như hủ nút. Tôi gọi khẽ, "Ngụy ơi! Ngân đây."... "Ngụy ơi!" "Không. Đừng. Không phải tôi. Tôi không có", Ngụy hét trả. "Đấy, bác xem. Khổ thân chưa!" Thúy nghẹn ngào làm tôi xót dạ. "Thôi, chị ra đi, để một mình tôi ở lại với cậu ấy. Mọi chuyện sẽ ổn thôi, sẽ ổn thôi."

Thúy xuống lầu. Nền gạch dưới chân láng bóng và mát lạnh. Cả căn phòng chìm trong im lìm. Bóng tối. Tưởng chừng như không có một ai. Tôi không biết Ngụy đang ngồi đâu trong cái khoảng không gian tĩnh lặng đáng sợ này. Có lẽ Ngụy cũng thế, chẳng biết rằng: tôi đang ở đây.

*

Nhớ hôm đầu hạ, có việc ra Hà Nội, tôi ghé thăm vợ chồng Ngụy. Nó cười tươi lắm. "Chào ông giám đốc. Khỏe chứ. Để mai mình gọi cho Ngộ. Nhậu nhé. À, thằng Nguyễn chết dí trong đó rồi hả? Ngồi đây, ngồi đây", nó vồn vã. Lớn cả rồi mà chúng tôi không bỏ được cách xưng hô thuở nhỏ, vẫn cậu cậu tớ tớ. Người lạ nghe chắc thấy buồn cười lắm.

Trong nhà đang có khách. Đủ hạng. Người xin ngày xây lại cái mộ ông cụ bốn đời. Người khẩn thầy đến đặt cho viên gạch mở móng cất nhà. Cả đám người lổm ngổm ngồi trên chiếc salon bọc da dài thượt, chống cằm nghe thầy bàn tương lai hậu vận kẻ khác. Cứ như là người ta đang nghe diễn văn, thuyết trình mà lại có phần say sưa, chăm chú hơn nữa.

Xong. Ngụy chở tôi lòng vòng ba mươi sáu phố phường. "Ngụy này, thoắt một cái dễ tám năm rồi mình mới về Hà Nội." "Bậy nào. Có bẩy thôi." "Buồn thật. Singapore, Hong Kong, châu Âu, có khi cả Dubai nữa. Công việc cứ lôi mình đi mãi. Chẳng có dịp về thăm lại Hà Nội. Bây giờ trở thành anh khách lạ nơi quê cũ. Hà Nội thay đổi nhiều quá." "Vớ vẩn" Ngụy cười hềnh hệch. " Này, cậu thấy mình nói cũng khá đấy nhỉ? Vui. Ngày xưa nổi tiếng là tay dạy được trong khoa, ấy vậy mà vẫn có thằng ngủ gật trong lớp mình. Giờ thì miễn.Vui." Tôi chợt thấy chút khó chịu chạy ngang sống lưng, rờn rợn. "Ngụy này, sao cậu lại nói những điều ngay chính cậu còn chẳng tin thế!". "Cậu cũng vậy!", Ngụy đáp. Tôi hơi bất ngờ, còn đang lúng túng không biết nói thế nào cho Ngụy hiểu cảm giác của mình. Ngụy bỗng hạ giọng, chừng như sợ tôi giận: "Ấy, không. Mình khi nào lại vậy. Trước thì tin đấy...Lâu dần chả còn để ý mình nói gì. Và 'một ngày như mọi ngày'. Cứ vậy rồi ra thấy chả sao. Vả, có chết gì vài ba lời nói, hả cậu? Tin hay không, với mình, giờ không là điều quan trọng nữa. Họ muốn nghe mình nói. Và mình nói những gì họ muốn nghe. Có vậy thôi. Mình còn tin không? Ừ, chẳng biết." Chúng tôi đi suốt quãng đường còn lại trong lặng lẽ. Ngụy có vẻ buồn lắm.

*

Ngụy là thằng lạc quan, vui tính nhất trong bốn đứa. Nghịch lắm. Hồi học cấp 3 bị Ban giám hiệu phạt dọn nhà vệ sinh như cơm bữa. Vẫn quậy. Sau lên đại học mới đỡ tí. Lúc đó lại chuyển tông, quay sang phá mấy em năm nhất. Cô nào cô nấy, ngây ngây ngất ngất: đẹp trai, học giỏi, hài hước một cây, cái mồm thì khéo lắm. Rõ ra lá mía mà cắt đứt tay, chảy máu vẫn không hay. Nhóm bốn Anh Ngờ (Ng): Ngân, Ngụy, Ngộ, Nguyễn chúng tôi đi đến đâu là được hoan nghênh đến đấy _ trò gì cũng vẽ được.

Ngụy ra trường hạng ưu, đi Nga làm nghiên cứu sinh. Sang đến nước bạn, nổi hứng chuyển ngành, từ Cơ khí Động lực nhảy sang Vật lý Lý thuyết. Ôm mảnh bằng Phó tiến sĩ về nước, vào dạy khoa toán ĐH Tổng Hợp. Hỏi sao gọi là "phó", lại đùa bảo: " Phàm cái gì ' quen tay hay làm' thì đều gọi là phó. Tỉ như 'phó mộc' nghĩa là ông thợ mộc, 'phó nhòm' là ông thợ chụp hình, 'phó nề' là ông thợ xây,v.v. thế 'phó tiến sĩ' là ông thợ tiến sĩ vậy. Gọi tắt là tiến sĩ cũng được." Cười khà khà. Hai mươi năm đứng trên bục giảng, bạn bè trêu: "Này, còn mê toán như ngày xưa mê gái không đấy?" Ngượng nghịu đáp: "Nói toàn chuyện cũ rích." Đùng một phát, kinh tế thị trường ào đến.

Mở cửa, mở cửa. Nhà nước hết bao cấp. Chẳng ma nào thèm học toán. Dĩ nhiên phải vẽ rắn thêm chân. Khoa Toán thì phải gọi là Toán Tin; vì thời đại thông tin, đâu đâu người ta cũng đều nói tới Tin học và những điều kỳ diệu của chúng. Đến cả khoa Anh ở ĐH Khoa học Xã hội & Nhân văn còn phải chèn thêm mấy lớp Tâm lý Giáo dục vào chương trình, gọi là cho có chất sư phạm. Lỡ ra, không tìm được việc trong liên doanh nước ngoài, ít gì cũng đi dạy được. Giảng đường nhét một lúc bảy tám trăm mạng. Ngụy chửi đổng: " Mẹ. Đào tạo thế, cái ngữ ấy (bọn Toán Tin) ra rồi thì biết cả hai thứ đấy. Nhưng toán cũng dốt mà tin cũng dốt. Tội. Đi làm tiếp thị không biết người ta có nhận không ấy chứ. Tội." Thế là quăng phấn, xách cặp về nhà vợ nuôi. Ai cũng bảo ngu. Bây giờ dạy toán là đắt hàng lắm: nào là các lò luyện thi cho đến các chương trình Đại học Đại cương ở các hệ: từ "tại chức" đến "thường xuyên", "chính quy" và "ngắn hạn", có cả "hóa" nữa. Dạy cả ba ca: sáng, chiều, tối. Tiền vứt đâu cho hết. Ngụy bĩu môi: "Hượm đã, để xem mèo nào cắn miêu nào". Rồi đâm đầu vô học Kinh Dịch, say hơn điếu đổ. Mỗi lần gọi điện ra là lại huyên thuyên: Kinh Dịch thế này, thế nọ. Làm như đi truyền giáo không bằng. Mà thật, ở đời phải có lòng tin và đam mê. Mới một năm Ngụy đã xây được căn nhà to nhất phố. Có người lấy làm lạ, tò mò hỏi nhỏ. Hắn cười: "Bán chữ mà ăn đấy." Ai cũng tưởng hắn nói về cái thời đi dạy. Của tích góp mấy mươi năm, cất nhà to thế là phải.

Tôi xa Hà Nội lâu, mọi chuyện chỉ nghe bạn bè kể qua thư từ, điện thoại. Biết Ngộ mới lên Thứ trưởng năm ngoái. Thế mới chẳng bõ công nó tận tụy bao năm với Bộ. Năm ấy, vừa ra trường, nhờ người bác quen biết lớn, Ngộ đã xin được ngay một chân trong Bộ Công nghiệp. Ngồi mãi từ đó đến giờ.

Còn tôi, vốn người dễ dãi, vô lo. Ra anh kỹ sư, trên bờ hết việc nên xuống tàu làm anh thợ máy. Ngao du bốn bể, hoài: chán. Lên bờ. Vào Nam. Cưới vợ, đẻ con như bao người khác. Hàng ngày đạp xe đến cơ quan, thảnh thơi thư thái: máy hư – sửa, không – đọc báo, uống trà. Đời êm đềm, chẳng lo toan. Việc trong nhà ngoài ngõ, đều một tay vợ cả. Thậm chí có khi còn hỏi: "Cái Hương nhà đang học lớp mấy, mình nhỉ?" Đi đi, về về. Thoắt cũng gần hết đời người. Lắm lúc giật mình nghĩ: "Ừ, đời sống sao mà nhạt thế?!" Rồi cơn lốc thị trường ập tới, nhanh đến không biết, nhẹ nhàng thay đổi tất. Tối, vợ khều khều thỏ thẻ: "Anh nè, hổng ấy thôi anh nghỉ làm nghen?" "Đùa à? Lấy gì sống?" "Đồng lương kỹ sư đâu có bao nhiêu mà anh." Tôi thấy cục tự ái dồn lên cổ. Lồm cồm bò dậy, bật đèn. "Vậy em tính sao?" "Tính gì nữa. Mình mở công ty." Nói rồi hai ba lớp tủ, bốn năm lớp gói, tháo

tháo, mở mở, lấy ra một hộp, sắp đều tăm tắp, vàng không là vàng. Tôi ngỡ mình nằm mơ. “Của ba má trước khi đi để lại cho tụi mình đó.” “Vậy sao không nói sớm. Có đỡ khổ anh hơn không. Ôi, cô gái miền Nam dễ thương của tôi.” “Cho anh xài hết á” _ nguýt thật dài. “Nhưng mà còn thiếu, để rồi em mượn thêm, hốt vài ba cái hụi nữa chắc đủ.” Thế là một Công ty Trách nhiệm hữu hạn kiểu gia đình ra đời. Chồng làm giám đốc; vợ làm phó; con trai đầu làm trưởng phòng; con trai thứ làm phó phòng. Nay mai cô con gái út tốt nghiệp đại học xong sẽ làm thư ký tổng hợp.

Tôi vậy coi là an phận. Riêng có Nguyễn là tách nhóm sớm nhất. Ngày dự lễ tốt nghiệp là ngày chúng tôi nhận tin nó xung phong đi B. Cả đám buồn hùi hụi. Rồi mỗi đứa một nơi. Sau 75, gặp lại nó trong Nam, mừng mừng tủi tủi. Cụt mất tay phải, ngực đeo đầy huân chương. “Thế viết thế nào được?” “Viết tay trái, tay trái.” Tôi ôm bạn, ứa nước mắt. Còn nó cứ tỉnh bơ bơ, nụ cười xem rắn rỏi và cương nghị như ngày nào. “Mình làm thủ thư cho một trường đại học trong thành phố. Chậc...nhà gần đây thôi. Hôm rảnh ấy mời cậu lại chơi, xem cho biết thế nào là ứng dụng kỹ thuật mới vào chăn nuôi lợn và tăng gia sản xuất. Bảo nhé, mình mát tay lắm. Chậc...may là vậy chứ... Ừ này, vẫn còn học đấy nhé. Thích lắm. Ngày xưa chiến tranh, bắn nhau loạn cả, làm sao mà ngồi yên học được. Bây giờ hòa bình rồi. Không học uổng lắm.”

Nghe đâu năm kia, tóc bạc gần hết mái đầu còn lọ dọ ra Hà Nội bảo vệ luận văn tiến sĩ triết học. Trước lúc tôi đi Hà Nội mấy tuần, Nguyễn tạt qua văn phòng, í ới: “Tớ vừa đi Cambridge về đây.” “Sao? Thấy Anh quốc thế nào?” “Không Cambridge ở Massachusetts cơ.” “Vậy mà lâu nay mình cứ tưởng có một Cambridge. Dốt thật.” “Mình còn mù hơn. Cứ ngỡ.. chậc... ấy vậy mà bọn Harvard nghiên cứu mới kinh, chậc... cơ man nào là sách. Vào hội thảo cứ khen mãi: ‘Văn hóa phương Đông các ông hay thật. Càng nghiên cứu càng thấm, thấm đến mê.’ Tớ bảo: ‘Chậc...mặt trời mọc ở phương Đông mà lị!’, phải không cậu nhỉ?” “À, dạo này có liên lạc với hai thằng ngoài đấy không? Lão Ngụy thế nào rồi.” “Đang nghiên cứu Kinh Dịch.” “Thế á!” dường như không tin, Nguyễn há hốc mồm nhìn tôi. “Mình mới đọc tham luận ‘Kinh Dịch và đời sống’ bên đó về đây. Hay ra phết nhá. Cậu cứ thử đi, nghiên cứu xem, suy nghĩ khác ngay, sống khác ngay. Huyền diệu lắm. Mừng cho cậu ấy. Ngỡ đời mục trong xó tối rồi chứ. Không ngờ tài thật. Tự học cả Kinh Dịch.” Tôi cười, nửa đùa nửa thật: “Cũng gọi là Kinh Dịch.” Nguyễn chẳng hiểu gì, cứ đế thêm: “Thế.” “Ồ, cậu Ngộ nhà ta thì sao?” “Mới lên thứ trưởng.” “Kinh thế!” Tôi tròn xoe

mất: "Mày không coi ti vi à? Cái thằng sao Hỏa kia. Tối về nhà bật chương trình thời sự lên mà xem, nó ở trên ấy đấy. Hừ, đã không mừng bạn được một câu, lại còn không biết. Rõ chán. Tớ mà là nó, đách thèm chơi với cậu. Bạn bè thế hả?" "Thôi, mình xin cậu. Chậc...lỗi mình..." Tôi bực: "Nói thật, cậu sách vở bỏ mẹ. Thực tế một chút đi ông tướng. Lý tưởng lắm khi nó lừa mình đấy, nguy hiểm bỏ xừ."

*

Cửa khẽ mở, một mái tóc xõa che khe sáng. "Bác Ngân, tối rồi. Mời bác xuống xơi cơm." Ra Thúy. Ừ, ngồi trong này thì còn biết gì ngày đêm nữa. Tôi rón khẽ: "Ngụy à, mình xuống đây." Không có tiếng người đáp lại. Thúy thút thít: "Thôi, đi đi bác, mặc em."

Trả phòng ở khách sạn, tôi sang nhà Ngụy. Trằn trọc mãi, bao hình ảnh xưa cũ của bạn bè cứ lờn vờn trên gối. Không sao ngủ được. Tang tảng sáng, Thuý mang điểm tâm lên, một phần cho tôi, một phần đặt ở khe cửa cho Ngụy. Cả ngày lặng im trong lắng nghe, từng cử động, của Ngụy, của tôi. Bên kia vách, Ngụy đang làm gì hồ như tôi đều thấy rõ. Rõ từng đường nét. Trong tôi thoáng trỗi dậy chút tình cảm ngờ ngợ, ngại ngùng của một người vừa tắm xong, khoan mặt đồ hay chải tóc: đứng ngắm mình trong gương. Ngụy cho từng hạt cơm trắng mềm vào miệng, ngậm nút tựa trẻ nhỏ. Những ngón tay thuôn dài khe khẽ chụm vào nhau như khấn nguyện. Bàn tay một thời lả lướt trên từng phím ghi-ta, làm những chiều nội trú bỗng dài hơn bao giờ. Những ngày sắp chia tay, không đứa nào thực sự biết mình sẽ làm gì, ra sao về sau. Có một trưa yên ả, ngồi dưới gốc phượng già, Ngụy lấy ngón tay chấm nước, di di trên mặt bàn thành bốn đường cát tuyến: "Gặp nhau nhé." Cũng bàn tay ấy đã viết hết bao tập giấy perluya hồng, xanh, vàng, tím: trêu chọc ngớ ngẩn. Khóc cười có chăng chỉ là những trò đùa tình cảm. Đôi mắt Ngụy ngày xưa đen lắm; bây giờ đã lẫn vào bóng tối.

Có đôi lần đứng dậy, đến bên cửa sổ, Ngụy he hé nhìn xuống, rồi khép ngay lại. Tôi nghe bên này, bao xôn xao ngày thường vang vọng. Tiếng còi xe, cảnh chen lấn, xô đẩy, luồn lách, vị mặn mồ hôi và những nụ cười giao thiệp. Ngụy sợ điều gì? Sợ phải thấy chính mình chăng? Hay sợ lại phải hòa vào dòng người bình thản nhộn nhịp dưới kia.

Nằm vắt tay lên trán hoài, tối cũng đến. Ngộ leo cầu thang thở phì phò lên: "Đi." "Đi đâu?" "Bún ốc Tây Hồ." "Mấy lần trước cũng thế. Còn gì khác không?" " Ừm..." "Hay ăn chân gà nướng?"

"Ừm..." "Không khoái hả?" " Khoái chứ. Nhưng chân gà phải ngồi vỉa hè đấy ông tướng." "À, quên. Ông thứ trưởng. Đi."

Ngộ bảo anh tài xế đỗ xe thật xa. Hai đứa đi bộ vào. Tôi kêu hắn vào quán trước. Thả bộ dọc hồ, tôi lắng nghe tiếng nước óc ách vỗ bờ mà ngỡ như tiếng thở khò khè của người viêm phế quản. Ý tưởng đến là kỳ quặc: tôi cười một mình. Trời đêm xanh dìu dịu. Những tảng mây lớn tựa con chép nằm nghiêng nghiêng. Gió từ giữa hồ thổi vào, nghe mát lạnh. Xa bên kia là một góc ửng hồng đèn đêm Hà Nội. Chân nhẹ dẫm trên con đường đất nhỏ, tôi nhớ Hà Nội xưa. Hàng quán hai bên làm lối cũ không còn quen thuộc nữa. Mùi đất, mùi ngâu, mùi hơi nước trộn bay thoang thoảng. Không gian bỗng rất là đêm...

Tôi quay lại. "Đi đâu đấy?", Ngộ hỏi. "Vào Phủ." "Xin gì?" "Đâu. Mình thắp nén hương tri ân đấy chứ." "Cậu còn nhớ không. Bữa thi cuối vừa tan, các cậu dẫn nhau ra hồ Bảy Mẫu nhậu tít. Còn mình trốn biệt cả chiều hôm ấy. Biết đâu không? Ở Phủ đấy. Chị đèo em ra, mua vài thẻ hương, bảo khấn cho thành vào. Nhà còn mỗi cậu trai út, anh cả hy sinh rồi, mẹ mong em đỗ lắm đấy." "Thảo nào. Bọn tớ kiếm cậu khắp." "Ừ, mình nhớ hoài. Không thể nào quên được." Vừa nói chuyện, Ngộ vừa hờ hững đưa tay đón tấm thực đơn từ người phục vụ. Hắn xoay xoay thực đơn như cho vừa nắm. Tôi đoán Ngộ đã vào quán này hàng trăm lần. Và lần nào hắn cũng đều ngó thực đơn. Xem xong, gấp lại hệt ra chiều chọn được món vừa ý. Nghểnh mặt, nháy mắt nhìn cô chủ quán, Ngộ phán: "Bún ốc. Cho vỏ chanh thái nhuyễn nhiều vào nhé." Ơi, chục lần như một. Chẳng biết ngó thực đơn để làm gì.

Xì xụp hồi lâu, Ngộ xoa cần cổ, than khát nên gọi vài lon bia ướp lạnh. Chúng tôi mỗi người nghĩ một chuyện. Nhóp nhép nhai. Uống. Thỉnh thoảng lại nhìn nhau, cười. Ngộ chùi miệng, khề khà bảo: "Này, thằng Ngụy thế mà thiêng lắm. Tiếc thật. Mình hết nhờ được cẩu nữa rồi. Năm ngoái, cậu ấy biếu mình tấm gương Bát quái. Treo trước cửa nhà được dăm bữa: mình được đề bạt, rồi bổ nhiệm ngay. Hạnh phúc gia đình cũng tăng lên rõ rệt, mụ vợ mình hết kèo nhèo mãi: 'Ông làm ở Bộ lâu thế, người ta đã thay những năm đời bộ trưởng mà ông, ối dời, trợ lý vẫn hoàn trợ lý.' Mình ơn cậu ấy. Giờ thì thương quá. Khách khứa đâu hết cả. Nhà lại neo người ghê. Không con, chẳng cái. Rõ khổ. Cậu biết không, hắn làm phúc nhiều lắm. Lâu kia, có cô gái già, sồn sồn độ bốn mấy, đi chiếc Su Xì-po vào tận trong sân. Người nom chẳng khác miếng thịt lợn quay thiếu da. Vào hỏi quanh quẹo thế nào, bị thầy nạt: cô muốn hỏi tình duyên thì cứ hỏi, sao lại làm mất giờ tôi thế. Ôi, thầy tinh thật. Thế khi nào em lấy chồng? Nội trong năm nay thôi. Đừng lo, về đi. Thế là tươi rói, vừa rịn

ga vừa hát. Độ tháng sau, dắt theo một anh tre trẻ lên tìm thầy. Thẹn thùng bảo: 'Nhà em đấy'. Và lễ tạ thầy những ba 'vé'. Bữa nọ, có bà ăn mặc sang trọng, đi ô tô đến. Thầy quở, mặt bà nhiều uất khí nhé! Vậy là khóc oà. Tai kiếp gì mà ác nghiệt thế. Ông chồng vừa mới bị bắt tháng trước, người ta vu cho là tham ô tài sản XHCN. Tối qua thằng con đua xe bị công an thộp. Oán trời trách đất, bảo bố nó ở trong ấy thì lấy ai lĩnh nó ra. Thầy bảo cứ từ từ, 'tiền hung hậu kiết', kề tai căn dặn: về nhà cứ vậy cứ vầy mà làm. Chẳng biết cúng vái cách nào, dăm ngày mười bữa thì người ta đã thấy ông chồng sáng sáng chạy tập thể dục quanh hồ Hoàn Kiếm. À, chuyện này mới lạ chứ, ông kia làm ăn thương mãi lớn, cất cái biệt thự to đùng ở ngoại thành, mời thầy về nhà xem phong thủy ra sao. Từ ngày cất nhà lên, thất bại liền liền, hao tài tốn của không biết là bao nhiêu. Thầy xem qua một vòng, rồi trỏ vào dãy cửa. Xây thế này tiền ra là phải. Tìm cửa ngay một đường từ trước ra sau. Đứng ngoài nhìn vào thấy tuốt tuồn tuột bên trong. Thầy khuyên nên đóng cửa lại tất, cất cái cầu thang lộ thiên dẫn thẳng lên sân thượng. Muốn xuống dưới bếp hay vô phòng ngủ, phải chịu khó đi vòng lên tầng trên trước. Đơn giản có thế nhưng hiệu nghiệm kinh. Sáu tháng sau đã tậu được thêm hai căn biệt thự sát bên, đem cho ngoại kiều thuê. Hư..m." Ngộ thở hắt, vẻ mệt mỏi và buồn ngủ.

"Mình thấy vậy mới giới thiệu hắn đi chữa bệnh, cứu người. Dè đâu. Số là mấy tháng trước mình có đi dự một đám cưới, con của người quen làm chung cơ quan. Rồi chuyện bất ngờ xảy ra..ừ..m. Bắt đầu từ một cô giáo tên Thanh, chưa chồng, dạy chương trình Tiểu học Pháp–Việt. Cô này có lẽ điên mầm điên mống. Trước hết là vụ cãi nhau về nghiệp vụ với bà tổ trưởng. Bà tổ trưởng bảo: 'Tôi làm công tác chuyên môn đã mấy mươi năm, dạy tiếng Pháp từ hồi cô còn ỉa trong tả, vãi trong nôi. Hơn nữa, là cấp trên của cô, chả nhẽ tôi lại nói sai à?' Đáp: 'Sao lại không?'. Mới đầu niên khóa, trong buổi họp hội đồng, đứng lên mắng vào mặt ông hiệu trưởng góa vợ: 'Đồ cái thằng dê già khốn nạn.' Nghỉ dạy. Tưởng chỉ là ngông. Hôm đi ăn đám cưới mình nói, cô ta ngồi chung bàn với mình. Ở cái tuổi 29, người ta đẹp thật mặn mà. Vào bàn, ai nấy ngẩn ngơ. Trong lời khen sao mà em đẹp thế của các bà rõ nghe ra ghen tị. Các ông thèm thuồng ngắm nghía. Cánh trai trẻ cứ tiếp thức ăn như mưa. Hỏi: 'Đẹp thật không?' Cả bọn: 'Đẹp! Đẹp!' Đến đoạn cô dâu chú rể hôn nhau, quay lại hỏi: 'Thế có chắc đẹp không đấy?' 'Đã bảo mà!' 'Vậy còn chưa gọi là đẹp đâu nhé. Xem này.' Nói rồi nhảy phốc lên bàn, lột phăng quần áo, trần như nhộng, xoay đi xoay lại. Tươi cười hỏi: 'Đẹp không? Đẹp không?' Đám cưới bỗng chốc thành đám chạy loạn. Nhớn nha nhớn nhác, chả

ai hiểu chuyện gì xảy ra. Các bà vừa hấp tấp bịt mắt bọn trẻ, vừa oán cái đồ trơ trẽn. Mấy cô thì ngượng chín cả mặt. Các ông lúng túng, chẳng biết làm gì, len lét đi ra ngoài cả. Chập sau, có người giật tấm khăn trải bàn ra, cốc dĩa vỡ kêu loảng xoảng, chụp lên người cô ta. Ưm...Đẹp thì đã hẳn là thật, là thật đấy! Nhưng trần trụi vừa vừa, quá lắm, ai chịu cho nổi. Đi bệnh viện mấy ngày, bác sĩ đuổi về, phê bốn chữ: 'Tâm thần phân liệt.' Người thân, nghe ai mách, tìm tớ nhờ giúp hộ. Thì giúp. Tay Ngụy đến nhà, vào trong phòng với cô ta. Ở ngoài đợi chán, chẳng thấy tăm hơi, lát sau ghé tai vào, nghe tiếng cô cười khanh khách, ma quái. Còn Ngụy thở dốc, chập chập lại nói: 'Tôi không có. Tôi không phải. Không.' Được vài lần, tung cửa, ôm đầu chạy bổ ra đường, vừa chạy vừa la ầm khu phố: 'Không. Không phải tôi. Tôi không có.' Quái hiểu thế nào là thế nào. Điên cả lũ. Ừ..m... Mệt. Về đi."

*

Theo lời Ngộ chỉ, tôi lần tìm được nhà Thanh. Một cụ già tóc phơ phơ trắng ra mở cửa. "Cậu hỏi ai?" "Thưa, có phải nhà cô giáo Thanh không ạ?" "Mời cậu vào". Căn nhà khuất sâu trong một góc phố yên tĩnh. Vào bên trong, lại càng yên ắng hơn. Phòng khách bày biện đơn giản nhưng trang nhã. Khách ngồi tựa lưng vào những gáy sách trên kệ đặt ngay đằng sau. Nắng dịu bên ngoài nhẹ len qua rèm cửa, phủ một thứ ánh sáng trong suốt, man mát lên chiếc đàn dương cầm nơi cuối phòng _ một kiểu đàn dây đứng, cũ kỹ, đã bị mất nắp, lộ ra vài phím đàn liệt, xệ xuống. Chờ thật lâu, không thấy người nào ra, tôi đã toan đứng dậy, cáo về. Nhưng nghĩ vậy không tiện lắm nên ngồi nán lại. Chập sau, trong nhà bước ra một cô gái. Ngẩn ngơ tôi tiếc thầm mình có vợ sớm quá. Đi ngang chỗ tôi ngồi, cô khẽ gật đầu cười, rồi lặng lẽ đến bên chiếc dương cầm, dạo vài khúc nhạc lạ hoắc. Mới đầu nghe ngược ngạo, chói tai vì cách đảo phách dị hợm, sau dần quen đi, thậm chí còn thấy hay hay. Và như không hề để ý đến sự có mặt của tôi, cô ngừng chơi, với lấy quyển sách đằng sau kệ, ngâm nga đọc. " Thơ à?" "Sao ông biết?" " Cách cô đọc. Tiếng gì vậy." "Tiếng Pháp." "Cô yêu thơ lắm nhỉ?" "Vâng, Baudelaire và Bùi Giáng." Im ... Tôi ngọ nguậy trên ghế. "Xin lỗi. Thế cô Thanh đâu?" " Tôi không biết" "Vậy cô là..." "Tôi". Im... "Thế cô biết bạn tôi không nhỉ?" "Ai?" "Thầy Ngụy đấy, một dạo chữa bệnh cho cô Thanh." "À, biết. Nghĩ khéo nhỉ, người ta lựa phải cái thằng điên nhất trong bọn điên vời đi chữa bệnh điên." "Không, cậu ấy trước không điên." "Chắc không

đấy? Phải tin những gì ông nói nhé!" Hừ, mát cả hay sao, lại dạy khôn tôi nữa. Tự nhiên tôi muốn nổi cáu với chính mình. "Thôi, tôi về cô nhé." "Không ở lại à?" " Làm gì?" " Thế ông muốn làm gì không?" "Không."

*

Tối, Ngộ gọi: "Về thật à?" . "Chứ mình chẳng biết làm gì hơn." "Hay để mình bảo nhân viên lấy xe cơ quan đưa cậu ra phi trường nhé?" "Thôi, phiền cậu. Mình tự đi được." "Ừ, thôi thế nhé." "Ừ, thế thôi."

5 giờ 30' sáng. Đón xe thồ ra tận phố Quang Trung. Hà Nội mùa thu, trời u buồn lạ. Gió hiu hắt thổi qua những con đường trống trải, vắng lặng. Cái lạnh làm người ta dễ nghĩ chỉ có mình gió độc chiếm nơi này. Nó len lỏi vào khe áo, vờn quanh sự co ro của người đi đường. Ngày không mưa không nắng. Trời ui ui . Những dãy phố đông đúc, tất bật giờ im lìm sau hai hàng cửa sắt. Có dăm người đứng túm tụm trên vỉa hè, có lẽ cũng đang chờ xe như tôi.

6 giờ 45', chiếc Toyota cá mập trờ tới. Bác tài ló đầu ra: "Đi Nội Bài." Xe chạy quanh các phố, dọc theo con đê, rồi lên cầu. Máy điều hòa chạy ù ù, phả vào mặt những ngột ngạt lành lạnh. Bao hơi hướng mát mẻ tự nhiên của mùa thu bị chặn lại bên ngoài khung kính. Mọi người bắt đầu góp chuyện rôm rả. Thấy tôi nhìn đăm đăm ra ngoài ô cửa, bặm môi im thin thít, cậu thanh niên ngồi bên bỗng hỏi: "Bác là nhà báo à?" "Ừ." Tôi cúi xuống. Dưới cầu, sông Hồng ục sôi và phù sa đang cuộn xoay thành những xoáy tròn; có lúc trông như chỗ cuống họng của con lợn bị chọc tiết còn gắng thoi thóp thở; có lúc như hàng nghìn hàng vạn con mắt ngầu đục, thay nhau nổ ra, trào lệ đỏ.

Ở sân bay, nhân viên hàng không chặn tôi lại. "Cái gì thế kia? Có phải tương Cự Đà không đấy?" Tôi tần ngần: "Không." "Mở đi. Hỏi gì" _ có ai xen vào. "A, nước mơ." "Thôi, đi. Gói cho kỹ vào, kẻo vỡ ra, thối um, bọn Tây nó chạy hết đấy." Cả bọn cười ré lên.

Điên, đúng là một lũ điên. Không khéo mình cũng điên mất.

LAM TRÙNG DƯƠNG.
Orange, tháng 6 năm 2000.

---

* Nguyên văn: *"Health", therefore, is sometimes a matter of having the same diseases as one's neighbors (Crisp, cited in Kirk & Madsen, 1989).* (1)
(1) Macionis, John J. Society: The Basics. New Jersey: Prentice Hall, 2000.

HOÀNG XUÂN SƠN
collage 2 - maininh (hợp lưu 58)

Mênh mông đến khó thức
nửa đêm rào rào hàng cây sầu đau
hạt nước tựa đeo hương ngất
nồng
trăng vành cong đêm bây giờ quấn trời
ở giữa ngã ba thiếu thời
thành hoa vương giả
đóng kín
một về đã mất hút thời gian
rạng ngày trời ngủ yên huyền thoại
trên cao đỉnh nhú lạc về
chim trốn đông
lạc về mặt hồ chuông hối quên
giục giã
yêu và điên sâu
chiêu gọi cơn thiếp thở im ỉm mặt người
sớm mai tóc rớt trên khu phố
trời đứng trưa đổ ập
nhập tìm sau vung vãi lời mình
Mai Ninh
truyện và tim mắt cay
từng qua đây lũ đồ vật không còn
hoàng hôn sâu dưới áo tắm
xòe váy đánh thùng thình
đùi vai ru cột đá
đẩy cánh cửa hờ lá cỏ dưới trăng
ngựa treo rời hương xạ
nhịp chậm thở khó chân bàn
Emily câu thơ thì thào
thì thào cuống cuồng gọi
gitane chiếc áo khan khô
mùa dạ hội
rực đấm trên da im lìm
bừng tỉnh rút biển trời trăng sao
có hề chi
thủy mệnh.

HOÀNG XUÂN SƠN (*24 avril 2001*)



NGUYỄN THỊ PHƯỚC
phù sa

Sông Tiền mới qua mùa lũ, nước đỏ ròng như một thứ nước ruộng mới bừa. Múc xô nước lên, cầm cục phèn quay ba vòng, một lúc sau đã có một lớp phù sa nâu bóng, mịn như nhung, đủ để nuôi một đời hoa. Thiên nhiên ưu đãi vùng đất này từ cái nắng cái mưa đến cái cây cái quả. Không ở đâu quả xoài lại ngọt như miền Tây này. Vị ngọt thanh cao, vị chua nhè nhẹ mơ hồ, hương thơm quyến rũ, tất cả quyện vào nhau trong lớp vỏ chớm vàng màu nắng.

Hiên vừa đủ tiền để mua một chục xoài ngon. "Một chục mười tám trái xoài," cô nghĩ đến một cái tên truyện của ông nhà văn gần chỗ ông ở và cười thầm. Lạ thật, chẳng ai giải thích cho cô, đậu bắp, dưa cải thì chục mười hai, mà nhiều thứ khác thì mười tám. Ở phà Mỹ Thuận, chục xoài mười sáu, lên đến Sài Gòn lại có mười hai.

Có đủ chục xoài vào giỏ đệm (1), cô đếm tiền trả. Chị bán xoài có nước da trăng trắng, mũi khoằm, đôi mắt nhỏ và rợp, nụ cười phô cái răng khểnh có vẻ dễ ưa. "Nè, thử chút xíu cho biết xoài chị Hai nghe cưng!" "Trả thêm chút nữa chị Hai bán cho em; tiền nào của đó mà!" "Đi đâu bằng giá quay lại mua giùm chị nghen nhỏ!" Mời chào hơi quá một chút nhưng vẫn thấy thích. Bởi vậy, có đắt hơn tí chút Hiên vẫn mua.

Đếm xong, chị ta đưa trả xấp tiền: "Cưng đếm lại coi, đủ chưa." Hiên ngạc nhiên. Cô đếm lại cẩn thận. "Còn thiếu tiền chị tám trái!" "Ủa, em mua một chục mà! Chị đếm lại xoài coi!" "Khỏi đếm, mười tám trái." "Thì chục mười tám trái chớ, chị Hai?" Người đàn bà vẫn ngọt ngào, nhưng Hiên cảm thấy rờn rợn: "Cưng trả chị hăm sáu ngàn lận." "Trời đất, cả chợ có xoài nào như vậy? Hai chục ngàn là mắc nhất rồi!" "Em ơi, xoài chị hổng giống xoài ai!" "Thôi, chị Hai thông cảm cho em gởi trả xoài lại." Người đàn bà giật lấy nắm tiền, bỏ vào túi chiếc áo bà ba xẻ tận nách, nói tỉnh bơ: "Đừng giỡn chị Hai, cưng. Đưa mười sáu ngàn hay bớt lại tám trái tùy ý." Hiên năn nỉ một lúc nhưng cái mặt chuyển màu đá xám của chị ta vẫn vô cảm. Cô nói lớn, chỉ mong mọi người xung quanh biết: "Em trả giá vậy, chị không bán thì trả tiền em đi mua chỗ khác, sao lại bắt chẹt nhau quá vậy?" "Tao không trả, mầy làm gì tao coi!" Dăm ba người xúm lại, nhưng chẳng ai nói gì. Mười sáu ngàn với cô không nhỏ, nhưng cô uất không phải vì mất tiền. Chưa bao giờ cô gặp phải sự tráo trở thế này. Rõ ràng chị ta không nghe nhầm. Cô nuốt nước mắt, lẳng lặng nhặt ra tám quả xoài, vội vàng xách giỏ bước đi. Cố chịu, kẻo họ nghĩ mình khóc vì mấy ngàn bạc. Chảy vào đi!

- Bận sau không có tiền đừng đến hàng chị Hai mày, nghen! Đồ ăn rau muống! - Chữ "muống" được kéo dài và vút lên.

Bịch! Giỏ xoài bay ngược trở lại. Cả sạp xoài tung tóe. Hiên nhào đến túm lấy ngực áo người đàn bà: "Nói gì nói lại tao nghe." "Tao nói vậy đó: đồ ăn rau muống. Thả ra, tao uýnh nát xương bây giờ!" Đôi mắt Hiên đang ngấn nước, bỗng ráo hoảnh, long lên, như sắp thiêu đến không còn tro người đàn bà này. Sức mạnh không hiểu ở đâu ra, dồn lên cánh tay, bàn tay cô, giáng vào mặt chị ta. Người xem càng đông, nhưng không ai can. Bỗng "bộp" - đầu Hiên tối sầm lại,

rồi một chùm hoa cải từ đầu cô bay tá lóa, và Hiên ngã vật xuống.

*

Hiên mở mắt. Xung quanh trăng trắng. Vẫn hoa cải vàng mơ bay rung cả không gian. Cái gì âm âm, nặng trĩu trong đầu. Một người đàn ông bên cạnh cô. Ai thế nhỉ? Cô nhắm mắt. "Cô còn đau lắm không?" Hiên gật, cố mở mắt, cố nghĩ. "Đây là đâu?" "Đây là bệnh viện. Cô nhận ra tôi không?" Nhìn mãi, nghĩ mãi, rồi cô cũng nhận ra. Người đàn ông này mình có quen, nhưng theo cái cách rất ngộ. Chắc anh ta đưa mình vô bệnh viện.

- Tôi tới không kịp. Cô giây với con mẹ xỏ lá đó làm gì? Lối đó ai cũng rành cái mặt nó, đệ tử nó làm trời nửa chợ Sa Giang.

Anh không thể hiểu. Dù giải thích thế nào thì anh cũng không thể hiểu. Mụ ta có thể xúc phạm mình. Nhưng đừng đụng đến những gì thiêng liêng nhất. Ôi, mụ ta thoạt nhìn mới dễ chịu làm sao! Mụ ta ngu quá. Mà làm sao mụ có thể hiểu được! Mụ có được sinh ra ở làng mình đâu? Làng mình đẹp lắm, nằm bên sông Ngân Sâu, là trang ấp cách đây trên 600 năm của Hoàng hậu Bạch Ngọc. Dòng họ Trần của mình hơn ba chục đời vẫn còn giữ được ấn kiếm, sắc phong của vị tổ - một người dòng dõi hoàng tộc có nhiều công lao với nước. Mình mê môn lịch sử có lẽ từ đó. Cả dân tộc mình khi đổ máu gìn giữ đất này, đâu có lựa dòng máu Bắc hay Nam? Bao nhiêu người...

- Cô nghĩ gì vậy?

- Tôi nghĩ đến anh trai của con bạn thân cùng lớp. Anh ấy nằm tại Sài Gòn đúng buổi sáng 30 tháng 4...

- Thôi, đừng buồn. Đâu cũng có người tốt, người xấu!

- Vâng! Cám ơn anh đã giúp tôi. Nhờ anh báo cho...

- Khỏi! Tôi biết rồi.

Vậy là mình không gửi được xoài về cho dì và các em. Tiếc quá, xe họ còn rộng rinh. Tội nghiệp dì Lân, chắc vẫn tưởng mình còn giận. Bà ấy hung dữ và ác miệng, nhưng lòng dạ không đến nỗi. Bà thương và chiều bố, mặc dù bố chẳng mấy khi tử tế với bà. Đời bà cũng khổ quá!

Năm Hiên lên chín, "mụ dì ghẻ độc ác" trong chuyện cổ tích đã bước vào nhà nó. Ngày mẹ mất, bố ôm nó gào bên mộ mẹ thề sẽ không lấy ai. Vì vậy mà người ta đã mỉa mai khi ông lấy dì Lân hai năm sau đó. Chỉ có bà ngoại là đồng tình. Hiên hận bố, hận dì Lân và giận bà. Nó thấy bà hay khóc, chẳng hiểu sao bà cứ nói: "Lá vàng trên cây mà lá xanh dưới đất." Rồi bà mất. Nó chẳng có ai

ngoài bố. Nó nhìn bà Lân trân trân. Thức ăn bà gắp, nó hất xuống. Nó cầm chổi, vừa nghe bà sai quét nhà, nó vứt chổi. Có khi bà Lân mắng nó, thậm chí bợp tai nó, nhưng nó không mách bố. Bố nó tuy hay đánh chửi bà, nhưng vẫn nể bà vì chuyện con chung con riêng, đối xử phân minh. Ngày bố mất, nó gào khóc đến kiệt sức. Bà Lân không nói gì, nhưng tự nó nghỉ học. Nó làm đủ việc thượng vàng hạ cám: nhặt phân trâu, vơ cỏ khô, gốc rạ, gốc ngô, hái trộm ngọn khoai lang, làm ruộng lấy công điểm... chỉ cố sao các em nó có cái để nhét vào bụng. Những năm tháng cơ cực ấy, sự thèm cơm đi vào giấc ngủ nó. Một bát cơm gạo mới xới thật đầy ăn với ngọn khoai lang luộc chấm nước mắm tỏi - thứ nước mắm mua ở chợ, chứ không phải nước mắm vại do dì Lân làm, đôi khi có mùi inh ỉnh và những con dòi trăng trắng bơi ngo ngoe; là mong ước của nó. Nó không cãi dì Lân, nhưng vẫn hay bị chửi. Nó quen với những tiếng "đồ ngu," "đồ ăn hại," "đồ ranh càng," từ cái miệng chua ngoa của bà. Đôi khi oan ức, nó cũng tức. Nhưng sau đó bà Lân cũng tỏ ra nhẹ nhàng hơn với nó, ra chiều ân hận. Bà nhặt nhạnh quần áo rách của nó mần mò vá; mà khổ, cứ vá chỗ này lại rách chỗ kia, cũng như của bà, của các em.

Lần giỗ mẹ, Hiên hông xôi, mấy đứa em vây lại chực bên bếp để ăn "đù đày" khi chưa lên hơi, loạng choạng thế nào chúng làm bể chõ xôi. Nếp, đậu tung tóe vào tro. Dì Lân tiếc của, nhiếc mắng nó thậm tệ. Chưa hả, sẵn con dao chuối đang cầm, bà quật "bép" vào mông nó. Cái đau cháy thịt da đối với nó không bằng nỗi tủi cực u uất. Nó khóc mẹ hời hời như bà vừa mới mất.

Nó theo tàu vào Nam; phiêu dạt lên miền Tây. Người đàn ông nó gặp trên phà Mỹ Thuận thành ông chủ nó.

Hiên chăm chỉ, có ý tứ, không tắt mắt, nên được ông bà chủ quý. Thỉnh thoảng bà chủ vẫn thưởng tiền, tiền ăn sáng bà cho cũng không phải dùng tới; nó ăn cơm nguội với tí thức ăn thừa, thế cũng sướng chán! Hiên góp tiền gửi về cho dì Lân. Nó nhớ các em lắm, nhớ cả thằng con riêng của dì Lân. Nó nhớ nhà, nhớ làng, nhớ cái bến nước có mấy tảng đá trơn lì nó hay tắm. Thèm được về quá! Về một tí thôi cũng được...

Hiên xinh đẹp lúc nào không ai biết. Sinh nhật cậu Út, bà chủ sai cô đi đặt bánh. Bận bộ đồ lụa màu vàng chanh có brôđê, thêu mấy cái bông rơi màu vàng, cô làm mọi người ngẩn ra. Hiên vừa ngượng vừa sung sướng. Ra phố, khối kẻ dán mắt vào cô. "Tròn lẳn và có duyên, lại chanh cốm nữa mới chết chứ! Con bé mà nếm thử thì phải nghiện ngập, mà đã nghiện ngập rồi thì phải biết!" Họ kháo

nhau thế. Cô chả hiểu gì, nhưng thầm hãnh diện, bởi nghĩ chắc là mình cũng xinh.

Một nỗi lo mơ hồ cứ đeo đẳng cô. Dạo này ông chủ hay nhìn cô lâu, cái nhìn trìu mến, đôi lúc lại ánh lên những tia nhìn rất lạ. Ông nói với cô rất đỗi dịu dàng, cả những điều người ta không cần phải nói với kẻ ăn người ở. Gần năm mươi, nhưng trông ông còn trẻ, rắn chắc. Trừ cặp môi hơi dày, cái vẻ bề ngoài của ông không chê vào đâu được. Bà vợ ông đẹp quý phái, hơi xanh xao. Cái đẹp của bà khiến đàn ông chỉ muốn quỳ xuống mà không nỡ, không dám chiếm đoạt. Ông không dám đi tận cùng với bà trong phút ân ái, ông chỉ sợ mình xúc phạm vợ. Đôi khi ông vừa cảm nhận được cái hương đàn bà, cái mùi mẫn dụ của con cái, thì đôi tay ngà ngọc của bà đã nâng cằm ông lên để ve vuốt. Ông căm ghét những ngón tay trong suốt ấy...

Điều tai hại nhất là Hiên, dù không muốn, lòng vẫn càng quyến luyến ông. Mỗi tối, cô chờ tiếng còi xe ông để ra mở cổng; mọi động tác, lời lẽ của cô thật nhẹ nhàng. Có lần, ông đã xiết lấy bàn tay cô trên ổ khóa. Mỗi lần bị ông bắt gặp đang nhìn ông trìu mến, cô lại cụp mắt xuống và lảng đi, mặt đỏ lừ. Một lần, dọn dẹp buồng ngủ của ông bà chủ, nhặt nhạnh những đồ lót của họ, tim cô thắt lại, người nóng rang. Cô chạy vào nhà tắm và dội ào ào. Rồi cô ngắm mình trần truồng trong gương. Cô xoay người nhìn mọi phía: không chỗ nào bị gãy, tất cả đều căng tròn, săn chắc. Ở làng người ta hay bảo "gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu." Mình đã mười tám rồi. Nhanh quá!...

Cô đang tận hưởng hơi mát tỏa khắp da thịt thì cửa buồng tắm bật mở và sập lại ngay. Hiên giật bắn mình quay lại. Cô ôm ngực ngồi thụp xuống. Ông chủ đứng tựa vào cửa, thở hổn hển và nhìn cô, ánh mắt đờ dại. Bất ngờ ông ta ngồi xuống ôm thốc cô dậy. Hơi thở ông nóng rực. Cô đứng như cái xác không hồn, người run cầm cập. Môi ông thì thầm gấp gáp: "Bà đi rồi, tôi xin em, thương tôi một chút. Tôi thương em quá" Và miệng ông chụp lên cổ cô, lên má, lên môi cô. Cả người cô rực lên trong nỗi hoảng sợ. "Con sợ lắm, con xin ông, con lạy ông, ông đi ra đi." "Không sao đâu, chỉ có anh và em thôi. Em không thể biết anh khao khát em biết chừng nào! Phát điên lên được!" Ông vùi mặt vào da thịt cô. Đôi bàn tay thèm muốn vò miết khắp người cô. Hiên phải cố gắng lắm mới rời tay khỏi người ông và đẩy nhẹ ông ra. Cô vơ vội mớ quần áo ướt tấp vào ngực, chạy về phòng mình, khóa trái cửa phòng, nhắm mắt lại, và thở. Cô thấy ngây ngất vì sung sướng và vì khiếp sợ, mỗi khi nhớ lại. Cô luôn sống trong trạng thái thấp thỏm, hồi hộp, chờ đợi cả điều tốt lẫn điều xấu.

Bà chủ bắt đầu để ý từng cử chỉ, lời ăn tiếng nói của chồng. Ánh mắt bà lạnh hơn, bà ít lời hơn. Bà tự mình mang cà phê buổi tối cho ông. Đối với Hiên, bà vẫn nhẹ nhàng. Bà cố gắng nồng nàn với chồng. Hằng đêm, khi vợ chồng họ ngủ, Hiên rón rén đến cửa buồng, áp tai vào lỗ khóa. Hồi hộp, ghen tuông, đau khổ xiết lấy tim cô. Có lúc, trong cô lóe lên một tia hy vọng mong manh: bà chủ có họ hàng sống bên Mỹ. Biết đâu bà chẳng ra đi? Hoặc vì cái gì đó họ xa nhau, không phải tại mình... Cô cố gắng để tránh mặt ông, nhưng lại không muốn từ chối những đụng chạm kín đáo của ông. Cô biết mình sẽ không thể cưỡng lại ông lần thứ hai.

*

Bà chủ trao cho cô cái gói nhỏ. Cô hiểu cái nhìn của bà. Cô biết mình cần phải ra đi, mà chân như có cặp chì.

- Gần năm năm, cháu đã giúp ông bà nhiều, nay các em đã lớn, tự lo được. Bà gởi cháu tiền công. Ông bà cho cháu thêm ít tiền làm vốn để về quê làm ăn. Không đâu bằng quê hương mình, phải không cháu?

Hiên lí nhí: "Vâng ạ." Bà nhìn Hiên. Cô cảm thấy ánh mắt ấy khoan xoáy vào cô: "Ông đi công chuyện xa. Bà sẽ nói lại với ông sau." Lòng Hiên tan nát. Cô biết nỗi buồn này lần đầu tiên. Trời mưa tầm tã. Cô không muốn chờ mưa tạnh.

Hiên định về thăm nhà ít lâu rồi quay vào Sài Gòn tìm việc. Nhưng duyên phận lại buộc cô vào Hải. Anh chàng là thợ mộc làng nhàng xóm trên. Hiên muốn xóa đi câu chuyện buồn của mình, vả cô cũng muốn chiều dì Lân. Bà yếu hơn trước nhiều, muốn cô ở gần để có chỗ đi lại. Máu loãng còn hơn nước lã.

Hiên đẻ cho gã thợ mộc hai thằng con đẹp như vẽ. Nhưng mồ mả nhà gã chẳng hiểu động đậy thế nào, gã lại giở chứng đâm nát rượu và suốt ngày bám váy mấy mụ đàn bà ngoài trị trấn: Mụ to béo phốp pháp, mặt xanh xanh đỏ đỏ, mắt lợn luộc; mụ tong teo, nhăn nhúm... kỳ cục gò gõ, bào bào được đồng nào gã lại hí hửng ra thị trấn. Nẫn được lưng vợ dăm bảy ngàn là gã tí tởn như trẻ được kẹo, miệng leo lẻo và đánh bài chuồn. Nhà dột, giậu gãy, cấm có nhờ được gã. Lạ thế, trừ bộ ngực đã xệ xuống vì nuôi con và không biết giữ gìn, mọi thứ Hiên vẫn còn ngon lành chán vạn lần các ả. Bận bộ vàng chanh ngày nọ còn cất dành, lên thị trấn, đàn ông vẫn nhảy choi choi quanh cô. Cô chẳng để tâm đến những trò nhăng nhít ấy, mà cứ làm hùng hục như trâu. Các con mình phải không được biết cái thèm

cơm, thèm chữ như mẹ! Thời buổi này không ai trọng kẻ khó. Còn Hải, hắn chẳng đáng cho ta mất một giọt nước mắt.

*

Hiên về thăm dì Lân. Bà đang ốm. Có lạng cao khỉ cho dì, vài cân bột đậu cho cậu em học thi, cô thấy vui lắm. Con mực phóng vút một cái ra ngõ, nhảy cà tưng quanh cô. Một người đàn ông bước ra sân. Ai vậy nhỉ? Cô đến gần, và không còn tin ở mắt mình nữa:

- Sao lại thế này? Anh hiện ở đâu ra vậy?

- Tôi hành hương về đất Tổ, ghé qua đây thăm *Cô gái Ngàn sâu*. May là cô còn nhớ tôi.

Hiên cười. Cái nhìn trong như nước sông Ngàn Sâu. Cô nhớ lại chuyện cũ, bất giác đưa tay sờ vết sẹo:

- Sao hồi đó anh biết ông bà chủ tôi?

- Tôi đi theo chiếc xe lôi chở bông (2) cho cô. Tôi muốn biết những chậu bông, kiểng quý giá của mình, bị bán rẻ như cho ấy, lọt vào tay ai.

Hiên nhớ lại những phiên chợ hoa vào dịp Tết ở ven sông Tiền. Bạt ngàn hoa, kiểng. Tàu thuyền chở hoa từ mấy xóm vườn Hồng sang, đậu san sát một quãng sông dài vài cây số. Chợ hoa họp suốt ngày đêm. Cô sung sướng được chen trong chợ hoa, ngợp bởi muôn vàn hương sắc. Bao nhiêu loài hoa đẹp và lạ lùng lần đầu cô trông thấy. Lòng cô tràn ngập xúc động và biết ơn bàn tay người trồng hoa. Và cô rất đau lòng vì những phút cuối cùng của chợ hoa, họ phải bán đổ bán tháo để về kịp giao thừa. Có khi hoa kiểng bị vứt chỏng trơ từng đống trên hè phố. Hiên chỉ muốn có đủ tiền để mua tất cả những giỏ bông bị bỏ rơi ấy.

- Cô biết không, bây giờ những chậu bông, kiểng đó, tôi có thể bán đến vài chỉ. Lúc ấy chẳng ai biết chúng đẹp, bởi vậy chúng mới còn lại sau. Tôi đã dồn vào đấy tâm sự cả năm trời, bỏ bê tất cả công việc khác.

- Tôi thật may mắn. Thật ra tôi chẳng biết gì về thú chơi cây cảnh, đơn giản là tôi thấy chúng ngồ ngộ, tôi nghĩ chắc ông bà chủ sẽ thích. Chúng có cái gì đó khác những chậu bông, kiểng bình thường, không no đủ, không cân đối, cũng không rực rỡ. Mà nói thật, tôi cũng thấy thương anh, sắp giao thừa còn ngồi bên góc phố. Cả quãng sông chỉ còn lại vài chiếc thuyền. Tôi rất muốn trả thêm, nhưng túi đã hết sạch tiền. Mua rẻ, lòng tôi cứ áy náy mãi không thôi. Cái hôm ra viện, tôi cũng không biết tìm anh ở đâu để tạ ơn. Ồ, mà làm sao anh tìm được

đến đây?

- Chuyện gì về em tôi cũng biết. Ông chủ em bây giờ là khách quen của tôi. Ông vẫn buồn khi nhắc đến em...

- Em quên chuyện cũ rồi! - Hiên đổi cách xưng hô. Cô bỗng cảm thấy anh như người bạn thân thiết.

- Khi em ra Bắc, tôi cũng biết, ngày đó tôi không dám giữ em vì tôi nghèo. Em thì xinh đẹp!

- Anh chắc là tiền bạc giữ được em à?

- Không, nhưng bây giờ anh giàu có, anh tin vào mình hơn.

Buồn cười thật, mình đi mua hàng chẳng mấy khi nhớ người bán, thậm chí không nhìn mặt họ. Thế mà bỗng dưng lại có chuyện người đàn ông trồng bông bên sông Tiền...

- Anh thích em, không hiểu sao không quên được. Anh muốn đón mẹ con em vào Nam...

Hiên ngạc nhiên:

- Em có chồng con cơ mà? Anh nói có vẻ quyết liệt thế!

Hai giọt nước mắt tuột nhanh trên má. Hiên không kịp biết là mình khóc. Anh đã đi hàng ngàn dặm tìm cô. Cả lời tỏ tình kỳ cục của anh. Cả vết sẹo trên đầu cô. Có lẽ cô khóc vì thế. Hiên cầm tay người đàn ông, nói trong nước mắt:

- Tạ ơn anh đã có lòng nghĩ đến mẹ con em. Nhưng em không dám nhận lời. Em không có quyền lựa chọn thay cho con. Em cũng không thể xa chúng.

Bà Lân khúng khắng ho sau lưng họ, nhìn người đàn ông đầy thiện cảm. Bà kéo anh ra ngoài, nói nhỏ:

- Anh cứ vô trước. Tôi là đàn bà, tôi biết. Nó cần phải suy nghĩ kỹ, kẻo rồi ân hận.

NGUYỄN THỊ PHƯỚC

---

(1) Túi đệm bằng cói.

(2) Bông: hoa.

T. ĐỨC PHỔ
mẹ ơi! mai ngày...

sẽ rất muộn màng nếu trong đêm
nay không nói được lời yêu kính
Mẹ , không tỏ lòng nhớ thương Mẹ
hiền bằng một cánh hoa tưởng nhớ

bằng một món quà bằng một chuyến
du lịch Hoa Kỳ thăm con thăm
cháu thăm đồng hương để cho biết
nước Mỹ giàu có ngày Mother's

Day, quê mình không có đất trồng
hoa thiếu phân tro nên kém phần
tươi tặng Mẹ ngày Vu Lan báo
nghĩa sinh thành dưỡng dục Mẹ ơi

mai ngày Mẹ, vô kỳ, không còn
Mẹ trên cõi đời này, Tiên trên
cõi đời kia chỉ một mà thôi
rồi mai không còn Mẹ nữa con

cúng Mẹ mâm cao cỗ đầy đủ
hương, hoa quả vàng mã, trăm thứ
Mẹ chỉ hưởng chút hương hoa thơm
tho ngày giỗ kỵ, con trăm nỗi

muộn màng, Mother's Day núi sông
chia cách tình Mẹ nghĩa con từ
bên ướt Mẹ nằm cho con đủ
cánh đủ lông con bay xứ người

nhìn thiên hạ Mother's Day hạnh
phúc tràn nhà tràn phố phương Tây
chỉ một mình con vọng một phương
Đông, nhắn Mẹ, Mẹ ơi! Mai ngày...

ĐỨC PHỔ
Mother's Day, 2001



BÙI NGỌC TẤN
những người đi ở

Có tiếng chuông điện thoại đổ hồi. Đang ngồi rù trên ghế, ông Hào vụt nhanh nhẹn hẳn bước tới chiếc tủ ly, nơi đặt máy điện thoại.

- A lô. Ông Huyên đấy phải không?

Không phải giọng trầm đều đều chậm rãi quen thuộc của ông Huyên, đầu kia là tiếng một phụ nữ.

- Xin lỗi, có phải nhà ông Hào đấy không ạ?

Ông Hào ngạc nhiên. Ai? Ai gọi ông thế nhỉ? Ba năm trời vào đây chỉ có một người duy nhất gọi điện thoại cho ông là ông Huyên.

- Vâng. Tôi là Hào đây. - Chào ông Hào nhé. Ông không nhận ra tôi à?

Nói thế rồi im lặng, dường như bắt ông đoán, tự mình phải nghĩ

ra bà ta là ai. Ai? Rõ ràng ở cái thành phố này ông không quen thuộc một người nào khác ngoài ông Huyên. Lại càng không quen một người đàn bà nào. Hay bà Huyên, bà Huyên mới vào?

Có tiếng cười trong máy:

- Không nhận ra phải không? Quên hết bạn bè rồi. Tôi nghe tiếng ông, tôi nhận ra ngay.

- Có phải bà Tuyết không?

Ông reo như hét vào máy. Và nghe rõ tiếng cười giòn tan ngay bên tai của người đối thoại. Đúng bà Tuyết thật rồi.

- Tôi đây. Tuyết đây. *Tuyết tài vụ* đây. Nhận ra rồi hở.

- Bà Tuyết. Bà vào bao giờ đấy?

- Ba tháng rồi!

- Ba tháng rồi cơ à? Thế mà tôi chẳng biết gì cả. Ba tháng mà không lại tôi chơi.

Ông Hào nói như trách móc.

- Cứ định lại ông lâu rồi. Nhưng một mình không dám đi. Các cháu thì bận. Sáng nay đến ông Huyên biết được số điện thoại của ông...

- Thế bà vào được lâu không?

Có tiếng bà Tuyết thở dài trong máy:

- Không biết đến bao giờ ra được đây. Nó bảo tôi vào ngay, chữa cháy, thế là phải vào...

Cuộc đàm thoại kéo dài dễ đến cả tiếng đồng hồ. Sau những câu thăm hỏi về tình hình mùa màng miền Bắc, tình hình điện nước, sinh hoạt đời sống chung và bè bạn ngoài ấy, ông Hào biết bà Tuyết vào ở với cô con gái và anh con rể để trông đứa cháu gái bé hơn một tuổi và con chị nó đã lên bảy đang học lớp hai. Bởi vì cái cô Hương Sen nào đó đã về quê. Qua điện thoại có thể thấy bà Tuyết vừa nói vừa cười:

- Ối giời! Vào đây thay cô Hương Sen!

Ông Hào áp ống nghe vào tai, vừa nghe vừa cười một mình về cô Hương Sen mà bà Tuyết thay thế. Cô Hương Sen chính là cô Sen, cháu họ anh con rể bà. Ở một làng Hải Hưng nào đó cô có tên Sen. vào đây thêm một chữ Hương. Thế là thành cô Hương Sen.

- Mới vào đây thì xấu. Vào mấy năm, ăn trắng mặc trơn, dậy thì xinh lắm. Một chiếc răng khểnh, da trắng hồng, mặc bộ đồ mút xơ lin, các chàng trai chết mệt. Nửa đêm còn điện thoại reng reng. Chúng nó hoảng quá. Tưởng tôi hay ai ở ngoài ấy làm sao. “Thưa chú, cháu hỏi cô Hương Sen.” Thế có chết không cơ chứ. Bạn trai. Bạn trai sinh viên. Mê cô Hương Sen lắm...

Tiếng bà Tuyết cười giòn qua máy. Ông Hào cũng cười. Cười lặng lẽ. Bà Tuyết kể tiếp:

- Một hôm còn liều lấy xe Dream đi chơi với bạn trai. Giỏi thế. Không tập bao giờ mà biết đi. Đèo cả con bé con đi. Đến chiều mới về. Con bé em bị sốt mãi. Cứ tưởng nó làm sao. Đến khi hàng xóm nói mới biết.

Bà Tuyết vẫn như vậy, như những ngày còn đi làm ở xí nghiệp vận tải ô tô với ông. Vẫn vui chuyện, đã bắt vào chuyện là không thể dứt, vẫn cứ chuyện nó tiếp chuyện kia, hài hước sinh động và dễ mến. Kể về họ hàng, bà Tuyết là chị - bà lấy một ông anh họ xa về đằng ngoại ông Hào. Nhưng hai người cư xử với nhau như bạn, bởi vì họ đã có một thời gian hơn hai mươi năm cùng làm ở xí nghiệp ô tô vận tải. Bà Tuyết vẫn đang say sưa với cô Hương Sen mà bà phải vào thay:

- Lại một hôm chị Hương Sen khóa nhốt hai em đang ngủ trong nhà đi Đầm Sen với người yêu. Đi suốt từ sáng đến chiều. Ở nhà, hai đứa dậy khóc như ri. Hàng xóm thấy thế, đứng ngoài cửa bảo con nhớn: "Có biết số điện thoại của bố không?" Nó mới đi gọi điện thoại. Thằng bố cẩn thận, gài mã sẵn. Chỉ ấn nút số 2 là đến chỗ bố. Bố nó phóng vội về, tìm thợ, thuê phá khóa vào nhà. Nhà cửa cứt đái lanh tanh bành, lộn tùng phèo. Bố mẹ nó mới điên, lấy vé tầu cho ra Bắc ngay. Nào thế đã xong, còn phải đưa lên tận toa, chờ tầu chạy mới về, không ngộ nhỡ nó đi đâu thì chết. Mấy hôm sau lại điện về làng. Biết nó về nhà rồi mới yên tâm.

Ông Hào cười vang. Lần này cười thành tiếng. Cười giòn. Chao! Được chuyện với người cùng cảnh, được cười, sung sướng biết bao! Ông kêu to:

- Thế là bà Tuyết phải vào làm hình nhân thế mạng.

Tiếng bà Tuyết đầu kia léo nhéo:

- Chúng nó bảo vào chữa cháy. Ba tháng rồi. Nghe chừng còn phải ở đây lâu ông ạ. Thế mới gay chứ.

Bà Tuyết than thở. Ông Hào giọng đầy thông cảm nói ra cái điều ông đã xác định từ mấy năm nay rồi:

- Mình ra ngoài ấy cũng chẳng có việc gì mà chúng nó ở đây thì đang bí. Thương con thương cháu, chẳng nỡ...

Câu chuyện giữa hai người dừng lại ở đấy vì có tiếng trẻ con khóc vang vọng ở đầu dây bên kia. Và tiếng bà Tuyết:

- Em đấy hử. Em đã dậy đấy hử. Bà đây. Bà đây. Thôi nhé. Cháu nó dậy rồi. Để khi khác nhé.

Ông Hào cúp máy. Đang đà phấn khởi, bốc, ông lại nhấc máy, bấm số, đưa máy áp vào tai chờ đợi. Tiếng tút quen thuộc của máy và tiếng nhấc máy ở đầu đằng kia.

- Xin chào ông Huyên.

- Ông Hào đấy à? Đang làm gì đấy?

- Bà Tuyết vào mà ông không bảo gì tôi cả.

- Thì bà ấy mới đến đây chơi buổi sáng. Tôi cũng có biết đâu. Như thế là mãi hôm qua bà ấy mới gặp cô Hồng ở chợ. Ông không biết cô Hồng. Cô Hồng cùng học lớp tài vụ với bà ấy ở Rế cơ. Cô Hồng cho bà ấy biết địa chỉ thế thôi. Thế là sáng nay hai bà cháu đi xích lô đến. Bà ấy vừa gọi điện cho ông à?

- Vừa gọi xong. Vào được ba tháng nhưng nghe chừng đã thấy khó chịu lắm rồi.

- Bà ấy cũng nói với tôi thế. Tôi bảo bà ấy hãy học tập tôi đây này. Bảy năm rồi. Ông Hào loáng một cái cũng ba năm rồi.

- Lắm lúc người cứ bã ra ông ạ. Ăn chẳng buồn ăn. Ốm không ra ốm. Khỏe không ra khỏe.

- Nguy!

Cả hai phía đều vang lên tiếng cười. *Nguy* là câu nói nửa miệng của ông Hào. *Nguy* cũng là tên bè bạn đặt cho ông. Ông Hào có rất nhiều biệt danh. Từ thời ông còn đi làm thợ sơn ở xí nghiệp vận tải ô tô. Thoạt đầu bè bạn anh em gọi ông là ông *Nan giải*. Cái gì với ông cũng là Nan giải. “Gạo sang kỳ mà mãi cuối tháng chưa bán. Chậm hơn hai chục ngày rồi. *Nan giải* đây.” “Chủ nhật vừa rồi về quê. Bà xã đi làm thủy lợi, vác đất thế nào lại sút lưng. Nhân công chủ lực nằm đấy. *Nan giải* quá.” Về sau anh em gọi ông là *Nghiệt*. Vì ông không nan giải nữa. Ông *Nghiệt*. Lốp xe hỏng rồi, mòn quá rồi. Trơ cả vải bố ra rồi. *Nghiệt* rồi. Vào năm học mới, mỗi thằng con mười mấy đồng tiền sách vở. Hai thằng tướng chưa có áo rét. *Nghiệt!* Chưa nghĩ ra khoản nào đây...

Cái tên thứ ba, cái tên cuối cùng của ông là *Nguy*. Một cấp độ cao hơn nghiệt. *Nguy* rồi. Cả vụ hợp tác chia cho bà xã mười lăm cân thóc tươi. Sống ra sao đây. Từ này đến mùa nghe còn dài lắm. Có con lợn định cân nghĩa vụ thì lăn đùng ra chết. Thế mới *nguy* chứ! Vân vân và vân vân.

Ông Hào rất nhớ nhà, nhớ miền Bắc. Nhưng nhà bây giờ cũng chẳng còn ai. Bà cũng sang phố ở với anh con lớn, trông con cho nó. Còn ông thì vào tận trong này. Khi còn trẻ, bà ở quê, ông làm công nhân xí nghiệp, chủ nhận còn được gặp nhau. Bây giờ già, ông bà lại đâm ra lênh đênh biền biệt mỗi người một phương.

Thực ra ông toại nguyện lắm. Ông đã gây dựng cho hai anh con trai có nghề nghiệp có vợ con, bây giờ chúng lại có nhà cửa ở thành phố, điều bao người mơ ước. Với phương châm nổi tiếng về ăn uống của ông là *qua cổng vào làng*, ông đi *phục kích* những xe ô tô chở rau cho Công ty thực phẩm, kiên nhẫn chờ đợi tới tận nửa đêm. Các chàng lái xe thế nào chẳng quẳng cho ông khi một túi nặng xu hào bánh xe, khi hàng ôm rau muống. Rau mậu dịch thường ôi, dập

nát nhưng cũng tốt chán. Tiện chiều thứ bảy đèo về nhà. Còn không thì rải xuống gầm giường cá nhân, nấu dần, nhiều rau tức thì bớt gạo, lại dôi ra được mấy đồng thêm vào đong mạch, đong ngô viện trợ cho ba mẹ con. Ông thành thật suy nghĩ: giá con người ta không phải ăn thì sung sướng biết bao nhiêu. Cho nên khi anh em trong tổ sản xuất động viên nhau cai thuốc lá, ông bảo:

- Các cậu không cai được thuốc là xoàng. Ông Hào đang định cai cơm tẻ đây.

Tất cả cười ầm, nhất trí rằng nếu ông Hào cai được cơm tẻ thì hoàn toàn sung sướng, hoàn toàn tự do, không phải đi làm "cũng chẳng sợ thằng đếch nào." Không thể cai cơm tẻ được nên ông Hào thật đau lòng khi thấy vợ con ông đều ăn đói, nhất là khi "hai thằng" đi tát được tí cá nấu nồi riêu, chan và được hai bát, nồi cơm đã trơ đáy. Tội nghiệp, chúng đang tuổi ăn, tuổi lớn. Sức ấy ngày xưa ông ăn tám bát cơm gạo bãi chưa no.

Khó khăn đến đâu cũng cố nuôi con ăn học, những cố gắng tưởng đến kiệt sức của hai ông bà đã đơm hoa kết quả. Ông tự hào về hai người con, anh con lớn ở Hải Phòng là máy trưởng một con tàu chạy ven biển, nhà cửa chẳng thể nào bằng thằng em ở thành phố Hồ Chí Minh, nhưng cũng gọi là nhất xã. Còn nhà cậu em, cậu lái máy xúc công trường thủy điện thì chao ơi, bước vào cứ mát lạnh cả người. Khi mới vào đây, đi trong căn hộ khép kín của anh con thứ, khuôn mặt ông cứ ngời lên.

Niềm sung sướng tự hào ấy bây giờ ẩn một nơi nào đó, còn lại là nỗi buồn, nỗi nhớ miền Bắc, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ về bè bạn, nhớ làng quê. Nhưng ông biết còn lâu ông mới được ra ngoài đó, còn lâu ông mới được chuyện trò cùng bà, còn lâu ông mới được lang thang xóm làng, nói những câu chuyện tầm phào. Ông bật cười và xấu hổ đỏ mặt khi nhớ đến hồi mới vào, ông cũng quen tác phong quê mùa, tạt vào nhà này, nhà khác chuyện gẫu thăm hỏi. Mãi sau mới biết trong này người ta không thích kiểu như vậy.

Thì ông ra hẻm, đứng chuyện với mấy anh đóng cọc cừ. Ông nhìn anh ba gác máy đang chui xuống gầm xe vặn vặn sửa sửa. Rồi ông vào nhà. Ông lại ra cửa. Ông đi ra vào. Thững thờ. Bần thần. Giơ tay bật ti vi. Lên một hình gì đó. Tắt ngay. Đi quanh quẩn trong nhà. Chân giẫm lên nền đá hoa mát lạnh. Và lại bật ti vi. Lần này thì ngồi xem. Chương trình gì cũng xem. Kéo ghế lại gần ngồi xem vì mắt ông kém. Có vái ti vi cũng như có một người nữa trong nhà. Chỉ tội cái người này nói nhiều quá. Cứ nói mà không nghe. Không cho người ta nói lại. Đành phải im lặng nghe. Im lặng nghe hàng giờ. Nhờ vậy ông biết anh chàng Tyson là võ sĩ quyền Anh số I thế giới. Nhưng chẳng ra gì. Trông thấy đàn bà là không chịu được. Maradona ông

cũng khinh. Cái đồ nghiện hút. Giàu quá thành rửng mỡ.

Hình như ông nghiện nhạc nặng. Nửa tiếng đồng hồ ông toàn nghe những *ục ịch ục ịch*. Thứ nhạc như đánh vào dạ dày. Ông xài tuốt. Ông còn thích cả cải lương, cả chèo. Ông trở thành một người sành điệu.

Nói vui thế thôi chứ khi ông ngồi trước ti vi là gay rồi, là không chịu được nữa rồi. Ông rất hạn chế ti vi. Vì mắt kém. Lại sợ bóng hình chóng già, chóng hỏng và nhất là tốn điện. Chẳng qua là buồn quá đấy thôi. Con trai ông ở công trường. Con dâu làm ở một trường bán trú tận đầu kia thành phố, *năm giờ kém* đã phải phóng xe đi. Con Nga cháu ông khi đó còn ngủ. Ai đánh thức nó dậy? Ai đánh răng rửa mặt cho nó? Ai cho nó ăn sáng, ai đưa nó đến trường. Đến chiều lại còn phải đón nó về, tắm rửa cho nó. Ông đã đưa nó đi học, đón nó về, tắm rửa cho nó từ lớp Chồi (1) đến lớp Lá 92). Nghĩa là mấy năm rồi.

Chao ơi! Thời gian! Giờ đây một ngày sao nghe dài thế!

*

Cái máy điện thoại thật tuyệt. Lúc ông gọi đi. Lúc nó đổ hồi, báo hiệu có người gọi đến. Thì quanh quẩn cũng chỉ có ba người: Ông, ông Huyên, và bà Tuyết (bây giờ có thêm bà Tuyết). Ba người cùng làng, cùng học một trường tiểu học, cùng đi tham gia kháng chiến. Chỉ có ông Huyên học lên nữa, tốt nghiệp đại học sư phạm, còn ông Hào và bà Tuyết thì rẽ ngang. Cả ba đều đã ngoại sáu mươi và đã nghỉ hưu mấy năm nay rồi. Ba người có nhiều kỷ niệm chung và nay lại cùng chung hoàn cảnh: Cả ba đều đã đem hết sức mình gầy dựng cho con và lại cùng vào thành phố Hồ Chí Minh ở với con.

Dạo mới vào đây, bị hấp dẫn bởi thành phố Hòn Ngọc Viễn Đông này, ông Hào lấy xe đạp của con đạp văng mạng. Một túi cóc treo ở ghi đông, đạp từ Bình Thạnh xuống Chợ Lớn, từ quận Bốn sang quận Ba. Mệt, khát nước thì tạt vào vườn hoa ngồi nghỉ, giở cóc ra ăn. Lạc đường thì hỏi mấy đồng chí công an. Một lần đang ngồi thở, mấy "em" tới hỏi: "Anh đi chơi không?" Ông Hào cười: "Anh đang nghỉ ăn cóc đây em ạ."

Nhưng đó là chuyện ba năm trước. Giờ ông chẳng đi đâu nữa. Phần vì mỗi tuổi mỗi khác, phần vì phố xá lắm người lắm xe, sợ lắm. Bây giờ chỉ còn mỗi thú vui gọi điện thoại và mong đến chiều, đón con bé cháu về, tắm rửa cho nó, ông cháu nô đùa với nhau, chơi trò bán hàng với nó, *bác bác tôi tôi* với nó... Rồi chuẩn bị đi nấu bữa cơm tối.

Sung sướng làm sao khi tiếng chuông điện thoại réo vang trong căn nhà vắng vẻ.

- A lô. Ông Hào đấy phải không?

Ông nhận ra ngay ông Huyên.

- Hào đây. Ông Huyên hở.

Ông Huyên: Ông đang làm gì đấy?

Ông Hào: Đang kho cá.

Ông Huyên: Lau nhà chưa?

Ông Hào: Lau rồi. Trơn, ngã cái tí chết.

Ông Huyên: Bây giờ miền Bắc đang heo may. Đang mùa chim chèo bẻo đây.

Ông Hào: Bây giờ cũng chẳng còn chim chèo bẻo nữa đâu.

Ông Huyên: Trưa nay ăn gì?

Ông Hào: Nhùng nhằng. Gặp gì ăn nấy. Không thì nhịn một lèo tới tối luôn.

Ông Huyên: Đằng tôi ăn uống linh tinh quá. Mình nấu cho chúng nó, chúng nó không ăn. Hôm thằng chồng dự chiêu đãi. Hôm con vợ. Bữa nào cũng thừa. Phải cất vào tủ lạnh. Nhà nuôi một con chó, chó ta thôi, nhưng những thứ đã qua tủ lạnh nhất định không ăn. Đã thử bắt nhịn đói ba ngày cũng không ăn. Đưa bát thức ăn cho chó, chó ngửi ngửi rồi quay đi. Chúng nó định đổ ra thùng rác. Tiếc của giời, tôi bảo cháu: "Đem đây cho bố."

Hai người cùng cười trong máy. Ông Huyên nói tiếp: "Toàn là những thứ ngon thôi ông ạ. Đổ đi là có tội. Tôi cố. Được cái tiêu hóa của mình tốt. Thành ra phần lớn mình toàn ăn của thừa. Các cháu nhà tôi nấu nướng nói đùa: "Cái gì chó ăn được là bố ăn được."

Ông Hào thấy cần phải gọi điện thông báo cho bà Tuyết nguyên tắc về những thứ ông Huyên ăn được. Bà Tuyết bảo:

- Đằng này cũng thế đấy ông ơi. Cơm cho chó nào những thịt những miến những nấm, hâm lại đổ ra bát cẩn thận. Nó vẫn không ăn. Mình tiếc quá, mình cố. Lắm hôm đầy chướng, vật vã cả đêm, đến khổ.

- Thế bà đang làm gì đấy?

- Gấp quần áo. Trong này gọi là gấp đồ. Quần áo của chồng để riêng, của vợ để riêng, của con lớn để riêng, con bé để riêng...

- Con bé con gửi nhà trẻ chưa?

- Rồi. Sáng ra thằng chồng đèo vợ đi làm rồi quàng về nhà nói: "Ba bà mới được một bà." lại đèo tiếp hai đứa con đi.

- Thế chị ấy không có xe à?

- Có. Nhưng mệt, không đi được. Không ốm thì mệt. Đi làm về là tót lên gác nằm. Gọi xuống ăn, mãi mới xuống. Hỏi làm sao, thì bảo chỉ mệt thôi.

- Thế sao hôm nọ đang nói chuyện bà lại cúp máy vội thế?

- À, vợ chồng <I>ông bà chủ<D> đi đâu ấy tạt về. Cúp máy

không nó bảo mình giống cô Hương Sen điện thoại suốt ngày thì chết.

Ông Hào gật gù tán thưởng. Chính ông cũng luôn giữ ý, không bao giờ gọi điện thoại trước mặt con. Bà Tuyết giọng buồn bã:

- Ngấy đến mang tai rồi ông ơi. Hôm nọ con bé con sốt. Dỗ bế, nựng mãi, ăn được tí sữa. Bà cho ăn xong, mẹ đón con, thế là ồng ộc phun ra hết. Đầy nhà đầy quần áo. *Con ở* lại lau, lại hót. Vợ chồng gắt nhau. Không nói ra nhưng ý là tại bà tắm cho cháu, bị lạnh...

Ông Hào im lặng. Chẳng biết động viên bà Tuyết thế nào.

- Tôi muốn ra ngoài ấy quá rồi ông ạ.

Vẫn im lặng. Rồi như nghĩ ra điều gì, ông Hào bỗng hạ giọng thì thào, làm ra vẻ bí mật, sợ sệt:

- Thế thế bây giờ nhà chủ có đứa nào ở nhà không?

- Cái gì? Nói to lên nào.

Ông Hào thì thào khẽ hơn trước:

- Chủ nó đã có đứa nào về chưa?

Bà Tuyết đã hiểu. Bà phá lên cười:

- Chủ nó chưa về!

- Thế thế tớ hỏi đằng ấy ở đấy chủ nó có cho ăn no không?

- No. Có cả cà phê sữa.

- Tớ tưởng đằng ấy không được ăn no, tớ tìm cho đằng ấy một đám ở đằng này. Họ tốt lắm. Cho ăn no lắm.

- Tớ ở hơn cô Hương Sen nhiều. Nên chủ nó chiều lắm. Kiếm đâu được một người như tớ. Hôm qua vợ chồng nhà chủ bảy giờ tối mới đánh ô tô về. Nhà cửa lau bóng. Con cái tắm rửa sạch sẽ. Cơm dọn sẵn trên bàn tinh tươm.

- Thế nó có thưởng cho đằng ấy cái gì không?

- Có. tớ được đứng bên ô tô chụp ảnh. Mặc váy cẩn thận.

Lại cười. Chuyện buồn đã chuyển thành chuyện vui. Tìm vui chứ tìm buồn làm gì. Ông Hào chuyển sang giọng bình thường:

- Thế bác Huyên có hay gọi điện cho bác không?

- Có. Ông ấy dự định tổ chức một bữa gặp mặt ba chúng mình ở nhà ông ấy đấy. Thế nào ông cũng đến nhé.

*

Họ chờ đợi ngày N. ấy háo hức như lũ trẻ chờ mong ngày Tết ậy, ba vị là ông là bà đáng kính mà chúng ta đã biết. Cả ba liên tục gọi điện thoại trao đổi về *chương trình nghị sự*. Ông Hào, bà Tuyết cùng nhấn mạnh là không ăn thịt đâu đấy. Còn ông Huyên trả lời rằng không có thịt đâu, nhưng có món đặc sản rất tuyệt và nhất định

không nói ra món đặc sản ấy là gì, nhất định giữ bí mật đến phút cuối cùng.

Đúng ngày hẹn ông Hào đi bộ đến nhà ông Huyên. Ông Huyên ở một hẻm thuộc trung tâm thành phố. Tuy xa, nhưng đường rất dễ đi, chỉ bốn cái ngoẹo.

Ông Hào đi bộ cho dãn xương cốt. Đi bộ để ngắm phố phường. Đi bộ vì không thể đi xe đạp được. Nghìn nghịt ô tô. Nghìn nghịt xe máy. Cái nó cắn đuôi cái kia, nhất là ở những ngã tư đèn xanh đèn đỏ. Nhớ lại, cái ngày mới vào đây, lấy xe đạp đạp vung các nơi, ông thấy mình đã thành ông lão rồi. Mới ba năm thôi. Vào cái tuổi ông nó chuyển biến từng ngày ấy chứ.

Khi ông ấn chuông, ông Huyên ra mở cửa, ông càng tin chắc điều ấy: mấy tháng không gặp nhau, ông Huyên nom đã khác đi nhiều.

- Sao? Ăn rồi hay sao mà ngậm tăm thế?

Ông Hào vất cái tăm đi: - Em ngậm tăm cả ngày.

Có tiếng bà Tuyết léo nhéo trong bếp:

- Chào ông *Qua cổng vào làng*. Sao đến muộn thế? Ông Hào dạo này béo ra đây này.

Ông Hào cười:

- Ông Hào béo không để làm gì cả.

Và bước về phía bếp:

- Chào cô Hương Sen. Cô Hương Sen cũng béo ra. Vào đây ăn trắng mặc trơn có khác.

Bà Tuyết đang rửa rau dền đứng lên:

- Thế ông đã biết chuyện mới nhất về cô Hương Sen chưa? Hôm nọ thằng rể tôi đi công tác ra Bắc. Tranh thủ về quê, đến nhà cô Hương Sen chơi. Thấy trên tường treo một cái ảnh màu phóng lớn, lại cứ nghĩ: "Quái. Nhà này có người đi Hồng Kông hay đi Mỹ..." Nhìn kỹ thấy cái váy đúng là váy vợ mình. Hóa ra cô Hương Sen chụp ảnh nài trên giường đệm, chống tay nghếch đầu lên.

Lại một cái ảnh cô Hương Sen đánh pi a nô, em bò dưới đất ngập cháo phồng mang trợn mắt, tay níu váy chị, bát cháo thì đổ...

Chờ dứt tiếng cười, ông Huyên tuyên bố đầy tự tin:

- Thực đơn hôm nay: Cá rô don rán giòn. Tôm rang. Rau dền luộc. Mắm cáy.

Hai người khách reo lên:

- Ở đây ra mắm cáy đấy?

- Thằng cháu Thái vừa mới ra Hà Nội họp. Tranh thủ về Hải Phòng thăm bà ấy nhà tôi. Bà ấy gửi cho một chai. Thực đơn thế được không? Ngoài ra còn một đĩa thịt gà rán và một đĩa bít tết.

Bà Tuyết xua tay:

- Thôi thôi ông ơi. Ông xếp hai cái món thịt của ông lại.

Ông Hào cũng bảo sợ thịt lắm rồi. Và ông thêm:

- Ngày xưa ăn được thì không có mà ăn. Hai bác biết không? Tôi đã ăn hết một cân thịt mỡ luộc.

- Ông chỉ bịa.

- Ai ăn được một cân thịt mỡ luộc!

Ông Hào nghiêm trang:

- Một cân thịt mỡ luộc mà lại không có muối. Nói đúng ra chỉ hai lạng ăn không muối thôi, còn thì có muối. Cái tay Tuynh, phòng kế hoạch, bác Tuyết có nhớ không nhỉ, nó thương nó đẩy đĩa muối vào sau nải chuối nên không ai biết. Đúng hôm xe ô tô chở lợn bị cháy ở Quán Toan ấy, bác Tuyết nhớ không?

- Nhớ. Nhớ.

- Cả bọn đang ngồi hàng nước. Bà chủ quan mua về một cân thịt mỡ. Chắc là có giỗ chạp gì đấy. Thế là mới đố nhau. Tôi <I>lúc<D> luôn. Cái gì chứ cân thịt mỡ ông Hào xơi tốt. Không có muối cũng được. Nhưng mà ăn được khoảng năm lạng rồi thì kinh lắm hai bác ạ. Gắp miếng thịt lên nó cứ buồn từ má chạy lên đến hết cả tai.

Ông Huyên hồi hộp:

- Thế có ăn hết không?

- Hết chứ! Không hết thì nguy. Tiền đâu mà trả.

Bà Tuyết lè lưỡi:

- Kinh. Nghĩ đến mà sợ. Đã thấy buồn tai rồi. Nhưng mà buồn tai thật à ông?

- Buồn thật. Tai nó cứ ghê ghê, buồn buồn khó nói lắm.

Ba người vừa làm bếp vừa chuyện. Bà Tuyết luộc rau. Bà Tuyết bảo:

- Rau dền ngoài Bắc bỏ lá, luộc dối. Rau dền trong này để cả lá ninh kỹ. Này hai ông vào đây lâu có quen không?

Ông Hào bảo:

- Chỗ tôi có một ông người Hà Đông vào ở với con trai. Mới vào tuyên bố hăng lắm: Sau Tết tôi mới ra. Chưa được tháng, thỉnh thoảng tôi đi qua, trông thấy ngồi trong nhà cứ rù ra.

Bà Tuyết bảo:

- Chỗ tôi mới khổ. Nhà nào nhà nấy đóng cửa im ỉm. Tôi không làm sao kéo được cái cửa sắt. Nó không có dầu để mở cửa thì kêu, chống trộm. Chúng nó đi làm, khóa cửa, mình trong nhà cứ như tù giam lỏng. Một hôm thèm ra quá. Xô được cửa xếp ra ngoài mà không sao đóng lại được. Cửa xếp nhưng lại còn ốp tôn cho kín, ngoài không nhìn được vào trong. Thế là cứ ngồi vỉa hè chờ. Thấy một thằng bé bán ngô nướng đi qua, mới mua một cái bắp ngô. Rồi nhờ nó đóng cửa hộ.

Ông Huyên nói:

- Tôi mách bà một cách ở lì trong nhà. Bật các đèn lên, giết nhện. Tôi ở đây gần chục năm. Những năm đầu đi hăng. Năm năm nay không bước ra cửa.

Ông Hào gật đầu:

- Công nhận bác tài ở nhà. Em là cứ phải đi. Vào đây bí quá.

Cơm đã chín. Thức ăn đã dọn lên bàn. Ông Huyên mở tủ lạnh lấy ra sáu lon bia Heineken. Ông cầm một chai nhựa có dán nhãn *xê vần náp* lắc lắc và rót ra bát: Mắm cáy. Bà Tuyết hít hít:

- Thơm quá.

Ông Hào bảo:

- Ba năm nay không được ăn mắm cáy rồi đây.

Uống bia. Ăn cá rán. Uống bia với rau dền luộc chấm mắm cáy. Ông Huyên tiếp bia cho ông Hào và nhắc:

- Này. Tớ nói thật với đằng ấy, bia đằng ấy cứ uống thoải mái. Còn nhiều trong tủ lạnh. Chủ tớ không đếm đâu. Xập xí xập ngầu được. Chứ còn mắm cáy đàng ấy ăn ít thôi. Chủ tớ nó đo rồi đấy.

Bữa ăn vừa ngon, vừa vui. Ăn và nói chuyện về cuộc sống *mưu sinh tốc độ* của con cái. Tất cả đã nằm trong guồng quay đến chóng mặt của nó. Ai ngừng lại nghĩa là bị văng ra, bị rơi xuống, bị nằm bẹp. Chính vì cái tốc độ ấy mà họ có mặt ở đây.

Cả ba người đều say.

Có lẽ uống hơi nhiều nên ông Hào ngủ một giấc dài.

Tỉnh dậy đã ba giờ chiều. Sắp đến giờ đón cháu. Bát đũa đã rửa xong. Bà Tuyết đã về từ bao giờ.

Ông gọi ông Huyên đang ngửa cổ cầm chổi săn những con nhện bé tí trên tầng lầu (một việc chẳng tốc độ tí nào). Ông trách ông Huyên không gọi ông dậy sớm hơn, rồi tạm biệt ông Huyên ra về.

Muộn rồi. Không thể đi bộ. Ông Hào vẫy một cái xích lô.

- Khách sạn Bạch Dương. Đường...

Khách sạn Bạch Dương cao năm tầng, nổi tiếng vì sang trọng, vì những dịch vụ tươi mát. Nói khách sạn Bạch Dương ai cũng biết. Nhà ông nằm ở con hẻm ngay cạnh đó.

Khách đến Bạch Dương là khách sộp, bởi vậy anh xích lô tăng giá gấp đôi.

Có lẽ vì hơi bia lâng lâng, vì sợ trễ giờ đón cháu, vì hằng ngày ông đã hết sức tiết kiệm và cũng muốn một lần tỏ ra ăn chơi, ông không mặc cả nhảy lên xe.

Nhìn nét mặt ửng đỏ của ông khách đi về Bạch Dương không thèm mặc cả, anh xích lô vui tính nháy mắt:

- Bố đi *đổi gió* hở bố?

Ông Hào bông lơn:

THU TỨ
phin

Lòng người đôi lúc chẳng khác lòng phin
cũng từng giọt, từng giọt, rung rinh, run rẩy
Nó vào đấy bao giờ
Cái chất bột nâu quái quỉ...
Đun nước cho sôi, vặn tim cho chặt
Lọc chất
Cái đắng của đời
Cái đắng của thơ

THU TỨ

- *Đổi gió* tí đây.

- Xuống đấy nhiều gái *miệt vườn* lên hay lắm.

Ông Hào làm ra sành điệu:

- Gái quận Ba, quận Nhất chán bỏ mẹ.

Đã tới khách sạn Bạch Dương, ông Hào muốn dừng xe ngoài đường, nhưng bằng một cú lái ngoặc rất điệu nghệ, anh xích lô đã đưa xe vào đúng cái cửa ngách, đút càng xe trong sân và ông thấy từ đầu gối đến bàn chân của mình đã nằm trong sân khách sạn. Không có lối ra vì cửa sắt chính - dành cho ô tô - đóng kín, còn lối đi nhỉ thì chiếc xích lô đã thút nút mất rồi. Ông đành bước xuống sân khách sạn sau khi đã trả tiền xích lô.

Thấy có khách đến, cô gái *reception* đứng lên nở nụ cười duyên dáng chào ông. Phía sau, một đám đông con gái tươi như hoa nhất loạt nhìn ông. Ông Hào hoảng. Ông làm như chỉnh đốn lại y phục, nhưng chính là chờ cái xích lô lui và quay ra đến đường phố.

Ông nhón bước qua cửa phụ khách sạn ra ngoài, thoát khỏi đám tiếp viên, len lén vì sợ anh xích lô trông thấy. Rồi ông ngoặt nhanh vào hẻm, về nhà lấy xe đạp đi đón con bé cháu đang học lớp Lá.

BÙI NGỌC TẤN

---

(1) Lớp ba tuổi.

(2) Lớp 5 tuổi (hệ mẫu giáo).





THƠ THƠ
mùa hè..., từng đoạn ngắn

Đó là lúc chín nhất của mùa hè, những trái táo bắt đầu căng mật, từ trong lá cây thoảng ra những ngọn gió màu xanh thẫm. Mẹ lúc đó chưa đến bốn mươi, mặc áo màu nhạt cho đỡ nóng, trước ngực đeo chiếc yếm bằng vải những khi làm việc ngoài vườn. Tôi rất yêu chiếc yếm ấy, nó màu hồng lợt, có thêu những cái gàu tưới nước, và vài dụng cụ làm vườn khác, máng trên hàng rào gỗ lưa thưa dưới gấu.

Lúc đó mẹ mới từ vườn vào, nắng chói lọi sau lưng làm mẹ hoa mắt ở ngay ngưỡng cửa, mẹ đứng yên đó khoảng nửa phút, nhìn xuống những trái táo mới hái còn đầy bụi trên tay. Dáng đứng uể oải cắt lên khung cửa, tạo thành một mảnh tối ngắn giữa khu vườn và màu đỏ của những quả táo.

Đó là giây phút đẹp nhất của mùa hè.

Những quả táo nằm nổi bật trên nền đĩa lam, cạnh một bình hoa vàng - hoặc đĩa xanh chuối non nếu hoa màu tím phớt..., những màu sắc và trang trí có thể thay đổi, nhưng chủ đề chính vẫn luôn luôn là

táo. Nhìn những quả táo có thể đoán được bước đi của mùa hè, tháng bảy màu xanh chát vừa mới đi qua vườn khoảng hai tuần, sau đó những quả táo ưng ửng rám nắng, và tôi háo hức chờ:

"Mẹ ơi, con sắp ăn táo được chưa?

"Mẹ ơi, có quả kia mới chín kìa, mẹ hái cho con đi!

"Ưmmmm, ngon lắm, mẹ ăn thử đi!

Mẹ bảo:

"Loại táo này thơm lắm, con ngửi mà xem. Ngửi thật kỹ rồi hãy ăn.

Tôi làm theo mẹ, kề sát mũi, nhắm mắt lại, và hít vào thật sâu. Chao, không có trái cây nào thơm ngọt ngào như thế, mùi thơm thấm vào phổi vẫn còn thơm, loang ra khắp người giống như mới được tắm gội bằng dầu táo. Đó là cái hít đầu tiên. Nó thơm như thế. Và tôi hít lấy hít để, hít vội vàng quả táo ấy, cho đến khi không còn ngửi ra mùi gì nữa.

Mẹ cười:

"Đừng ngửi nhiều quá trong một lúc. Có phải lần đầu tiên con ngửi thấy thơm nhất không? – Tôi gật đầu – "Mỗi bận chỉ ngửi một lần thôi. Và nếu con ăn nó sẽ không còn thơm nữa."

Suốt mùa hè, mẹ bày nhiều trò chơi với táo. Khi dầu táo bắt đầu tươm ra ngoài lớp vỏ, nhiều đến độ có thể lấy tay mà miết đi cái lớp nhờn đặc sệt tinh chất, mẹ làm bánh mứt táo, ép nước táo và ủ rượu táo... Mùa hè ở khắp nơi trong nhà, chỗ nào cũng có những trái táo lăn lóc trên nền khăn trải bàn vui tươi bằng vải thô, bình lọ cắm đơn sơ hoa lá hái trong vườn. Một quả táo được cất giữ rất lâu thành ra rượu và vẻ đẹp, trải đầy những ý tưởng của Cezanne lên bàn, từ đó mùa hè trở nên bay bổng thênh thang.

*

Mùa hè càng về sau càng nóng. Đó là lúc mẹ ngồi ngoài hiên dưới giàn hoa giấy, vẻ chói chang của nắng làm gạch lát thềm trông càng thêm nứt nẻ. Những chiếc gối lót vẫn rực rỡ trên ghế mây cũ mòn, khăn bàn phủ hơi lệch về phía đĩa táo, và con dao gọt lấp loáng những gợn nắng mỗi lần gió thổi đến từ bụi dừa cuối vườn.

Và mẹ thở ra khoan khoái:

"Bây giờ mẹ ở ngoài vườn suốt ngày, con ạ!

Tôi khẽ gật đầu, hạn chế mọi cử động, ngay đến cảm xúc cũng nên giữ cho thật nhẹ nhàng; nhẹ hơn những cơn gió thoảng. Từ gốc cây đào tôi nhìn vào bóng râm dưới hàng hiên gỗ nơi mẹ ngồi, những chậu hoa nhỏ đặt trên bệ cửa sổ, bình nước pha lê lạnh ngắt đá cục và

chanh tươi đang chảy rịn những giọt nước trong vắt:

"Lâu lắm rồi con mới có mùa hè như thế này......". Và tôi cũng thở ra khoan khoái..

"Chỗ con ở không có mùa hè à?

Chỉ là một câu nói bộc phát, và tôi không muốn tìm cách giải thích:

"Mùa nào con cũng phải đi làm. Nếu có nghỉ thì cũng cả trăm thứ việc khác."

Thành phố tôi ở và công việc tôi làm, đời sống tôi ở đó rất phức tạp, một sự phức tạp cần thiết của một tập thể chạy hối hả cho kịp thời gian. Vâng, thỉnh thoảng tôi cũng có ngày nghỉ chứ, nhưng cái đầu tôi không được nghỉ, nó không thể nghỉ...

Mẹ trông như đang ngẫm nghĩ:

"Con xin đổi về đây không được nhỉ, giá như người ta xây một thành phố hiện đại ở gần đây...

Tôi cười:

"Thành phố ấy sẽ nuốt chửng cái nhà mình, khu vườn mình...

Mẹ khẽ lắc đầu:

"Thỉnh thoảng con nên sống như đang đi nghỉ hè..., đừng đợi đến mùa hè, con ạ."

Thực sự tôi đã dựng lại mùa hè, trong studio tầng thứ 11 của một tòa nhà hơn trăm

tầng, với một cây dừa nhỏ ở bao lơn – không thể cao hơn nữa vì không đủ đất, và những trái cây đỏ không bao giờ ủng thối, mùi lúc nào cũng ngạt ngào từ một cái bình pha lê đựng tinh chất táo. Nhưng chỉ ở đây - ngồi hóng gió dưới bóng cây, nghe tiếng võng kêu rời rạc mơ màng - tôi mới có thể ném thời gian qua cửa sổ, buông thả tất cả để trở nên lười biếng như mùa hè.

*

Đó là lúc hoang dã nhất của mùa hè. Cây cối lớn nhanh như thổi, có những loài hoa mẹ không bao giờ trồng, bỗng dưng đến đầy vườn, mọc cao hơn đầu người. Mẹ bảo không phải là hoa dại đâu, chỉ vì nắng làm chúng đâm ra mạnh mẽ bất thường.

Những luồng khí nóng luẩn quẩn trong không, báo hiệu một đe dọa. Một cơn bão nhiệt sắp ập tới nay mai. Người ta chờ đợi với tâm trạng khắc khoải phập phồng.

Chúng tôi lại ra ngồi ngoài hiên, hiên đã biến ra một căn phòng

mở rộng - mẹ gọi là căn phòng thoáng khí - có thể hiểu rằng mẹ đã dọn ra hẳn ngoài này.

Nắng in từng đốm lên những đồ đạc cũ tận dụng lại theo kiểu nghỉ hè ở trang trại. Một đống củi khô chất bằng phẳng, phủ lên một tấm khăn bàn mới, mẹ dọn rượu và đồ ăn trên đó. Tôi lắc nhẹ ly, uống âm thanh của đá chạm vào thành thủy tinh, áp mặt hứng những bọt nước lủi sủi sắp vỡ tan thành khí.

Một cơn bão nóng sẽ kéo qua đây, cuốn theo nhiệt độ của sa mạc và những vùng núi đá cằn khô trên đường đi. Mẹ nên ở trong nhà, để máy lạnh thì hơn. Tôi ngắm nghía "căn phòng thoáng khí" của mẹ - nơi căn nhà và khu vườn gặp nhau - dây leo xanh bám chặt vào những vết vôi nứt trên tường, chăn cuốn tròn trên ghế dài để nằm phơi nắng, sách báo bừa bãi chung quanh đó.

"Mẹ ngủ như thế suốt đêm à?

"Ngoài này thoáng hơn, cái ghế này nằm êm lắm.

"Mai là ngày nóng nhất trong năm, mẹ nên ở trong nhà ngày mai.

Tôi hơi hồ nghi những điều mình nói, nhà đã tràn ra ngoài sân rồi, hoặc khu vườn sắp xâm chiếm ngôi nhà, phá vỡ biên giới giữa trong và ngoài. Mẹ chỉ nói:

"Chưa bao giờ mẹ thấy một mùa hè như thế này, nhưng mẹ đã chuẩn bị chu đáo lắm rồi, con đừng lo.

Đó ngày nóng nhất trong cả một trăm năm qua. Nhiệt kế chỉ con số báo động, hơi nóng hầm hập phả vào người, cả vùng đồi chìm vào cơn sôi sục của nồi hầm cách thủy, tôi uống nước như người chết khát. Me nằm lim dim trên võng, những sợi tóc ngả màu lòa xòa ngang mặt:

"Con thấy mẹ để cây mọc cao có lý chứ? Để chặn nắng đấy.

Mẹ nói đến những cây hoa cuồn cuộn sức sống, mọc che hết những cửa ngõ quanh nhà. Trời càng nóng hoa càng to càng cao ngất, màu sắc hoặc quá sẫm hoặc quá chói. Nhưng tôi biết mình có thể nhìn mọi thứ rất sai lệch dưới nắng, một loại nắng gây ảo giác vô cùng nguy hiểm. Trong không khí có mùi cháy khét, cũng có thể do tôi tưởng tượng...

"Con phải vào nhà nằm một chút đi", mẹ hạ mành cửa xuống, cho quạt máy thổi tới từ một góc phòng.

Đầu nặng như có một bàn tay đang luồn vào trong óc, bịt kín mọi nhận thức. Tôi còn nhớ mẹ cúi xuống, đắp một bịch đá lạnh lên trán. Dần dần tôi thiếp đi, thấy mình chìm vào một cái hồ toàn đá cục và

nước suối sủi bọt, vừa bơi lặn vừa uống ừng ực, nhưng một ám ảnh chết khát vẫn lởn vởn chờ đợi trên bờ.

Khi tôi tỉnh dậy, căn phòng và ngôi nhà đã trở thành lò lửa. Tôi đi lảo đảo ra ngoài hiên tìm nước uống, người mệt lả. Khí nóng khô ran như trong lòng núi, tôi thở ra như người đang sốt, cổ đau rát và mắt lại hoa lên.....

Mẹ đã ngất đi, có lẽ trong khi tôi ngủ. Người mẹ nóng bỏng như hòn than.

Tôi đắp đá lên trán mẹ, lay lay:

"Mẹ, vào nhà nằm đi. Coi chừng bệnh đó. Mẹ bị cảm nắng rồi.

Giọng mẹ yếu ớt như người đang nói mơ:

"Để yên,... cho mẹ ngắm mùa hè....,cho mẹ ngửi một chút mùa hè đi...

Đó là câu nói của giấc mơ, bởi sau đó mẹ không tỉnh dậy nữa. Sức nóng điên cuồng đã lấy đi ý thức của mẹ. Tôi gượng đứng lên đi gọi điện thoại, trong trạng thái giữa mê và tỉnh, tôi nhận ra sức sống khủng khiếp đang bùng nổ khắp nơi, bao nhiêu thứ bộc phát từ lòng đất, trong khi tôi ngủ chúng đã lớn lên đột ngột vô chừng. Cây cỏ trông như loài rắn rít, bò lan tràn vào dưới hàng hiên. Hoa nở to như mặt người, cành lá bung ra thành những cánh tay vẫy vùng chấp chới.

Khi tôi nhìn lên cây, những trái táo đã trở màu đỏ lịm.

Sau này người ta gọi đó là mùa hè viêm nhiệt não, khi đã chìm vào cơn mê choáng nắng người ta không còn thấy nóng nữa, họ cứ khăng khăng đòi đến sát mặt trời.

Người làm vườn đã dọn sạch những vết tích của mùa hè hoang dại, nhưng ngoài hiên -trong căn phòng thoáng khí - mọi thứ vẫn giữ nguyên như cũ. Trên ghế dài để nằm phơi nắng, tôi trải chiếc yếm vải mẹ vẫn mặc khi còn trẻ, cạnh cái nón mây rộng vành, và đôi găng tay còn dính đất. *Bây giờ hẳn mẹ sẽ ở ngoài vườn suốt ngày* - tôi vừa nghĩ vừa khóc.

Một đợt gió bốc lên từ cuối vườn, trong mùi cỏ mới cắt tôi nhận ra mùi táo chín. Mùa hè của tôi còn đang ở trên cây, bây giờ tôi phải tự mình lo liệu lấy.

THƠ THƠ
tháng sáu 2001



NGÔ TỰ LẬP
mộng du I

Buổi tối bắt đầu không có gì đặc biệt. Sau bữa cơm tối, tôi uống trà, đọc báo, xem ti vi mươi phút rồi mắc màn đi ngủ. Nửa đêm có ai đó gõ vào cửa sổ. Tôi choàng dậy. Hoá ra là ánh trăng. Tôi sực nhớ đã ngày mười bốn. ánh trăng khiến tôi nảy ra ý định đi chơi. Hồi nhỏ tôi và lũ bạn cùng xóm vẫn có thói quen chơi trăng như thế: mấy thằng bấm nhau giữa đêm khuya, rón rén như những con mèo để khỏi bị người lớn biết, ra khỏi nhà rồi ù chạy lên đồi.

Bây giờ tôi cũng đi rón rén, nhưng hoàn toàn do cảm hứng tuổi thơ đang trở về tràn ngập trong lòng. Tôi bước xuống thềm. Lá vàng

vụng đầy trên sân xôn xao lay động như một đàn cá bị lưới quây vào bãi cát. Hai hàng râm bụt dường như dài hơn bình thường. Lối cổng lát gạch cũng rắc đầy lá rụng.

Tôi ra khỏi làng lúc nào không biết, sau đó qua một chiếc cầu nhỏ, rẽ phải rẽ trái vài lần rồi băng qua một khu rừng rậm rạp. Bình nguyên đột ngột hiện ra với những bông hoa dại nhỏ li ti và tiếng chim lóng lánh như thủy nguyên. Xung quanh không một bóng người. ánh sáng rực rỡ đến nỗi tôi không biết đó là một đêm trăng hay một ngày nắng đẹp. Con đường đất gập ghềnh chạy hun hút giữa hai bờ cỏ may màu xám nhạt vẫn còn ướt đẫm sương.

Bỗng tôi đứng sững trước một ngôi nhà khá lớn, tường gạch đất nung, không trát, mái ngói phủ đầy rêu. Bên trái ngôi nhà là khu lán rộng rãi, lợp bằng phên nứa, bên trong có một chiếc máy xay, một chiếc xe đẩy nhiều ngăn mà ở thành phố người ta dùng để bán sách báo và rất nhiều nông cụ. Chiếc máy xay và chiếc xe đẩy đều cũ kĩ, han rỉ đến mức chắc chắn không thể dùng làm gì khác ngoài việc bán cho hàng sắt vụn. Phía sau nhà nhô lên mấy đống cỏ khô. Không có cây cối gì. Ngôi nhà trơ trụi nổi bật lên trên cánh đồng xanh biếc và thoáng đãng.

Chủ nhân chừng bốn mươi tuổi, cao lớn, cởi trần. Hình như ông ta vừa đi làm đồng về, quần xắn móng lợn, trán vẫn còn lấm tấm mồ hôi. Trong lúc chào hỏi làm quen tôi không khỏi ngạc nhiên về diện mạo của ông ta. Thật khó đoán chủ nhà thuộc hạng người nào. Bộ ngực nở, đôi vai rộng gân guốc, hai bắp tay cuồn cuộn và những ngón chân trần bám chắc xuống đất rõ ràng là của dân làm ruộng. Nhưng cặp kính trắng, cái trán hói và cách ăn nói nhẹ nhàng, lịch thiệp lại khiến ta nghĩ rằng ông là người có học. Ông ta bắt tay tôi, tự giới thiệu rồi mời vào nhà. Cái tên ông ta trúc trắc, nghe lạ tai chỉ lát sau tôi đã quên khuấy đi mất. Hỏi lại thì thật là bất tiện.

Phòng khách rộng rãi, bày biện sơ sài kiểu nông thôn xưa. Qua cửa sổ tôi nhìn thấy cỗ máy xay và chiếc xe bán sách bán báo ban nãy.

Chủ nhà tỏ ra là một người xởi lởi và hiếu khách. Ông rót nước ra hai chiếc bát xứ men rạn, giới thiệu đó là loại chè xanh đặc sản của vùng này. Khi nhận thấy tôi chăm chú nhìn ra cửa sổ, ông nói;

- Những di vật ấy là đồ nghề làm ăn của cha mẹ tôi ngày trước. Cụ ông là thợ xay, cụ bà bán sách báo. Họ là những người tốt bụng nhưng đáng thương. Cả hai suốt đời cần cù, tằn tiện và cố hướng cho tôi nối nghiệp mình. Hồi nhỏ tôi thường được mẹ đem ra thị xã để làm quen với nghề bán sách báo. Mười lăm tuổi tôi đứng ra trông coi xưởng máy xay hơn một năm trời. Những công việc đó tôi đảm đương một cách dễ dàng nhưng chẳng bao giờ cảm thấy thích thú. Tôi muốn viết sách và trồng lúa, những công việc thực sự sáng tạo - Ông mỉm

cười một cách tự hào - Cho đến khi tạ thế, hai cụ đã không thể bẻ gãy được chí hướng của tôi!

Cốc nước đắng ngắt, tôi ngờ không phải nước chè.

Ông chủ mời tôi sang phòng bên. Đó là một căn phòng nhỏ nhưng sáng sủa. Ô cửa sổ rất rộng mở ra cánh đồng. Một tủ sách lớn choán hết bức tường phía tây, các ngăn xếp đầy những cuốn sách dày bìa đen. Giữa phòng kê một chiếc bàn nhỏ, một chiếc ghế tựa. Trên bàn la liệt sách vở.

Tôi lại gần giá sách, rút một cuốn, lật xem. Cuốn sách được viết bằng một thứ chữ kì dị và khó hiểu.

- Đó là những tác phẩm của tôi - Chủ nhân nói, không giấu vẻ hài lòng.

- Đấy là thứ tiếng gì? - Tôi hỏi.

- Tiếng Khuông Cơ - Ông ta giải thích - Đó là một dân tộc đã bị tuyệt diệt. Bây giờ ngoài tôi ra không ai hiểu thứ tiếng này. Năm tôi mười chín tuổi, một ông già mắc bệnh bướu cổ, người cuối cùng của dân tộc ấy đã dạy tôi. Ông ấy chết lâu rồi.

Tôi ngạc nhiên:

- Vậy ông viết những sách này để làm gì?

Mặt ông ta đỏ lên. Hình như ông ta bắt đầu bực dọc, nhưng sau đó bình tĩnh lại, nói với giọng độ lượng:

- Rõ ràng ông không hiểu gì về nghệ thuật. Tất nhiên tôi viết sách không phải để vứt đi. Đối tượng phục vụ của nghệ thuật bao giờ cũng phải là con người. Nó làm cho con người trở nên người hơn.

- Nếu vậy ông phải viết làm sao để cho mọi người hiểu được chứ? Tại sao ông không viết bằng tiếng Việt?

- Tôi không biết viết bằng tiếng Việt, cũng giống như không biết nói tiếng Khuông Cơ.

- Ông thử dịch ra tiếng Việt? - Tôi rụt rè nói sau một hồi ngẫm nghĩ.

- Dịch cũng chỉ là viết lại mà thôi. Nếu dịch được thì tôi đã viết bằng tiếng Việt.

- Thế tên những cuốn sách này là gì? - Tôi cố hỏi một lần nữa.

- Tôi không biết tiếng Việt gọi là gì. Muốn đọc nó cần phải biết tiếng Khuông Cơ.

Chúng tôi cùng im lặng. Lát sau, để không khí khỏi trở nên gượng gạo, tôi quay sang hỏi chủ nhà về nghề nông. Dễ nhận thấy đó cũng là sở thích của ông ta.

- Ông xem, vụ này nhất định tôi sẽ bội thu - Ông ta vừa nói vừa hào hứng chỉ tay qua cửa sổ - Lúa rất tốt. Hy vọng nó sẽ bù đắp lại công sức tôi bỏ ra trong suốt mười năm qua.

Tôi sửng sốt nhận thấy loại thực vật mọc um tùm trên cánh đồng



DANH BẰNG

fantasy 1

Khi tôi băng ra trên đại lộ trời đêm
hai giờ rưỡi sáng
Những con ngựa đỏ nhảy chồm từng bước giữa các vệt sáng.

fantasy 2

Khi tôi đổ xuống bên em
Hàng ngàn con ngựa đỏ
Mang lửa vào biển tối

Chết yên lặng bên ánh sáng mờ của một buổi mai lên.

DANH BẰNG

hoàn toàn không phải là lúa. Lúc này tôi mới để ý rằng đó chính là thứ cỏ gai chất thành những đống cao phía sau nhà.

Trong lúc đó chủ nhà vẫn say sưa kể:

- Trong mười năm qua tôi đã gieo cấy hai mươi lần cả thảy. Tôi đã làm lụng như bị khổ sai, chỉ trừ lúc ngồi vào bàn viết. Tôi đã bỏ ra rất nhiều tiền của để mua giống, phân bón và nông cụ, nhưng sản phẩm thu được chỉ là thứ cỏ gai vô tích sự. Thứ cỏ đáng nguyền rủa ấy đốt không cháy nên đến dùng làm củi cũng không được. Nhưng ông thấy đấy, lần này tôi sẽ thành công.

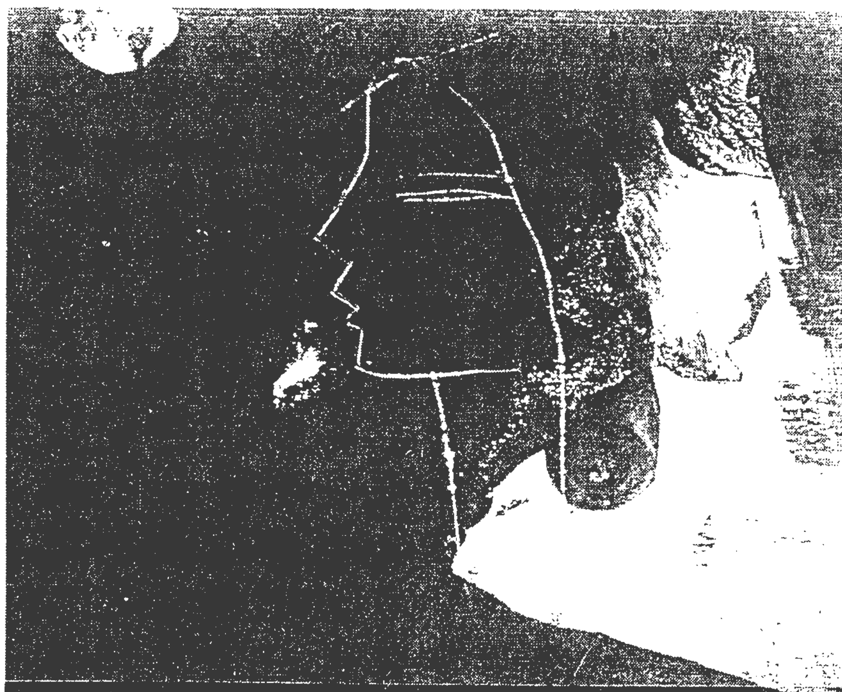
Chúng tôi lại cùng im lặng.

Lần này người nói trước là ông ta.

- Tất cả những gì tôi làm đều dành cho con người. Đó là mục đích tồn tại của tôi. ít ai hiểu được điều ấy. Cha mẹ tôi cũng không hiểu. Họ để lại cho tôi một món tiền lớn và nghĩ rằng tôi sẽ hạnh phúc với cuộc sống đầy đủ và nhàn hạ.

Ông ngừng nói và chúng tôi cùng đi thăm đồng. Chúng tôi không nói chuyện gì thêm nữa, hoặc là có nói nhưng tôi không nhớ. Hình ảnh những cuốn sách bí ẩn và đống cỏ gai choán hết tâm trí tôi, đến nỗi ngay cả việc mình đã trở về ra sao tôi cũng không biết nữa.

NGÔ TỰ LẬP





ĐỖ QUỲNH DAO
cuộn khói mong manh

Cơn đau chém phập trong lưng kéo chị ra khỏi giấc ngủ. Chị ngơ ngác nhìn quanh và lâu sau mới bắt lại được màu sắc, hơi hướm cùng tiếng động của căn phòng ngủ thân quen. Cũng mặt gỗ hêtre vàng loang loáng đường gân nâu thẫm của giường tủ, cũng hương thoang thoảng của bó lavande khô màu tím sim cắm trong lọ nơi góc tường, cũng tiếng tích tắc đều đặn của chiếc đồng hồ quả lắc treo trên vách. Chị vừa ngủ một giấc êm ả nhờ patch thuốc thần, chỉ nhúm bột morphine trắng ép dính thành con tem tròn dẹp dán trước ngực đã cho chị vài giờ sống như một người bình thường, như lúc trước, gần giống lúc trước, nếu không kể đến hình hài mỏng manh tựa chiếc lá và ống nhựa tiếp oxygène lủng lẳng nơi mũi. Nhưng có hề chi những thứ bên

ngoài ấy, khi bên trong hai lá phổi thủng nát như tổ ong và những rẽ sườn cái nứt cái gẫy. Nhưng patch thuốc chỉ kềm chế cơn đau trong vài tiếng thôi, sau đó nó hung hăng lồng lộn như nhắc chị đừng quên nó. Làm sao chị quên nó, làm sao chị dám quên, khi chủ nhân nó -Bệnh- là kẻ thắng trận và chị là người thua, thua xơ xác, thua tơi tả. Y học đã đầu hàng, y học đã bó tay, thì chị còn làm gì hơn ngoài cúi đầu. Bây giờ không còn trị chữa gì nữa, không hóa chất, không thử nghiệm, không quang tuyến. Bây giờ chị rời bệnh viện trở về nhà, vỏn vẹn trong hành trang chỉ bình oxygène và hộp thuốc chống đau để sửa soạn chuyến đi xa.

Chị nhăn mặt co rúm lại, mũi phập phồng tới tấp. Cơn đau xoáy sâu vô thịt như nạo từng lát xương mỏng và nghiền nát ống tủy. Chị xoay người định với lấy hộp thuốc trên bàn ngủ, tay chạm vào chùm hạch tròn nổi cộm trong nách đau điếng...

Phải uống liền một viên để nhốt cơn đau lại. Ông bác sĩ có nói:

-Nếu patch dán không đủ hiệu nghiệm, bà cứ uống thêm thuốc này khi đau, một hai hay ba viên mỗi ngày cũng được.

Thật ra ông ấy không cần giới hạn, một hai hay ba hay hơn nữa cũng được, cùng lắm là ngủ một giấc dài, vĩnh viễn, nhẹ nhàng không đau đớn. Chị đã chấp nhận rồi, chị đã chấp nhận cái chết, chị đã chấp nhận cái tang của chính mình, chị đã sẵn sàng lên đường. Bao nhiêu dặn dò gởi gắm đều nói hết với chồng. Nhưng hiện chị còn nấn ná muốn gặp đứa con gái yêu đang học ở thành phố khác trở về. Anh cuống quít muốn báo tin cho con hay nhưng chị không bằng lòng.

-Anh khoan cho con hay, cứ làm như em vẫn đang điều trị. Phải để yên nó thi xong đã, đây là cơ hội duy nhất để nó thi tuyển vô học ngành nó mơ ước.

Tương lai con ở phía trước, còn chị chỉ có dĩ vãng và hiện tại, mà hiện tại thì còn được bao nhiêu tuần, bao nhiêu ngày?

-Nhưng lỡ không kịp...

- Em nhất định chờ gặp con, em chắc chắn sẽ làm được, không lẽ anh không chìu em lần cuối sao?

Chị thương chồng chị quá, lần đầu lần cuối lần giữa, từ trước đến giờ có lúc nào mà anh không chìu chị đâu. Oán Ông Trời sao nghiệt ngã, nếu đã lên án chị rồi, thì còn hành hạ chị làm gì suốt mười tháng dài? Mười tháng nhọc nhằn đau khổ đã bào mòn sức chịu đựng, đã quật ngã sự can đảm của vợ chồng chị. Trên đoạn đường khó này, chị một mình với niềm đau thân xác và nỗi khổ tinh thần nhưng chị không cô độc vì bên cạnh luôn luôn có anh. Rồi đây khi chị đã thanh thản nhẹ nhàng, ai sẽ bên cạnh cùng với anh đi những đoạn đường kế tiếp?

Chị đã trách Ông trời kéo dài sự đày đọa nhưng nay chị xin sống thêm vài ngày để gặp lại con. Chỉ vài ngày thôi để thi xong nó sẽ về với chị. Chị còn bao nhiêu điều muốn nói với nó, như ngày xưa lúc nó còn bé...

Trên biển, đứa bé gái xinh xinh trong chiếc quần tắm đỏ đang lom khom xúc cát ướt đổ vào xô. Nó sợ hãi khi sóng lăn tăn lùa nước lên bãi. Cố chạy thật nhanh nhưng nước như có đôi chân dài hơn đã đuổi kịp và chụp lấy bàn chân nhỏ xíu của nó, ngập tận mắt cá. Nó khóc òa ngay cả lúc nước đã tội nghiệp rút dần ra xa. Dưới chân, hình như cát cũng lún xuống bỏ đi. Con bé không hiểu tại sao các đứa trẻ khác đã không sợ mà còn cười hét om xòm. Ở nhà nó đâu có sợ, cũng chơi tung tóe trong bồn tắm, cũng thả vịt thả tàu trong nước nhưng nước ở nhà nằm yên không biết đi không biết chạy như ngoài biển. Mẹ nó dỗ dành:

-Con nhìn kìa, người lớn trẻ con đều đùa giỡn vui vẻ, đâu có ai sợ đâu. Nước biển cũng hiền như nước trong bồn tắm ở nhà vậy. Nước đâu có chân, chỉ là gió thổi nước lên bờ...

Chị chỉ cho con xem những cây dù che nắng phồng tròn thành chiếc nấm khổng lồ với chùm râu phe phẩy chung quanh, và những trẻ nhỏ đang nhảy sóng, người tung lên hạ xuống như đang chơi xích đu. Xa xa, cánh buồm đủ màu của những planches à voile đang chao lượn như đàn bướm biển nhấp nhô trên nước. Xa hơn nữa, biển trời quấn quít nhập quyện lại thành dãi lụa xanh ngăn ngắt.

Chị thì thầm với con:

- Mẹ bế con xuống biển nhé, rồi mẹ sẽ dạy con nhảy sóng cùng các trẻ khác...

Bé gái nghe đã xuôi tai nhưng vẫn còn sợ, nó ôm chặt mẹ và nép đầu vô vai tìm chỗ trú. Da thịt nóng ấm của con cọ sát vào khiến chị rưng rưng cảm xúc. Cũng cái cảm giác nóng ấm này lần đầu tiên bà mụ đặt đứa con vừa cắt cuống rún lên người chị. Đứa bé đánh ra hơi mẹ lòi chòi tay chân như còn đang bơi trong bụng mẹ. Tay nó quờ quạng đụng phải chiếc vú trái của chị. Lúc đó chị thấy nao nao bồi hồi, cơ hồ trong người phím mẫu tử đang rung lên bần bật. Và từ sâu thẳm tâm thức, vạn nốt nhạc trổi dậy tấu khúc hát chưa hề biết nhưng nghe sao thật thân quen.

Máu mủ của tôi đây, thịt xương của tôi đây. Một thoáng ích kỷ trong đầu, là của tôi, của tôi mang nặng, của tôi đẻ đau, là của riêng tôi. Nhưng chỉ một thoáng thôi, anh cúi xuống âu yếm lau mồ hôi trán

cho chị:

-Em có mệt lắm không? Con chúng ta đẹp quá, đẹp như mẹ nó.

Rồi những lần cho con bú, nhìn chiếc miệng nhỏ mút chùn chụt dòng sữa nóng, nhìn nụ môi hồng nhay nhay đầu vú, nhìn con cười hay mếu trong giấc ngủ lúc « bà mụ dạy», chị thầm thì cảm ơn Thượng Đế đã cho chị nguồn hạnh phúc vô biên này, hạnh phúc được làm mẹ.

Khi bé gái đi học, chị thút thít lúc trao con cho cô giáo bế. Không biết những ngày đầu học lớp mẫu giáo, bé gái hay chị người nào khóc nhiều hơn. Những tuần sau đó, bé gái đã quen trường quen bạn, nhưng lúc đưa con di học chị vẫn se thắt khi thấy bé chạy lăng quăng theo chị dọc hàng rào của sân trường và đứng nhìn đến lúc chị xa hút.

Căn phòng tràn ngập ánh sáng, từng đường nắng vẽ kỷ hà xéo ngang nằm ngoan ngoãn trên thảm lót sàn. Không một tiếng động. Ngay cả bọn tủ giường gỗ cũng không trở mình than thở, ngay cả lũ bụi li ti cũng không lào xào nhảy múa trong dòng nắng. Tất cả đều yên lặng nhìn chị xót xa. Chị nằm cứng ngắc trên giường, không dám cục cựa dộng đậy sợ chạm chỗ đau. Nhưng cơn đau nào tha chị, nó trở lại trút từng tấn đá lên chị, hằn học tới tấp như thể chị chưa đủ đau với những rẽ xương mục nát trong người. Như có tiếng thì thầm của chị em nhà gỗ hỏi chị còn ngần ngừ gì nữa mà không uống thêm thuốc. Như có tiếng khuyên nhủ của tấm thảm trải sàn bảo chị đừng để cơn đau hành hạ thân xác. Không, chị đâu muốn đày đọa mình, chỉ vì sợ uống thuốc nhiều rồi không cưỡng lại được giấc ngủ có thể là ngàn thu. Rồi làm sao gặp con? rồi làm sao tỉ tê với nó? Chị cố tập trung vô thở để đừng nghĩ đến cơn đau, không nghĩ đến thì không thấy, không cảm. Hít vào bụng phình, thở ra bụng thóp. Tôi hít vào bụng tôi phình ra, tôi thở ra bụng tôi thóp vào, cứ như thế thì tôi sẽ quên đau. Chị bắt đầu hít vô, lồng ngực đau điếng khi chị dần dần dồn hơi vào bụng, rồi cơn đau hung hăng lồng lộn, xoáy từng vòng cuốc từng nhát, rồi đục rồi đẽo, rồi...Chị thở rít lên, miệng mở to hổn hển như cố hớp từng ngụm thở. Phía trước ngực hõm sâu theo nhịp thở dồn dập...

Hình như nắng bắt đầu nghịch ngợm, bò lên phá phách trên mặt chị.

...Cũng một buổi chiều ngập nắng, chị dẫn bé gái ra công viên nhỏ gần nhà. Hai mẹ con ngồi trên băng đá dưới gốc cây ngô đồng. Lá xòe rộng như bàn tay che chở cản ngăn nắng đang xối xả trút lửa. Bé gái cắn lún mẩu bánh trét mứt mận. Hai bên mép một tý mứt vướng lại, vàng óng sắc gấm. Bé thè chiếc lưỡi hồng nhỏ xíu liếm quanh miệng

và nhìn mẹ chúm chím cười ngây thơ. Không biết có người mẹ nào sung sướng như chị lúc đó không? nguồn hạnh phúc vô biên của chị đang khít bên, trong tầm nhìn, sát vòng tay và đang cười rạng rỡ với chị. Nỗi xúc cảm dấy lên rào rạt và kết đọng thành giọt nước rưng rưng nơi mắt. Bé gái đưa ngón tay bé tẹo lên hứng giọt nước lăn tròn trên mặt mẹ và hỏi ngọng nghịu:

-Tại sao mẹ» hóc»? mẹ đừng «hóc», mẹ «hóc»...con cũng muốn «hóc» luôn.

-Mẹ không khóc nữa, vì mẹ vui quá nên mẹ khóc đó.

Bé gái nhíu mày suy nghĩ:

-Có phải người lớn khác con nít như vậy không? người lớn «hóc» khi vui và con nít «hóc» khi buồn?

Con ơi, mẹ muốn nói với con là người lớn khác con nít vì người lớn có những lo sợ mà trẻ nhỏ không biết. Người lớn sợ nhiều thứ. Sợ bệnh sợ già sợ chết sợ chưa kịp sống sợ chưa kịp hưởng, sợ bị phán đoán sợ làm phật lòng người khác. Người lớn sợ vì không phân rành rọt mà cứ nhập nhằng trộn lẫn mọi sự.

Nắng xuyên qua lá rớt lấm tấm trên mặt hai mẹ con. Chị đưa tay hái từng chấm sáng trên đôi má phính của bé. Bé gái bắt chước mẹ, cong hai ngón tay bứt hột nắng đang rơi trên mặt mẹ.

Con thấy không, mẹ nâng niu cất ủ từng hình ảnh từng xúc cảm, vì đó là những kỷ niệm đẹp và những kỷ niệm đẹp vĩnh viễn sẽ còn đó không bao giờ xóa mất, có thể ẩn dấu khuất chìm trong góc nào đó của ký ức, có thể nhạt nhòa đi hết đường nét, nhưng chỉ một hương thoảng, chỉ một sắc hiện, chỉ một âm vang đủ đưa ánh nhìn lui về quá khứ.

Dạo đó, anh vừa đổi sở nên phải nhận đi công tác xa rất thường. Buổi tối trước khi ngủ, chị vô giường kể chuyện cổ tích cho con. Có chuyện kể trẻ nít mơ làm người lớn, có chuyện kể người lớn mơ trở lại thơ trẻ. Chuyện nào cũng mê hoặc hấp dẫn bé gái cả, đôi mắt sáng trưng khi đùa giỡn với nàng Bạch Tuyết và 7 Chú Lùn, vành môi trễu xuống lúc tủi thân cùng cô Tấm ngồi nhặt thóc. Rồi kể cho mẹ nghe, nữa sau con mơ làm cô giáo dạy trẻ, hay làm thợ may để được mặc áo đẹp.

Con nhé, đừng bao giờ đánh mất tâm hồn trẻ thơ, đừng bao giờ quên những giấc mơ đầu đời, hồn nhiên vô tư ấy, dù cho sau này sẽ có những giấc mơ khác lớn hơn, rực rỡ hơn.

Sau câu chuyện «đời xửa đời xưa có...», hai mẹ con nằm im nhìn

quanh lắng nghe.

Con biết không, lúc đó hai mẹ con mình đã sống trọn vẹn từng khoảnh khắc, với bao thứ tầm thường cỏn con trong phòng. Chiếc bàn học con dán đầy hình décalcomanies, cái tủ áo hõm trầy một vết vì mẹ sơ ý làm rớt máy hút bụi, con chó bông nhám cứng vì nhiều lần vô máy giặt «tắm gội», chăn gối nồng hấp mùi thuốc giặt, tiếng nước nhểu giọt trong la va bô phòng tắm (Ba con bảo để khi ba về sẽ thay miếng cao su nơi ống khóa). Sau này, tưởng nhớ sẽ êm ả dịu dàng khi con nhìn lại những thứ lặt vặt nhỏ nhoi này, vì đó là bức tranh đẹp, bản nhạc hay mà hai mẹ con mình đã cùng chia sẻ. Mình đã cùng sống cái khung cảnh thân thiết của căn phòng, mình đã cùng sống cái không gian tĩnh lặng của đêm. Thượng Đế cho con người biết bao nhiêu mầu nhiệm trên đời, và một trong những mầu nhiệm ấy là niềm hạnh phúc lúc chia sẻ. Kẻ không biết chia sẻ khập khiễng trong cảm xúc, kẻ không biết san sớt què quặt trong cảm thụ.

Khuôn vườn xanh mướt cỏ đầu xuân. Lác đác đây đó vài cụm hoa crocus trắng tím, cánh hoa thẹn thùa úp vào như cô gái mới lớn bắt đầu biết mắc cở. Xa xa là một thảm rộng chen chúc họ hàng nhà thủy tiên màu vàng hoàng yến, jonquille dễ tính ngửng đầu cười vui vẻ, narcisse dỗi hờn ngoe nguẩy nhìn xuống đất (có phải không? hay narcisse mang tên anh chàng quá mê mình nên suốt ngày chỉ cúi xuống soi bóng mình). Bé gái vừa chạy vừa quay đầu lại cười với cô bạn hàng xóm. Vấp té vào tảng đá tổ ong nâu vàng đứng làm phông cho khóm hoa uất kim hương mới đơm búp. Cạnh đá sắc nhọn cứa đứt một đường dài xối xả trên trán. Anh chị cuống cuồng đưa con đi nhà thương. Con đường từ nhà đến bệnh viện không hơn 15 phút xe hơi, nhưng chị thấy xa xôi vạn dặm. Nơi phòng cấp cứu, chỉ loe hoe vài người chờ nhưng mắt chị trông cả rừng người đen nghịt. Ngồi đợi phiên mình, chị niệm Nam Mô Quan Thế Âm Bồ Tát cứu khổ cứu nạn và đọc thầm bài kinh cầu an. Từ lúc té cho đến lúc ở bệnh viện, bé gái im lặng mím môi không khóc và chỉ rơm rớm khi bác sĩ may vết thương. Chị ngồi bên, xốn xang trong lòng. Từng mũi kim đâm thịt da con là từng nhát dao xẻo ruột gan mẹ. Mọi người xuýt xoa khen bé gái. Ông bác sĩ nói với cô y tá:

-Tôi chưa thấy cháu bé nào ngoan và can đảm như vậy.

Chị hãnh diện xiết con vô lòng nhưng trong tim như có gì lấn cấn lo âu.

Con ơi, can đảm là một đức tính. Nó là sức mạnh nhưng cũng có thể là điểm yếu nơi con. Con đừng ngần ngại phải biểu lộ cảm xúc.

Không phải lúc nào cũng phải tự kềm chế đè nén, xúc cảm nhiều lúc cũng cần được phơi bày. Giận, buồn, khổ, đau sẽ nhẹ đi khi được thoát. Nếu con muốn khóc, thì con cứ khóc. Đừng cố ngăn giọt nước mắt rơi, giọt nước tuôn ra sẽ cuốn bớt những nặng nề bức xúc trong lòng.

Anh rón rén bước vào thay thuốc trong máy làm aérosol và bật nút cho máy phà hơi. Âm thanh xì xì bất ngờ đánh thức căn phòng đang thiêm thiếp. Hàng gỗ lao xao trở mình, hàng bụi tung bay chộn rộn. Lò xo giường cọt kẹt than vãn tiếng máy chạy ồn ào. Chỉ có nắng âm thầm nhuộm tái sắc màu khiến những vệt sáng tréo ngang không còn chằng chịt trên thảm và nhòe nhoẹt tắt dần. Cuộn hơi thoát khỏi máy phảng phất mùi khuynh diệp, len lỏi vô ngực và thổi nhẹ làn gió mát rượi trên hai lá phổi rát buốt của chị... Nhịp thở của chị đều dặn và thong thả trở lại. Nếp gấp giữa hai mày nhạt bớt và nét mặt giãn ra êm ả. Chị rơi trở lại trong giấc ngủ, có phải không? có phải là giấc ngủ, hay là chuyến trở về tìm gặp thời gian cũ.

Hương thời gian thanh thanh
Màu thời gian tím ngắt...

Hương thời gian của Đoàn Phú Tứ thanh thanh còn hương thời gian của chị vào buổi chiều ấy thì nồng ấm mùi khê cháy tỏa ra từ đống lá gom đốt trong vườn nhà hàng xóm. Bé gái lẩn quẩn trong vườn giúp mẹ trồng củ hoa cho mùa xuân tới. Buổi chiều ấy vào giữa thu, thu chưa già nhưng cũng không còn trẻ, nên trời đã co ro trở lạnh. Lạnh không căm người nhưng cũng đủ gai gai se mình. Đụn khói bốc cao và nhả ra những hình cong mềm mại, mong manh tựa sương mỏng. Khói lượn lờ ủ ấp không gian đang run rẩy trong cơn lạnh của chiều sắp tắt. Lưu luyến vài khoảnh khắc rồi lãng đãng tan biến.

Màu thời gian tím ngắt với thi sĩ họ Đoàn nhưng lúc ấy với chị, là màu của trời chạng vạng. Ráng trời đỏ ửng màu gạch cua vằn vện đây đó vài sợi gân xanh xám. Thẳng tấp một đường dài trắng toát của chiếc máy bay để lại trên bức tranh chiều sắp lịm. Đây đó vài con chim lạc đàn vỗ cánh xoàng xoạc, nhớn nhác bay tìm bạn...

...

Dụng cụ làm vườn đã dọn vô nhà kho nhưng chị nấn ná đứng lại hít đầy mùi lá un thật dễ chịu, để thấy mình lâng lâng nhẹ hẫng như chiều hè cũ trên núi, đôi vợ chồng son vừa mới cưới đi dạo sau buổi cơm. Từng gợn mây mềm xốp như hoa gòn vắt ngang ngọn núi trước mặt. Màu hồng saumon lơ lửng giăng kín một vạt trời, để lộ đây đó trên đỉnh vài cụm tuyết sót lại từ mùa đông trước. Xanh rừng lá, hồng đụn mây, trắng đỉnh tuyết, hài hòa trong bức vẽ thiên nhiên thoạt tiên

xoay chị choáng ngộp trước cái thênh thang bát ngát của trời đất nhưng liền sau đó trả chị lại cái nhẹ tênh thời thơ trẻ...

Bé gái chun mũi hít hít có vẻ thích mùi lá cháy. Bé nhìn trời và trầm trồ:

-Mỗi ngày trời thay áo ba lần, buổi sáng buổi chiều và buổi tối.

-Còn lúc sớm nữa, khi mặt trời mới thức dậy.

Bé hăm hở đòi mẹ ngày mai đánh thức thật sớm để xem mặt trời mọc mặc áo gì.

Con biết không? áo trời không chỉ lúc rạng đông chiều tà hay ban ngày buổi tối. Còn biết bao nhiêu áo khác, trên núi dưới biển, trong rừng ngoài đồng. Và còn biết bao nhiêu thứ khác, tầm thường cỏn con, nhưng đẹp tuyệt vời. Vì đó là những sự vật làm nên cuộc sống mà cuộc sống là một cái gì kỳ diệu lạ lùng.

Con nhé, đừng bao giờ dập tắt ánh háo hức, hãy giữ nguyên vẹn nét hăm hở trước đời sống. Cái rạo rực muốn biết, cái ngạc nhiên muốn hiểu, hình như nhạt phai với năm tháng. Người lớn nhìn cuộc đời như một thói quen, như sự lặp lại của mỗi ngày và quên mất là đời sống rất đẹp. Mẹ chỉ thấy ra điều này từ khi biết sự sống đang rón rén bỏ mẹ ra đi. Đời sống rất đẹp, đẹp từ những thứ gặp lần đầu tiên cho đến những thứ tưởng đã nhàm chán vì thường gặp. Đừng hấp tấp lao mình sống trước, cứ thong thả cắn từng miếng nhỏ và nhâm nhi tận hưởng. Nếu vì cuộc sống hàng ngày quá tất bật níu kéo thì thỉnh thoảng, con hãy cố dành một khoảng khắc mà dừng chân, để nhìn với cái nhìn mới một chùm lá lao xao trong gió, để ngắm như lần đầu tiên khám phá lũ chim nhún nhẩy trên cành.

Bé gái bây giờ cao vọt hơn mẹ cả một đầu, mới mười ba tuổi mà đã ra dáng thiếu nữ.

Mắt một mí đen nhánh ướt rượt như đang khóc, miệng chúm chím trễu xuống muốn nũng nịu dỗi hờn. Hai mẹ con nhỏ to chọn cho bé chiếc áo lót ngực trắng bằng đăng ten có kết nụ hồng nhỏ xíu phía trước và khúc khích cười đồng lõa gạt anh ra khi anh mon men muốn chen vào:

-Chuyện đàn bà con gái mà!

Buổi tối chị thầm thì kể cho anh nghe những đường cong mềm vừa phác họa trên thân thể của con và dặn:

-Con mình bắt đầu lớn rồi, hai vợ chồng mình từ nay phải ý tứ lại.

Cùng lúc với những thay đổi nơi bé gái, năm đó anh chị mua một căn nhà khang trang gần thành phố hơn, và cũng năm đó anh bị sở sa thải. Chị cuống cuồng đi tìm việc và cuối cùng được nhận vô làm tại

một quán ăn cách nhà khoảng một giờ chuyên chở công cộng. Chị an tâm khi thấy con có vẻ thích ứng với hoàn cảnh mới. Thật ra, cái thời khóa biểu làm việc 11 giờ-15 giờ, 18 giờ-22 giờ đã xáo trộn hoàn toàn cuộc sống trong gia đình, và cái trấn an chị không phải «cái có vẻ thích ứng của con» mà là tiền lương hàng tháng đem về đắp vào khoản trợ cấp thất nghiệp của anh càng lúc càng kém dần.

...

Chị rón rén bước vào phòng hôn con. Bé gái vẫn còn thức nằm trong giường đợi mẹ về, ngập ngừng như muốn nói gì rồi lại thôi. Khi chị ra đến cửa, bé vói theo bằng tiếng Việt ba rọi, có pha tiếng Pháp:

- Mẹ, je suis réglée sáng nay ở trong lớp. Con Céline đi với con xuống infirmerie xin băng vệ sinh và nó chỉ con cách để băng.

Chị ngần ngừ định trở lại ôm con thì bé nói tiếp, giọng cố thật thản nhiên:

-Mẹ đừng lo, không sao đâu. Con biết tự lo mà.

Ừ, có gì đâu mà phải lo, mình cứ lẩm cẩm suy nghĩ như mấy chục năm về trước. Con nó còn khôn hơn mình hồi xưa nữa. Lúc trước, chuyện gì ở nhà cũng dấu không bao giờ nói nên mình không biết gì hết, đến lúc thấy tháng lần đầu sợ gần chết, cứ tưởng bị bệnh. Bọn trẻ bây giờ biết sớm lắm, nhất là bọn tây đầm, chắc đã rù rì nói với nhau từ lâu rồi. Đã vậy ở trường người ta dạy môn giáo dục sinh lý, có khi còn hay hơn cha mẹ, vì mình bị tabou cứ úp úp mở mở không dám nói hết .

...

-Thôi vậy con ngủ ngon nhé. Hộp băng mẹ cất trong tủ phòng tắm đó.

Và chị trở về phòng mình sửa soạn đi ngủ.

Đêm ấy vẫn lấn cấn mãi trong chị. Cố vùi trong một sâu thẳm tít tắp nào đó của lãng quên nhưng như một vòng khép mà nơi bắt đầu cũng là chỗ đến, nó loanh quanh lẩn quẩn rồi lại trở về gõ vào cánh cửa lương tâm. Đêm ấy, chị đã tự «dàn xếp» bằng nhiều lý do để yên tâm trở về phòng ngủ. Thật ra chị vẫn thấy bất ổn, như có gì đè nặng ray rứt. Bé gái có bạn bày xoay sở, có trường chỉ tránh bệnh. Nhưng ai dạy nó khi tấp tễnh làm người lớn, ai dắt nó đi từng bước vào thế giới trưởng thành? Khi đó nó cần chị, khi đó nó muốn chị bên cạnh, và khi đó thì chị tìm cớ trốn chạy.

Con ơi, mẹ vẫn thường dạy con đừng nói dối, nhưng mẹ đã nói dối, và tệ hơn nữa mẹ đã nói dối với chính mình. Nếu có thể làm lại, mẹ sẽ ôm con vô lòng, và kể cho con nghe chuyện cô bé buổi sáng thức giấc, thấy hoang mang bỡ ngỡ vì mắt nhìn gì cũng khác hẳn mọi

hôm. Hỏi mẹ. Thì mẹ cô bảo, đó là vì cô vừa thức giấc trong bình minh của tuổi dậy thì.

Chị rón rén bước vào. Bé gái thì thào:

-Mẹ, con kể chuyện này cho mẹ nghe.

Chị mệt rã rời, hôm nay ở tiệm đông khách, chủ và nhân viên người nào cũng quần quật không hở tay. Chị dỗ con:

-Ngủ đi con, bây giờ khuya rồi, ngày mai con hẵng kể mẹ nghe nhé.

Chị rón rén bước vào. Bé gái tíu tít:

-Mẹ biết không...

-Ngủ đi con, bây giờ khuya rồi, ngày mai con kể mẹ nghe nhé.

Chị nhức đầu quá, chỉ muốn uống thuốc rồi đi nằm, rồi ngày mai tính sau.

Ngày mai, ngày mai, rồi ngày mai...

Ngày mai nào cũng đi làm, ngày mai nào cũng khuya, ngày mai nào cũng mệt...

Chỉ còn ngày nghỉ, nhưng ngày nghỉ của chị túi bụi trong chợ búa, trong cơm nước làm sẵn cho suốt tuần, trong dọn dẹp nhà cửa, trong...

Không phải chị quên lời hứa « ngày mai con kể mẹ nghe «, chị nhớ chứ, nhưng khi chị rảnh rỗi hỏi lại thì bé gái lúc thì quên bẵng lúc thì hết hứng. Chị tự nhủ: -Chắc không có gì quan trọng đâu, nếu không dễ gì nó tha!

Anh tìm ra việc vài tháng sau khi chị bắt đầu ở tiệm ăn nhưng chị vẫn tiếp tục đi làm để chờ công việc anh thêm vững chắc. Sau đó, chị vẫn tiếp tục, để sửa sang nhà cửa và lại tiếp tục, để mua sắm trong nhà. Lần hồi căn nhà đẹp ra, lần hồi con chim xây xong tổ-petit à petit l'oiseau fait son nid- và cũng lần hồi những lúc hai mẹ con tỉ tê tâm sự cũng vắng dần. Cho đến lúc chị bắt gặp với con, không còn ánh đồng lõa khi nhìn nhau, không còn nét thông đồng khi cười cùng. Mà có hề chi ánh mắt hay nụ cười khi bây giờ họ sống như hai người khách. Chị đã mon men đến nhưng mơ hồ thấy con tránh né chị. Cố gắng hơn thì như có gì ngượng ngập gượng gạo làm rơi hẫng câu nói hay cử chỉ thương yêu của chị.

Bonjour Pa-chào Ba, bonjour Man-chào Mẹ, con cần mua sách, mẹ cho con tiền đóng học phí, mẹ muốn gì, mẹ ra ngoài để yên con học...Con ăn cơm chưa? mẹ có nấu món con thích ăn, đâu có gì, mẹ chỉ

muốn xem con cần chi mẹ mua cho...

Bây giờ những câu họ trao đổi chỉ quanh quẩn vậy thôi. Chị bàng hoàng tự hỏi không lẽ sự tương quan giữa mẹ con chỉ nối bằng tờ giấy bạc, chỉ đựng trong một món ăn. Cái gắn bó thuở trước dường như nay chỉ còn gói ghém trong món quà hôm sinh nhật hay đêm Giáng Sinh.

Chung quanh chị đều cùng một tiếng khuyên:

-Thôi đừng buồn làm gì, từ xưa đến nay xung đột giữa thế hệ là thường. Đã vậy, ở đây không chỉ là thế hệ khác mà còn văn hóa khác, giáo dục khác. Cha mẹ nhìn, với cái nhìn Á đông của mấy mươi năm trước, đứa con mình sinh trưởng trong xã hội Tây phương thì làm sao mà không xung đột. Bây giờ, chỉ mong chúng nó chịu học và không xì ke nghiện ngập là mừng rồi. Và như vậy, kể như làm xong bổn phận cha mẹ.

Người bạn thân an ủi:

-Có khi vì đang tuổi lớn nên nó bực bội khó chịu, đợi một hai năm nữa là hết.

Có phải một hai năm nữa là hết không hay đó là mốc khởi điểm của những cuộc gây gổ bất chợt giữa hai mẹ con. Bé gái- không, phải gọi là cô gái- bây giờ đã ngoài 18 tuổi. Lúc nào cũng gờm gờm hầm hầm sẵn sàng đụng độ. Như có gì khiến cô thấy bất an phải tự bảo vệ mình bằng thụt lùi khép kín hay đốp chát trả đũa. Chị mơ hồ thấy con bứt xứt khổ sở nên vội vã xin việc làm khác với giờ giấc bình thường và dĩ nhiên với tiền lương ít hơn, để được gần con thêm. Chị hoảng hốt khi nghe con nói chuyện với bạn. Tự hỏi không hiểu đây có phải là cách nói chuyện của người trẻ sau này không, lúc nào cũng châm chọc đốt chích thẳng tay. Con trai con gái, người trên kẻ dưới, đối xử cũng như nhau, khiêu khích tay đôi không nương.

-Sao con nói nặng nề với bạn con vậy?

-Không mắc mớ gì đến mẹ.

-Nói với mẹ như vậy là hỗn, lúc nào cũng phải dạ thưa dù cho là tiếng pháp cũng oui papa, oui maman. Và con cũng đừng nên nói mắc mớ gì đến mẹ, chuyện giữa con với bạn mẹ không xen vào, mẹ tôn trọng sự riêng tư này. Cái mẹ muốn nói là cách nói chuyện của con với bạn.

-Con nhỏ đó hung hăng lắm, tưởng ai cũng sợ. Con phải trị nó trước để nó đừng tưởng bở định dẫm chân con...Mà thôi con cũng không nói làm gì. Vì có nói hay làm gì đi nữa thì cũng sẽ bị chỉ trích hay bảo là hỗn. Tốt hơn hết là im.

-Sao con lại nói vậy, mẹ dạy con chứ đâu chỉ trích gì đâu.

-Từ lúc nào mẹ dạy con? bao nhiêu thời giờ để đi làm thì còn đâu nữa mà dạy con?

-Con đừng hỗn. Lúc trước mẹ bận chứ bây giờ...

-Lại hỗn, lại hỗn, đúng rồi con hỗn con mất dạy con hư. Đó là lỗi của ai, lúc con cần mẹ thì mẹ ở đâu? Khi con muốn tâm sự, khi con muốn được an ủi thì mẹ có ở bên cạnh không? Bây giờ con đã quen một mình rồi, mẹ để yên con, con không cần mẹ nữa.

Ngay lúc ấy, chị buồn giận con vô ơn hỗn xược. Chị tủi vì những hy sinh của chị để gia đình sống thoải mái trở nên vô nghĩa. Vài hôm sau nguôi ngoai, chị lại tìm cách đến gần con. Chị không tin hố sâu giữa thế hệ không san lấp được, chỉ cần mỗi người chịu nhường nhịn và bước đến nhau. Nhưng mỗi lần, đều là bức tường ngăn cách hay cánh cửa đóng chặt, vì mỗi lần nếu không ngoảnh mặt tránh né thì trách móc hằn học. Buồn bã, mệt mỏi, chị bỏ lửng cuộc đối thoại khô cằn không đơm trái hay nếu có chỉ là trái đắng nghét. Dửng dưng thản nhiên phải chăng đồng nghĩa với bất lực đầu hàng? chị cũng đã từng nghĩ đến nhưng sau đó thì chán nản buông xuôi.

Nhưng chị càng thờ ơ im lìm thì đứa con càng dữ dằn xấc láo. Như cố tình đập bàn lên giọng khi nói chuyện với chị, như cố tình trả lời tay đôi với anh, như cố tình vô phép với bạn bè của cha mẹ, như cố tình đi chơi khuya mà không báo trước, như cố tình đi nghỉ xa mà không cho tin tức, như cố tình...khiêu khích thách thức. Chị chới với trong không gian âm ỉ dọa nạt của gia đình bây giờ tựa bãi mìn ngầm sẵn sàng nổ tung bất cứ lúc nào.

Cùng lúc, trận cảm kéo dài với cơn ho lây lất quật chị té nhào. Mùa thu ấy, anh lui cui dọn nhà cho con về tỉnh học. Mùa thu ấy chị nhập viện để kiểm tra sức khỏe, và để biết mình bị bệnh nan y.

Bên tai chị, râm ran tiếng nói chuyện. Mơ hồ như người ta nói phải để chị nằm ngoài phòng khách trên giường đặc biệt có máy điều khiển nâng hạ đầu giường những lúc chị cần ngồi, mơ hồ như người ta nói phải thay thế patch morphine không còn đủ hiệu nghiệm bằng máy bơm liên tục, mơ hồ như người ta nói phải tiếp chất dinh dưỡng, mơ hồ như người ta nói phải đặt ống dẫn tiểu, mơ hồ như người ta nói... Chị cố mở mắt nhưng mí nặng chịch, chị cố mấp máy nhưng môi dính cứng. Chị khẽ gật đầu ra dấu bằng lòng. Gắn bao nhiêu ống, đặt bao nhiêu giây chị cũng chịu, chị bằng lòng hết, chị chấp nhận hết, miễn sao cho chị kịp gặp con thì có hề chi thêm vài ống giây lòng thòng.

Từ mấy tuần nay, không gian sống của chị hạn hẹp trong mười mấy thước vuông của phòng ngủ, ngay cả bước ra khỏi cửa cũng

không, dù chỉ để đi từ phòng ngủ ra phòng khách. Nhưng lúc đó chị còn có thể nhìn khắp hết phòng, bây giờ đôi mắt lúc cố nhướng lên chỉ thấy mập mờ khoảng trần nhà nhờn nhợt đốm ố.

Đốm ố đó đã có từ lâu và anh dự tính hè này dán giấy phòng cùng sơn lại trần luôn thể. Chương trình hè không chỉ làm mới căn phòng, mà còn lên núi Alpes sau đó. Nếu chị không đau thì hè này chị giúp anh phết hồ dán giấy. Rồi thì cả gia đình đi nghỉ trên núi trong căn nhà gỗ anh chị ở dạo mới cưới. Chị sẽ chỉ cho con xem đỉnh núi chơi vơi trên cuộn mây mềm nõn và cánh rừng chập chờn sau mành sương sữa đặc. Họ sẽ đi tìm lại con suối nhỏ, trải dài thoai thoải và ngồi lên những tảng đá đen tròn đã bao nhiêu năm thủy chung cùng dòng nước trong vắt. Con chị thích chụp hình phong cảnh, tha hồ mà cô phó nhòm chọn góc để bắt cái nuột nà mơn mởn lúc rạng sớm, canh độ để thu cái bàng bạc man mác lúc hoàng hôn. Phải rồi nếu chị không đau thì hè này cả gia đình ba người sẽ đi nghỉ cùng, con gái sẽ đi cùng với anh chị, chị chắc chắn như vậy. Vì chị sẽ bước lại gần nó, thật gần, dù cho nó lạnh lùng dù cho nó ngoảnh mặt dù cho nó hỗn dữ. Chị sẽ cạo từng mảng vôi nạy từng viên gạch cho đến khi bức tường sụp đổ. Chị sẽ dũa từng cây sắt, cưa từng chấn song cho đến khi cánh cửa mở rộng. Rồi chị ôm con vào lòng thủ thỉ:

-Mẹ đã hiểu, con giận mẹ nên lạnh lùng, con dỗi mẹ nên ngoảnh mặt, và con hỗn dữ vì muốn mẹ chú ý. Vào lúc con trong tuổi tìm kiếm mình, mẹ lại không ở bên cạnh con để nâng đỡ. Bao nhiêu câu hỏi đặt ra để tìm bản sắc mình, không phải chỉ của một người trẻ, mà là người trẻ sanh trưởng ở xứ ngoài, đang chập chững làm người lớn. Con biết gì về quê hương ngoài mớ tiếng Việt nói bập bẹ, dăm câu chuyện cổ tích mẹ kể, vài món ăn mẹ nấu? Con bơ vơ lạc lỏng giữa đám bạn, vì con không trắng, không vàng mà là một thứ ruột trắng vỏ vàng. Con đường đi tìm căn cước của con thật khó khăn mà mẹ lại không để ý đến. Ôi, tội nghiệp đứa con gái của mẹ, con lo âu sợ hãi mà mẹ nào biết, con hụt hẫng lao đao mà mẹ nào hay. Đến lúc con vùng vẫy cựa quậy thì mẹ lại chán nản bỏ mặc. Con gọi mẹ cầu cứu nhưng mẹ không nghe, khiến tiếng kêu của con rớt vào không trống, con đưa tay cho mẹ kéo nhưng mẹ không thấy khiến con rơi trong tuyệt vọng. Bấy lâu nay mẹ thương mà không hiểu, nên đã làm con khổ. Bây giờ thì mẹ rõ, muốn xóa bỏ khoảng cách, hai người phải bước lại gần nhau, và nếu đứa con không chịu bước đến, mẹ nó phải bước giùm nó cái bước đáng lý nó phải đi. Tình mẹ thương con bao la vô tận, bổn phận của mẹ với con mãi miết triền miên, tình thương không bao giờ hết thì bổn phận có bao giờ xong. Và như thế đời đời kiếp kiếp người mẹ thương

con, như mẹ của mẹ đã thương mẹ thuở trước, như con sẽ thương con của con sau này.

Cô gái nâng niu bàn tay gầy guộc của mẹ và vuốt ve từng đường gân xanh cộm, thẳng tréo trên làn da tái, hệt những đường của dòng đời mẹ. Áp tay lên mặt và hít hít mùi nồng ấm của nước hoa trầm thoang thoảng. Từ hai hôm nay, cô quấn quít bên mẹ không rời, luôn cả đêm ngủ cũng nằm trên xô pha khít gần. Ba cô phải nhường xô pha cho cô mà nằm trên chiếc nệm hơi dùng đi cắm trại. Tự cô săn sóc mẹ không để ai mó vào. Đã đành có ba, có cô y tá nhưng làm sao họ hiểu mẹ bằng cô, làm sao họ biết mẹ bằng cô? mẹ thích đẹp, mẹ thích tươm tất, mẹ thích cái quyến rũ kín đáo của mùi trầm, mẹ thích cái óng nuột dịu nhiễu của lụa satin, mẹ thích khoảng tranh tối tranh sáng của chiều tà, và còn nhiều thứ khác chỉ mình cô rõ. Buông tấm mành mành xuống cho ánh sáng bớt gay gắt. Nhểu vài giọt nước hoa lên khăn nóng và lau chùi khắp người mẹ, xong thay cho mẹ bộ đồ ngủ bằng lụa satin màu đọt chuối. Từng cử chỉ dịu dàng êm ái như nâng như hứng. Vừa làm vừa nói chuyện huyên thuyên, nhưng nói thật nhỏ chỉ đủ cho vừa mẹ nghe thôi.

Và hai mẹ con đã tỉ tê như vậy từ hôm cô trở về. Không biết họ nói gì, thật ra chỉ cô nói và mẹ cô nghe, mà nét mặt mẹ cô giãn ra tươi tắn. Cô cầm tay mẹ lên vuốt má mình và đặt lên đó một nụ hôn dài. Có nụ hôn nào chan chứa tình thương bằng nụ hôn của cô trao mẹ lúc đó?

Giọt nước rưng rưng nơi khóe mắt chị. Cô gái cong nhẹ ngón tay lên hái giọt long lanh trên mặt và ôm mẹ thì thào:

-Mẹ khóc vì vui phải không? Mẹ khóc vì con ở bên cạnh mẹ phải không? Mẹ ơi, con thương mẹ, con cần mẹ, mãi mãi mẹ là nơi con tìm về, mãi mãi mẹ là chốn con trở lại, mãi mãi mẹ là chỗ con ẩn trú. Mẹ ơi, mẹ đừng bỏ con nhé.

Có lời tỏ tình nào ngọt ngào bằng lời cô nói với mẹ lúc đó?

Chị thở hắt ra từng hơi ngắn yếu ớt, mười lít oxygène phụ tiếp cũng không đủ thổi vô hai lá phổi nát thuổng. Bây giờ tim chị mệt nhọc phập phồng từng nhịp đập nhỏ chậm. Chị thoi thóp lụn dần, lụn dần, lụn dần như cây nhang tàn trong bát hương... Khí lạnh len lỏi trong máu lần hồi ngấm vô tay chân khắp người chị, nhưng có hề chi khi tâm chị được sưởi. Môi chị tím, tay chân chị tím, người chị tím, nhưng có hề chi khi lòng chị nở nụ hồng. Quanh chị, mọi người thân đều có mặt và đang nói lời yêu thương.

Anh ngồi bên âu yếm xoa đầu chị lún phún sợi tóc nhỏ mới mọc

từ lúc ngưng hóa chất:

-Em đừng sợ cứ an tâm mà đi trước. Ở đó có Cậu chờ em sẵn, ở đó em không còn đau đớn và khỏe mạnh lại như xưa. Những điều em dặn dò anh đều nhớ cả. Bây giờ anh không đi cùng em được nữa, mình phải tạm chia tay. Đến khi gặp nhau lại, hai vợ chồng mình sẽ tiếp tục làm những gì mình chưa kịp làm. Còn nhà này vĩnh viễn vẫn là nhà của em, em đi em về lúc nào mà lại không được

Con gái chị cầm bàn tay tím lạnh của mẹ áp vào má, miệng không ngớt lầm thầm:

-Mẹ ơi, con thương mẹ, con thương mẹ...

Nơi chân giường cô bạn thân nức nở:

-Bạn cứ đi, rồi bọn mình sẽ gặp lại nhau sau và khi đó lại làm bạn thân tiếp tục.

Hỏi làm sao mà tâm chị không ấm áp? hỏi làm sao mà lòng chị không nở hoa?

...

Thoắt chốc chị thấy mình nhẹ nhàng lâng lâng như bay bổng, cùng tiếng chuông mõ của vị sư già đang tụng niệm.

Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật...

Bay xa, bay xa...

Cô gái thờ thẫn bước về phòng mình. Cô nằm co quắp như ngày nào trong bụng mẹ, mắt ráo hoảnh không khóc, cơ hồ muốn giữ nguyên nỗi sầu này vì nó buộc cô dính chặt với mẹ. Cô không khóc vì giọt nước mắt tuôn ra sẽ làm vơi nỗi sầu và làm cô xa mẹ. Nhưng lạ quá, mẹ cô vừa mới ra đi mà sao không gian như có gì thay đổi, màu sắc hương thơm âm vang tưởng chừng đang tái úa, nhạt phai và tan loảng.

ĐỖ QUỲNH DAO
Sceaux 04-04-2001

xin xem chi tiết ở trang 251



CHU VƯƠNG MIỆN
phụng cầu hoàng

Em ghé lại trần gian trong phút chốc
làm say sưa dăm vạt cỏ trần gian
gió đã nổi góc rừng phong đèo chật
chiều đã mờ lãng đãng giải sương loang
ta đứng ngó nhau phần đời trơ trụi
thành quách lâu đài hoang dã từ lâu
mặt trời mọc Em dơ tay chải tóc
chả nhánh nào vui, toàn những nhánh sầu

Ta đứng hát nghêu ngao giữa rừng quê núi cũ
còn em phô nhan sắc lẳng lơ đèo
dăm con nước đã dạt đi hết trọi
trơ một vàm toàn đất đá nhăn nheo
buồn vui gì thì Em cũng đến
tình đời đen đỏ đến vô duyên
ta đứng đó chỉ là con người gỗ
và hồn ta tan bọt biển trăm miền

Em ghé lại nơi này rồi thăng mất
mấy ngàn năm mờ nhạt như sương
đất trời rộng theo tình em da diết
có nhìn theo cũng hiu hắt nắng chiều

CHU VƯƠNG MIỆN



PHẠM HẢI ANH
bóng

Chiếc xa tải nghiến nặng nề lên hình người mảnh khảnh. Không ai kêu lên, không cả một tiếng thở dài. Thản nhiên vì đấy chỉ là tai nạn của bóng.

Cái bóng vẫn nằm vắt mình buồn bã trên đường nhựa, ngay chỗ cột đèn giao thông. Đèn xanh, ôtô rú ga lũ lượt phóng đè lên nó. Hàng ngàn tai nạn bóng xảy ra và không một ai thoáng rùng mình.

Có người nhìn cái chết của bóng mình. Rồi vội vã về nhà nấu ăn bữa tối. Đã chết như thế mỗi ngày, chết thêm lần nữa cũng chẳng sao..

PHẠM HẢI ANH



NGUYỄN TÔN NHAN

不知香寄向誰枝
風聚窗簾點嬾飛
隨雲本恐身無力
卻下麻濱盡語時

辛巳孟春
愚谷題

Bất tri hương ký thương thùy chi
Phong tụ song liêm điểm lãn phi
Tùy vân bản khủng thân vô lực
Khước hạ ma tân tận ngữ thì

Biết gửi về đâu mất tác ngoài
Chim không bay nổi gió còn lơi
Theo mây vốn sợ không còn sức
Xuống bến ma trên sắp cạn lời

Nguyễn Tôn Nhan

T

TRỊNH THANH THỦY

cơn mưa rào

Mưa hôn tạt lời ca người con gái làm tóc em sũng nước.
Kẻ hành khất bên kia đường ngửa tay hứng đồng tiền kẽm
hứng giọt mưa từ trời.
Mưa xanh lá. Em xanh anh. Em nhuốm xanh anh....

Bỏ công viên vào Health Spa em chạy quẩn quanh vòng vây
của chính mình.
Và bóng.
Người ta đang tân trang câu lạc bộ em ngơ ngác giữa những
mảng tường vôi loang đường nứt nẻ như những sợi gân tay
người goá phụ.
Nhớ hôm nào anh nói. Nếu chạy quanh chính mình tìm
bóng thấy đuối đà hãy ngả vào nhau
Anh sẽ hôn bờ tường in lấy bóng em

Ra đến bãi đậu xe người đàn ông da trắng cao gầy mắt biếc
ôi hòn bi tuổi nhỏ đã lăn của em vẫn chờ trao cho em nhánh
hồng còn rướm máu gai xước. Và điệp khúc kiên nhẫn " Gọi
cho tôi, gọi cho tôi" dù ông biết những lời mình đã chọn sẵn

một định mệnh: bay vào hư không. Đạp ga.

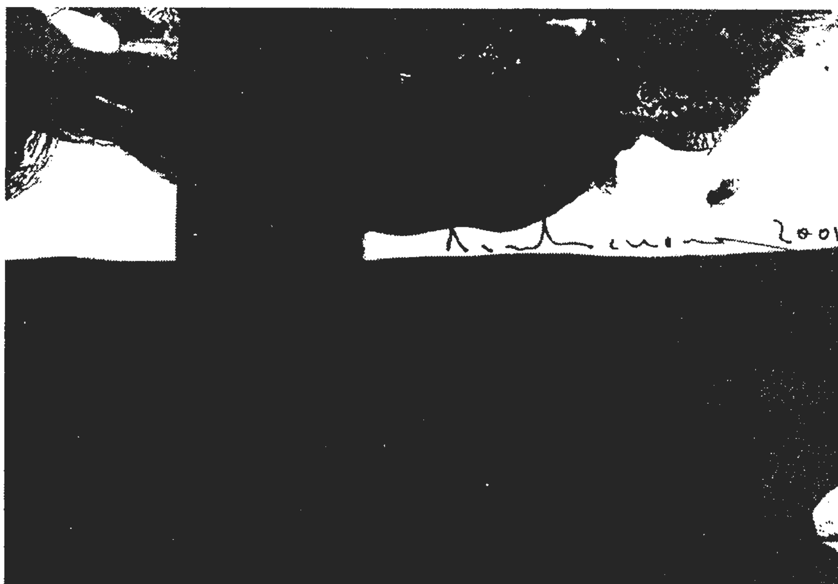
Cành hồng lăn vào gầm ghế hồng ơi sáng hôm nay đỏ đến vậy
Đỏ như là em lấy từ tay ai ?

Trên xa lộ chiếc xe van phía trước mất thăng bằng lật ngiêng
ném người tài xế bay lên lề đường.
Em cũng bay đi như cánh diều tuổi nhỏ anh thả trên em một cánh
đồng mới gặt.
Em kịp thấy cánh bướm nâu đậu đáp xuống đời em cong một
vành cong.

Bên kia vòng trái đất trong buổi họp trán anh hằn sâu những vạch
những cánh tay bạch tuột lý tưởng chính nghĩa đồng bào lợi danh
phù phiếm quấn xiết. Thủy triều dâng. Anh nâng khuôn mặt em
lên ôi một vầng trăng xa bạn bè chúng ta nuôi chí lớn.

Cơn mưa rào bay đi. Nước đọng trên hàng cọ đổ xuống dáng tay
rẽ hình nan quạt dọc mười ngón tay em mầm sống đầu nguồn
lặng lẽ anh.
Hay tình yêu có lẽ bắt đầu ?
Em cất mưa vào mắt.

TRỊNH THANH THỦY





LÊ HÙNG VỌNG
người xứ đoài

*Tặng **D.***

I. Tại sao chàng sinh viên bị chém ?

Năm hai mươi mốt tuổi, khi cuộc sống bình thường của tôi đang trôi êm ả như một cỗ xe ngon trớn trên con đường bằng phẳng không có ổ gà, bất chợt một biến cố xảy đến làm thay đổi cả. Việc ấy đối với tôi quả là ghê gớm, nó làm xoay chuyển cả dòng chảy của cuộc đời, nên tôi gọi nó là *biến cố*. Cha mẹ tôi ít học, không dùng được từ ấy, bèn gọi nó là *tai nạn*. Theo ông bố tôi thì tôi bị tai nạn là phải thôi, vì năm ấy tôi bị "hạn" rất nặng, gặp phải sao La hầu chiếu mệnh. Cũng theo lời cha tôi nói về sau này, cho dẫu năng lực trí tuệ có phần nhỉnh hơn những công dân bình thường khác chút đỉnh, đường công danh của tôi, xét theo ngạch trật và bằng cấp, chiếu theo lá số tử vi mà cha tôi đã âm thầm xin được ở một vị thầy tướng số lừng danh,

chẳng hề suôn sẻ.

Có nghĩa là con đường học vấn của tôi thế nào rồi cũng trắc trở.

Lá số tử vi ấy, mãi đến năm 1976, tức là khi tôi đang học năm cuối cùng ở trừng đại học, mới thấy ứng nghiệm.

Nếu chỉ xét riêng mấy năm ở đại học, tôi cũng đã thấy cái sự học của mình nó quá chông chênh. Hai năm đầu tôi là sinh viên của chế độ cũ. Đến năm thứ ba tôi mới được nhà trường xã hội chủ nghĩa gia công thêm để có thể trở thành một con người mới. Thế cho nên vào những giờ học tập chính trị dạo ấy, tôi cứ luôn luôn ở trong trạng thái nhấp nhõm, cứ e rằng với cái quá trình đào tạo đầu Ngô mình Sở, giỏi lắm tôi cũng chỉ được chứng nhận là con-người-mới-một-nửa.

Nỗi dằn vặt ấy đã tăng vọt một cách đột biến, rồi trở thành một nỗi kinh hoàng khi tôi dại dột đem nó ra thổ lộ với một ông chú có tư cách cực kỳ đứng đắn vừa mới hồi hương sau hơn hai mươi năm xa cách. Tôi không nhớ rõ nguyên văn câu hỏi mà tôi đã đặt ra, vì lúc ấy tôi đang phấp phỏng một cảm giác vừa lo sợ vừa xấu hỗ. Đại khái tôi đã lễ phép hỏi ông chú đứng đắn rằng liệu sau khi hoàn tất học trình bốn năm, có thế nào tôi và những đứa bạn cùng lứa được liệt vào hàng ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa được không.

Ông chú nghiêm túc chẳng trả lời ngay, bao giờ ông cũng lấy sự thận trọng làm đầu, mà lừ mắt nhìn tôi suốt lượt từ đầu đến chân rồi mới hất hàm hỏi:- Học gì?. Tôi ấp úng trong cái cảm giác của một thằng ăn cắp bị bắt quả tang,

- Dạ...học ngoại ngữ"

Ông chú bèn gật gù:

- À, à...tức là tiếng nước ngoài chứ gì ?...Nó thuộc phạm trù khoa học xã hội.

Nói đến đây ông cười khẩy:

- Cái anh khoa học xã hội này là chúa rắc rối: hay cãi cọ, biện bác, đặt vấn đề lung tung. Rồi sực nhớ ra, ông quay nhìn tôi.

- Cụ thể học tiếng nước nào ? môn gì?

Tôi lại e ngại đáp:

- Dạ... Văn chương Anh Mỹ.

Lập tức ông chú đứng đắn chứng tỏ lập trường giai cấp:

- Ái chà chà, các anh học thứ tiếng đế quốc ấy cơ à?...Trí thức gì loại ấy...

Những sự kiện dồn dập như thế làm cho tôi lo sợ đến thẩn thờ. Tôi đi như người mất hồn. Cho đến một hôm sau giờ học chính trị ở giảng đường lớn trên tầng ba, lúc ra về tôi đã hụt chân ngã ngay ở cầu thang. Cú ngã làm đầu tôi đập mạnh vào bậc tam cấp trước khi lăn mấy

vòng rồi mê man bất tỉnh. Mọi chuyện xảy ra chỉ có thế...

Sau đó tôi đã trở thành một con người hoàn toàn khác. Tôi được giải tỏa tất cả những mặc cảm tự ti về một điều gì đó rất mơ hồ. Những nỗi lo sợ vẩn vơ cũng không còn tồn tại trong đầu tôi nữa. Chứng chấn thương sọ não đã quét đi tất cả...

Tỉnh lại, tôi nhìn quanh và thấy mọi sự hóa ra vui nhộn một cách không phân tích được. Hình như mọi vật đều mang vẻ hoạt kê ấy. Cái bàn, chiếc tủ cũng đang trợn mắt, ngoạc miệng trêu đùa tôi. Tóm lại là mọi việc chung quanh tôi đều mang một dáng vẻ mặt sưng mày sỉa rất buồn cười. Và tôi cười . Vâng, thì tôi cứ cười suốt ngày như thế.

Vậy là giữa năm hai mươi mốt tuổi, tôi đoạn tuyệt được với sự nghiệp sách vở, đúng y như lá số tử vi mà ông thầy tướng số lừng danh đã chọn.

Cha tôi, người đàn ông với một tâm hồn sở dĩ trở thành cứng cỏi là nhờ niềm tin vô lý vào số phận, cũng phải lấy làm đau khổ khi nhìn cậu con trai một của ông lang thang trên đường phố, nhìn một trăm vị khách qua đường với những gương mặt méo mó, và cười đúng một trăm lần.

Ông bố muốn số lần cười của tôi phải ít và đúng lúc hơn, nên đành gạt nước mắt gửi tôi vào bệnh viện.

Vâng, thì đây là nơi vui nhộn nhất trên thế gian này rồi. Cả hàng mấy chục con người mặc đồng phục trắng đón chào tôi như đón chào một vị tướng quân. Họ ngoạc miệng ra cười với tôi và làm đủ trò. Có người nhảy múa, có người diễn thuyết. Có người móc chân lên cửa sổ chúi đầu xuống đất kéo đàn vi ô lông...

Ở đó mọi người cùng cười với tôi và tôi thấy yên ổn hơn.

Trong phạm vi bốn bức tường quét vôi trắng, tôi cũng cảm thấy tự do hơn. Tôi chẳng còn phải nghe những mệnh lệnh, cũng chẳng phải trông thấy những khuôn mặt người với những hàng lông mày trợn dọc, ậm ọe hò hét những nguyên tắc, qui luật nhằm điều chỉnh hoặc cấm cản một thứ công việc quỹ quái gì đó.

Tóm lại ở đây ai ưa làm gì, xin cứ việc. Bệnh nhân A - trước đây có lẽ là bộ độ tình nguyện - cứ việc thực thi chức trách của đồng chí Bộ trưởng Quốc phòng. Bệnh nhân B - tôi đoán trước kia là huấn luyện viên thể dục thẩm mỹ - cứ việc cởi quần dài quần đùi cột vào cổ để tiện trồng cây chuối ở giữa sân một cách thoải mái. Còn bệnh nhân thằng tôi, nguyên sinh viên khối khoa học xã hội, có quyền cười cho đến khi nào mỏi nhừ, tê cứng cả quai hàm...

Thế giới ấy với tôi lúc bấy giờ như một con thuyền lớn giữa dòng mà bến bờ ở đâu tôi chẳng rõ. Chỉ có riêng mình cái cảm giác

thuận buồm xuôi gió. Không hề tròng trành nghiêng ngữa giữa hai bờ hạnh phúc và khổ ải.

Thế rồi ở đó tôi biết được một con người. Thật ra trong số những khuôn mặt méo mó xuất hiện hằng ngày giữa khoảng sân khu bệnh viện, khuôn mặt của con người ấy tôi cứ ngờ ngợ là đã gặp ở đâu. Nhưng tài thánh gì mà tôi có thể nhận ra chân dung một con người khi chính tôi còn chẳng nhận ra tôi. Nhưng tôi vẫn cứ quả quyết về điều ấy, rằng cái khuôn mặt ấy tôi đã từng gặp. Thôi cũng đành chấp nhận cái khoảng sân khu bệnh viện tâm thần này làm điểm gặp thứ hai vậy.

Gã tên gì tôi không rõ. Chỉ nhớ rằng khi trông thấy cái khuôn mặt méo xệch của gã với cặp mắt lừ lừ nhìn tôi - lúc ấy đang ngồi trên chiếc ghế đá dưới gốc cây - là tôi đã không thể ngăn được một tiếng cười cố hữu. Gã vẫn tiếp tục nhìn lừ lừ vào khuôn mặt với nụ cười của tôi. Rồi gã tiến sát tôi hơn. Đến khi khuôn mặt méo mó của gã chỉ còn cách cái miệng đang ngoạc ra cười của tôi một khoảng cách độ hai gang tay, thì đột ngột gã ngừng sự tiếp cận. Đột ngột gã trợn mắt, phùng má gào vào mặt tôi , "*To be or not to be* (?)" [1].

Cho rằng ấy là gã chào tôi, nên tôi kính cẩn nghiêng mình chào lại: "*Mea culpa!*"[2] .

Sau phép xã giao của giai cấp quí tộc, gã ngồi xuống bên tôi trên cùng chiếc ghế đá. Chúng tôi bắt đầu trao đổi, luận bàn về chuyện thế sự, văn chương và những lãnh vực hết sức uyên bác. Gã nói hùng hồn, tôi cũng chẳng kém phần hùng biện. Chẳng ai nhìn ai, cứ hể gã nói xong là đến phiên tôi. Gã bắt đầu: "*Hằng năm cứ vào cuối thu lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường. Tôi làm sao quên được những cảm giác trong sáng ấy.. .*"[3]. Đến chỗ chấm câu, gã vừa nghỉ lấy hơi là tôi đáp lời ngay: "*Thân thể người ta có ba phần: đầu, mình và tứ chi. Đầu ở trên cao, chỉ huy mọi hoạt động của tay chân, còn gọi là thủ ...*"

Đại khái, chúng tôi kết thân với nhau qua những buổi đàm đạo văn chương với những đề tài uyên bác như thế. Về sau căn cứ vào chiếc quần được buộc túm bằng dây thun ngang nửa ống chân, chiếc mũ phớt cắm hai cái lông đuôi của một con gà trống bất hạnh, và thanh kiếm gỗ mà gã đeo lúc lắc bên hông, tôi kính cẩn gọi tên gã là Hâm Liệt[4] .

Trong chiếc thuyền Nô-ê bốn bề tường vôi trắng xoá, dập dềnh một thứ tình cảm hỗ lốn không ai hiểu được giữa hai kẻ đồng bệnh là tôi và gã Hâm Liệt ấy. Phải nói rằng những buổi đàm đạo văn chương đã tạo ra mối liên hệ thân thiết giữa tôi và gã.

Nhưng rồi đâu có hay rằng cũng chỉ tại vì chuyện văn chương, vì một câu thơ ngớ ngẩn của tôi mà gã đã nổi trận lôi đình. Và trời ơi! Gã đã chém như muốn bổ đôi tôi ra bằng thanh kiếm của gã.

Như thường lệ, câu chuyện của tôi và gã bắt đầu vào buổi sáng, trên chiếc ghế đá ấy. Hôm ấy gã nai nịt thật gọn gàng và đến bên tôi nhẹ nhàng như một cánh bướm. Gã vỗ vai tôi một cách trịch thượng rồi bắt đầu ngâm ngợi:

Though nothing can bring back
The hours of splendors in the grass, glory in the flowers
We will grieve not
Rather find strength in what behind ...[5]

Gã Hâm Liệt vừa dứt câu là tôi đã tiếp lời, tôi đã có ngay bản dịch của khổ thơ trên. Đời nào tôi chịu thua kém gã. Tôi cũng cất giọng ngân nga đọc, à không, ngâm đàng hoàng chứ.

Vầng trán em vương trời quê hương.
Mắt em dìu dịu buồn Tây phương ...

Giọng tôi ngân nga nhè nhẹ. Gã Hâm Liệt ngã người trên ghế, lim dim đôi mắt thưởng thức tài nghệ dịch thuật thơ ca của tôi.

Tôi thấy xứ Đoài mây trắng lắm...[6].

Tôi còn đang "hơ...hơ ..." đưa giọng sau câu thứ ba này thì gã Hâm Liệt đã nhảy bật lên. Gã đứng ngay trước mặt tôi, mắt ánh lên tia nhìn giận dữ. Một tay gã chống nạnh vào chỗ đàng chuôi kiếm. Tay kia gã chỉ vào mặt tôi, giọng sang sảng: " Hả...? Xứ Đoài hả? Xứ Đoài ở đâu? Ở đâu nói ngay". Tôi phát hoảng trước thái độ hung dữ của gã. Trước tới giờ có khi nào gã lên cơn lạ lùng như thế đâu. Tôi chưa kịp nói năng gì thì gã đã quát:

- Xứ Đoài đâu?. Chỉ cho ta xem ...

Rồi ra chừng khám phá điều không trung thực của tôi, gã chỉ tay vào mặt tôi, gằn giọng:

- À, thằng này dám phạm thượng. Mày dám lừa ta hả? Ta cho mày chết.

Vừa dứt lời, gã lôi tuột thanh kiếm ra. Đưa thanh kiếm lên bằng cả hai tay, gã nghiến răng trợn mắt. Rồi lấy hết sức lực, gã bổ dọc thanh kiếm vào giữa đỉnh đầu của tôi.

Thao tác xử trảm của gã cực kỳ nhanh nhẹn. Tôi không kịp né tránh, chỉ nghe một tiếng "cốp" lộng óc. Trước mắt tôi tóe ra ba vạn tám ngàn ông sao...

Thanh kiếm của Hâm Liệt kém xa thanh kiếm Hạp Lư, không làm tròn nhiệm vụ. Nó gãy tận chuôi, rớt nằm buồn tênh trên ghế đá.

Tôi ôm lấy cục u tóe máu giữa đỉnh đầu rên rỉ. Gã Hâm Liệt sững

sờ trong chốc lát rồi cũng đành buông chuôi kiếm, ngồi xuống ghế đá bưng mặt khóc ...

Sau đó cả hai chúng tôi vụt bừng tỉnh. Riêng tôi cảm thấy như có ai vừa dựng dậy trong mình cái ký ức mịt mù lau lách mà tôi những tưởng đã xóa mờ hết từ sau biến cố ở cầu thang trường đại học. Và trong mớ ký ức vừa mới gượng dậy, còn mờ mịt và rối rắm kia, thấp thoáng một bóng người. Tôi bị buộc phải nhìn nhận với chính tôi rằng cái khuôn mặt méo mó của gã Hâm Liệt ấy, trước đây tôi đã có ít ra là một lần gặp gỡ.

Ừ thì thôi, cứ xem như đây là lần thứ hai tôi gặp gã trong cuộc đời này vậy, có sao đâu. Như hai đường thẳng bất kỳ có hai điểm gặp nhau trong không gian vô cùng tận. Có sao đâu. Không ảnh hưởng chi đến hòa bình thế giới...

Nhưng tôi hoàn toàn không rõ rồi ra giữa tôi và gã Hâm Liệt ấy, ai là kẻ mang ơn, ai là người cứu rỗi. Gã phải chịu ơn câu thơ ngớ ngẩn của tôi như chịu ơn một liều thuốc mạnh kích thích cái trung khu thần kinh đã hầu như tê liệt, để cho gã tỉnh mộng đi tìm người đẹp. Hay chính tôi phải chịu ơn cú chém bổ dọc của thanh kiếm gỗ Hạp Lư vào chính giữa đỉnh đầu đã làm tôi lai tỉnh.

Có lúc tôi ngỡ rằng sự hoài nghi này chẳng qua là một thứ ảo giác tạo ra từ một chứng quáng sắc. Nhưng rồi không phải thế. Gã Hâm Liệt và cả tôi đây nữa đều không thiếu vitamin A đến nỗi mắc chứng mù màu. Như thế hóa ra trong sự trôi nổi dập dềnh của cái thứ cảm giác tồn tại ở những con người sống trong trạng thái nửa mê nửa tỉnh, nửa thực nửa hư, cũng đã có sự nhập nhằng.

Bề nào thì sau hôm ấy cả gã Hâm Liệt và tôi đều đã lai tỉnh. Nhưng có lẽ gã tỉnh táo hơn tôi. Gã đủ tỉnh táo đến mức có thể kể cho tôi nghe hết về chuyện tình của gã. Rồi sau đó không chịu báo trước cho tôi hay, gã đột ngột bỏ trốn bệnh viện, ra đi theo hướng đời của gã.

Nhưng thôi, hãy để yên gã Hâm Liệt với Xứ Đoài của gã. Hãy để tôi kể tiếp câu chuyện đời.

II. Lý do gì khiến Hâm Liệt phải vào bệnh viện tâm thần?

Trước kia gã Hâm Liệt này đã từng có một thời oanh liệt ở tận nước Anh xa xôi. Vốn xuất thân từ một gia đình ở nông thôn, sau khi đậu hạng ưu trong kỳ thi tú tài hai, gã nhận học bổng của Nữ hoàng Anh và sang nước người du học. Sau sáu bảy năm gì đó làm kẻ tha

hương, gã đã nổi đình nổi đám ở trường đại học Oxford. Đang chuẩn bị luận án tiến sĩ văn chương với đề tài "Dấu ấn của Shakespeare trên nền văn minh châu Á", thì đột ngột gã đổi tính. Không phải thời tiết xứ Luân Đôn có ảnh hưởng chi đến tâm tính gã. Cũng chẳng phải ở tại quê nhà mồ mả tổ tiên ông bà của gã có điều chi bất trắc. Gã Hâm Liệt quyết định bỏ ngang công việc đệ trình luận án và lập tức xin hồi hương, ấy là vì tiếng gọi của Hội Đồng Hương đã làm cho gã bất chợt quay quắt nhớ đến lũy tre làng. (Tôi thì cho rằng gã làm như thế là tại vì đến lúc ấy gã mới phát hiện được rằng những năm ở nước Anh chỉ làm gã tăng trọng được gần chục ký lô, trong lúc chiều cao của gã thì vẫn đứng sững ở một mét năm mươi lăm)...

Dẫu sao đi nữa thì gã cũng đã hớn hở xách va ly lên tàu trước những cặp mắt ngạc nhiên vừa thán phục của bọn cảnh sát Scotland Yard.

Đất nước được giải phóng, gã Hâm Liệt cảm thấy như được mọc cánh, bay cao. Gã hòa mình vào cái đám đông hàng vạn người đang rùng rùng chuyển động...

Nhưng rồi một hôm gã bỗng nhận thấy rằng hình như người ta không mời gã tham dự một buổi họp gì đó. Họ quên gã rồi chăng ? Gã tự hỏi. Một lần, hai lần. Đến lần thứ ba thì không tìm thấy tên mình trên bảng phân công giảng dạy ở trường đại học nơi gã đã làm việc từ khi trở lại quê hương, thì trong lòng gã bỗng đâu trào lên một nỗi xót xa.

Thôi rồi, gã hiểu ra rồi...

Một tuần sau đó người ta không còn thấy bóng dáng của gã Hâm Liệt với cặp kính dày cộp lấp lánh ánh mặt trời trong khuôn viên trường đại học ấy nữa.

Bản chất nông dân cá thể cọng với tính kiêu kỳ tiểu tư sản dã lái cuộc đời gã vào một hướng đi chẳng hứa hẹn gì tươi đẹp.

Gã bỏ trường đại học, bỏ cả thành phố cổ kính, để quay về với cái làng quê đã nuôi gã một thuở thiếu thời.

Buổi sáng tháng chạp miền Trung trời lạnh. Đã nửa buổi mà người cha của gã còn ngồi nán lại bên ấm trà, chưa muốn ra đồng. Gã Hâm Liệt đang nằm trên giường bỗng tung mền ngồi dậy. Đến bên cha trên bộ phản, gã lên tiếng:

- Cha già rồi. Để tui ra đồng thay cha.

Ông bố vẫn nhìn ra sân, chậm rãi đáp:

- Ruộng nhà có ba mẫu, là tài sản do ông cố mi để lại. Nay bỏ vô hợp tác cả rồi... Mi sức nghỉn không được bao lăm, trộm cắp mánh mung chưa rành, thì làm răng mà làm hợp tác cho được...Thôi! Không

làm cách mạng được thì ở yên đó, hai vợ chồng già ni đi làm về nuôi.

Gã Hâm Liệt không cãi nổi ông già, nhảy lên giường trùm mền lại.

Một tuần sau gã lại đến bên người cha:

- Cha, cái rẫy còn không?

Ông già chậm rãi đáp:

- Rẫy thì còn nhưng chỉ trồng được khoai sắn. Đất cứng, chó không thèm ỉa. Chắc chữ nghĩa của mi cũng không mọc lên được.

Hâm Liệt quả quyết:

- Tui làm được. Mai tui vô đó ở. Cha cho tui vay năm thúng lúa.

Ông già lại đáp chậm rãi, mặt tỉnh bơ,

- Tao xay cho mi mười thúng, cho hẳn.

Một mình gã Hâm Liệt vào ở trong rẫy thật. Khu rẫy nầy nguyên là một bãi đất hoang trên một ngọn đồi tiếp giáp với núi rừng Trường Sơn. Thời chiến tranh đây là khu giáp ranh. Từ đây đến khu dân cư đi bộ phải mất nửa ngày đường.

Làm xong túp lều, Hâm Liệt bỏ công chuyển cả gia tài của gã gồm mấy bộ áo quần, một cái giá đầy sách, một ít dụng cụ sản xuất do ông già chi viện cùng các thứ khác lên rẫy. Đúng nửa tháng sau, vẫn không thấy Hâm Liệt về thăm nhà, bà mẹ bèn sai đứa con gái mang ít thức ăn lên rẫy thăm anh. Cô em gái nhìn người anh chưa từng nặng nhọc đang ra sức bổ từng nhát cuốc, thương tình nói:

- Mạ nhắn anh dọn đồ về. Ở đây một mình vắng hươ vắng hoắc thế ni anh không sợ à?".

- Sợ chi? Ông anh trả lời.

- Ma chớ chi!.

Cô em vừa nói vừa chỉ tay qua khu đồi bên cạnh:

- Năm bảy ba, giao liên đưa hai cô sinh viên lên rừng, mới ngang qua đây thì lọt ổ phục kích. Mìn lê mo nổ rền trời...Chừ còn hai cái mả lùm lùm bên đồi bên tê.

Cô em nói xong rùng mình. Gã Hâm Liệt tỉnh bơ:

- Ma không đáng sợ. Nó không biết mánh mung, không ăn gian nói dối.

Hâm Liệt nói tiếp liền một hơi:

- Người sống mới dễ sợ. Người sống mới bày đặt thuyết lý dài dòng rồi ăn cướp của nhau, đâm chém nhau không thương tiếc.

Gã nói vậy rồi lại cầm đầu cuốc.

Cô em gái đặt mấy gói thức ăn trên bàn ghép bằng mấy thanh tre rồi tính chuyện ra về. Khi cô cắp nón ra khỏi lều, ông anh Hâm Liệt ngẩng đầu nói với theo, "Lần sau có vô mua giúp tao dăm

thẻ hương với mấy lít dầu lửa". Cô em gái thắc mắc, dầu lửa thì dùng chong đèn đọc sách, còn mấy thẻ hương không biết ông dùng làm chi.

Sống trong căn lều xa xôi như một hoang đảo ấy gã Hâm Liệt lấy làm thú vị. Chẳng bị ai quấy rầy cả.

Nhưng rồi một đêm vào lúc nửa khuya gã bỗng có cảm giác rằng có kẻ lạ đã đột nhập vào nhà. Trong trạng thái mơ mơ màng màng, gã cố mở mắt ra nhìn khi cái đầu của gã vẫn còn gối lên trang sách để trên bàn. Gã thấy rõ ràng một cô gái tóc xõa, mặt trắng, từ sau kệ sách của gã tha thướt bước ra. Gã cố trấn tỉnh để nhìn cho rõ. Đúng là phụ nữ, mình hạt xương mai thế kia. Lại có cả mùi hương. Điều này khẳng định thêm cho gã rằng mắt gã đã nhìn rất chính xác.

Hâm Liệt trân trân nhìn vị khách lạ. Cái nhìn của gã vừa có vẻ thăm dò vừa mang vẻ chiêm ngưỡng. Người thiều nữ đứng cách gã đâu có mấy sải tay. Cô nàng cúi đầu mân mê tà áo, chốc chốc mới dám ngước lên nhìn.

Thời gian cứ thế mà trôi. Gã Hâm Liệt không thể mở miệng nói một câu nào. Mãi sau cô thiếu nữ phải lên tiếng trước:

- Chàng không nhận ra em à?

Lúc ấy Hâm Liệt mới thấy oán giận cái trí nhớ tồi tệ của mình. Gã đã nhận ra ở người thiếu nữ một dáng dấp quen thuộc. Gã ấp úng :

- Có...Nhưng tôi lấy làm tiếc...

- Ôi! anh thật là kẻ bạc tình .

Sau khi đã nhận ra nhau và trở thành quen thuộc. Hai người bắt đầu đàm đạo văn chương. Đúng ngón sở trường, Hâm Liệt thao thao bất tuyệt. Gã nói đủ chuyện đời xưa đời nay. Cô gái dè dặt, ít nói hơn. Nhưng ý kiến của nàng về mỗi vấn đề mới chính xác và sâu sắc biết bao. Gã Hâm Liệt phải khâm phục cái kiến thức uyên bác của người bạn mới. Gã thầm đánh giá rằng cô gái ấy phải xuất thân từ một gia đình uyên thâm và nề nếp. Thế cho nên gã sực nhớ đến phép lịch sự, vội cáo xuống bếp đun nước pha trà đãi khách. Buồn thay, khi gã bưng trà lên thì khách đã rút lui từ lúc nào. Hâm Liệt cảm thấy tiếc nuối. Gã bèn đứng yên hít lấy hít để cái mùi hương mà cô gái còn để lại thoang thoảng trong túp lều tranh.

Về sau, do ngưỡng mộ người đẹp, Hâm Liệt đã cố lục lọi trong trí nhớ, ghi lại tất cả những gì cô gái đã trao đổi với gã tối hôm đó.

Rồi lại đến một đêm khi nỗi mong chờ người đẹp chỉ còn là niềm hy vọng mong manh, khi cánh cửa túp lều được gã Hâm Liệt mở toang mỗi đêm chỉ để đón những cơn gió rừng lạnh lẽo, gã vừa mới thiêm thiếp trên giường thì người đẹp lại đến. Nàng đến thật nhẹ

nhàng. Chỉ nhoáng một cái bỗng thấy người thiếu nữ tóc xõa, mặt trắng từ sau kệ sách bước ra. Nỗi nhớ nhung làm cho gã hâm Liệt muốn vùng ngay dậy chào hỏi người xưa cho thỏa lòng. Nhưng chân tay gã đàn ông hầu như bất lực, chúng cứng đờ và nặng tựa như đeo đá, không thể nào cựa quậy được. Cả cái miệng của gã cũng cứng đờ. Bao nhiêu lời hay ý đẹp bấy lâu ấp ủ bây giờ gã không thể nào diễn tả được. Chỉ còn lại duy nhất trên khuôn mặt gã một cái nhìn đắm đuối lặng câm...

Hình như người đẹp đã hiểu lòng gã, nên nàng cũng nhìn gã một cách trìu mến. Rồi nàng nói lời tạ lỗi:

- Bấy lâu bận kế sinh nhai, không lui tới thăm viếng, mong chàng bỏ lỗi.

Gã Hâm Liệt cảm thấy như mở cờ trong bụng, bèn vồn vã: "Nàng đi biệt, ta thương nhớ xiết bao..."

Như thế là tất lòng đã cởi. Phút chốc mà hai tâm hồn đã trở thành cố tri. Nàng ngồi xuống bên cạnh gã Hâm Liệt để cùng gã đàm đạo văn chương kim cổ. Hâm Liệt cảm thấy choáng ngợp trước vẻ đẹp của tâm hồn nàng. Và mùi hương từ cơ thể nàng cũng làm gã ngây ngất.

Bỗng đâu một ngọn gió lùa vào thổi tắt ngọn đèn dầu leo lét. Quên hết ngại ngùng. Gã Hâm liệt quờ tay tìm bàn tay mát lạnh của người đẹp. Người con gái ngại ngùng, run rẩy. Sau đó nàng bạo dạn hơn, vụt ôm ghì lấy gã, rồi phủ cả cơ thể non tơ của mình trên thân thể người đàn ông...

Phút chốc gã Hâm Liệt cảm thấy như thể người đẹp đang dìu chàng lên cao, cao nữa...Gã đê mê chẳng còn hay biết trời trăng gì nữa...

Đến khi trời sáng rực, gã Hâm Liệt tỉnh dậy thì người đẹp lại đã ra đi. Vụt nhớ lại cảm giác của đêm hôm trước, gã đưa tay sờ soạng. Giấc mơ đêm qua đã làm cho gã ướt sũng cả nửa con người.

Sau đó đêm nào người đẹp cũng đến cùng gã. Mỗi đêm họ lại nói chuyện văn chương và rồi gã Hâm Liệt lại có cảm giác cùng nàng lên cõi tiên.

Nhưng rồi một hôm gã Hâm Liệt bỗng cảm thấy rụng rời cả tay chân khi người đẹp vừa khóc vừa báo tin cho gã hay rằng cuộc tình của họ sắp tan vỡ. Nàng nói trong tiếng khóc:

- Thiếp sắp phải xa chàng. Người ta sắp sửa phá nhà thiếp, đuổi thiếp đi nơi khác.

Hâm Liệt khi ấy mới gầm lên:

- Ai? Ai phá nhà nàng? Ai làm cho đôi ta tan đàn sẻ nghé?.

Người đẹp thổn thức:

- Thôi! Chàng biết mà làm chi. Sức lực chàng non kém, làm sao cứu thiếp nổi...Thôi! tạm biệt chàng! Thiếp xin đi.

Trước nỗi chia lìa, gã Hâm Liệt mới sực nhớ một điều hệ trọng, gã vội vàng níu áo người đẹp:

- Hãy khoan! Nàng chưa nói cho ta rõ quê quán nàng ở đâu, để mai này ta còn tìm kiếm.

Người thiếu nữ mặt trắng chẳng nói chẳng rằng, vừa khóc vừa gỡ tay gã.

Ngoài kia sao khuya đã mọc, gà rừng eo óc gáy. Thoắt một cái người đẹp đã vuột khỏi tay gã Hâm Liệt rồi bước đi như bay ra khỏi cửa. Hâm Liệt chỉ còn nghe tiếng nàng nói vọng lại, khẽ khàng như tiếng gió lay mấy cây bạch đàn sau nhà, "Xứ Đoài... tận Xứ Đoài ...Xa lắm... làm sao chàng tới được !".

Mấy hôm sau thì gã Hâm Liệt trở bệnh. Trông gã bấy giờ khác lắm: thân hình gầy nhom, hai gò má nhô cao trên hai hốc mắt trõm lơ. Chứng mộng tinh trong mấy tháng liền còn để lại cho gã một làn da xanh tái của người mất máu. Giờ đây gã chỉ còn là một cái xác chết biết đi, còn màng chi đến việc cuốc cày nương rẫy.

Suốt ngày gã vác cái mặt thất thần ấy đi lang thang từ đồi này sang đồi khác, vừa đi vừa lảm nhảm nói một mình.

Nhưng đáng ra bệnh tình của gã Hâm Liệt không trầm trọng đến mức ấy nếu gã không bị thêm một cú sốc chí mạng. Người ta bắt đầu sinh nghi về hành tung của gã. Điều nghi ngờ ấy của những người có chức trách về trật tự trị an cũng có cơ sở của nó. Làng trên xã dưới, mà có lẽ khắp cả huyện nữa, chưa thấy ai có cuộc sống kỳ dị như gã Hâm Liệt này. Cho nên có một hôm, cả khu đồi hoang bỗng rầm rập bước chân. Công an, xã đội và cả một vài viên chức ở huyện đã bất thần ập đến kiểm tra nhà Hâm Liệt.

Cuộc lục soát được tiến hành trong khoảng thời gian hai tiếng rưỡi đồng hồ. Kết quả, theo như tờ biên bản do tay ủy viên thư ký xã ghi lại, nhà gã Hâm Liệt không chứa vũ khí, không có tài liệu chống phá cách mạng, nhưng "đương sự" - tức gã Hâm Liệt - đã phạm tội tàng trữ sách báo đồi trụy, phản động.

Sau khi hội ý khẩn cấp, đoàn kiểm tra đã quyết định "tạm giữ" toàn bộ sách báo phản động đồi trụy in bằng tiếng nước ngoài, trong đó có cả bộ Bách Khoa Toàn Thư. Số sách này được cho vào bao bố và được sáu người dân quân vận chuyển về huyện, để ở đó có các chuyên viên nghiên cứu, xác minh lại.

Còn gã Hâm Liệt, do tình trạng sức khỏe không bình thường, được chiếu cố cho ở nhà điều trị.

Sau đó hai tuần thì gã Hâm Liệt được hai ông bà già xốc nách, áp giải vô bệnh viện tâm thần.

III. Để thay lời kết

Trên đây là toàn bộ câu chuyện mà mới gần đây tác giả đã nghe một thanh niên trạc hơn ba mươi tuổi kể lại trong một quán cà phê gần một ngã tư. Nhưng cách đây một năm tám tháng, tại một quán nước đông khách ở một thành phố phía nam cách nơi này hơn nghìn cây số, cũng chính tác giả đã tình cờ nghe kể câu chuyện này với sự trùng lặp từng câu từng chữ. Người kể chuyện cũng chính là người thanh niên này, với thái độ dáo dác, luôn luôn nhìn ra đường, như tìm kiếm một khuôn mặt nào đó.

Nhận thấy câu chuyện kể cũng ly kỳ, hấp dẫn, tác giả bèn ghi lại với một ý định sẽ cắt bỏ vài chi tiết kém phần hiện thực, gia giảm chút đỉnh, rồi gởi về Sở Văn hóa Thông tin, đặng tham gia kỳ thi viết về đề tài chống mê tín dị đoan.

Chỉ có một điều không tiện ghi lại, ấy là sau khi kể xong, bao giờ người thanh niên cũng nhìn chằm chặp vào mặt người nghe rồi hỏi, "Có ai gặp Hâm Liệt đâu không? Gặp không? Làm ơn chỉ dùm tôi".

Theo suy nghĩ của tác giả, như thế là từ khi ra khỏi bệnh viện tâm thần cho đến nay, sau khi đã đi từ nam ra bắc, người thanh niên kia vẫn chưa tìm ra được anh bạn đời Hâm Liệt.

Có một điều mà tác giả cảm thấy khó tin, cho dầu đã cố thuyết phục bản thân mình rất nhiều lần. Ấy là nghe đâu anh thanh niên còn chịu khó tốn cả tiền đăng báo, trên mục "Tìm Người", rằng anh ta sẽ "*Suốt đời nhớ ơn và xin HẬU TẠ cho người nào giúp tôi tìm được gã đàn ông chiều cao vào khoảng một mét năm mươi lăm, mặc quần cột dây thun ngang nửa ống chân và đội cái mũ phớt phất phơ hai chiếc lông gà*".

LÊ HÙNG VỌNG

---

1 *Câu nói nhân vật Hamlet trong vở kịch cùng tên của Shakespeare. Nghĩa: " Tồn tại hay không tồn tại (?)"*

2 *Tiếng la tinh, nghĩa : "Lỗi tại tôi !"*

3 *Thanh Tịnh (Quê mẹ)- Giảng văn lớp 6.*

4 *phiên âm của chữ Hamlet, nhân vật chính trong vở kịch "Hamlet" của Shakespeare.*

5 *Thơ của William Wordsworth (1770-1850), nhà thơ Anh.*

6 *Thơ Quang Dũng.*



NGUYỄN ĐỨC TÙNG
tha lỗi cho anh

Bởi vì Trịnh Công Sơn vừa chết sáng nay ở Việt Nam
Bởi vì anh nghe nói rằng những tài hoa thì bất tử
Nhưng bất tử nghĩa là không chết được

Bởi vì một sáng mùa thu năm 75 những đóa hải đường đỏ rực trước hiên nhà một chú bé đứng từ xa vẫn nhìn thấy đường chỉ tay rất dài trên lòng bàn tay người nhạc sĩ mà chưa bao giờ thấy mặt ông từ bên trái hay từ bên phải
Và anh đã quyết định như vậy về sau

Bởi vì theo thống kê những cặp tình nhân về sau sẽ không còn cầm tay nhau trong lần đầu hò hẹn
Mà họ sẽ hôn nhau
Bởi vì theo thống kê những cặp tình nhân về sau sẽ không còn hôn nhau trong lần đầu đầu gặp gỡ
Mà họ sẽ làm tình
Mà thôi
Bởi vì đất mẹ là nơi chúng ta sinh ra lớn lên và lìa xa mãi mãi
Chúng ta lìa xa mãi mãi nhưng sẽ có ngày quay lại
Bởi vì chúng ta có ngày quay lại rồi cũng sẽ ra đi

Bởi vì anh muốn băng qua cánh rừng vàng trong giấc ngủ của em đặt một nhành lan lên gối đánh thức em trao cho em chiếc chìa khóa căn nhà chúng ta giữa rừng trong một giấc mơ khác

Bởi vì em đã khóc ngày xưa trong lớp học khi cô giáo hỏi em từ đâu tới bởi vì những người phụ nữ tóc vàng khỏa thân trên sàn nhảy đẹp hơn em không làm anh rung động

Bởi vì trên vịnh Thái Lan anh đã thấy một người đàn ông nhảy xuống biển vớt chiếc dép của con mình để lại một vệt máu loang từ xa trong ánh nắng chiều

Bởi vì những mẩu bánh mì em đã gặm giữa hai giờ học lúc đổi giảng đường mùa đông tuyết trắng

Bởi vì một ngày xa xưa anh đã từng ngỡ mình đang được yêu
nhưng hóa ra là tác dụng của *scotch on ice*
Bởi vì Bùi Giáng vừa mới chết hôm kia giữa những trưa hè
hưng cảm thanh xuân và món nợ của anh không còn ai trả
được

Bởi vì mỗi người đàn ông cần một người đàn bà mỗi người
đàn bà có khi chỉ cần một con chó nhỏ. Hoặc hai

Bởi vì sáng hôm nay trong thành phố một người đàn ông vừa
chia tay và đi lang thang với một tháng tiền rent trong túi một
chấm đen trên trái đất
Kéo nhân loại theo sau mình

Bởi vì những mối tình đau khổ của anh và những mối tình đau
khổ của em
Cộng lại

Bởi vì có một cái gì rất lạ rơi trong ngực anh như một đóa hải
đường vừa rụng xuống ở Việt Nam

Bởi vì sao chổi Halley đã quạt đuôi vào trái đất những mùa
màng đã mất những người đã chết nhưng không có ngai vàng
nào đổ như đã dự trù

Bởi vì sóng Thái Bình Dương vỗ ở bờ biển Vancouver thì lạnh
Bởi vì sóng Thái Bình Dương vỗ ở bờ biển California thì ấm
Bởi vì sóng Thái Bình Dương vỗ ở bờ biển Việt Nam thì ấm
hơn
Bởi vì Trịnh Công Sơn vừa bước xuống một sân ga lạ ở nơi
nào đó trên trái đất

Một nơi nào đó
Không phải Paris

Anh đã đến gõ cửa nhà em lúc ba giờ sáng.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG
April fool, 2001 (Tặng Ô Thước)





LÊ CẦN SƠN
bầy đà điểu không đầu
kịch vô tuyến một màn

CẢNH MỘT

Xướng Ngôn Viên *: Trong ánh sáng trắng lòa màu sữa, chiếu hắt vào tường quanh căn phòng vừa mới sơn lại. Một chiếc bàn hình bầu dục được kê sát bên tường đối diện cửa ra vào. Bốn chiếc ghế sắt, đan mây vừa tiếp nhận bốn người đàn ông trung niên từ ngoài bước vào. Họ thong thả ngồi xuống. Một trong bốn người mở cặp xách và phân phát ba người kia tập giấy rời, chi chít những sơ đồ và hàng chữ chú thích.*

Người thứ I : Các anh xem đi ! Kết quả không được như ý lắm. Ở-Trên không muốn chúng ta làm việc như mấy tuần vừa qua.

Người thứ II : Thì chỉ thị của Anh bảo sao; chúng tôi đều cố gắng làm như thế !

Người thứ I : Tôi có nói các Anh làm việc bê bối hay tắc trách đâu. Tôi chỉ nói là chúng ta nghiên cứu chương trình làm việc lại cho đúng chủ trương của cấp trên.

Người thứ III: Thật ra, chúng ta làm theo ý riêng chúng ta nhiều hơn là làm đúng theo chính sách .

Người thứ I : Anh nói làm theo ý chúng ta là như thế nào?

Người thứ III : Thì có gì đâu! Chúng ta vừa làm vừa cầu nguyện.

Người thứ IV : Gì mà vừa làm vừa cầu nguyện?

Người thứ III : Đây này. Tôi nói rõ ràng ra nhé? Công việc hiện tại của chúng ta là công việc tạm thời. Ngân sách thì bữa đực bữa cái; trong khi bọn đối nghịch cứ chạy chọt đầu này đầu nọ để mong dẹp cái chương trình hao tốn mà không gặt hái được kết quả cụ thể nào hết.

Người thứ I : Thì các anh biết vậy sao cứ nhảy vào mà than đau tim , nhức nhối đủ thứ !

Người thứ II : Có gì mà vững chắc như bàn thạch ở xứ này đâu! Ở-Trên còn lung lay huống chi thiên lôi như tụi mình!

Xướng ngôn viên : *Người thứ I có vẻ anh cả, tay chống cằm, mắt nhìn lên trần nhà, suy tư. Không hẹn. Chợt bốn người cùng vói tay dành lấy bình nước lọc. Và cũng không hẹn, bốn bàn tay đều rút nhanh về trong tích tắc để trơ bình nước lọc. Người thứ hai đứng dậy; đi vòng quanh để tìm một vật gì đó.*

Người thứ II : Thất nghiệp mấy năm cũng đâu có chết thằng Tây nào! Tiền đến tay thì cứ ...giữ! Có gì mà chính sách với không chính sách!

Người thứ III : Nói như vậy thì ta ở nhà ngậm ống vố làm thầy đời thì có an toàn hơn không?

Người thứ IV : Chả có gì an toàn với không an toàn. Có việc thì vợ con mừng. Mất việc thì vợ con cũng chẳng buồn.

Người thứ II : Đối tượng hiện tại là dư luận, là những người chúng ta không bao giờ thấy mặt.

Người thứ IV : Họ chết hết rồi, còn đâu mà thấy mặt họ nữa!. Họ là dư - luận - chết!

Người thứ II : Nhưng họ lúc nào cũng nằm trong trái tim ta!

Người thứ III : Khỏi sợ hão. Chúng ta không còn trái tim từ lâu.

Người thứ I : Tôi vừa tìm một chương trình thực tế. Đi ăn trưa cái đã, rồi sẽ về bàn tiếp .

***Xướng ngôn viên** : Ba người đồng đứng lên cùng bước nhanh ra cửa khi nghe báo giờ ăn trưa. Người thứ hai chợt tìm được cái gạt tàn thuốc. Hắn cầm lên, suy nghĩ. Chợt hắn lắc đầu để lại chỗ cũ. Tắt đèn phòng và đi nhanh ra cửa. Bóng ba người thấp thoáng bước vào buồng thang máy. Cửa chưa khép. Chờ đợi. Trong căn phòng họp trở thành màu xám âm lạnh. Bình nước lọc vẫn đứng trơ.*

CẢNH HAI

***Xướng Ngôn Viên** : Trong một quán ăn bình dân, thực khách vào buổi trưa khá đông. Mọi người đều có vẻ quen nhau. Nhưng họ chỉ gật đầu chào nhau lấy lệ. Rồi nhóm nào ngồi vào nhóm đấy.*

Người thứ II : Hình như chúng ta quên mang theo một thứ gì đó trước khi vào đây .
Người thứ III : Anh là người sau cùng rời khỏi phòng mà không nhớ thì ai nhớ.
Người thứ II : Chưa chắc người rời sau cùng phải nhớ hết mọi vật trong phòng. Chúng ta đang thiếu lòng tin .
Người thứ IV : Ôi, đủ hay thiếu thì tính sau. Lo cái bao tử trước đã.
Người thứ I : Đồng ý. Ăn trước nói chuyện sau. À, tôi cũng thấy thiêu thiếu cái gì trước khi vào đây!
Người thứ III : Lại anh nữa!

***Xướng ngôn viên** : Chợt bốn người đồng ngưng ngang buổi ăn, nhìn nhau. Họ bắt đầu cảm thấy không an toàn khi ngồi trong quán đông người quen như thế này. Bốn người cùng đảo mắt nhìn quang cảnh xung quanh. Họ nghe từng tiếng động của chén muỗng, đũa khua chạm vào nhau. Từng tiếng loạt xoạt của vài người vừa ăn vừa*

xem báo. Vài tiếng ho sặc của vài người không chịu mùi tiêu, ớt. Và sau cùng, họ cùng trả tiền và chào người chủ quán. Họ bước ra khỏi quán ăn thật nhanh .

Người thứ I : Các anh có thấy gì không ?
Người thứ II : Thấy thì không thấy, nhưng tôi có cảm giác !
Người thứ III : Anh có cảm giác gì ?
Người thứ II : Có cảm giác như các anh !
Người thứ IV : Tôi cũng có cảm giác như các anh !
Người thứ I : Vậy là chúng ta đồng ý được một điểm: chúng ta còn nghe được nhau. Vậy là tốt cho chương trình đang tiến hành. Và để chương trình được phong phú, tôi đề nghị mời một người đi trước chúng ta về nghề nghiệp đến để chúng ta học hỏi, nhất là ngôn ngữ chuyên môn...
Người thứ III : Vậy là chúng ta phải đi học. Tôi sợ đi học lắm!
Người thứ IV : Tại sao phải học chữ? Bộ chương trình chúng ta thiếu chữ hả?
Người thứ II : Ha! ha! Đi học! Chúng ta thiếu học! Liệu chúng ta học xong thì được gọi là có học không ?

***Xướng ngôn viên** : Bốn người đồng cười. Họ vui vẻ cùng bước ra chỗ đậu xe. Bầu trời xám lạnh, kéo những đám mây đùn xuống thấp báo một cơn mưa bão sắp đến. Hai người ngồi trong mỗi chiếc xe; từ từ chạy chậm qua những con đường đầy đèn đỏ và những xe cảnh sát đậu khuất sau những lùm cây và cao ốc .*

Người thứ I : Anh nói chi mấy chuyện vớ vẩn, làm mất tinh thần anh em.
Người thứ II : Chuyện đó mà anh cho là vớ vẫn. Tôi cũng mong họ mất tinh thần để chứng tỏ họ còn tinh thần!
Người thứ I : Nhưng anh cũng không nên nói thế.
Người thứ II : Chính anh cũng không có tinh thần!
Người thứ I : Nếu không có tinh thần, làm sao tôi chỉ huy anh em?
Người thứ II : Hễ làm chỉ huy là có tinh thần sao?
Người thứ I : Lúc đầu, anh nói quên mang theo một cái gì trước khi vào quán ăn. Và sau đó anh nói anh có cảm giác gì ở trong quán ?
Người thứ II : Tôi nhắc lại: Chúng ta chứ không phải riêng tôi. Còn hai sự kiện trên, anh và tất cả anh em đều cảm biết. Nhất là anh phải biết

trước... Hay... chúng ta phải mời một người đến ...
Người thứ I : Vâng. Chúng ta phải mời một người...

***Xướng ngôn viên** : Sự im lặng bắt đầu khi chiếc xe thứ hai chạy trờ tới, qua mặt xe thứ nhất. Trên khuôn mặt hai người trên xe kia bỗng u sầm lại khi nghe tiếng còi cảnh sát núp từ một góc phố khuất chạy ra đuổi theo sau xe họ. Cả hai xe đều tìm lối đậu bên lề. Chờ đợi. Một chiếc xe chữa lửa rú còi chạy ngược dòng xe của họ. Người cảnh sát giơ tay chào người lính cứu hỏa. Bốn người đàn ông trung niên cảm thấy đói. Bốn khuôn mặt như bốn bình nước lọc đã cạn.*

CẢNH BA

***Xướng Ngôn Viên**: Buổi chiều. Trong căn phòng vi âm đầy những máy móc, chớp lòe từng ánh đèn xanh đỏ nhức mắt. Hai người đàn ông đang chỉ dẫn một thiếu nữ mới vào tập sự . Họ đang loay hoay xếp lại những bản tin; những chiếc đĩa CD có những bài nhạc sẽ được chọn để phát thanh; vài chiếc mini disc có chứa vài mẫu quảng cáo để xen vào giữa chương trình. Tất cả đều sẵn sàng lên "air". Chiếc đồng hồ chạy bằng điện màu đen đang nhảy từng bậc từng bậc mệt mỏi. Còn 5 phút mới vào "air".*

Người đàn ông I: Chúng ta có cần nhắc nhau để nhớ không?
Người thiếu nữ: Thưa nhắc gì và nhớ gì, thưa chú ?
Người đàn ông I: Chỉ giới hạn trong phòng này thôi.
Người thiếu nữ: Cháu sẽ để ý. Cám ơn các chú.
Người đàn ông II: Đừng cám ơn tôi. Cám ơn ông trưởng ban kìa.
Người đàn ông I: Chúng ta đều là bạn. Phải thông minh một chút là chúng ta thông cảm nhau liền.
Người đàn ông II: Bộ không thông minh là không có sự thông cảm ? Tôi nghĩ phải hơi điên một chút là chúng ta thương mến nhiều hơn.
Người thiếu nữ: Cháu nghĩ vừa thông minh và vừa điên thì sự thông cảm

và thương mến mới lâu dài được. Cháu có kinh nghiệm về điều này nhiều.

Người đàn ông I: Chính mấy chú nhìn thấy điều khác thường này ở cháu nên đồng ý cho cháu công việc này.

Người thiếu nữ: Nhưng cháu đâu thấy các chú có thông minh và điên đâu!

Người đàn ông II: Chú đồng ý. Ha ha . Đạo bất khả đạo vẫn phi thường đạo. Danh bất khả danh vẫn phi thường danh . Ha Ha.

Người đàn ông I: Nguyên tắc là mình biết lúc nào ngồi dưới đáy giếng và biết lúc nào nhảy lên miệng giếng.

Người đàn ông II: Và bị đá xuống đáy giếng để vang vọng lời vàng son quá khứ.

Người thiếu nữ: Cháu đang nghĩ cháu đang được các chú hướng dẫn đi vào những lối quanh trồng đầy loại hoa bằng nhựa. Mùa xuân thì miên viễn. Con người cùng những rong rêu bám vào đó cũng miên viễn.

Người đàn ông II: Cháu có biết làm thơ, làm nhạc, viết văn không ?

Người thiếu nữ: Dạ, cháu chuyên viết phiếm theo cảm nghiệm của mình và chuyên dịch thơ ra thẩn thôi!

Người đàn ông thứ I: Đó là lý do tại sao cháu được nhận vào làm việc nơi đây. Thôi tới giờ lên "air" rồi.

***Xướng ngôn viên**: Ngọn đèn tròn treo trên cửa sổ, đối diện mọi người, chuyển từ màu đỏ lên màu xanh chớp chớp. Ba giọng nói nghiêm túc bắt đầu, thánh thót, và cởi mở. Không ai nghe hơi thở. Không ai thấy mắt ướt. Những bàn tay âm lạnh và trắng dần. Không khí trong phòng hừng hực như hỏa ngục. Và, một ngày đầy vô tư ruồng bỏ.*

LÊ CẦN SƠN



THẬN NHIÊN
những ban mai vô tính

(tặng upside down N.Đ.G)

Bây giờ là thời đại vô tính
Những chân lý ngỡ là vĩnh cửu
Cũng cần phải được định nghĩa lại
Phải thế không em?

Anh đang nói về tình yêu
Người ta đã âu iếm và làm tình với nhau trong khách sạn lộng lẫy
Hay một phòng trọ tồi tàn
Điều đó không quan trọng
Duy có tình yêu

Người ta đã vuốt ve thân thể nhau trên du thuyền
Người ta đã ngắm nhìn khám phá nhau giữa cánh đồng chỉ còn cánh gió
Hay trên bãi biển đông người náo nhiệt
Điều đó không quan trọng
Duy có tình yêu

Có thể nơi đó là một lưng đồi hoa cỏ đẫm sương mai
Có thể trên ghế đá khuất công viên chiều xuống muộn
(em còn nhớ những chiều công viên Sài gòn đóng cửa
tình yêu không chốn trú chân?)
Một góc tối rạp hát nóng bức
Một căn chòi vo ve muỗi của người chăn vịt trên đồng nước
Dưới tàn cao su đất đỏ nông trường
Khi cả bầu trời đêm huyền hoặc kia thuộc về chúng ta
Thậm chí, một goong tàu đổ nát trên thiết lộ bỏ hoang sau chiến tranh
Ngay cả lưng chừng dốc núi tuyết giá hôm qua
Hãy phóng thả trí tưởng tượng xa hơn, xa hơn

Phóng đãng hơn
Ngày nào đó có thể người ta đưa nhau lên nguyệt cầu
Tiếp tục tưởng tượng, làm sao ôm hôn nhau trong những bộ đồ bay
Vui không em? Cứ cười khúc khích
Tất cả, tất cả những nơi chốn đó không quan trọng
Duy có tình yêu

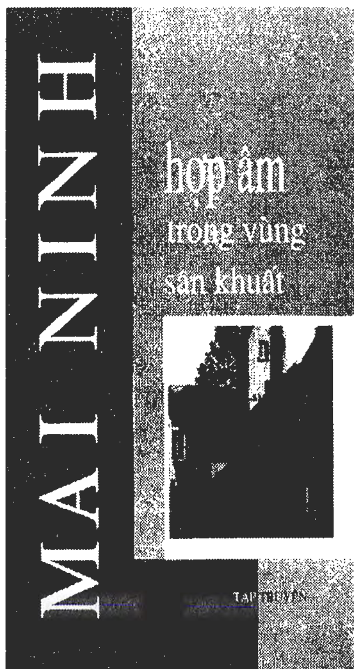
Nhưng trong lúc này
Có cần phải định nghĩa lại
Tình yêu
Trên màn hình máy điện toán 14 inches
Chúng ta yêu nhau qua những cái click chuột
Hãy bấm vào đây em nhé
Tín hiệu truyền qua dặm dặm không gian

Click-click-click-click-click-click-click-click
Click-click-click-click-click-click-click-click...
Em ngã xuống mặt phẳng, click
Nhắm mắt, click
Phơi mở, click
Những âm thanh sơ khai cuồng nhiệt hoang dại, click
Trơn thúc, click
Ngất sâu, ngất sâu...
CLICK! CLICK! CLICK!

Có cần phải định nghĩa lại những khái niệm bí mật về
Tình yêu
Và linh hồn con người
Trong những ban mai vô tính
Những tình nhân xuất tinh vào hư vô
Những tình nhân đồng trinh
Vĩnh viễn
Phải không em?

Khi sáng nay anh vừa thụ thai một bài thơ úp ngược

THẬN NHIÊN
16/3/2001





THỤY KHUÊ
nỗi cô vọng của mai ninh

Truyện ngắn *Ẩm Ướt Những Cơn Mưa*, theo lời tác giả là truyện ngắn khai bút của Mai Ninh(1), đã xác định một phong cách viết: hướng về những niềm đau sâu khuất của con người. Từ truyện ngắn này, chớm nở những mảnh puzzle Mai Ninh như những mẩu cô đơn mọc lên trong trời đất: đó là những phận người, cùng yêu, cùng sống, nhưng không thể «đột nhập» vào nhau, vào bề dầy tâm thức của nhau; như chàng tóc dài và chàng họa sĩ, một cặp tình trai mở quán ăn có cái tên rất lạ «Vali tham ăn»; như Lise và cô bạn, một cặp tình gái; như M., người xưng tôi trong truyện, đan đậm những cô đơn và bí mật gần gụi vóc dáng tác giả.

Mai Ninh dường như muốn khai mở phần đất cô đơn trong hồn mình, hồn người, như một vùng bí mật, thẳm sâu, đầy chông gai trở trắc, đầy huyết mạch thông lưu, nhưng đồng thời cũng lại muốn rắc lên nó một lớp sương mù, muốn vọng về nó như một tuyệt vọng. *Nỗi cô vọng Mai Ninh*

Tất cả những nhân vật này gặp nhau, thử yêu thương, thử tìm hiểu, thử tình bạn, thử tình yêu, nhưng rồi tất cả đều chỉ là sống «thử». Những khối cô đơn ấy không thể tan nhập vào nhau, dù có thay đổi

cách kết hợp cuộc sống, từ đồng tính trở sang lưỡng tính, để làm vừa lòng một xã hội lắm điều, hay để làm vừa ý cái lương tâm cũ kỹ của mình.

Những cá nhân «mất hướng», «lệch trục sống» ấy, dù có muốn tìm một hướng mới, «chính trục» hơn, cũng là không tưởng bởi họ chỉ tìm được những kết hợp tạm thời, chờ lần tan rã sắp tới. Từ Mai Ninh, người đọc tiếp nhận những nỗi đau của cuộc sống hợp âm trong một tấu khúc nghiệt oan, rồi tất cả lịm dần, chìm đi, tắt ngấm như những nỗi chết của tâm hồn. Tình trai, tình gái cùng chết trong tình người.

Truyện ngắn *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất*(2) là một khúc tứ tấu cho nỗi cô đơn, nỗi chết đó. Bốn thân phận chia nhau một khoảng sân: Một ông già, một cô gái, một cậu thanh niên, một gã trung niên. Gã trung niên chủ quán, cỡ 40 tuổi, người gốc Ý, ưa huýt sáo bản Come back to Sorrento buổi chiều; ông già tối nào cũng nghe bản Concerto thứ 26 của Mozart. Cậu thanh niên chừng 20 tuổi, hình như người Bắc Âu, hình như học Beaux Arts, có biệt danh B.A, ưa bạn trai và nhạc Jazz và cô gái rơi xuống như một fausse note: nhân vật xưng tôi, sống một mình, nàng ưa giọng Barbara, Brel, Beattles, Baez...

Họ chia nhau một cái sân, cùng tấu với nhau một đoản khúc. Dạo đầu là lạ lẫm, gắt gỏng, trống đánh xuôi, kèn thổi ngược. Nhưng khi họ đã quen với những giờ giấc và tập tính trái khoáy của nhau, đã «hợp âm» rồi, thì bắt đầu khuất biệt. Chủ quán Sorrento, về Ý tang mẹ. Anh chàng đẹp trai BA thưa dần bạn trai và ít xuống lầu. Ít lâu sau BA chết. *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất giao hưởng âm thanh, màu sắc và mùi hương của những mẩu đời cô đơn lạc lõng này.*

Spaghetti đi, đem theo hương chanh, hương cam, hương bưởi về Sorrento gập ghềnh thơ mộng. Bắc Âu phóng đãng đem về cõi chết nỗi bí mật trong nếp sống Beaux Arts tự do buông thả của mình, còn lại cô gái và ông già tóc trắng với những vết thương của những «cảnh sống âm thầm trượt qua nhau» (trang 51), không bắt được nhau, và cũng không nhập được vào dòng sống.

Mười truyện ngắn, mỗi truyện như cời thêm vào vết thương thấm đỏ, khơi rách mãi ra. Mỗi nhân vật của Mai Ninh vừa là đơn âm của nỗi buồn, vừa là hợp âm của những đợt sóng đời xô đẩy. Họ là những vết hư ảo của cuộc đời, tình cờ gặp nhau, chạm nhau, trong một không gian mù sương bất định. Những buổi hẹn định trước, thường lỗi hẹn, người được chờ thường không đến, như Luân, trong truyện ngắn

Đêm Rượu Đợi, chờ đợi bóng mình. Mà cũng lại như có một khoảng cách vô hình và vô tình nào đó luôn luôn sẵn sàng ngăn trở người gần lại với người, cũng lại như có một phép màu nào khác làm những nhân tố, chẳng hẹn, chẳng định trước, xích lại gần nhau:

«Không ngờ, giữa không gian hư ảo sương mù nửa đêm, trên cõi sông nước, đá cổ mơ hồ này tôi lại đứng bên nàng, thật gần, cơ hồ chạm cả vào vuông khăn trắng cứ chực bay theo làn gió nổi đưa từ biển. Tôi định nói một câu gì thật nhẹ, lại thôi. Nàng lặng yên, quay người xuống cầu, tà áo lụa cuốn theo bước chân thăn thoắt. Thoáng chốc bóng tím như biến như hiện chấp chới giữa các ngõ ngách đường đi lẩn khuất. Tôi có thể đi nhanh để bắt kịp nàng nhưng tôi chậm lại, bỗng thấy nàng như con bướm đêm trở về giữa gạch đá ẩm đục của biển đầm để tìm một nhụy hoa đã mất» (Biển Đầm, trang 87)

Những nhân vật của Mai Ninh, ít nhiều đều là những cánh bướm đêm, như Mélisa, như Luân, như G, như M, như N, họ vần vũ trong một không gian nhục cảm thiên nhiên nửa hư, nửa thực:

«Thành phố này mọc từ biển lên núi, vừa nhấp nhô khép mình ẩn náu lại chĩa đứng sỗ sàng. Biển xanh dưới chân chừng hoang mang, cứ chực men lên, hớp lấy những màu tường hồng đủ gam đậm nhạt» (Vách Mận Trắng, trang 116)

Hình như Mai Ninh đang cầm bút lông vẽ một bức tranh chuyển động bằng lời khiến người đọc có thể hình dung một Sorrento, hay một Le Mont Saint Michel... mọc lên từ biển. Những thành phố này có những giác quan dị lạ:

«Có những trưa nằm im, chim chóc ngủ. Tôi leo lên thành cửa sổ rộng, ngồi đó, chông chênh ngó nắng. Tháp chuông nhà thờ trắng trinh vượt rời những lớp nhà gợn hồng lên xuống. Biển bình an hút tôi về chân trời, giao tuyến của thực và ảo. Mênh mông đấy nhưng vẫn là hình ảnh một khoảnh khắc. Trời vừa kéo sang xuân, cây cối lửng lơ màu tươi non. Mái ngói đỏ cũng nhòa đi trong ánh sáng. Chỉ có vách núi mang mãi một sắc thẫm sâu, nặng chùng của đá. Hàng mận mọc cao trước núi đã báo mầm thức giấc cùng tôi, bồn chồn.

Váng vất chưa qua bỗng đâu cơn gió quạt tới bất ngờ. Khi tôi quay trở lại căn nhà, những nụ hoa mận mọng búp mà tôi nổi hứng phác chơi trên tấm bố trước khi đi bỗng nhiên bị nở tung bềnh bệch.» (*Vách Mận Trắng*, trang 121)

Nhân vật xưng tôi, trong đoạn văn trên đây có thể là một người, cũng có thể là một con mèo hay bất cứ một vật thể nào khác «chông chênh ngó nắng». Và những vật thể như cây mận, chưa chắc đã là mận thật hay chỉ là mận trong tranh. Mai Ninh lồng không gian

thực vào tranh, rồi nhấc chúng từ tranh ra như một sinh vật sống. Ở chỗ đó, người viết đã phù ảo hóa những vật thể quanh mình, làm tĩnh cái động, làm động cái tĩnh để tạo thành một thế giới Mai Ninh đẹp, lạ, liêu trai và bí mật.

*

Mây Một Ngày là một chuyện hóa thân. Hai nhân vật nữ, cùng ẩn một bóng tên: Mây và Vân, sống một ngày trọn vẹn với nhau trong xác và hồn, giữa mơ và thật. Có thể gọi là fantasme, gọi là liêu trai. Gọi là gì cũng được nhưng trước hết là một phân thân: *«Mây bây giờ đẫm mùi quen thuộc, mùi của chính tôi(3) của kem thoa da và nước hoa táo xanh tôi ưa thích.» (Mây Một Ngày*, trang 15)

Sự phân thân này dẫn đến một hóa thân toàn bích: *«Tôi, trong quần jean và áo thun ngắn, khác Mây, với bộ bà ba vàng nhạt. Tôi vắt chanh vào hai tô phở, Mây lùa đũa vài ba lần, liếc gã đàn ông mắt dài làm tôi đâm bực, giục ăn đi. Mây bỗng đẩy ngay bát phở qua bên, giọng gọn lỏn. Không ngon bằng phở bà Lùn. Tôi bật cười. Sao không bằng. Mây chẳng đáp, cúi xuống mân mê cọng giá trắng muốt. Đột nhiên nàng nói to. Phở bà Lùn năm trăm một tô, mẹ bảo Vân gửi cho Mây một ngàn, Mây ăn năm trăm, còn để dành cho cu Tuấn. Rồi tự dưng Mây trợn mắt giận dữ. Mấy người nói láo, lường gạt, ta biết nó chết, nó chết lâu rồi phải không? Người đàn ông răng vàng không cười nữa...»* (*Mây Một Ngày*, trang 16)

Đó là không khí Mai Ninh, một vùng thực ảo chắp nối, một vùng sống chết kết hợp. Chú ý đến những cử chỉ của Tôi và Mây: rõ ràng có hai «người»: một người mặc quần jean, áo thun khác với một người mặc bộ bà ba nhạt. Nhưng nếu đã là hai người thực, thì tại sao lại phải có chữ «khác» ở đây? Chính cái chữ «khác» ấy, đã nói lên tính chất «chối», tính chất «lừa», lừa mình (tác giả) và lừa người khác (độc giả), về thực chất của không khí Mai Ninh: Một mà hai, hai mà một. Những động tác nối tiếp sau đó là của một người mặc dù với hai chủ thể:

«Tôi vắt chanh vào hai tô phở, Mây lùa đũa vài ba lần... Mây bỗng đẩy ngay bát phở qua bên ... Mấy người nói láo, ta biết nó chết...»

Có một chủ thể chính đang ngồi trước bát phở, nhưng động tác và suy nghĩ của người này lại bị chi phối bởi một «chủ thể» khác, như một thứ «lệnh» phát ra từ tâm linh, từ ý thức hay tâm thức của cái thể xác kia. Đồng thời, hợp âm của cái linh và cái xác kia lại cùng

bừng tỉnh một lúc để nhận thấy «mình» tức là «nó» đã chết rồi, chết lâu rồi.

Sự «ngộ» này cho thấy ít nhất có hai «mơ» chùng chập. Một kẻ xé hai: cô đơn nói chuyện với cô đơn, sống nói chuyện với chết. Tạo nên một cách «vọng» mới: vọng hồn, vọng xác. Một thế đồng thiếp trong tâm hồn, có thể xẩy ra cho bất cứ ai mà không để lại dấu vết «hiện hữu». Chỉ có một mình mình biết, một mình mình hay. Mai Ninh tạo ra thế giới đó, một thế giới: Chỉ có mình mình biết. *Mình mình hay.*

*

Ở một khía cạnh trần thế hơn, hầu như tất cả những chất liệu biển, đá, mưa, nắng, cô đơn, nỗi buồn, cái chết... kết hợp nhau trong chữ nghĩa để tạo thành những nhân vật của Mai Ninh. Cái mà tác giả gọi là hợp âm, chính là hợp âm của những chất liệu này: Chất liệu đầu tiên là biển với hai thành tố nước và sóng, chúng chao đảo trong toàn bộ truyện ngắn của Mai Ninh như một từ trường nguyên thủy. Và chất liệu sau cùng là cái chết, cái chết ở đây là lối mở, mở vào cái ảo, cái không biết, cái vô cùng.

Biển và chết, tự khởi thủy đã là nguồn cội của những giấc mơ. Bachelard có những dòng thật hay về biển và chết: *«Như thế, sự vĩnh biệt ở bờ biển vừa là vĩnh biệt đau đớn nhất và cũng văn chương nhất trong những vĩnh biệt. Chất thơ của nó khai thác cái đáy sâu, xưa của hào hùng và mơ mộng. Nó đánh thức trong ta những vang âm đau thương nhất. Tất cả khía cạnh tâm hồn đêm tối của chúng ta được giải thích bằng huyền thoại của cái chết, xây dựng như một cuộc khởi hành trên nước. Đối với người mơ mộng, khởi hành và cái chết sẽ chuyển hóa không ngừng. Với một số trường hợp mộng mơ khác, nước là một chuyển động mới mời gọi vào những chuyến đi chưa thực hiện bao giờ. Cuộc khởi hành hữu hình này kéo ta khỏi cuộc sống hữu hình trên trái đất. Cao thượng, dị kỳ biết bao, câu thơ sau đây của Baudelaire, chứa đựng một hình ảnh bất ngờ, như muốn đột nhập vào hồng tâm của mỗi bí mật trong ta:*

Hỡi thần chết! Thuyền trưởng cố tri, giờ đã điểm! Hãy nhổ neo!»(4)

Thâm ngôn của Bachelard dường như được viết ra để giải thích nhiều trạng thái phức tạp của tâm hồn liên quan đến giấc mơ và biển cả.

Biển và cái chết đã là nền tảng cho bản giao hưởng của Mai

Ninh trong *Mưa Đá Âm Dương*, tạo nên những nét nhạc bấp bênh, bên bờ vực thẳm của tử thần, bên bờ vực sâu của trời đất, trong cái vũ bão của sóng, gió và mưa... Cuộc đi trẩy từ một vùng biển hữu hình nào đó,-sao chẳng Normandie?- dữ dội, sóng luôn luôn gầm thét, thịnh nộ, những cơn bão sóng, những cơn gió hú vọng về từ vực sâu trầm khuất dưới đáy đại dương hay đến tự trời như những cơn mưa tận thế.

«Phượng đứng chết rũ trên mặt cát cuốn xoáy. Nước dâng lên ào ạt rồi rút đi tức khắc thành luồng chảy xiết. Mưa như chưa bao giờ mưa thế, như biển sắp cạn khô nên trời đất nổi cơn cứu độ. Mưa táp tơi bời cùng gió. Phượng dang hai cánh tay, chiếc poncho ròng nước phần phật tung bay. Cánh vẫy thành dơi, dơi hoang từ núi khuất chỉ xuất hiện giữa ban ngày khi mặt trời bị dìm chết trong mưa ủng xám. Phượng mở miệng đón những hạt nước rớt từ trên không, nhỏ dòng từ đầu mũi và cuốn chùm tóc vắt qua môi. Nước có vị mặn chát của sự rã rời và của những ruộng muối trải dài trên con đường nàng đã đi qua. Hai cánh dơi chao đi trong ngọn gió bỗng chuyển chiều, vật xoài Phượng úp mặt vào lòng cát.» (*Mưa Đá Âm Dương*, trang 106)

Ai đã từng đặt chân đến Le Mont Saint Michel, đến thăm gió, sóng với những bí mật của vùng này sẽ thấu được nỗi buồn trong *Mưa Đá Âm Dương*. Không chắc gì Mai Ninh đã có chủ đích viết về vùng biển này, hay về một Sorrento u tịch và trắc trở khác, nhưng biển, nơi Mai Ninh, như phát tự tâm, từ hồng tâm bí mật của con người. Từ biển, phát xuất một từ trường, bào ảnh của một cuộc đi, một cuộc tình dữ dội giữa đá và biển, giữa Phượng và Kình, giữa âm và dương.

Như bước vào cõi nguyên khai, như đi thẳng từ truyền thuyết, Phượng Hoàng được Kình Ngư đẩy vào *«cuộc hành trình đi tìm cửa nguồn khởi từ đêm ấy»*.

Cuộc chạy tìm này cũng là cuộc đuổi bắt giữa con người và định mệnh. Ngư, kình cá chạy trốn định mệnh của mình. Định mệnh ác nghiệt của một ngày, một giờ, một phút, một giây đã chao đảo cuộc đời Ngư, đã chia rẽ anh em Ngư, đã tuyệt tình Ngư-Phượng. Ngày ấy, hai anh em Ngư còn trẻ, chạy chơi trên vùng biển núi hoang dại. Thằng em dương nỏ bắn chim, người anh đứng trên đồi chênh vênh ngắm nhìn trời nước và vực thẳm.

Một con phượng hoàng lướt qua, bay về phía người anh, em giơ nỏ bắn *«viên đạn đá nhọn hoắt lao đi. Chỉ một giây thôi, một tiếng kêu thất thanh rớt đi từ trên đồi, rút xuống vực, rồi tắt ngấm. Cùng lúc ấy, con chim may mắn thoát đạn đập cánh hoảng hốt bay vút lên ngọn cây.»* (*Mưa Đá Âm Dương*, trang 113)

Người bắn chim là Ngư và con chim là Phượng.

Sự gặp gỡ xé thân, bất thần và xuất thần dữ dội như mũi tên hòn đạn giữa Phượng và Ngư mở đầu một cuộc tình, một cuộc tìm kiếm những vết thương, khởi thủy những bí mật của cuộc đời. Sau cuộc trao thân đớn đau *«Phượng xõa tóc, hai cánh tả tơi bay về phía mặt trời lóe sáng.»* (trang 113) và *«Ngư đột ngột bỏ đi, cơ thể cuộn dài như thân cá, duỗi theo dòng nước rút ra biển»* (trang 106).

Mưa Đá Âm Dương là một thể nghiệm bút pháp rất mới mà nhiều hình thức tư tưởng huyền thoại triết lý Đông Tây gặp gỡ trong một bài thơ hội họa dài: Hai nhân vật chính, Phượng và Ngư là những ảo vật, luôn luôn biến dạng, thoát thân, từ hình này sang hình khác, từ thân này sang thân khác, lúc họ là chim, là cá, lúc họ là đá, là sóng, lúc họ là cát, là biển, lúc họ là đêm, là ngày, là núi cao, là vực thẳm.

Bản tình ca tha thiết của nhục thể, quằn quại, chênh vênh quyến rũ mê hoặc đưa nhau vào cõi chết. Họ gặp nhau trong hành động hủy diệt đầu tiên: Ngư cầm súng bắn Phượng và hai kẻ cô đơn, thương nặng ấy tìm nhau trong hủy diệt cuối cùng: sự nhập hồn giữa tình yêu và cái chết.

THỤY KHUÊ
Paris tháng 3/2001

---

1. In trên *Hợp Lưu* số 36, tháng 8&9 năm 1997
2. Trong tuyển tập *Hợp Âm Trong Vùng Sân Khuất, Thời Mới*, Toronto, Canada 2000
3. tôi là Vân
4. *L'eau et les rêves*, Bachelard, Biblio Essais - Poche 1998, trang 90



CATHÉRINE ARGAND

JENNIFER TRAN *dịch, và giới thiệu*

phỏng vấn andrei makine

"Ở Nga, khi người ta viết là để tạo mối tương thông giữa những tâm hồn."

Sau đây là chuyển ngữ bài phỏng vấn Andrei Makine, trên tờ báo Pháp, Đọc (Lire), số 292 tháng Hai, 2001, nhân dịp xuất bản cuốn sách mới nhất của ông: "Nhạc Đời" (La musique d'une vie, nhà xuất bản Seuil, Pháp, 128 trang, giá 79 frcs).

*

Một miền thơ ấu, Sibérie, và những âm vang từ quần đảo

ngục tù Gulag, từ cuộc chiến. Một người đàn bà Pháp đã nuôi dưỡng những giấc mơ mùa hè của đứa cháu bằng món ăn tinh thần là văn hóa Pháp.

Và bây giờ, nước Pháp là nơi ông chọn lựa tiếng nói văn chương, và quê hương thứ nhì, tức chốn dung thân. Còn nước Nga, ông chỉ có thể dùng trí tưởng để nối lại mối tương thông với những tâm hồn, và những sinh vật.

Rời Nga xô, tới Paris vào năm 1987, tạm trú một thời gian tại một căn hầm ở Père-Lachaise, viết những cuốn tiểu thuyết bằng tiếng Pháp mà ông phải tạo ra những nguyên bản ma, bằng tiếng Nga, bởi vì không một nhà xuất bản nào cho rằng một tên "moujik" lại có thể viết thẳng bằng tiếng Tây!

Cuốn tiểu thuyết thứ tư, "Di Chúc Pháp", đã đưa ông lên đài danh vọng, chiếm luôn ba giải thưởng: Goncourt, Medicis, và Goncourt của những học sinh.

"Nhạc Đời", cuốn tiểu thuyết mới nhất của ông, là câu chuyện, kể trong đêm, tại một ga xe lửa, của một người đàn ông đã xế chiều, tại làm sao, trong buổi trình diễn âm nhạc ra mắt đầu tiên, của một nhạc sĩ dương cầm trẻ tuổi là mình ngày nào, ông đã phải chạy trốn Moscou vào tháng Năm 1941, về trú ẩn ở Ukraine, bằng căn cước của một người lính đã chết. Bằng cách nào ông sống, lúc nào cũng sợ hãi lộ căn cước thực. Bằng cách nào ông được cứu thoát nhờ một người đàn bà, tại một nghĩa địa chìm trong tuyết, và bằng cách nào ông trở lại Moscou, tìm cách gặp lại bạn bè, và giở nắp chiếc dương cầm như mở nắp một chiếc áo quan. Đây là câu chuyện của một con người, bị buộc phải trở thành một kẻ khác và chính mình. Và đây cũng là câu chuyện của mọi người, ở đây hay ở bất cứ đâu, ngày xửa ngày xưa hay ngày nảy ngày ngay, thì cũng vậy, đâu chỉ của thế kỷ đọa đầy...

Andrei Makine sinh ngày 10 tháng Chín, 1957, tại Krasnoiark (Sibérie). Tuổi thơ của ông là miền không gian rộng lớn của vùng đất hoang sơ bạt ngàn này, những tập tục, những con người của nó, trong có cả những dân "tạm cư": những tù nhân của quần đảo Gulag. Những tác phẩm của ông gồm có: "Con gái vị anh hùng Liên bang Xô viết" (nhà xuất bản Folio, 1990), "Lời thú tội của người cầm cờ thất sủng" (nhà xb Folio, 1992), "Một thuở sông tình" (1994, Folio), "Di chúc Pháp" (1995, Folio), "Tội ác của Olga Arbélina" (1998, Folio), "Kinh cầu cho phương Đông" (nhà xb Mercure de France, 2000).

Cathérine Argand (người phỏng vấn).

*

Cathérine Argand: *Có vẻ như ông không hợp thời và cũng thật ít nói?*

Andrei Makine: Văn minh Nga là một nền văn minh câm. Chắc chắn, nó liên quan tới chính thống giáo, vốn viện tới lời xưng hơn là chữ viết. Bà, và những người như bà thuộc về một nền văn hoá ưa tranh luận, thích bàn bạc, một nền văn hoá ngay từ thuở thoạt đầu đã tính chuyện, làm sao làm chủ thế giới. Sớm sủa hơn, trước thánh Thomas d'Aquin rất nhiều, những tiền nhân của bà đã tạo nền móng tình cảm tông giáo qua những giáo điều, kinh sách, nhất là những câu của Pierre Lombard ở thế kỷ 12. Chúng tôi, những người chính thống giáo, chúng tôi thuộc về một nền văn hoá mang tính thơ ca, dựa vào trực giác, mẫn cảm; nó không dựa trên truyền thông (la communication) nhưng mà là tương thông mang tính bản thể học (la communion ontologique). Tại Nga xô, điều đáng nói không phải là truyền đi những ý niệm (idées), mà là cùng chia sẻ, thông cảm những lý tưởng (idéaux). Cách thực hành là câm nín. Chính vì vậy, đem đến cho văn chương một chức năng vô tư, là một điều thật đặc thù ở Nga xô. Ở đó, mỗi khi người ta viết, là muốn nói một điều chi thật là quan trọng, một điều chi vượt lên sự câm lặng, tạo mối tương thông giữa những tâm hồn, những con tim, những sinh vật. Lý tưởng của tiểu thuyết, đó là người ta không thể nói gì về nó. Chỉ một khi nhập vô, ở đó bằng chiêm ngưỡng, và thấy mình đổi khác (transfiguré). Người Nga viết, không phải để lay động không khí, hay gồng mình lên bằng bút pháp.

-Ông nói tới tâm hồn (âme), một từ ít được dùng với những người Pháp đương thời.

-Có thể là do đã lâu lắm rồi, tôi không được dùng từ đó. Quan niệm về tâm hồn đã bị trừ bỏ ở Nga, thời kỳ Xô viết. Giống như quan niệm về nhân ái; chém chết thì cũng là những từ của đám trưởng giả. Tôi yêu từ đó, "tâm hồn", bởi vì nó thoát ra khỏi những nhãn hiệu mang tính xã hội, chuyên nghiệp, sắc tộc. Những nhãn hiệu chỉ để dùng vào mỗi một việc: giản lược người khác thành một chức năng có ích cho mình, từ đó, có thể lợi dụng được. Vả chăng, đây là câu chuyện trong cuốn tiểu thuyết của tôi, về một con người không có phẩm chất, quá ư bình thường, do đời sống đưa đẩy, đã rũ bỏ được những gì xã hội đặt để lên anh ta, coi đó như là những mẫu thức. Đây là một tâm hồn trần trụi dưới bầu trời...

-Nói một cách khác, đây là tự do hiện hữu?

-Kể từ Jean-Paul Sartre, vấn nạn hiện sinh trở thành một vũng

bùn cho văn chương Pháp. Những nhân vật không ngừng chọn lựa, hoặc làm điều này, hoặc điều kia. Có một cái gì mang tính giả tạo ở đó, một cách chơi trội, chơi trò định mệnh, ít ra là vậy; bởi vì mấy ông cỡ chừng bốn mươi, lúc nào cũng phàn nàn về nỗi đau sinh tồn, họ vẫn có thể thay đổi cuộc đời của họ. Họ biến đen đúa thành mỹ học, ve vuốt những địa ngục nho nhỏ, như những khoảnh vườn nho nhỏ theo kiểu Pháp. Tôi, tôi chỉ để ý đến những thời đại mà số mệnh đè bạn ra, dí dao vào cổ bạn, bắt phải chọn lựa. Đó là một khi, tất cả là nguy nàn, là chết người: mạng sống của những người thân thuộc, tự do của bạn. Một khi mà bạn đem chính cuộc đời mình ra để mà "chơi", và chẳng có một giây để ngần ngừ. Trong cuốn tiểu thuyết của tôi, Alexei Berg là một anh chàng trẻ tuổi sẵn sàng yên vị trong một thế giới với những công kia việc nọ của nó. Anh là một nhạc sĩ được chế độ đãi ngộ, và chẳng nghi ngờ chi, anh sẽ làm nở mày nở mặt giai cấp của anh, người yêu của anh, khi kết hôn với Léra. Nhưng số mệnh, từ một xó xỉnh ở trong cuộc thanh trừng của Staline, nhô ra, và đẩy anh ta qua một con đường khác. Đối với tôi, đây là một kinh nghiệm bi đát thứ thiệt: được giải phóng bởi cuộc sống và những thảm kịch xã hội của nó, những giáo điều, những lối nói giập vùi chúng ta và đôi khi giết chết chúng ta. Bị đẩy vào một cuộc tìm kiếm siêu hình, và cùng với cuộc tìm kiếm siêu hình này, cõi riêng của mình mở ra với vũ trụ và cái chết.

-Từ những năm tháng dưới thời Staline, ông vẽ ra một bức tranh mới lạ: nhân vật của ông không chính diện (héros) không phản diện (anti-héros), mà là một bóng ma...

-Vụ án mang tính lịch sử, ý thức hệ về những năm tháng đó, kể như xong; nhưng văn chương còn những điều để nói về tính cực đoan của chế độ đó, về ý chí của nó: giản trừ con người thành chức năng. Chỉ nội cái tên không thôi là đủ chết. Dứt khoát như vậy. Thí dụ như Alexei, tên anh ta thuộc thành phần MFTP (Thành viên trong một gia đình Phản bội Tổ quốc: Membre de la Famille Traitre à la Patrie), thế là bị tống vào tù. Để vượt điều xã hội đặt để lên anh theo lối lệnh miệng, anh ta phải đẩy sự phản kháng của mình tới tận cùng: chạy trốn căn cước thật, rồi sau đó, chạy trốn căn cước giả của mình. Trái với những cư dân của quần đảo Gulag mà sự hiện hữu của họ đã được nhìn nhận, được thông báo, Alexei Berg là một kẻ không có quyền hiện hữu, không có quyền được nhắc tới tên. Như một cựu binh nằm trên tờ báo Pravda, trong phòng đợi giá băng tại một ga xe lửa thuộc vùng Sibérie ở đầu cuốn tiểu thuyết, anh ta không hiện hữu. Đem lời nói tới cho những con người như vậy, cho những bóng ma của một cuộc đời

bình thường bị giam cứng vào trong những vùng u tối, làm cho họ hiện hữu, đối với tôi, đây là một thách đố văn chương.

-Qua những nhân vật đó, là quan niệm của ông về một "Homo Sovieticus"?

-Vâng, lối diễn tả trên đây, "Homo Sovieticus", là do Alexandre Zinoviev nghĩ ra. Như thể, những người Xô viết chỉ là một ngẫu nhiên, tùy tiện, hèn hạ nhiều hoặc ít; một khối không phân biệt, cứ thế mà tăng lên mãi. Tôi muốn làm bật ra từ cái khối đó, những nhân vật sống. Đây là chức năng của một nhà văn theo nghĩa của tôi: chỉ cho thấy, vượt qua đám nạn nhân, hay những kẻ khù khờ, vẫn có những kẻ nổi loạn, và những con người phàn nàn vì vai trò đao phủ của mình. Trước khi cái thời kỳ lớn lao đó khép lại, chỉ còn một chút xíu thời gian để nói rằng, mọi chuyện không đơn giản như bề ngoài nó có vẻ như vậy.

-Liệu văn chương đã được đặt đúng chỗ để làm điều này?

-Cho tới lúc này, chúng ta có một tiền đề (thèse): "chủ nghĩa cộng sản là hy vọng của thế giới". Mới đây thôi, chúng ta có phản đề, đại khái như sau: "chủ nghĩa Nazi, chủ nghĩa Staline: cùng ghê gớm tởm lợm như nhau". Bây giờ, chỉ có văn chương là có thể làm được hợp đề (synthèse), tránh công thức hóa vội vàng, tổng quát hóa lạm dụng. Không có vấn đề nghịch lý ở đây. Những con người cứ khơi khơi bị bắt. Một người thợ sơ ý dùng một tờ báo có hình Staline để gói một con cá, thế là lãnh mười năm. Những binh sĩ bị xử bắn, miệng hô lớn: "Staline muôn năm!". Cũng thời gian đó, Mikhail Boulgakov, tác giả "Maitre et Marguerite" lợi dụng được tính độ lượng của Staline, vốn khoái một trong những vở kịch của ông, "Les journées des Tourbine", và xem đi xem lại chừng mười lần, mặc dù đây là một vở kịch chống xô viết một cách thật rõ rệt. Đến nỗi vào đúng lúc những đợt thanh trừng trở nên tệ hại, nhà văn viết thư cho Staline, chỉ để yêu cầu ông ta tống mình đi lưu vong, "Tôi chống lại tất cả mọi cuộc cách mạng, tôi chỉ hò theo Cuộc Tiến Hoá lớn" ("Je suis contre toutes les révolutions, je suis pour la grande Évolution"); Staline, ngược ngạo với tất cả mọi thứ lôgic ở trên đời, cho phép nhà văn ngồi lại vào cái ghế của ông ta ở trong ngành kịch nghệ...

-Trong tất cả những cuốn sách của ông, lịch sử lớn kêu ầm ầm. Có bao giờ ông mong muốn: hãy câm đi, những tiếng giầy bốt?

-Mình tôi thì làm được gì?

-Như vậy ông muốn tới đâu?

-Ngay từ cuốn tiểu thuyết đầu tay, điều gây hứng khởi ở nơi tôi, đó là ý muốn chống lại những điều hiển nhiên mang tính thuần lý; chúng cầm tù chúng ta bằng những định nghĩa được khai triển, và được đặt để bởi xã hội.

-Mong ước giải cấu trúc (déconstruire)?

-Không, ngược lại! Điều tôi tìm kiếm, đó là tính toàn thể (l'intégralité) của con người. Tư tưởng Tây phương từ những thập niên sau này, cứ hết coi "tất cả là xã hội", rồi "tất cả là do Freud", rồi "tất cả là chính trị", và bây giờ "tất cả là do sex, hay do sinh lý". Tôi muốn đi quá những lối nói đó, chúng luôn gây rủi ro: tạo ra một con người-quỉ, khi chấp nhận một quan điểm riêng (partiel). Con người là một tất cả (un tout), và văn chương không đến nỗi giả, ảo... như là người ta tưởng.

-Nghĩa là thế nào?

-Khởi từ những nhân vật, nó tạo nên những lề thói cư xử, những thái độ, thậm chí còn tạo ra những mẫu người, chúng dần dần tạo nên vóc dáng xã hội. Người đọc ảnh hưởng bởi sự đọc, bởi cách quan niệm thế giới mà nhà văn dâng hiến cho họ. Cuối cùng họ tái sản xuất, điều mà họ đọc. Ngày nay, tiểu thuyết Pháp bị ngập lụt tinh khí và phân [người]. Dần dần, người đọc đưa ra viễn ảnh thế giới, viễn ảnh của họ... Tôi chẳng thể nào coi là "nghiêm túc", nỗi đau khổ của những nhân vật như thế này: họ rên rỉ vì không thể làm tình hơn mười lần trong một tháng. Khi tôi mô tả chiến trường, nơi mà Alexei tìm kiếm một người lính tử trận mà anh ta có thể mượn được căn cước của người đó, tôi nói tới những thân xác thối hoắc, vừa thở, vừa than, vừa càu nhàu... và đây không phải là nghệ thuật vị nghệ thuật. Tại chiến trường, không phải mùi máu lấn lướt đâu, bà biết mùi gì không?

-Ơ hơ, không...

-Mùi phân, mùi từ bụng người toác hoác toát ra.

-Nói một cách trắng trợn, đúng là chuyện cứt đái.

-Tôi không sử dụng từ này, cho một dự tính như vậy. Bởi vì nói tất cả, muốn nói gì thì nói, như người ta đang làm hiện nay, tôi không tin điều này là đúng đắn. Ngày xưa tiếng Pháp có từng tầng, và nhà văn trải qua thời giờ của mình bằng cách chơi đùa với nó, và lên xuống cầu thang. Họ biết rõ từ nào ở từng nào, và với mục đích nào,

với mức độ nào, họ sử dụng những từ. Kiến trúc này đã sụp, lún, đẻ ra một sự nhạt nhẽo không thể nào tưởng tượng nổi, và làm người đọc trơ ra, hết còn bị sốc. Mà theo tôi, [người đọc] phải bị sốc, bởi vì tất cả những cấm kỵ có đó, là để bị coi khinh.

-Ông có nghĩ, ông là một tên kháng chiến (un resistant)?

-Nhà văn có khả năng tái tạo thời gian, làm cho nó biến thành hư vô, chế ngự nó bằng từ ngữ. Cũng có khả năng tái tạo sinh vật theo kinh nghiệm riêng của anh ta. Chỉ anh ta là có thể chuyển hóa (transfigurer) thực tại, nghĩa là nhìn nó như nó là, dưới lớp si, mạ, bằng vàng, bạc hay bằng đồng: đó là thực tại mà nó được chỉ cho bạn, từ màn ảnh truyền hình, một bên, và từ những nhà trí thức bị nô lệ bởi những bài diễn văn chính trị, truyền thông đại chúng, hay mang tính xã hội học. Văn hoá hạ cấp đầy ứ trên những làn sóng phát thanh và trên màn ảnh truyền hình. Trong khi hứa hẹn hạnh phúc, những bài hát, hàng triệu bài, nó [văn hoá hạ cấp] hoạt động như là một thứ ma tuý tâm thần, đúng y chang thứ ma túy mà viên đại phán quan của Dostoievski đã nói tới. Văn chương là cái ô vuông cuối cùng của sự kháng cự, trực diện với những bộ máy làm [con người trở nên] đần độn. Nó là nơi trú ẩn cuối cùng của tư tưởng tự do, và, làm cho văn chương trở thành điếm đàng phải bị coi là tội ác chống lại nhân loại. Viết, là một chọn lựa siêu hình, một chuyển hóa, một đầu tư toàn diện. Bạn trở nên khác [đi], và nếu không sống tới mức như vậy, bạn chỉ là một "bon faiseur des romans" (một kẻ sản xuất có tiếng, những cuốn tiểu thuyết). Phải có một niềm tin ma quỉ, mới ngồi thui thủi trong một xó, viết, và chẳng có một mảy may, về một niềm tin thần thánh, rằng tác phẩm của mình sẽ được in ra. Cũng vậy, phải là một niềm tin chết tiệt, khí gió, mới tin rằng người ta có thể chuyển hoá thế giới. Tôi dám dùng tới những từ trên, cho dù chúng có vẻ khoa trương, và cái tinh thần mỉa mai cay độc rất Tây của bà có thể trách móc tôi vì những từ đó.

-Thời gian đó là thời gian nào; tôi muốn nói cái thời gian mà ông muốn tái tạo, huỷ hóa, và chế ngự, với những con chữ?

-Nếu phải nhìn ngoài lại, điều đáng nói trong đời tôi, là cái chết của những người thật thân thương, và tôi luôn luôn không thể chịu nổi sự ra đi của họ: tôi từ chối nỗi mất mát đó, sự ra đi của họ ở mãi trong tôi. Tại sao không: tôi có thể chống lại sự tàn lụi của những sinh vật, những con người. Làm sao, nói theo mỹ học, từ chối một viên mãn như thế đó? Làm sao [cứ khăng khăng] không chấp nhận, sự bất

toàn của số mệnh, khi nó bị cái chết làm đứt ngang? Có một điều gì đó chưa được hoàn tất, đối với một cái chết tàn bạo, như một tác phẩm điêu khắc bị dang dở. Thế là bạn thay thế Thượng Đế, bạn lại bắt đầu tác phẩm của Ông Ta, bạn chơi trò bổ khuyết. Tôi làm lại cuộc đời, bằng những mẩu, của những cuộc đời. Những nhân vật của tôi đều là người Nga. Họ cũng có thể là những người Pháp vậy. Ở đây, những số mệnh dang dở không liên quan đến những người chết nhưng còn liên quan tới tất cả những kẻ ngồi chết rũ ở trong văn phòng của họ, hay là, ngay từ khi mới hai mươi tuổi, đã "suy tư" chuyện về hưu, dưỡng già.

-Viết là tìm lại thời gian?

-Tìm thời gian, có lẽ, giản dị như vậy thôi. Cuốn tiểu thuyết này, tôi ôm ấp nó trong mười lăm năm, tôi viết nó trong một năm rưỡi, và có lẽ, bạn đọc nó chỉ mất ba giờ đồng hồ. Bạn có thấy chóng mặt, về một chuyện như vậy? Có những hành tinh, tỉ trọng nặng đến nỗi, một que diêm làm bằng chất liệu của nó nặng sáu tấn. Có những chất liệu khác nhau ở trong vũ trụ. Cũng vậy, với thời gian. Chính vì thế mà văn chương dính vô...

-Ông viết văn bằng tiếng Pháp, và nói tiếng Pháp từ nhỏ. Cái phần Nga ở trong ông, nó ra sao?

-Nước Nga rộng lớn đến nỗi, chỉ nội mình nó, đã là cả một vũ trụ, với chừng cả trăm dân tộc, ngôn ngữ, văn hóa. Ở trái tim của nó, là nơi tụ hội của Âu châu và Á châu, của miền Nam và miền Bắc, nó có thể được coi như là phổ cập, đại chúng (universaliste). Pouchkine viết những bài thơ về Cổ Hy lạp, những khổ thơ nhiều đoạn bằng nhau, về Tây phương và Đông phương, một nửa những lá thư của ông viết bằng một thứ tiếng Pháp trải truốt, nhưng vẫn luôn giữ gốc Éthiopienne. Đây là một người Nga luôn cảm thấy mình rất Nga, một "slave", ngay cả trong tính đa dạng của mình; ông nói: "Trong con người slave khắc khổ, tôi chẳng hề nhỏ một giọt nước mắt, nhưng tôi hiểu những giọt nước mắt." (En slave austère je n'ai jamais versé une larme mais je comprends les larmes). Đây có lẽ cũng là thái độ của nhà văn: hiểu những giọt nước mắt nhưng không hề đổ lệ. Thật trái ngược với thứ văn chương hiện nay, vừa mới gặp bất cứ một ai là cứ thế vãi nước mắt, đâu còn thì giờ hiểu những giọt nước mắt của người khác. Nếu tôi là Nga, thì cũng giống như Pouchkine... Muốn hiểu được những phản ứng của tôi, là phải qui chiếu về sự cảm nhận văn chương Pháp tại Nga. Một trong những nhà sáng lập thơ ca Nga, Antioche Kantemir - ông cứ thế mà chôm chĩa, "cọp dê" (copy) Boileau mà chẳng thèm

mắc cỡ - một bữa nói: "Những gì tôi mượn đỡ bạn bằng tiếng Gaulois, tôi trả lại bạn bằng tiếng Nga." Dostoievski và Tolstoi đã trả món nợ của Kantemir. Với hai người này, tiểu thuyết Nga trở thành [tiểu thuyết] Âu châu. Và nếu họ đọc những nhà văn lớn Pháp, họ cũng biết phê phán xã hội Pháp. Thí dụ như Tolstoi, ông đọc lại "Tu viện thành Parme" (La Chartreuse de Parme) của Stendhal để viết về trận đánh Moskova. Cùng lúc đó, trong "La Sonnate à Kreutzer", ông chế nhạo xã hội Paris, những lối nói trống rỗng của nó, những vẩy quần áo của nó. Sự ngưỡng mộ của tôi là vô cùng, về những gì mà nước Pháp đã mang lại cho văn chương. Cùng lúc nó, sự nhỏ nhen của những môi trường nghịch văn chương (paralittéraires) làm cho tôi phải tư lự.

-Ông đã chẳng thèm để ý tới tính học làm sang (snobisme) của giới xuất bản Pháp, trước khi biết tới vinh quang của giải Goncourt. Làm sao sống, ở "khúc quanh lịch sử như vậy"?

-Thì cứ tỉnh bơ đi. Thoạt đầu, hoàn cảnh của tôi ở Pháp thật khác thường thành thử tôi cũng chẳng mong được hân hoan đón nhận, được biết tới ngay lập tức. Tôi cứ thế mà tiến tới, tin ở mình, và tự nhủ thầm, rằng mọi biết tới, mọi nhận ra, đều chỉ là tương đối. Khi được Goncourt, tôi cảm thấy như được choàng hoa. Như vậy là tôi đã sống cả hai thái cực, và tất cả những gì đang xẩy ra là ở giữa hai thái cực đó.

-Trong số những cuốn tiểu thuyết đã xuất bản, có cuốn nào được ông cưng nhất không?

-Không, cuốn nào thì cũng có câu chuyện của nó, khí hậu của nó. Hơi giống như những cơ bắp, tùy theo bạn cử tạ hay phóng lao. Điều tôi thích ở trong cuốn "Lời thú tội của người cầm cờ bị thất sủng", là bố cục (composition), bằng cách nào cả một thời đại hiện ra, dưới cái nhìn trẻ thơ của một cậu con trai. Trong "Di chúc Pháp", tôi yêu sự di chuyển giữa hai văn hóa, một mang tính xã hội, một mang tính thơ ca.... Những cuốn sách là một phần của tôi, hoặc của cái gọi là "siêu tôi" (surmoi). Sợi gân của chúng, đó là cái điều những người khác không diễn tả: một cử chỉ tình cờ nào đó trở nên thật riết róng đối với tôi, một thoáng chốc, được cắt ra từ cái dòng đều đều của thời gian, trở thành cả một cõi nhân gian nhỏ xíu, với không gian, với bầu trời của nó. Người góp ý về những khoảnh khắc... Là nhà thơ, là như vậy... Tôi nhớ, có một bữa trời mưa ở Sables-d'Olonne. Tôi chạy trú mưa ở một cái sân (terrasse). Một ông cụ già lụ khụ cũng theo tôi trú mưa. Ông cụ chắc cũng được trăm tuổi, mặt nhợt nhạt vì thiếu máu. Ông cụ nói về bệnh tật của mình, về nỗi khó khăn khi đi đứng, về

chuyện máu của oụ chảy ngược. Tôi chẳng nói gì hết, tôi nhập vào ông cụ, tôi sống khoảnh khắc ông cụ đang sống. Mưa ngưng, ông cụ bỏ đi, nhưng có lẽ ông cụ đã chuyển sang cho tôi cái gọi là yếu tính cuộc đời của cụ, mà cũng chẳng thèm coi đó là quan trọng. Cuộc đời – và cuộc đời nhà văn của tôi – là từ những khoảnh khắc này.

-Cảm nhận cái đẹp, đầu tiên, đầu đời, của ông, là gì?

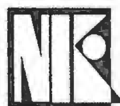
-Tôi luôn luôn sững sờ, bởi những người phụ nữ. Tôi còn nhớ một trong những người đó, mà tôi yêu như điên như khùng, tại một làng ở Sibérie. Tôi lúc đó mới mười tuổi, nàng cỡ ba mươi lăm, hoặc bốn mươi; nàng đi lấy nước, từ một nhánh sông gần đó. Nàng bước lên những tấm phên trải qua những vũng bùn, còn tôi thì ở trên một mỏm đất ngó xuống. Một chốc, một lát, nàng biến mất, và cứ thế tôi trở đi trở lại khúc sông chỗ nàng đã từng đặt chân, rồi tôi ngó sông, ngó mặt nàng phản chiếu từ đó, ve vuốt khuôn mặt nàng, và thấy mình ở mãi đâu tít bẩy từng trời. Đó là một tình yêu trong trắng, và rất phàm tục (physique). Nếu người ta muốn, người ta có thể đi vào trong cùng một con sông, khi mà mình muốn, chẳng thèm để ý đến điều Héraclite nói. Yếu tính của văn chương là ở đó, ở trong ước muốn được đi vào một lần nữa, trong một dòng sông.

-Cậu bé ngày xưa nghĩ sao về người đàn ông bây giờ?

-Cậu xét đoán thật nghiêm khắc, nhưng cậu nhận ra người đàn ông. Cậu nhận ra sự khó khăn, những mục đích đã đạt được, con đường chưa đi hết. Cậu không đỏ mặt xấu hổ, nhưng cậu cho rằng tôi hơi "cynique", nhưng không quá ra vẻ dậy đời. Nhưng cậu vẫn chấp nhận tôi. Đây là một độc giả trung thành, tôi nghĩ vậy.

CATHÉRINE ARGAND





KIM THI
ngày... tháng...

Ngày... Tháng...

"Đến Cali, chưa vào Dĩ vãng, chưa phải là đến Cali..."

Nguyễn Hoàng Văn, trong chuyến du lịch sang Cali vài tháng trước đây, sau vài lần được bạn bè đưa đi "rửa mắt" ở một quán cà phê mang tên Dĩ Vãng, trở lại Úc, đã mượn những lời quảng cáo thường thấy xuất hiện trong các tờ báo Việt ngữ tại quận Cam vừa dẫn trên, để mở đầu "một cách đầy ấn tượng" cho bài viết sẽ được giới thiệu dưới đây về vùng đất thường được dân Việt hải ngoại mệnh danh "Thủ đô tị nạn".

Cà phê Dĩ Vãng (I, II, III...), dĩ nhiên không lạ gì với cư dân Orange County và các vùng phụ cận. Bảng hiệu này còn được dân ưa la cà hàng quán gọi trại thành *"Cà phê thịt"*, hay trắng trợn thô tục, *"Cà phê vú"*, *"Cà phê mu"*! Độc giả ở xa, hẳn đã phần nào hình dung được sinh hoạt của những quán cà phê này, qua những cái tên gọi trại tôi vừa dẫn. Đó là những hang động mù mịt khói thuốc, ầm ỉ tiếng

nhạc, chớp sáng loạn mắt những màn hình TV vây quanh bốn vách tường. Trong khung cảnh ấy, mọi sợi thần kinh cảm giác còn được căng ra đến mức bảo hòa bằng những bóng hồng uốn éo luồn lách như rắn trên những đôi guốc nhọn gót cao nghệu. Tất nhiên, những bóng hồng này thoải mái trưng bày mọi phần thịt da được bơm, độn tối đa ở những phần cần bơm, độn, và chỉ được che chắn một cách... cẩu thả bằng hai mảnh vải nhỏ xíu cột thắt điệu đàng bằng hai sợi dây vải mỏng manh.

Tuy mê li hấp dẫn là thế, nhưng... khổ nỗi nước Mỹ lại quá văn minh tiến bộ, cái gì cũng có qui củ luật lệ hẳn hòi. Nghĩa là, khác với các quán bia ôm hay cà phê ôm nội địa, khách tha hồ sử dụng tứ chi cùng các bộ phận khác nằm trên thân thể (tùy tiền "boa" và mức độ chịu chơi của các nàng Kiều) để chụp bắt cảm giác, ở quận Cam, khách hào hoa tìm đến Dĩ Vãng chỉ được quyền... thỏa mãn hàm thụ bằng mắt thôi. Anh nào lòng trần chao đảo, khiến tay chân năng động vô trật tự, là lập tức Security đi lòng vòng bên ngoài sẽ nhào đến, nhẹ, vỗ vai cảnh cáo, nặng, con số tám bằng sắt sẽ có cơ hội làm tròn chức năng ngay.

Nguyễn Hoàng Văn đến Dĩ Vãng tất nhiên không ngoài mục đích rửa mắt, song le, do méo mó nghề nghiệp, nhất là thứ nghề và nghiệp phê bình, lý luận, vốn đòi hỏi người hành nghề phải có một mắt nhìn và một bộ óc cực kỳ tinh tế, Nguyễn Hoàng Văn không chịu dừng lại ở vị trí một anh đàn ông (chưa vợ hoặc trốn vợ) thỉnh thoảng đi ngoại tình bằng mắt cho đời thêm tí hương hoa, anh phóng tầm nhìn xa hơn, rộng hơn. Cái xa và rộng vượt ngoài mục đích giải trí... lành mạnh. Cái xa và cái rộng từa tựa một tiếng thở dài: *Thủ đô tỵ nạn là nơi thể hiện cao nhất của tinh thần lưu vong, và cái tinh thần lưu vong đó vẫn nằng nặng những ám ảnh gì đâu. Nằng nặng như níu kéo của một thói quen chưa thể nào dứt bỏ, như một bẩm tính rừng rú chưa được thuần hoá. Và, như những cố gắng đạt đến cái cho là hoàn mỹ bằng con đường tắt, bằng của giả, bằng của bơm của độn...*

Mời độc giả viếng cà phê Dĩ Vãng với Nguyễn Hoàng Văn.

DĨ VÃNG Ở CALI.

“Đến Ca-li, chưa vào Dĩ Vãng, chưa phải là đến Ca-li...”; đâu đó, trên mấy tờ báo Việt, lại thấy thấp thoáng những quảng cáo đầy ấn tượng như thế.

Nhưng Ca-li ấy hẹp thôi! Không phải một Ca-li-tiểu-bang thuộc

hàng lớn nhất nước Mỹ, một Ca-li đã làm nên cái *Californian dream* đã thế chỗ, hay đã đoạt giấc mơ hoa *American dream* trong những cái nhìn nhìn từ bên ngoài. Đó là Ca-li ở nghĩa thủ đô tỵ nạn, Ca-li gói gọn ở Santa Ana, ở Orange County, nơi mà mức độ tập trung những tinh hoa lẫn những cặn bã của khối người Việt lưu vong đạt đến mức cao nhất.

Đến, đã nghe nói thế. Đi, cũng nghe chẳng khác hơn. Rời cái "Ca-li thủ đô tỵ nạn" ấy, đến một Ca-li khác hơn, xa hơn, như San Jose hay San Francisco chẳng hạn; lại nghe, nhất là giọng nữ, với ý bông phèng: "Ở dưới ấy có vào Dĩ Vãng?"

Ôi, Dĩ Vãng là cái quái gì mà gớm ghê đến vậy?

Dĩ vãng, hẳn nhiên, là thời đã qua. Nó có trầm lặng mà quay quắt, cổ điển chừng mực mà bay bổng, như cái buổi chiều ngàn ngạt Hương Xưa của ông Cung Tiến: "Người ơi, còn nhớ mãi trưa nào thời nào vàng bướm bên ao. Người ơi, còn nhớ mãi tiếng ru êm êm chìm trong ca dao..." để rồi đi đến cái tâm sự "vẫn thương muôn đời nàng Quỳnh Như thuở đó..."?

Hay nó bình dân dễ dãi hơn, loại dĩ vãng "Vượt thời gian trôi về quá khứ phút giây chạnh lòng", hoặc "Nhắc chi chuyện cũ thêm đau lòng lắm người ơi.." ?

Thế thì hà tất phải nhọc công? Chưa vào cái "Dĩ Vãng" có nhãn hiệu cầu chứng, có quảng cáo mời mọc, riêng cho một không gian khép kín ấy đã thấy những "dĩ vãng" như thế bàng bạc, tràn đầy khắp thủ đô tỵ nạn hết rồi.

Trông cứ như như một khoảnh của "Việt Nam Cộng Hoà nối dài". Dĩ vãng chập chùng những cái tên như Ba Lẹ: Ở Melbourne, đã thấy Ba Lẹ, sang đến Ca-li, cũng hiên ngang lừng lững cùng một nhãn hiệu bánh mì. Cứ thế, những bò bảy món Ánh Hồng, những Phở Duy Tân, Pasteur, Hùng hay Hiền Vương v.v... Những cái tên như là chẳng của riêng ai, gợi nhớ một thời rộn rịp Sài Gòn, đã cầu chứng ở khẩu vị của thực khách nhưng chưa bao giờ cầu chứng như một tác quyền, như một tài sản trí tuệ.

Dĩ Vãng còn "đóng hộp" ở những lời ca gọi là "ăm ắp tình tự quê hương" hay quay quắt "niềm đau quá khứ". Có thể tìm thấy khắp nơi, trên những trung tâm băng nhạc ê hề thủ đô tỵ nạn. Người lưu vong chắc là sính nhạc quá trời nên cái gọi là "trung tâm" như thế này cứ là nô nức! Chen chúc khắp các ngã đường! Khắp chợ, khắp khu thương mại! Những băng, những đĩa không biết chính hiệu nai vàng hay của giả, của lậu, của ăn cắp ăn giật. Tên bún tên phở có thể chẳng của riêng ai nhưng nhạc thì - hay hay dở, sến hay không sến, thành thật hay giả tạo - hẳn nhiên phải là riêng của người mang nặng đẻ đau.

Nhưng, thủ đô tỵ nạn mà, nhạc cũng như phở như bún thôi khi dĩ vãng lại tìm thấy ở cái kiểu "ở đời muôn sự của chung": khó mà biết được ai đã viết, đã cưu mang ấp ủ lên nó. Cũng là cái sự "ở đời muôn sự của chung" như thể luật rừng luật rú giữa một xứ sở nghe đâu có tỷ lệ luật sư trên đầu người cao nhất thế giới!

Dĩ vãng còn tìm thấy trong những sắc áo trận màu rằn ri thấp thoáng trong một cuộc biểu tình cho tín ngưỡng. Tín ngưỡng sao lại nhuốm sắc chiến bào? Dành lại bát hương bằng gươm bằng súng hay chăng? Dành lại quyền đi đến nhà thờ, quyền đi lễ chùa bằng tiếng hô xung phong hay chăng? Hay là giành lại chính xác cái "tự do" của những ngày ở đó mỗi giáo phái một quân đội riêng, ở đó tín đồ phái này phái kia nộ khí xung thiên, lăm lăm tiểu liên trong tay, đòi "quyết tử" cả với chính quyền lẫn với người không cùng chia xẻ một niềm tin, một chính kiến?

Thật đúng là... một khoảnh kéo dài! Kéo dài như một thói quen cố hữu cho dù đã xơ, đã nhão, đã hết độ đàn hồi!

Dĩ vãng, của một phần tư thế kỷ trước, của một miền đất thật xa nơi bạo lực và âm mưu tranh đoạt quyền lực là một hình ảnh triền miên vẫn tiếp tục chi phối và ám ảnh như thế. Nó còn nhì nhằng trong những bài biện thuyết, những lý lẽ lập luận hay sát phạt nhau qua lại, những điều "nhân danh". Nhai nhải trên làn sóng phát thanh. Tuần tuần. Ngày ngày. Đến điếc cả con ráy!

Tuy nhiên, những Dĩ Vãng có nhãn hiệu cầu chứng — có đến ba Dĩ Vãng, đánh số 1,2,3 — không thể không viếng của khách đến Cali thì không thế. Thì cũng có chút gì rừng rú, nhưng là rừng rú theo cái đơn giản của thời nguyên thủy khi con người chưa biết xấu hổ lắm về cái sự lồ lộ hay ngong ngỏng đong đưa của những bộ phận trên cơ thể mình! Nhưng nói đến "Dĩ Vãng" mà lôi tuột về thời nguyên thủy, cái thời con người chỉ che chấn sơ sài vài bộ phận lồ lộ đong đưa của cơ thể thì e là xa quá!

Dĩ Vãng, ấy là những nơi mà khách viếng có thể nhẫn nha vài ba ngụm cà phê suy gẫm chuyện đời, hay thiết thực hơn, "đưa vitamin vào cơ thể" bằng những ly sinh tố lành lạnh. Mãng cầu, sầu riêng hay... "đủ thứ xay".

Và không khí ở đó cũng thực là... "đủ thứ xay"! Những màn hình ti vi với đủ loại chương trình. Những cầu thủ *football* vật nhau, ném nhau huỳnh huỵch dành bóng; những tài tử, trong vai hiệp sĩ bất đắt dĩ, đang ra tay cứu khổn phò nguy. Mỹ trắng Mỹ đen thi nhau gân cổ gào xé. Thỉnh thoảng lại nghe những giọng Việt Nam dậm dựt "tình tự quê hương"! Tình tự gì mà buốt cả óc, chùng cả tai!

Nhưng cái đáng nói của Dĩ Vãng, như đã phác qua, là những bóng hồng tha thướt da thịt màu nguyên thủy, lồ lộ mời mọc trong những *bikini* đồng phục. Dáng thon, ngực đầy, chân trường túc, những bóng hồng trông hấp dẫn và mời mọc hẳn lên trong những dáng đi tha thướt và uyển chuyển vì còn phải cố giữ thăng bằng trên những gót giày cao, thật cao, đi mà trông cứ như khiêu vũ, chào mời!

Thì ra khách đến Ca-li không thể không đến Dĩ Vãng chỉ vì những hình bóng ấy. Vì cái tính nguyên thủy và rừng rú ở bộ trang phục người thiếu nữ. Và, người ở xa Ca-li có bông phèng rằng đến hay chưa cũng là vì chuyện ấy. "Dĩ Vãng" có nhãn hiệu cầu chứng, đánh số 1, 2, 3 của thủ đô tỵ nạn mà trông cứ như một thứ *Men's Gallery* hầm hập mồ hôi đàn ông và mùi nước hoa lẫn da thịt đàn bà ở Melbourne, cái *gallery* lấp loáng ánh mắt háo hức láo liên nhìn ngang nhìn tắt như muốn len lỏi thật sâu vào những kẻ hở của da thịt người ta.

"Dĩ Vãng" — 1, 2 hay 3 — cũng hâm hấp những ánh mắt háo hức, láo liên như muốn tìm đường len lỏi như thế. Ánh mắt thì láo liên mà miệng thì thì thầm những lời thật hay giả, *ô-rin-rin* hay bơm hay độn v.v... Thi thoảng, giữa những khoảng im lặng hiếm hoi, cơ hồ nghe cả tiếng gió rít qua làn nước bọt theo từng động tác chíp môi. Không gian như loé lên những ánh mắt sắc lẻm, muốn xé toan sự cố thủ cuối cùng của lần vải che để đi đến sự toàn vẹn của tính chất nguyên thủy ở trang phục người con gái.

Tôi đến miền đất ấy một ngày Đông. Xa xa, những chóp núi cao đã phủ màu tuyết trắng, tuyết trắng như pha sữa, như nhụ màu ánh bạc, cái màu sắc chưa bao giờ tìm thấy trên một quê hương nhiệt đới gió mùa đã xa. Tuy nhiên, những "dĩ vãng" như hình ảnh của một "khoảnh kéo dài" cứ như thi nhau xuất hiện tràn tràn. "Kéo dài" ở những cái tên bánh tên phở Ba Lẹ, Pasteur hay Hiền Vương đã đành! "Kéo dài" cả ở màu áo trận khao khát tự do tín ngưỡng; kéo dài ở cái thói sát phạt hay tranh đoạt theo kiểu luật rừng. Và, hẳn nhiên, cả cái "Dĩ Vãng" có nhãn hiện cầu chứng, một "Dĩ Vãng" còn xa xăm hơn nữa ở những đường cong lồ lộ nét nguyên thủy.

Thủ đô tỵ nạn là nơi thể hiện cao nhất của tinh thần lưu vong, và cái tinh thần lưu vong đó vẫn nằng nặng những ám ảnh gì đâu. Nằng nặng như níu kéo của một thói quen chưa thể nào dứt bỏ, như một bẩm tính rừng rú chưa được thuần hoá. Và, như những cố gắng đạt đến cái cho là hoàn mỹ bằng con đường tất, bằng của giả, bằng của bơm của độn...

NGUYỄN HOÀNG VĂN

Los Angles – Sydney, Tháng Hai 2001

Ngày... Tháng...

Do yêu cầu làm báo, mỗi ngày tôi check mail vài lần, để nhận bài, để trả lời thư độc giả và văn hữu. Nhưng hơn nửa năm qua, công việc này trở nên ngao ngán đối với tôi, bởi lẽ, mỗi lần mở mail, là mỗi lần tôi phải delete hàng vài chục cái mail buộc phải nhận, của những nhóm, hội, tổ chức hay cá nhân... Những mail này tôi không đọc, không bao giờ đọc, vì chỉ cần lướt qua subject, tôi đã thừa biết nội dung chứa đựng những gì, tác giả thuộc thành phần nào.

Đành rằng xứ sở này tự do, mọi người đều có quyền bày tỏ quan điểm của mình, trên tất cả mọi lĩnh vực, nếu muốn. Nhưng khi đã biết sử dụng quyền tự do ngôn luận, thì cũng nên tôn trọng quyền tự do nghe hoặc không nghe của người khác. Đó là luật công bằng, là cách hành sử đứng đắn, dân chủ bất cứ ai, chỉ cần tí kiến thức và lòng tự trọng trung bình, cũng hiểu.

Khổ nỗi, chủ nhân của những email tôi bị nhận mỗi ngày đã không hiểu, không chịu hiểu. Tôi từng nhiều lần nhã nhặn (rồi hằn học) yêu cầu lấy địa chỉ email tòa soạn ra khỏi list của họ. Vô ích! Mail vẫn gửi đến, mỗi ngày mỗi nhiều hơn!

Tình trạng này đã và sẽ còn kéo dài bất tận. Nghĩa là tôi sẽ còn phải bực dọc delete mỗi ngày hàng trăm tuyên ngôn, tuyên cáo, tham luận, bình luận ngớ ngẩn và cũ mòn đến ngấy, đòi "dựng lại màu cờ", "đòi vạch mặt chỉ tên bọn kiều vận", hay tố cáo "khuôn mặt thật của tên cáo già họ Hồ", hay "hãy phát huy tinh thần đấu tranh vì chính nghĩa quốc gia bằng cách tẩy chay không xem, không nghe bọn văn công đội lốt văn nghệ từ nội địa sang trình diễn.", " hay "hãy gửi tấm hình này (chụp Lý Tống" bị còng chân lúc ra tòa) đến tổng thống Bush, yêu cầu tổng thống vì tình chiến hữu xưa kia giữa VNCH và nước Mỹ đồng minh, lên án nhà cầm quyền Thái Lan đã áp dụng chế độ lao tù khắc nghiệt với một anh hùng, đồng thời đề nghị tổng thống buộc Thái Lan phải thả ngay "anh hùng LT" ra khỏi nhà giam"...

Vì là địa chỉ email một tờ báo, không thể đổi, mà dẫu có đổi cũng vô ích, nó được công khai trên báo, sớm muộn cũng sẽ lại sẽ bị sử dụng vô tội vạ!

Không thể phủ nhận phương tiện truyền thông ngày nay đã tạo ra vô số phép lạ thần kỳ. Một trong những phép lạ ấy là giúp con người nhích lại gần nhau hơn, tạo điều kiện để những kẻ cô đơn dễ tìm đến nhau hơn. Rất nhiều người, vì áo cơm tất bật, vì hoàn cảnh khó khăn riêng, không có thì giờ và cơ hội "nhìn thấy" nhau. Qua internet, họ tha hồ tìm gặp. Nam, nữ, giàu, nghèo, thật, giả, cao, thấp... đủ hạng,

đủ kích cỡ, đủ ngôn ngữ, màu da, chủng tộc... Tha hồ chọn. Qua internet, không những người ta làm quen và bút thoại được với nhau nhanh chóng như mặt đối mặt, mà còn có thể nhìn thấy nhau qua hình ảnh, nghe nhau qua tiếng nói (mai mốt, không chừng còn... ngửi được nhau qua mùi mồ hôi hay mùi... thối mồm). Tôi có một anh bạn làm thơ, ngoại trừ lúc ngủ, gần như trọn thời gian trong ngày, kể cả ở sở làm, không lúc nào anh ta không bám trụ trước màn hình computer (nhờ nghiệp vụ chuyên môn, anh ta được sở trả tiền sử dụng DSL, nên có thể mở email thường trực 24/24). Như con nhện giăng tơ săn mồi, anh ta chăm chỉ, cần cù lùng sục kỹ lưỡng mọi trang web, của cá nhân hoặc của nhóm, hội văn nghệ (đại loại kiểu Bút nhóm Hoa Bằng Lăng Tím, Thi văn đoàn Sầu Viễn Xứ, Hội thơ nghiệp dư Mộng Bình Thường...), để truy tìm những "tâm hồn đồng điệu". Dĩ nhiên đồng điệu trên phương diện nào, vì mục đích gì thì chỉ có anh ta và trời biết, nhưng rõ ràng anh ta rất happy, internet đã và sẽ cung cấp dài dài cho bạn tôi điều anh ta cần. Đó là những mối tình, hàm thụ có, cụ thể có. Nhờ những mối tình này, anh ta có thêm chất liệu làm thơ, và nhờ những thi phẩm đẫm say sướt mướt khởi sinh từ những mối tình đó, anh ta thủ đắc thêm nhiều phương tiện làm quen với "những tâm hồn đồng điệu" khác... Cứ thế, cái này hỗ tương, tác động cho cái kia, đẩy sự nghiệp tình ái và thơ ca của bạn tôi bung nở như pháo bông. Nhìn anh ta tất bật sinh hoạt tình yêu qua cây cầu "văn học" rất đỗi cao quí, tôi ngỡ ngàng. Không ngờ văn chương chữ nghĩa cũng được giá với các mầm non mầm già văn nghệ đến thế. Và phải thực thà nhận rằng lắm lúc tôi không dấu được lòng ganh tị với anh bạn, dù biết sự ganh tị ấy cực kỳ vô lý. Tôi không đủ tài, đủ thông minh và đủ duyên dáng để kiên trì nỉ non thơ mộng hay ba hoa chích chòe về "sứ mệnh cao cả của chữ nghĩa", nếu gặp được đối tượng chịu nghe đã đành, mà thì giờ rảnh cũng không. Chưa kể bệnh dốt computer. Mười một năm làm báo, kiến thức của tôi về computer chỉ giới hạn trong vài chục phím chữ trên bàn chữ theo lối học thuộc lòng, do một cậu em kỹ sư đã sắp xếp sẵn (cậu em cẩn thận bảo tôi ghi rõ trên tấm bìa cứng, gim lên tường, trước bàn làm việc: Một, bấm phím này; Hai, nhấn nút kia; Ba, gõ chữ nọ...). Giả dụ ai đó cắc cớ thay đổi khác đi một chút những gì cậu ấy an bài, lập tức, tôi mù ngay. Thiếu thông minh, tài năng, duyên dàng cùng kiến thức chuyên môn về computer là thế, tôi lấy gì để so sánh với bạn tôi, mà ganh với tị cơ chứ? Đó cũng là lý do khiến tôi chưa từng một lần vào các trang web. Chúng nó, những trang web đầy ma lực và hứa hẹn, nằm chỗ mô? Làm cách nào để vào? Những câu hỏi rất i tờ này, mọi bé con trên dưới mười tuổi sống ở Mỹ đều biết, riêng tôi,

thì không! (Xin được mở dấu ngoặc tạ lỗi với tất cả các văn hữu đã từng email cho tôi, cho tôi biết các trang web của các bạn, và mời tôi lúc nào rảnh, vào dạo chơi. Khổ! tôi đã phụ lòng các bạn, mà nào dám nói thật. Nói thật, hẳn các bạn không tin, lại có thể hiểu nhầm thế này thế nọ!)

Nhiều lần trong lúc bực dọc delete những email bị buộc phải nhận, tôi vẫn ao ước, phải chi các "tâm hồn lớn" này bớt ưu tư cho "vận mệnh điêu linh của đất nước", bớt đòi đoạn từng khúc ruột vì cảm thấy "dân tộc Việt Nam đang ngày đêm quằn quại dưới gông cùm của loài quỉ đỏ", mà bắt chước bạn tôi, tìm đến nhau, réo rắc du dương với nhau, than mây khóc gió cùng nhau, thỉnh thoảng hẹn nhau đâu đó cùng hợp tác tìm hiểu thêm về môn cơ thể học. Biết đâu, nhờ thế, địa chỉ email của tòa soạn sẽ được lấy ra khỏi list của họ, và tôi sẽ được thong dong, nhẹ nhõm.

Nhưng tôi đau khổ nhận ra ước mơ ấy sẽ không bao giờ trở thành hiện thực. Các "tâm hồn lớn" này, qua quá trình thấy và gặp, tôi biết đa phần tuổi tác đã trăng tà bóng xế, cộng thêm bệnh hoài cổ mãn tính, sẽ vô phương nếu vẫn còn muốn ngo ngoe chuyện tình non tình già. Không ngo ngoe được, thôi thì lên internet... cứu nước vậy! Tuổi đã hưu trí, hoặc nếu chưa thì đã có con cháu hoặc Sở Xã Hội nuôi, rảnh quá, không "cứu nước", làm gì cho hết thì giờ? Nếu độc giả có dịp đến quận Cam, xin nhớ gọi điện thoại cho tôi, dù bận, tôi cũng sẽ thu xếp đưa quí độc giả đi... thăm dân cho biết sự tình. Vài tụ điểm tôi sẽ đưa quí độc giả đến là năm ba quán cà phê hành lang. Tôi không biết xưa kia tổng thống Ngô Đình Diệm anh minh và Bác Hồ kính yêu lưu lạc quê người tìm đường cứu nước khổ cực gian truân thế nào, chứ riêng các "tâm hồn lớn" đang mưu cầu cứu nước tại các quán cà phê hành lang này thì theo tôi, là cực kỳ sung sướng. Ở đó, vào giờ mọi người đang đầu tắt mặt tối với công việc chuyên môn của mình để kiếm cơm thì các "tâm hồn lớn" sau khi đi một vòng nhặt nhạnh năm bảy tờ báo lá cải (để tối về nghiên cứu các bài "xã luận chính trị"), bèn gọi phone kéo nhau đến quán, quây quần trước những ly cà phê hay "trái cây xay", trong vùng khói thuốc mù mịt, suốt nhiều giờ liền, từ sáng đến trưa, các "tâm hồn lớn" thay phiên dựng lại mọi thứ chuyện xưa tích cũ: *Xưa, tôi từng là... Xưa, dưới tay tôi có cả ngàn thuộc cấp... Xưa, tôi chỉ huy đánh trận A, trận B, Xưa, xưa, xưa* và *xưa...*, để rồi chắc như đinh đóng cột, chuyện xưa sẽ dẫn đến chuyện nay: Trong tình trạng điêu linh của quê hương, chúng ta phải làm gì để... cứu nước? Đây là ý kiến của tôi, các ông đọc chưa? Chưa, về mở computer, vào trang

web... Tôi mới viết bài này, bảo đảm với các ông, thằng Việt Cộng đọc xong sẽ té ngửa.... Tuần trước, con mụ TT của tờ.... viết bài chửi anh hùng Lý Tống, bảo Lý Tống ham danh, thích showup, làm chuyện nhảm nhí. Con mụ này có khi dám ăn tiền Việt Cộng phá hoại tinh thần đấu tranh của chúng ta lắm, phải vạch mặt cho đồng bào hải ngoại rõ. Tôi đã có bài phạng lại, các ông vào web mà đọc. Ngày mai ủy ban bảo vệ chính nghĩa quốc gia tổ chức biểu tình phản đối bọn đón gió làm lễ vinh danh thằng Việt Cộng Trịnh Công Sơn vừa chết, mình nên tham gia để biểu dương khí thế các ông ạ. Đã có bài viết trên net của tôi về vấn đế này được bà con khắp nơi hoan nghênh, chia xẻ nhiều lắm... Hình như, theo các "tâm hồn lớn" này, thì trong mọi trò giải trí, đánh đấm đơn phương hàm thụ bằng mồm xem chừng ít tốn kém nhất, danh giá nhất và an toàn nhất. Dù nhiều kẻ ác mồm cho rằng trò chơi này bệnh hoạn, giông giống chứng thủ dâm ở một số người thiếu thốn quan hệ tình dục song phương. Những kẻ ác mồm còn dám cá mười ăn một, rằng các "tâm hồn lớn" xưa kia, khi còn trong nước, nếu xương sống không mềm nhũn như bún, cong vòng như cung, thì gan mật cũng bé tí hạt gạo, có cáp thêm vàng cũng không dám dở trò cứu nước cứu non, dù chỉ "cứu" bằng nước bọt. Bây giờ, cách nửa vòng trái đất, đêm ngủ phòng lạnh, ngày ngồi xe hơi, sáng sữa tươi thịt nguội, trưa bào ngư vi cá, chiều gà quay sườn nướng, tối viagra cách nhật. Cuộc sống ấy tuy thơm tho rất mực, nhưng hưởng mãi cũng ngấy, cũng boring quá lắm. Bèn bày trò múa gậy vườn hoang, may ra tìm thấy tí cảm giác lạ. Chết ai, ai chết, không quan trọng, điều quan trọng là chả ai làm gì được mình. Không ai làm gì được mình. Sướng nhé, mất mát sứt mẻ gì mà không múa? Khổ nỗi, nếu các "tâm hồn lớn" chỉ tìm đến nhau, chỉ múa cho nhau xem, thì cũng đỡ phiền hà rắc rối thiên hạ. Đàng này, nhận thấy trò chơi vừa an toàn vừa danh giá là thế, túm tụm múa với nhau phí quá, bèn tìm cách nới rộng tầm ảnh hưởng. Internet là cây cầu thông tin tuyệt vời nhất. Sau nhiều đêm ngày quên ăn bỏ ngủ (dĩ nhiên không phải vì sợ mập và vì chứng mất ngủ phát sinh từ tuổi già) tư duy trăn trở tìm phương cứu nước, những bài viết ngùn ngụt lửa đấu tranh, hừng hực ánh sáng chân lý (theo thể điệu *mặt trời chân lý chói qua tim* xưa kia ông Tố Hữu đã bắt gặp) được khai sinh, được đưa lên các trang web, được gửi đến từng địa chỉ email vớ được, sưu tầm được, tích lũy được. Tôi không biết hàng ngày, khắp thế giới, có bao nhiêu người đã và đang trở thành nạn nhân của những cơn đồng bóng mang tên "cứu nước" này. Riêng tôi, nửa năm nay, mỗi sáng, mỗi trưa, mỗi chiều, mỗi tối, đã khốn khổ vì chúng mà vô phương đào thoát.

Độc giả Hợp Lưu hẳn có nhiều vị giỏi computer, nếu có thể, xin

mở lượng hải hà chỉ dẫn giúp tôi làm cách nào thoát khỏi cảnh tra tấn trường kỳ này. Tôi sẽ cắn cỏ ngậm vành tri ân.

Nhắn riêng với các "tâm hồn lớn": Tôi tha thiết van xin quí ngài, hãy cho tôi được yên, hãy để tôi mỗi sáng đừng nhìn thấy mớ rác rếch quí ngài thải ra một cách mẫn cán trên màn hình computer. Nó không giúp gì được cho tôi, hẳn nhiên. Nó còn biến quí ngài thành những tên Chí Phèo, tự rạch mặt trét bùn ăn vạ. Nhưng Chí Phèo ít ra còn có đối tượng để mà ăn vạ. Xét cho cùng, hắn đáng khinh nhưng cũng đáng thương. Tự bôi bẩn và hành hạ chính bản thân mình là vũ khí cuối cùng của lũ cùng đinh - nói theo ngôn ngữ bình dân, đó là cách thí mạng cùi - nhằm chống lại các thế lực nhân danh tiền bạc và quyền thế đè đầu cỡi cổ họ. Cách ấy nhục và đau. Phàm đã là con người thì không ai muốn nhục muốn đau, nghĩa là không ai muốn tự triệt tiêu nhân cách của mình cả, trừ phi, nhân cách ấy đã bị người ta triệt tiêu từ lâu. Chí phèo đáng thương vì thế. Riêng các ngài, những "tâm hồn lớn", muốn ăn vạ ai đây? Với "địch" ư? "Địch" ở bên kia đại dương, cách xa nửa vòng trái đất, không nghe, chả bao giờ thèm nghe cái cách đấu võ mồm ngớ ngẩn mốc meo quí ngài đang nhai đi nhai lại đến mòn nhão này đâu. Vậy, đối tượng quí ngài muốn ăn vạ xem chừng chỉ còn chúng tôi, những người cùng cảnh ngộ, cùng môi trường sống với quí ngài. Dưng không, chúng tôi bị biến thành con nợ bị buộc phải trả những món nợ chưa từng vay. Dưng không, mỗi ngày chúng tôi phải vừa trắc ẩn vừa bực bội đối diện với những khuôn mặt trầy sướt máu me và lam nham bùn sình của quí ngài. Nhìn, thương không nổi, mà khinh cũng không nỡ.

Đẩy nhau đến chỗ dở khóc dở cười này, lại nói theo ngôn ngữ bình dân, chơi dzậy còn chơi được với ai?

KIM THI

Đọc trong số tới

NGUYỄN HOÀNG VĂN

đẹp, như một bản vị?



DƯƠNG THU HƯƠNG
chốn vắng

Truyện dài
(Khởi đăng từ HL 48 - Kỳ 3)

Mùa hạ năm thứ tư, họ có thêm đứa con gái. Anh sơn tràng tỉnh Thanh không còn cầm nổi cưa lớn, chuyển sang học đóng tủ đóng giường, đóng hộc chứa lúa, trạn bát và các thứ đồ lặt vặt khác. Cuối năm ấy, anh mắc chứng ho khan. Gã đàn ông lực lưỡng như thần núi trước kia bỗng gầy lép, cao lêu nghêu, chiều chiều ôm ngực húng hắng ho, mắt lúc nào cũng long lanh như đang sốt. Mùa hạ năm sau, anh chết. Tá không lo nổi vài mâm cơm đãi những người tới làm ma cho chồng. Lúc đó đang chiến tranh, người ta liệm gã đàn ông xấu số bằng một tấm dù hoa, bên ngoài quấn chiếu.

Tá gầy rộc. Chị ta phải lo ba miệng ăn. Tá phàm ăn không kém chồng. Thoạt tiên, chị ta bán mấy chiếc tủ đứng, tủ chè, rồi đến giường hộp. Thời chiến, mọi thứ đều rẻ mạt. Người có tiền mua quăng vào một xó coi như đánh bạc với trời. Khi chẳng còn thứ gì để bán, Tá bòn tiền xuống biển mua cá mắm mang sang bên kia núi bán cho người Vân Kiều hoặc dân Lào. Hai đứa con nhếch nhác đói khát bỏ lại cho bà lão Đọt, chị gọi là dì, người ruột thịt duy nhất

trên cõi đời. Mỗi chuyến đi của Tá kéo dài hằng tháng. Càng ngày chúng càng kéo dài hơn. Dân làng thấy Tá béo đẹp trở lại. Qua ba năm chịu tang chồng, Tá lồng như ngựa vía tìm đàn ông. Gặp bất cứ người nào góa bụa hoặc gia cảnh bất hòa Tá đều sáp tới. Nhưng đàn ông khắp vùng kháo nhau về ma lực tình dục của Tá, cho rằng hễ dính với chị ta sớm muộn cũng chui vào mả nên họ tránh chị như tránh bệnh dịch hạch. Sau rốt, nhờ trời thương Tá cũng lấy được tấm chồng. Lần này là một lão già hơn chị hai mươi tuổi, vốn dân biển, vì mắc tội loạn luân nên phải bỏ quê hương phiêu bạt tới Xóm Núi, xin chính quyền cho dựng lều vỡ đất trồng tiêu. Lão tuy già nhưng giai sức, lại có dấn vốn. Tá lấy lão, cuộc hôn thú mãn nguyện. Duy hai đứa con người chồng trước là bất bình. Lúc đó đứa con trai mười ba tuổi và đứa con gái mười hai. Một lần, ông bố dượng vác củi đánh thằng bé. Nó hắt cả nồi cám sôi vào lưng lão già và bỏ đi. May mắn lão ta tránh kịp chỉ bị tuột một bên bắp chân. Nửa tháng sau, đứa bé quay lại rủ em gái trốn theo. Từ đó tới nay chẳng ai thấy bóng dáng của chúng. Người ta độ chừng chúng đã dắt díu nhau ra tỉnh Thanh, nương nhờ gốc rễ người cha. Tá không đi tìm con, cũng chẳng đau buồn nhiều. Chị đã kịp thời chửa và đẻ cho lão chồng sau một đúa con trai. Khi đứa bé đầy tháng bỗng xuất hiện một gã Vân Kiều thấp bé đen thui. Gã đóng khố, đeo gùi, nói thứ tiếng Kinh ngọng nghịu. Gặp Tá gã ôm chặt lấy chị, khóc rống lên. Họ nói với nhau bằng thứ tiếng líu lường không ai hiểu. Hẳn gã là người tình của Tá trong thời gian chịu tang, và hẳn Tá đã thề non hẹn biển khiến gã trèo đèo lội suối tìm kiếm khốn khổ như vậy. Bấy giờ, dân làng mới hiểu những chuyến buôn cá dài ngày của người đàn bà hoang dại. Vào lúc Tá đang phân bua với gã Vân Kiều, lão chồng già trở về. Lão đứng hồi lâu chờ cho gã đàn ông đen đủi kia khóc lóc rồi lừ lừ tiến thẳng đến, giáng cho kẻ địch tình một cú đấm hiểm ác, đoạn nắm cổ gã như nắm cổ con gà, quẳng xa ngoài cổng.

Tá ăn ở với lão được thêm hai đứa con nữa. Lão chết. Giờ chị nuôi ba đứa con nhỏ, một gái hai trai, chẳng đứa nào được học hành, sống như loài chồn cáo...

...Cha mẹ đã để lại gánh nặng cho con, một mối nhục không cách nào lẩn tránh. Sao lại sinh ra một kẻ đồi bại dơ dáy đến như thế trên đời?

Bôn thầm oán những kẻ đã sinh ra anh. Nhưng anh biết diều đó vô nghĩa. Họ chỉ là những bóng ma yếu ớt, những hạt bụi trong cõi trần cũng sẽ là những hạt bụi dưới cõi âm. Họ bất lực. Anh cũng bất lực. Hôm nay, trai làng đến sửa nhà cho Bôn, nghĩa là sửa luôn cho Tá.

Nếu là một người đàn bà khác dù ngu đần vụng dại đến đâu, họ cũng sẽ ở nhà thu vén nấu nướng... ...Thật nhục nhã khi chung máu huyết với một người như thế. Nhưng chẳng ai thay đổi được lịch sử bản thân và dòng tộc. Dẫu sao Tá cũng vẫn là người ruột thịt của ta. Chúng ta san sẻ một huyết thống, lớn lên dưới một mái nhà, và từng có chung ngày êm ấm...

Quả là khi cha mẹ anh còn sống, họ đã cùng hưởng những giây phút êm đềm. Anh nhớ tới những buổi tối vui vầy, hai đứa trẻ ngồi ăn bắp rang ngào mật. Bôn trong lòng mẹ và Tá trên đùi ông bố. Chảo bắp rang ngào mật còn nóng, bốc hơi thơm lừng. Mẹ Bôn bốc từng nắm bỏng bỏ vào tay anh, và mỗi bận cúi xuống bà lại ngửi hít mái tóc hoặc hôn lên má đứa con trai yêu dấu:

...Ôi cu con của mẹ, cục vàng của mẹ. Mai sau lớn lên con sẽ xây nhà cao cửa rộng cho cha mẹ, sẽ tu tạo mồ mả tổ tiên, con sẽ làm dòng họ Vũ chúng ta mở mặt mở mày...

Điệp khúc ấy mẹ anh đã nhắc hàng trăm lần trong khi cha anh ngồi nhìn anh ngây ngất...

- Chú Bôn, lại đây đã...

Tiếng gọi giật giọng của một chàng trai vang đến. Bôn giật mình vùng đứng dậy bước vào sân:

- Chú Bôn, chú muốn ngăn bằng vách nứa hay xây gạch? Nếu xây tường gạch, chúng cháu sẽ đan tấm liếp để cắt mái.

- Các cậu đã tính số gạch chưa ?

- Đã tính. Vừa đủ bức tường, nếu xây con kiến. Còn chú chỉ ngăn bằng vách nứa số gạch đó đủ bó thêm hai thước sân. Chú hãy suy tính trong năm phút, anh em cháu nghỉ tay uống nước rồi làm. Mấy gã trai ngồi nghễu nghện trên mái hút thuốc. Họ xách ấm nước lẫn chiếc ca nhôm theo. Bôn đưa mắt nhìn mảnh sân lở lói dưới chân anh. Trông nó thật tang thương với các lỗ gạch bị nạy mọc lố đố rau dền dại và cỏ ba chạc, gạch đã ngả màu thâm, các mạch vữa trát rã rời thành cát.

...Không ai có thể phơi phóng trên mảnh sân này. Dù trồng tiêu hay cà phê ta cũng cần một khoảng sân phẳng phiu, sạch sẽ...

Bôn nghĩ. Nhưng rồi anh đưa mắt nhìn mái tranh mới lợp. Ba gian nhà thông thống kia, nếu chỉ ngăn bằng vách liếp dán giấy báo như xưa, liệu anh có thể sống được cuộc sống chồng vợ với Miên? Tá chưa già, lại vốn là kẻ dâm đãng. Đứa con trai của Tá sáu tuổi, đứa con gái lên năm, chúng đã có cái nhìn tò mò quỷ quái. Ngày cưới Miên, chỉ thắp cây đèn dầu cũng gây xích mích. Giờ đây cuộc chung sống sẽ càng khó khăn hơn. Anh hình dung cảnh Miên sẽ đặt chân

lên mảnh sân bẩn thỉu này, bước qua khuôn cửa vào gian buồng tăm tối của anh với những bức tường mộc cũ ám đầy bụi và khói... Khốn nạn thay cảnh bần cùng...

Một tiếng chửi và lời than cùng lúc bật lên trong anh. Từ năm mười một tuổi, lệch vai gánh củi, gánh than kiếm tiền mua sách bút, anh đã mơ tưởng về thành phố và cùng với ánh đèn thành phố, cuộc sống của anh sẽ bừng sáng thoát khỏi cảnh bần hàn. Nhưng lúc này, anh vẫn phải đương đầu với nó. Số tiền xuất ngũ anh mua gạch, vôi vữa xây xin ủy ban. Họ vừa sửa sang trụ sở, còn thừa chút vật liệu tuy không tốt nhưng cũng chưa đến nỗi bỏ đi. Ngoài số gạch, anh chỉ còn đủ tiền mua một tấm chăn mới, tấm chăn đỏ màu hoa phượng vĩ, in hình những bông thược dược lớn bằng miệng bát ăn cơm. Anh sẽ dùng tấm chăn ấy vào mùa thu này, tin những bông thược dược chói lọi kia sẽ giúp anh vãn hồi hạnh phúc...

Bôn cất tiếng:

- Các cậu cứ xây tường chắn cho tôi... Còn khoảng sân tôi sẽ tự lo sau...

Lũ trai cười sằng sặc:

- Hoan hô, chúng cháu biết thế nào chú cũng phải đi đến quyết định ấy... Điều kiện tiên quyết là phải có sân chơi đẹp mới sút nổi bóng vào khung thành... Xem ra chú còn sáng suốt lắm. Kết luận là chúng cháu sẽ sử dụng số gạch này xây tường ngăn. Phía trên chắn liếp. Như vậy tổ ấm của chú sẽ kín từ chân tường lên đến tận mái tranh...

*

Hoan biết tin dữ lúc anh đặt chân lên cầu tàu.

Đứa cháu Hoan, con trai lớn của chị Châu đang xách những thùng hàng từ dưới thuyền lên kè, chợt bạn nó cất tiếng gọi:

- Ớ Hòa, ớ Hòa...

Hòa ngẩng lên. Một thiếu niên mặc quần soóc áo thun đang chạy tới, tóc bay ngược về phía sau. Cậu ta vừa chạy vừa tiếp tục gọi đốc thôi:

- Ớ Hòa, ớ Hòa... Mi nghe chuyện chi chưa?

Hòa đặt thùng hàng xuống kè, ngẩng lên:

- Mi mù răng không trộ? Tau vừa đặt chân lên đất liền tức thì.

- Cậu mi sắp mất vợ.

- Mi nói răng?

- Chồng mụ Miên về... Cái người đã báo tử hồi trước đó.

- Cha thằng nào nói láo. Người chết gần chục năm răng đội mồ về được?

- Ừa, cha thằng nào chửi láo... Rồi mi sẽ trộ.

Cậu bạn nói xong quay lưng định chạy đi, nhưng Hòa đã túm gọn lưng áo, kéo lại:

- Thôi mà, tau xin lỗi... Mi với tau, hờn giận làm chi?...

Chuyện ra răng kể cho tau nghe.

- Ừa, bữa đó tau phóng Hon-đa lên Xóm Núi, vào nhà mệ ngoại...

Hoan đứng dưới chân kè, hai chàng thiếu niên không ngờ anh đã nghe từ đầu tới cuối cuộc đối thoại của chúng. Lúc Hòa nhìn thấy anh đưa tay cấu bạn và hai đứa im bặt. Hoan thong thả leo lên kè, đoạn bảo đứa cháu:

- Cháu buộc thùng đồ lên xe cho chú.

Hòa ngoan ngoãn chạy đi lấy chiếc xe máy trong nhà gửi xe nơi bến cảng, cậu bạn lúc cung cúc chạy theo. Cả hai đứa đều là cư dân Xóm Núi trong những năm chiến tranh, sau ngày ngừng chiến mới trở về thành phố. Tuổi thơ của chúng đã trải qua ở nơi đó. Thành phố quê hương tan thành bãi gạch vụn chỉ là một kỉ niệm nhạt hòa. Xóm Núi là cuộc đời thực. Dẫu góc đất hẻo lánh luôn run động bởi bom trên đường Trường Sơn dội lại, nhưng vẫn có những khu vườn um tùm râm mát. Đó là những vườn địa đàng nhỏ bé thời thơ dại nơi chúng có thể dính ve, bắt chim, đào dế, chơi những trò chơi dân giã, nơi chúng có thề lượm ổi chín, hái mãng cầu hay khế ngọt... Và vì thế mấy năm nay, tuy đã trở về sống cuộc sống mới nơi thành phố, thi thoảng lũ trẻ vẫn thường kiếm cớ quay lại Xóm Núi chơi. Hoặc là, người ruột thịt còn ở lại miền sơn dã, hoặc chính những kỉ niệm trồng cấy ở mảnh đất ấy mời gọi chúng vào những thời khắc chúng rơi vào cơn trữ tình.

Cỡ mười phút sau, Hòa quay lại trong chiếc xe phân khối lớn. Không chờ anh lên tiếng nó lặng lẽ buộc các thùng đồ. Hoan bất giác đưa mắt liếc nhìn những thứ đồ gia dụng anh vừa sắm trong chuyến đi: Thùng các-tông vuông kia đựng chiếc máy xay hoa quả. Hoan rất thích uống trái cây xay với nước đá vào mùa hè. Vườn nhà đầy cây ăn trái. Anh sẽ cho trồng thêm vài cây bơ, vài cây vú sữa để đủ thứ quả dùng. Vài năm nữa, khi người ta kéo điện dưới thành phố lên, không cần chạy máy phát điện riêng để tưới cây và làm việc trọng đại, lúc ấy anh sẽ đưa chiếc tủ lạnh từ thành phố lên và sắm thêm chiếc máy truyền hình. Cuộc sống của họ nơi Xóm Núi sẽ hoàn toàn đủ tiện nghi như cuộc sống dân thành phố. Chiếc thùng gỗ kia đựng chiếc xe ba bánh cho con trai anh. Còn thùng đồ thứ ba, được

buộc dây kĩ lưỡng và vẽ mũi tên chỉ đồ dễ vỡ đựng lô cốc chén, bát đĩa quý mà anh đã lùng sục khắp các cửa hàng ở Đà Nẵng để mua về cho Miên. Miên thích bày đồ ăn trong những chiếc bát đĩa đẹp. Và niềm mê say có tính con trẻ ấy không có điểm dừng. Nhà anh có đủ thứ bát đĩa, từ loại thuần sứ trắng mộc tới loại vẽ hoa rực rỡ,từ đồ sứ Giang Tây cổ viền chỉ vàng tới những chiếc bát cô tiên loe như hoa loa kèn,rồi những đĩa men xanh rạn lẫn những đĩa sứ Tàu thời mới gia cố vẽ bầy tiên áo xống phất phơ múa lượn. Anh chiều theo mọi ý muốn của Miên, tựa hồ chị không chỉ là vợ mà còn là một đứa em gái hoặc con gái nhỏ của anh và những niềm say mê của chị khiến anh thích thú...

- Cậu ơi, chiếc túi này treo vào tay lái hỉ?

- Ờ, treo vào đó cho cậu.

Chiếc túi giả da nâu có đường hoa văn nhỏ kia đựng mấy mảnh lụa cho Miên may bộ đồ mới, thêm vào đó là xấp váy ngủ. Hoan đã phải mất hàng giờ đi theo đám đàn bà thành phố trong chợ Hàn, chờ đợi trả giá, rình xem họ chọn váy áo, tìm thứ nào tương xứng với cỡ người Miên, rồi mua theo. Vợ anh đẹp gấp trăm lần những người đàn bà trát đầy son phấn nơi thành phố. Tuy chẳng phải là một gã đàn ông lọc lõi trong chuyện bướm ong, nhưng Hoan thừa đủ sự tinh ranh của kẻ từng trải nghiệm để đọc trên gương mặt những người đàn bà anh gặp bao nhiêu phần trăm nhan sắc thiên phú và bao nhiêu phần trăm sự đắp đổi của son phấn lụa là lẫn các đồ trang sức. Trong tình yêu của anh với Miên vừa có lòng sùng bái một vưu vật của trời đất vừa xen lẫn niềm kiêu hãnh của một kẻ hiểu biết và may mắn. Khi xếp những chiếc váy ngủ kia vào túi, anh đã sung sướng bao nhiêu khi mường tượng lúc bắt vợ thử lần lượt từng chiếc, trước gương. Và anh, kẻ đầu tiên, kẻ duy nhất chiêm ngưỡng và đánh giá...

Giờ đây... Mọi sự sẽ chấm dứt:

Không một lời nhắn nhe, không điềm báo triệu:

...Tại sao trời nỡ đối xử với ta như vậy? Ta chưa hề làm hại ai, chưa từng lường gạt dối gian, chưa từng xâm phạm manh cơm miếng áo người khác? Ta cũng chưa từng quay lưng đi khi kẻ khác chìa tay. Đã phải qua nhiều năm đau đớn, ta mới tìm thấy hạnh phúc của mình...

- Xong rồi, cậu nè.

Hòa đã buộc xong mọi thứ, kiểm tra các nút thắt, nổ máy sẵn cho anh. Hoan đứng lên, phủi bụi kè bám sau lưng quần:

- Cháu chạy bộ về nhà sao?

- Được thôi cậu, một khúc đường ngắn à...

- Nói với mẹ mấy bữa nữa cậu xuống.

- Dạ, cậu đi... cho may mắn...

Thằng bé ấp úng, mắt lảng nhìn nơi khác. Hoan nhảy lên xe:

...Nó vẫn nói mấy lời khách sáo dù biết ta đang chịu rủi ro... cũng chẳng trách được thằng bé, liệu nó biết nói với ta điều gì? Thần may mắn bắt đầu ruồng bỏ ta. Nếu có thần, hẳn ông ấy là một kẻ bạc bẽo... Ta đã làm gì để đến nỗi chịu cảnh biệt ly này?...

Chiếc xe phân khối lớn chạy êm ru nhưng vóc dáng kềnh càng hung dữ của nó khiến những người đi xe máy khác phải dạt sang lề đường. Hoan chạy qua những phố quen thuộc, trên lộ trình về Xóm Núi. Lộ trình ấy, bắt buộc anh phải đi qua tiệm cà phê kẻ hàng chữ đen: Kim Kim - càphê Bar lồng trong hộp kính thắp đèn đỏ. Lần nào từ thành phố lên Xóm Núi hoặc từ Xóm Núi quay về Hoan cũng phải nhìn thấy tấn biển xấu xí ấy, nó là biểu hiệu của nỗi dơ dáy mọc trong quá khứ anh như cây xương rồng ma không chịu lụi tàn, ám ảnh và làm thương tổn tâm hồn anh một cách không mệt mỏi:

...Khốn nạn thật, chẳng lẽ lại một lần nữa số phận đầy đọa ta? Chẳng lẽ trời không có mắt và thích gieo nỗi bất công xuống cõi trần? Nhưng có lẽ chẳng có trời. Chỉ có người với người còn cái vòm xanh trên đầu chúng ta chỉ là điều hư ảo... Miên ơi,trên thế gian chỉ có em đối mặt với anh, có lẽ em mới chính là trời của anh, một ông trời bằng xương bằng thịt... Đừng bỏ anh... Hoan chợt nhận ra anh vừa bật lên tiếng rên, bánh xe bập lên một hòn đá nhỏ lạng sang cột mốc cây số rồi theo đà vọt tới, nghiêng trên ta-luy chỉ chút xíu là rơi xuống con hồ bên dưới. Hoan dừng xe. Mồ hôi anh vã đầy trán. Anh rút mù-xoa lau trán, lau cổ, lau hai hố mắt mồ hôi bốc mờ cả kính. Cái chết vừa chạm lướt da thịt anh. Làn nước hồ dưới kia gợn sóng lăn tăn như mỉm cười. Nụ cười tao nhã và xảo quyệt. Người đàn ông đăm đăm nhìn xuống mặt nước giờ lâu, dòng máu lạnh từ từ bò vào óc não :

...Nguy quá, chỉ gang tấc là ta về chầu diêm vương... Không, ta không được quyền chết. Con trai ta còn quá nhỏ. Ta không thể để nó sống kiếp mồ côi. Ta đã có một tuổi thơ mãn nguyện. Cha ta đã yêu dấu, đã nương dìu ta tận tình biết bao. Giờ tới lượt mình,ta không được quyền xao lãng...

Anh quay lại, lấy mũ bảo hiểm cột phía sau đội lên đầu. Vừa gài quai mũ vừa hình dung thấy gương mặt người cha,gương mặt dịu hiền với những nếp nhăn nhíu lại nơi đuôi mắt và hai bên tinh mũi mỗi bận ông cười,ánh mắt ngập tràn tình phụ tử lẫn tình bạn hữu ông thường nhìn anh, vào những buổi chiều hai cha con bơi ngoài

bãi biển Đồng Hới, vào những sáng chủ nhật mưa rào ông chơi cờ với anh trên tấm phản gụ, vào những đêm đông ông đặt anh lên đùi và kể chuyện tráng sĩ Yêu Ly tiết tháo, chuyện tình Ngu Cơ Hạng Võ hay chuyện Trưng Nữ Vương... Những kỷ niệm ngọt êm cùng lúc xô về, đan gài bao nhiêu ảnh hình, âm thanh, mầu sắc, hương vị dâng trong anh niềm xa xót:

...Ta phải sống để nuôi cu Hạnh thành người bởi tuổi thơ là nền tảng chắc chắn nhất để xây đắp con người thành cốt cách... Cho dù không còn Miên, ta vẫn còn một mảnh đời thật sự, một mảnh hạnh phúc cầm nắm được trong tay...

Hoan kiểm tra lại nút gài mũ lần chót rồi lên xe. Một đoàn ô tô tải từ phía sau vọt lên cướp đường, thả bụi mù. Hoan nhìn làn bụi, nghĩ:

...Không còn Miên... Nhưng cớ sao ta lại tin ngay điều rủi ro ấy? Cớ sao ta chấp nhận nó như sự đã rồi, như kẻ nhắm mắt nhảy xuống sông không dò mực nước. Cái tin đó vẫn chỉ là một tin đồn... và nó còn ở phía trước... Cần nhìn đến tận nơi, dù là nỗi bất hạnh. Anh là kẻ trưởng thành hơn Miên bảy tuổi, và bởi thế không được quyền hành động hồ đồ hay mù quáng. Anh nghĩ đi nghĩ lại tình thế của mình. càng nghĩ niềm xác quyết về tình yêu càng khiến anh đau xót...

Hoan là dân thành phố Đồng Hới, thành phố biển mộng mơ với những ngôi nhà cổ, dài và hẹp như ống tre. Phía trước là cửa hiệu giống như mọi thứ cửa hiệu nơi phố xá. Nhưng phía sau cửa hiệu là các gian buồng chứa hàng, và sau nơi chứa hàng lẫn phòng ngủ là mảnh vườn có tường vây bọc. Dường như nhà nào cũng có một mảnh vườn dù rộng dù hẹp. Tường bao vườn leo rậm rịt cây móng rồng lẫn hồng tường vi. Mùi hương của hai loài hoa quyện lấy nhau, tẩm ướp không gian vây bọc thành phố, hòa cùng gió mặn tạo thành một thứ hương bâng khuâng như trộn lẫn biệt ly và tao ngộ,tựa tâm hồn kẻ lữ hành dạn dày và mệt mỏi vừa muốn tiếp bước phiêu lưu vừa muốn quay về. Tên thành phố là tiếng gọi lẫn tiếng thở dài: Đồng Hới, ơi hời biển Đông... Tên ấy có nỗi phiền muộn, nhớ nhung, có âm vang của chân trời cuộn sóng. Xưa kia các thi sĩ qua đây, nhớ Hàn Mặc Tử đã đặt tên cho nó là thành phố hoa hồng. Cái tên ấy dường như có lý. Mùi tường vi nồng dại thường dậy lên vào những sớm se lạnh hoặc sau các cơn mưa. Vườn nhà Hoan trồng cả tường vi lẫn hoa móng rồng như mọi nhà. Ngoài ra còn có hồng xiêm với mãng cầu, có hòn giả sơn mọc đầy rêu và trúc cảnh. Vào những ngày tế đất trời hoặc lễ xá tội vong nhân, người nhà đặt các mâm cỗ quanh

hòn giả sơn, cắm hương vào các bát sứ cao chân, mẹ anh mặc áo dài quỳ trên chiếu xì xụp lễ. Cha anh, bao giờ cũng ngồi trên chiếc ghế mây đặt phía sau, khoanh tay ngắm đất trời. Ông là nhà giáo, đồng lương của ông không thể đặt lên đĩa cân so với xấp tiền vợ ông thu được từ cửa hàng, nhưng ông vẫn là vị chúa tể, kẻ quyền uy số một dưới mái nhà của họ. Hoan nhớ khúc nhạc đón bình minh trong suốt tuổi thơ của anh, ấy là giai điệu của chiếc đồng hồ treo tường Thụy sĩ cổ. Sau khúc nhạc ấy, ông giáo pha cà-phê. Bà giáo cùng chị Nền xuống bếp lo bữa điểm tâm, còn hai đứa trẻ chuẩn bị tới trường. Ngày ấy, họ sống dưới một thứ quan niệm hà khắc của chủ nghĩa vô sản. Thói quen uống cà-phê sáng của ông giáo được coi là tàn dư của giai cấp tiểu tư sản, cho dù bữa điểm tâm của họ chỉ là bún chan nước xáo hoặc mì nấu với lá hành. Nhiều lần, Hoan nghe mẹ van xin cha:

- Anh hãy nhớ lại thời cải cách ruộng đất, rồi cải tạo tư sản... Thời đó chưa xa. Nhà nước có thể lặp lại những cuộc chà xát đó bất cứ lúc nào. Chúng ta may mắn vì có người che chở nên dù cửa hiệu bị kinh doanh hóa em vẫn còn được chân bán hàng để kiếm miếng cơm... Nhưng mắt thế gian vẫn không ngừng dòm ngó... Em xin anh thay đổi thói quen...

Và lần nào, cha anh cũng đáp lại một cách chậm rãi:

- Chúng ta là những người tử tế, bao đời sống thanh sạch. Không có gì khiến chúng ta khiếp sợ. Hoặc chúng ta chết, hoặc chúng ta sống như mình muốn... Tôi thích uống cà-phê, tôi sẽ cứ uống cà-phê, tôi không thay đổi thói quen để làm vừa lòng lũ quan lại thích uống nước vối hay tu nước lã...

Người đàn ông mảnh mai ấy thật gan lì. Lúc nào ông cũng tắm rửa sạch sẽ, xức nước hoa, áo quần tề chỉnh, tóc chải gọn và mái đầu ngẩng cao một cách đường bệ. Hình ảnh ấy quá lạc lõng giữa một xã hội sợ sệt bần hàn, giữa đám đông ăn mặc dơ dáy nhớp nhúa hoặc cố tình dơ dáy nhớp nhúa theo chủ thuyết vô sản hóa, giữa những gương mặt đói khát và nhớn nhác những mái đầu cắm sụp xuống tô phở mậu dịch không người lái tanh tưởi thìa xúc bị đục lỗ thủng như máng ăn của gia súc được đánh dấu... Hoan lờ mờ cảm thấy nghi thức tắm gội và cách ăn mặc trang trọng kia cha anh đã cố tình thực hiện một cách thái quá để biến chúng thành sự thách thức với xã hội đương thời. Nhưng thiên hạ phải làm lơ. Có lẽ ông là một nhà giáo giỏi và tận tụy với nghề. Hoặc vì mạng số của ông quá lớn khiến những kẻ khó chịu ấm ức với ông đành phải nén lòng. Trong gia đình họ, ông đã gieo cấy một lối sống khoan hòa nhưng nghiêm nhặt, sự tôn kính được coi như lễ nghi tôn giáo, đức bao dung được xem như

phẩm chất cốt yếu, đạo làm người được truyền thụ trong từng ngụm nước uống, từng miếng cơm ăn. Suốt quãng thời gian yên bình ấy, mùi hoa móng rồng và hương tường vi dịu nhẹ tẩm ướp tâm hồn họ, lưu giữ họ trong một không gian thanh sạch riêng biệt, cuộc sống dối gian hèn hạ bên ngoài không thể xâm phạm tới... Tinh thần người cha ngự trị tuyệt đối nên phần đời dơ bẩn của thế gian bị đẩy khỏi cánh cửa gia đình. Cha Hoan yêu cầu vợ và đứa cháu họ không được phép kể những chuyện xấu xa tồi bại trước mặt chị em Hoan. Được đào luyện như thế, anh đã trở thành một chàng trai đúng như ông giáo Huy mong ước: thông minh, cần mẫn, tốt bụng, bao dung và đôi khi ngờ nghệch trước sự đời. Một thiên thần cao lớn vạm vỡ với những bắp thịt lực sĩ và đôi mắt trẻ thơ. Cha anh yêu anh, có phần hơn chị Châu, hài lòng với tạo tác của mình. Ông giáo mực thước và thơ ngây ấy không ngờ có ngày con trai ông rơi vào cạm bẫy của cái đời sống gian dối và ô trọc mà chính ông đã đánh đuổi một cách kiên trì và quyết liệt khỏi ngưỡng cửa gia đình...

Năm Hoan hai mươi hai, đẹp như tài tử điện ảnh, được gái cả thành phố ước nguyện. Mỗi bận anh tới sân bóng rổ, họ nhất loạt trở thành cổ động viên cuồng nhiệt với môn thể thao này. Dù họ đứng sát vạch vôi hay kín đáo nép vào một góc, dù reo hò lộ liễu hay thì thầm cấu chí mắt họ cũng bị hút về một hình ảnh duy nhất: chàng trai duy nhất của công giáo Huy. Hoàng tử mang tất trắng, ấy là biệt danh gái thành phố gán cho Hoan mà chính anh không biết. Anh không để ý đến ai. Đỗ đầu khóa thi tốt nghiệp trung học lẫn khóa thi vào đại học, anh nôn nóng đợi ngày rời thành phố ra thủ đô. Như con thuyền bập bềnh trên bến cảng, chân trời vẫy gọi mời mọc, trái tim anh tràn ngập mộng mơ và trí tưởng của anh bị thống trị bởi hình ảnh một con tàu chạy thẳng về hướng bắc. Con tàu đó sẽ hú lên hồi còi dài trên sân ga Thuận lý, dư âm của hồi còi còn kéo dài mãi, và cùng làn khói trắng bay về phía nam thay lời giã biệt... Cha anh biết tâm trạng thắc thỏm của Hoan nên thường để cho anh tự tay bóc lịch hàng ngày. Một bận, ông mỉm cười bảo anh:

- Hóa ra con cũng không đến nỗi yếu mềm như ba tưởng... Có lẽ ba đã già và chính ba mềm yếu...

- Không, không... Con không đến nỗi yếu mềm. Nhưng con biết con sẽ buồn khi sống xa ba mẹ.

Ông giáo gật đầu:

- Chẳng con thuyền nào muốn neo mãi trong cảng... Nếu thế, nó sẽ mục nát một cách vô ích và làm uổng công Tạo hóa...

Rồi ông tự tay thu xếp hành lý cho Hoan. Những bộ quần áo mùa

hè được xếp một chồng và bên kia là mớ quần áo rét. Góc va-ly, ông xếp bộ dao cạo râu mới tinh vừa được một người bạn tặng cùng với tá khăn tay:

- Sẽ có lúc con cần tới những chiếc mù-xoa này... Hồi trẻ, ba có xem bộ phim Mỹ tựa đề: Cuốn theo chiều gió... Nhân vật nữ rất đẹp, rất tinh ranh... Nhưng không bao giờ cô ta đem theo mù-xoa trong túi nên mỗi bận khóc người tình lại phải rút khăn cho mượn... Nếu may mắn con gặp được một người đàn bà đẹp như vậy, những chiếc khăn này sẽ có ích...

Nói rồi, không ghìm được ông đưa tay vuốt nhẹ mớ tóc trước trán Hoan. Anh đứng lặng như phỗng, muốn ôm cổ cha mà ngượng nghịu không dám. Anh đã quá lớn, cao hơn cha anh đến một cái đầu. Anh không thể kiễng chân ngửa mặt để ôm hôn cha anh như hồi anh năm tuổi... Còn cúi xuống, ôm ông như ôm một người yếu ớt cần chở che anh cũng không dám. Trong trái tim anh, người đàn ông mảnh mai ấy vẫn là vị thần khống lồ... Và anh muốn mãi mãi, mãi mãi suốt cuộc đời anh, giữ gìn hình ảnh đó...

Những tấm khăn tay ông giáo Huy chuẩn bị đã không được sử dụng một cách hợp lý như ông mường tượng. Và con tàu chở chàng trai lên phương bắc nấu sử sôi kinh chẳng bao giờ lăn bánh... Sau buổi chiều đáng ghi nhớ ấy một tuần, Hoan tới sân bóng rổ chơi như thường lệ. Lúc về, anh bỗng gặp mưa. Mưa rào tháng hạ cộng thêm gió biển giật khiến đất trời mù mịt nước xối. Mưa dày tới mức như chẳng còn là mưa mà là thác nước trút thẳng từ trên cao xuống đầu kẻ bộ hành. Chẳng ai đem theo áo mưa. Mọi người chạy táo tác đi khắp ngả. Hoan từ biệt đám bạn ở sân bóng men theo những mái hiên dọc phố về nhà. Toàn thân chàng trai ướt đẫm. Gần ngã tư đầu tiên, một người đàn bà nhô khỏi cửa, vẫy gọi:

- Hoan... Hoan... Cháu Hoan, lại đây

- Này cháu Hoan. Hoan... oan...

Tiếng gọi lanh lảnh, át cả tiếng mưa lẫn tiếng gió thúc. Hoan vuốt nước ròng ròng trên mặt và nhận ra bà trưởng cửa hàng. Anh chạy tới. Bà vẫn đứng đó chờ anh, một tay không ngừng vẫy, tay kia che cây dù:

- Vào nhà... vào nhà mau đi cháu... Dầm mưa thế không khéo cảm lạnh thì nguy...

Hoan vừa tới nơi, bà lập tức kéo anh vào nhà, rồi đưa anh tới ngay căn phòng tắm:

- Tắm mau đi cháu, tắm mau không cảm lạnh... Trong đó đã sẵn nước nóng, xà-phòng...

Chàng trai còn đứng ngờ ngẫn. Anh chưa từng đến tắm nhờ nhà ai, dù lạ hay quen, huống chi bước vào phòng tắm của một người đàn bà này... Bà Kim Lan, trưởng cửa hàng có cái tên rất sân khấu, đẩy Hoan vào phòng tắm:

- Sao cháu còn đứng đần ra thế? Tắm ngay kẻo cảm lạnh bây giờ. Hoan không còn biết từ chối cách nào đành phải bước vào phòng tắm, khép cửa lại. Nhưng ngay lúc anh đang cởi bỏ bộ quần áo ướt, bà Kim Lan đã xông tới gõ cửa ầm ầm:

- Này Hoan, mở hé cánh cửa để bác đưa cho bộ quần áo khô.

Chàng trai thoáng sửng sờ: Ở nhà anh, chỉ ông giáo Huy mới có quyền thân mật sỗ sàng như vậy, vào những dịp anh bất cẩn vào phòng tắm rồi lên tiếng gọi cha. Ngay mẹ anh cũng không làm việc này từ khi anh mười sáu tuổi. Anh lúng túng nhưng cũng đành mở hé cửa để bà trưởng cửa hàng chuồi cánh tay vào:

- Cháu cảm ơn bác, bác chu đáo quá...

- Ôi chao, đừng khách sáo... Chẳng gì mẹ cháu với bác cũng cùng làm việc với nhau.

Giọng bà chả chớt, ngọt ngào. Thật ra, tuy họ biết nhau từ lâu nhưng gia đình anh không có thiện cảm với người đàn bà này. Khi cửa hiệu của gia đình anh bị quốc doanh hóa, bà Kim Lan được cử tới làm cửa hàng trưởng phụ trách mười hai nhân viên trong đó có mẹ anh. Bà là người ăn nói sắc sảo nhất đám các trưởng cửa hàng và chủ nhiệm hợp tác xã của thành phố, cũng là người biết cách ăn diện và cách sử dụng quyền thế hơn người. Chồng bà là phó chủ tịch thành phố, nhưng ông ta cũng là bạn nối khố với bí thư tỉnh và ấy là điểm tựa vững chắc của bà ai ai cũng biết. Hồi nhỏ, chị em Hoan không có ý thức rõ rệt về vấn đề tài sản nên việc cửa hàng của ông bà nội để lại bỗng dưng biến thành của kẻ khác, một đám người khác ào ào tới chiếm lĩnh cũng không khiến họ mang nhiều hiềm khích. Nhưng ý thức về sự bị cai trị, và kẻ cai trị là hạng người lố bịch hèn hạ, hai đứa trẻ đều nhận biết rõ ràng. Thường ngày chúng nhìn thấy bà cửa hàng trưởng vênh bộ mặt lên sai bảo cắt đặt đám người dưới quyền, đặc biệt là với bà giáo. Tất thảy mọi hành vi của bà Kim Lan đều kèm theo ý thức thỏa mãn quyền hành. Hoan càng lớn càng hiểu rõ điều đó. Vì thế anh thường tránh mặt bà ta mỗi khi đi ngang qua. Gần đây, khi anh đã trở thành một thanh niên tráng kiện, giấc mơ của các cô gái thành phố, đôi ba lần bà Kim Lan nở nụ cười với anh,đôi ba lần bà toan bắt chuyện làm thân nhưng anh đã lẩn tránh trước khi bà đủ thời gian cất lời... Vậy mà cơn mưa rào đường đột đã dẫn anh bước qua ngưỡng cửa nhà bà, hơn thế nữa lại tắm trong

phòng tắm của bà và mặc bộ áo quần do chính bà đưa tới...

Dẫu sao, anh cũng thấy thoải mái sau khi được tắm nước nóng được mặc bộ quần áo khô và anh đành tặc lưỡi:

...Cũng chẳng có gì nghiêm trọng. Coi như đây là món nợ và ta sẽ tìm cách trả...

Hoan nghĩ như vậy khi rời phòng tắm. Bà Kim Lan đã pha sẵn ấm trà:

- Cháu uống trà và ăn sô-cô-la cho ấm bụng. Đồ của Liên-xô đấy. Đoạn bóc thêm một gói kẹo, bà nói:

- Còn kẹo này của bạn thân bác trai vừa đi Tiệp khắc về biếu. Cả thành phố chưa ai được nếm đâu...

Đã quá lâu chàng trai không được hưởng mùi vị của những thứ đồ ăn xa xỉ đối với cái xã hội bần hàn anh sống. Thêm nữa, vị trà nóng thật dễ chịu sau cơn dầm mưa như thế. Anh uống hết chén trà này tới chén trà khác, nghe người đàn bà thao thao nói và thấy bà cũng không đến nỗi đáng ghét như anh vẫn tưởng. Bà bạo dạn, khéo chuyện, biết pha vào câu chuyện những mảnh tiếu lâm hoặc những lời bình chú nửa dân giã nửa học trò. Nhận xét sắc sảo của bà khiến những chuyện đầu Ngô mình Sở chắp vá vẫn mặn mà. Trong lúc nói, bà không ngừng tay rót nước và bóc kẹo mời anh. Cuộc chuyện trò của họ kéo dài tới sẩm tối, thành phố lên đèn và chồng bà trở về. Bà Kim Lan mời Hoan ở lại ăn cơm nhưng anh từ chối:

- Cháu chưa xin phép ba mẹ cháu. Xin bác để khi khác.

- Thôi được, một lời hứa là một món nợ... Thế là cháu nợ bác rồi nhé...

- Ba cháu cũng dạy như thế. Cháu xin cảm ơn bác.

Hoan định bụng vài ba hôm nữa sẽ tới trả bộ quần áo và ăn cơm tối với bà. Nhưng ngay chiều hôm sau khi anh từ sân bóng về bà giáo đã đưa cho anh mảnh giấy:

Cháu Hoan thân mến,

Mới chuyện trò với cháu một lần nhưng bác đã mến cháu vô cùng. Bác xin phép ba mẹ cháu cho cháu dùng cơm với bác tối nay. Chẳng có gì linh đình chỉ là bữa cơm gia đình thân mật. Mong cháu không từ chối.

Chữ kí: Kim Lan nắn nót kèm theo. Hoan bắt đầu lo ngại. Cách cư xử, vẻ ào ạt thân tình như giông bão của bà không thích hợp với tâm hồn anh, với khuôn phép mực thước cuộc sống anh đã tu dưỡng từ thuở lọt lòng. Anh hỏi mẹ:

- Bà Kim Lan đã nói gì với ba mẹ?

- Chẳng nói gì ngoài những lời khen ngợi con.

- Sao ba mẹ nhận lời mời dễ dàng thế?

- Ba mẹ không nhận lời. Nhưng bà ấy nói rằng chính con đã hẹn tới nhà bà ấy ăn cơm.

- Nhưng không phải tối nay. Con định vài hôm nữa kiếm món quà để cảm tạ bà ấy đã cho con tắm nhờ hôm gặp mưa và ăn cơm một thể.

Bà giáo thở dài:

- Mẹ chẳng có cách nào hơn là cầm thư của bà ấy.

Hoan đi tìm cha. Ông giáo ngồi đọc sách ngoài vườn nhưng dường như đoán trước thế nào anh cũng tới nên vừa nghe bước chân ông đã quay lại:

- Sao thế con trai? Khó xử lắm à?

Hoan im lặng. Cha anh nói tiếp:

- Trước khi hỏi ý kiến ba mẹ, bà ta đã khẳng định rằng chính con hứa tới thăm bà ấy, rằng con tắm táp thỏa thuê ở nhà bà ấy sau cơn chạy mưa và cuộc nói chuyện giữa hai người vô cùng tương đắc.

Thấy anh đứng đần mặt, ông an ủi:

- Thôi, đừng cả lo... Chẳng có gì nghiêm trọng. Họ săn đón con cũng là điều dễ hiểu... Theo cha, nhiều bà mẹ có con gái đến tuổi trưởng thành đều muốn săn đón con như vậy. Nhưng chắc họ không thể táo gan và trơ tráo như bà trưởng cửa hàng.

Hoan ấp úng. Anh không thể cắt nghĩa cho cha mình hiểu rằng mối sợ hãi đang lởn vởn trong tâm trí anh. Anh không rõ nguồn cơn nhưng cảm thấy sự bất an như con rắn núp trong vòm lá rậm, cặp mắt nham hiểm của nó rõi theo những bước đi của anh trong khi anh hoàn toàn không nhìn thấy nó.

Ông giáo thấy anh ấp úng, liền nói tiếp:

- Thôi, con cứ đến nhà họ. Đó chẳng phải thứ người mình ưa nhưng là hạng người mình không thể tránh mặt... Vả lại, kẻ sẽ quyết định mọi sự chính là con. Xưa nay, nam nhi hỏi vợ chứ chẳng phải nữ nhi cưới chồng. Dẫu thời đại tân tiến đến dâu, luật tắc ấy cũng khó thay đổi.

Đoạn ông tủm tỉm nhìn anh, pha trò:

- Xem ra con trai ba cũng đắt giá, phải không?

Hoan cười theo ông. Anh đi tìm quần áo. Hoan định mặc chiếc áo ngắn tay nhưng ông giáo bảo anh đổi lấy chiếc sơ-mi trắng dài tay:

- Con hãy mặc nó với chiếc quần ka-ki xám. Đến nhà hạng người ấy hãy mặc thứ trang phục nghiêm khắc, già hơn tuổi.

Đoạn ông bảo anh thay đôi săng-đan bằng đôi giày da. Hoan hỏi:

- Con còn phải làm thủ tục nào nữa không ba?

- Thế là đủ. Cầm theo hộp bánh trên bàn, ba đã bảo mẹ con mua sẵn.

Chàng trai cầm hộp bánh có buộc sợi nơ hồng đi đến nhà bà trưởng cửa hàng. Bà đang bầy bàn ăn. Nhìn thấy Hoan, bà reo như đứa trẻ:

- Có thế chứ... Quý tử của ông giáo Huy rất biết giữ lời...

Căn nhà của bà sực mùi nước hoa. Chắc bà đã vẩy cả nước hoa lên tường vôi khiến không gian thơm quay quất. Dường như không chỉ có tóc tai quần áo bà chủ và các bức tường mà đến rèm che, ghế nệm, khăn trải bàn đều bốc mùi thơm ấy. Mùi nước hoa Tàu rẻ tiền xộc thẳng vào khứu giác như các món xào nấu của dân Quảng Đông, Quảng Tây ngụ cư trong thành phố:

- Cháu ngồi đây chờ bác, chút xíu nữa là xong.

- Thưa bác, ba mẹ cháu biếu bác hộp bánh.

- Trời ơi, ăn vài bát cơm rau mà tặng hẳn hộp bánh thượng hạng này...

- Bác trai chưa về ạ?

- Không, không... Sáng nay ông ấy vừa lên máy bay ra Hà Nội họp. Trung ương triệu tập đột xuất cuộc họp các chủ tịch tỉnh, ông chủ tịch tỉnh đang điều trị vết mổ ruột thừa,ông chủ tịch thành phố đang nghỉ mát tại Liên xô nên bác trai phải đi thay. Hôm nay chỉ có hai bác cháu mình và em Liên thôi...

Dứt lời, bà cao giọng gọi:

- Kim Liên... Ra chào anh đi con...

Và tiếng cô gái vọng từ bếp ra:

- Chút nữa đã, con đang dở tay món cá...

...A, đúng như cha dự đoán, đây là con át chủ bài... Hẳn họ muốn chinh phục trái tim ta qua cái dạ dày...

Hoan nghĩ, nửa khoái trá nửa bực tức vì tấn trò đang diễn. Cái cô gái tên là Kim Liên kia anh đã nhìn thấy nhiều lần, khi cô ta còn nhỏ. Một đứa bé gái đanh đá quen nhõng nhẽo. Mỗi bận cô ta đến cửa hàng bà Kim Lan lại có dịp đóng vai một bà mẹ phẩm giá vừa biết chiều chuộng vừa biết dạy bảo cô tiểu thư cành vàng lá ngọc. Còn cô bé kia được dịp biểu diễn quyền uy của đứa con duy nhất biết rằng cha mẹ nó không dám từ chối bất cứ thứ gì nó yêu cầu. Mấy năm nay không thấy cô ta đến cửa hàng, nghe bà Kim Lan nói cô đã ra Hà Nội học ngoại ngữ để du học bên Đức... Và đột ngột, giờ cô lại xuất hiện, trong vai cô gái nhu mì làm món cá đãi khách:

...Chẳng biết loại con gái nhõng nhẽo như vậy nấu nướng có

ngon không? Nhưng nhan sắc và đức hạnh của cô nàng thật đáng lo ngại...

Anh thầm nghĩ với một thoáng riễu cợt trong khi nhìn bà Kim Lan xăng xái đi lại, xăng xái khoe tất cả những thứ gì có thể khoe được trong căn nhà sang trọng của bà. Hoan thấy khó chịu vì vẻ lộ liễu của người đàn bà ấy. Đối với anh chẳng cuộc phiêu lưu tình ái nào cuốn hút hơn cuộc phiêu lưu của con tàu ngược lên phương bắc. Không gương mặt cô gái trẻ nào quyến rũ trái tim anh hơn những chân trời mộng tưởng, những chân trời tím chân trời xanh, những chân trời ở nơi hút tầm mắt và những chân trời phiêu diêu giữa cơn mơ rộn ràng của tuổi trẻ... Thêm nữa, mùi thơm của thứ nước hoa Tàu rẻ tiền trong nhà bà lại bốc lên gay gắt quá khiến anh muốn tắc thở:

- Dù là dân biển nhưng bác vẫn ngại làm các món cá vì tốn thời gian. Nhưng tối nay sẽ có cá chim hấp nấm, canh chua cá cam với dứa và rau thơm, cá thu kho gừng. Thêm gà tần hạt sen trắng.

- Bác cầu kì quá. Có ba người cần chi bày vẽ...

- Bác đâu có cầu kì... Nhưng muốn hay không tối nay cháu cũng là thượng khách.

Bà cười. Mắt bà ướt long lanh và cặp môi dày run run như sắp sửa co thắt lại. Hoan cúi mặt. Anh không quen nhìn những người đàn bà lứa tuổi mẹ anh lại có nụ cười như thế. Bà Kim Lan đặt đĩa hoa quả lên bàn, xoa hai tay:

- Xong cả rồi... Chờ bác rửa tay và em Liên thay quần áo. Bếp nóng quá mồ hôi ra ướt hết lưng.

Bà quay vào.

Hoan vớ cuốn họa báo trên kệ, lật xem. Dạ dày anh sôi sùng sục. Giờ ăn theo thường lệ đã qua từ lâu. Hơn nữa, chiều nay anh đã dánh tới năm séc bóng liền. Ở nhà anh giờ này mọi người đã ăn bữa cơm thường nhật. Không cao sang nhưng luôn có món ăn quen miệng và ưa thích. Bà giáo lẫn chị Nền, dứa cháu họ của bà, đều là những tay nấu ăn cự phách. Dù chỉ là món tôm rang hành tiêu hay món thịt kho nước dừa vào tay họ cũng thành những món ăn hấp dẫn khiến anh có thể đánh bay năm bát cơm đầy, thêm đĩa nộm hoa chuối, tô canh chua, món rau cải xào dầu hàu, bữa cơm của họ càng hấp dẫn. Và sau đó sẽ là bát chè tráng miệng mát như thạch:

...Thật xui xẻo cho ta, thật đáng nguyền rủa cái cơn mưa chết tiệt chiều qua. Nếu không, giờ này ta có thể ngả lưng trên giường đọc sách...

Anh tự nguyền rủa mình, cảm thấy chất cường toan trong dạ dầy thấm đến từng thớ thịt khi hai mẹ con bà trưởng cửa hàng vẫn nhí

nháu chuyện trò trong buồng tắm. Hoan ngước mắt nhìn đồng hồ treo tường, bốn mươi nhăm phút đã qua... Chắc chắn không phải họ thay quần áo mà họ cố tình đùa bỡn cái dạ dày khốn khổ của anh, hành hạ nó tới mức tất thảy mọi món ăn họ nấu đều biến thành nem công chả phượng...

...Khốn kiếp thật... Không có thứ chủ nhà nào đãi khách kiểu này...

Chàng trai gò lưng xuống để chống lại cơn gào thét của bao tử. Mồ hôi anh vã chảy dọc sống lưng. Tay anh lật báo liên tục mà chẳng đọc nổi dòng nào. Và anh cứ ngồi trong cái tư thế kì quặc ấy cho tới khi mẹ con bà chủ xúng xính bước ra. Bà mẹ mặc bộ đồ lụa hồng còn cô con gái váy áo lòe xòe. Hoan không còn muốn nhìn vào mặt họ, anh phải cố ghìm lại ý muốn xô mâm cơm xuống rồi bỏ về. Nhưng cuối cùng, chàng thiếu niên được giáo dục trong anh vẫn thắng. Anh vẫn buộc lòng phải nở nụ cười tươi khi bà hỏi:

- Khổ thân vị khách quý, cháu đói lắm phải không.

- Dạ... Không... Cũng thường thôi ạ.

- Tối nay cháu bị xơi món Mầm Đá... Cháu biết chuyện Trạng Quỳnh đãi chúa Trịnh món Mầm Đá hay không?

- Cháu biết.

- Kì lạ, dân Việt Nam mình thật thà chất phát thế mà đẻ ra cái ông trạng tinh ma quỷ quái kia... Này Hoan, cháu thích uống rượu gì?... Bác có sâm-banh Nga lẫn rượu nếp quê nhà.

- Cảm ơn bác, cháu không biết uống rượu.

- Không được, không được, nam vô tửu như cờ vô phong... Liên đưa chiếc ly tròn kia cho mẹ...

Bà rót vào chiếc ly tròn thứ nước đỏ sẫm rồi giơ lên ngắm nghía dưới ánh đèn:

- Không ra sao cả... Rượu nếp than phải rót vào ly pha lê Tiệp mới nổi sắc... Kim liên, đổi cho mẹ mấy chiếc ly Tiệp ra dây.

Cô con gái lại xoay váy chạy vào, bà mẹ lại đổ rượu, thay ly, lại giơ lên ánh đèn ngắm nghía...

Hoan đói mờ cả mắt, và cơn tức giận còn khiến thần kinh anh căng thẳng hơn. Nhưng anh vẫn cố dặn mình:

...Phải húp ít nước canh trước cho dịu cơn đói. Nếu không họ sẽ ép ta uống rượu và ta sẽ bị say...

Anh nhăm nhăm chờ bà chủ khai mạc bữa cơm để chất bát nước canh uống. Nhưng bà chủ nhà đã nâng ly rượu đỏ lên, nói gì đó anh chẳng còn nghe rõ, đoạn đặt ly rượu vào tay Hoan yêu cầu cụng ly với mẹ con bà trước khi ăn:

- Không người đàn ông nào lại đặt ly rượu đầy trước mặt trong bữa tiệc. Cháu phải cạn chén đầu tiên.

Hoan đặt chén rượu lên môi,dốc một lần đến đáy cốc rồi anh đặt chiếc ly kia xuống, anh tìm bát canh cá chất sang bát ăn của mình. Một hơi nữa, chàng trai húp cạn bát canh, không còn cảm nhận nổi mùi vị. Lúc đó, cơn đói mới bắt đầu dịu xuống. Nhưng cùng với bát nước canh, ly rượu đỏ của bà Lan thấm vào cái dạ dày đói khát của anh khiến anh chếnh choáng. Hoan chưa từng uống rượu bao giờ. Ở nhà anh, thỉnh thoảng được phép ăn rượu nếp nhưng là sau bữa cơm. Cha anh không cho anh uống rượu vì anh cũng giống hệt như ông, chỉ cần đụng môi tới chén rượu mặt dã đỏ như gấc. Lần đầu tiên Hoan bị đẩy vào cuộc phiêu lưu này. Anh không phân biệt được mùi vị các món ăn. Anh ăn như cái máy, lùa tất thảy những gì bà Kim Lan và cô con gái bỏ vào bát anh xuống dạ dày. Anh cũng không nhớ đã trả lời những câu hỏi của họ ra sao. Anh nhớ rằng anh đã nói khi họ nói, anh cất tiếng cười theo khi họ cười, toàn thân anh nhẹ bỗng, chòng chành như con thuyền rỗng không neo trên hải cảng. Mỗi lần bà Kim Lan giơ cao lên chiếc ly đỏ sóng sánh, con thuyền anh chòng chành chao đảo dữ dội hơn. Dường như chất nước đỏ thắm kia khiến hải cảng bình yên nổi sóng. Hoan nhắm mắt lại, kệ cho các ngọn sóng đong đưa thân xác anh, và những tiếng ru xa vời từ khơi xa vọng lại xô đẩy anh vào một giấc ngủ đắm chìm mộng mị...

Đến thời khắc nào đó, Hoan chợt thức giấc. Nhưng anh vẫn nhắm nghiền mắt vì một biển lam mênh mông trải dưới thân mình. Biển cuốn hút vời gọi anh trong cái yên lặng mơ đắm dịu dàng khôn tả, trong những luồng sáng kì dị tựa những lằn thủy tinh tím sẫm óng ánh lướt qua lướt lại. Đại dương mênh mông phẳng lặng không sóng không thuyền không cánh buồm không mây phủ không cả lũ hải âu, loài chim biển đa tình... Anh như chiếc thuyền nhỏ dứt đứt dây leo, rời hải cảng lênh đênh giữa mênh mông, giữa màu lam mờ ảo, rượt theo những vệt sáng tựa những lằn thủy tinh tím đen long lanh ánh trai ngọc.

... Hoan đã bơi rất xa,thấy yên lặng khôn cùng bao phủ quanh mình. Thuyền anh nổi trên làn nước bao la vô định. Bất chợt màu lam biến mất. Mất cả những vệt tím óng ánh thủy tinh. Trên đầu anh là trời đêm không trăng không sao. Cực yên tĩnh. Tâm hồn anh cũng yên tĩnh. Anh đã nằm im lặng như thế rất lâu. Một thế kỉ trôi qua. Anh ngỡ trời sắp sáng, chân trời yên bình không giông bão sẽ rực rỡ dưới vầng dương, và lúc ấy, anh bơi về hải cảng.

Rồi anh nghe ba tiếng chuông thong thả rót xuống từ vòm trời

đen thăm thẳm kia. Hoặc anh đang mơ hoặc tiếng chuông kia vọng từ những con tàu bị đắm dưới bùn sâu, vọng âm truyền qua các tầng nước nỗi tiếc thương chưa dứt:

...Đã có lần ta đọc về đời sống của những tên cướp biển. Vong hồn của những kẻ bị sát hại đêm đêm trở về vây quanh khu đảo bọn cướp cùng vợ con trú ngụ, gào thét và nguền rủa. Tiếng hú của các hồn ma khiến hoa trong vườn lũ cướp chưa kịp nở đã rụng hết cánh, lũ chó giữ nhà của chúng chỉ qua một đêm đã rụng hết lông rồi hóa điên cứ dựng đứng hai chân lên mà hú... Nhưng sao bỗng dưng ta nhớ lại câu chuyện ghê rợn này... Phải quên đi, quên đi...

Anh trở mình, nằm nghiêng.

Vùng biển lam lại hiện lên trong suốt, an bình. Tâm hồn anh trở lại thơ thới. Bất chợt, vật gì đó lướt nhẹ trên da thịt anh. Hoan chưa kịp hiểu từ đâu và vì sao những cảm giác se sẽ kia cứ lập đi lập lại. Những dao động êm ái đó khiến anh sung sướng. Anh nằm im, chờ ngóng và hưởng thụ niềm sung sướng lạ kì chưa từng biết:

...Phải rồi, người ta gọi cái đó là ve vuốt. Ve vuốt, ấy là cử chỉ của những cặp tình nhân, của Đes-đê-mô-na với Ô-ten-lô, của Mas-lô-va với người yêu nàng... Vậy thì những vuốt ve đang mơm trớn thịt da ta, em từ đâu tới? Có lẽ những nàng Xi-ren còn sống đến bây giờ, và họ đang làm ta mê mẩn... Nhưng vì sao thời cổ Hy-Lạp đã qua mà các nàng Xi-ren vẫn còn tới thế kỉ hai mươi này?

Trong lúc trí não anh băn khoăn tìm kiếm, da thịt anh đã cháy rực lên dưới những vuốt ve câm lặng vô danh. Những vùng cấm kị nơi sâu kín nhất của chàng trai đồng trinh được những ngón tay thần bí của nàng Xi-ren thức dậy. Ngay tức khắc, con mãnh thú trong thân thể cường tráng của anh chồm lên. Nó duỗi căng gân cốt như loài mèo thức dậy, và trong bóng tối huyền bí kia nó đáp lại những ve vuốt vô danh rất nhạy bén và mãnh liệt sau những ve vuốt khởi đầu ấy, nó nhẩy xổ vào thao tác tình ái một cách bài bản, thành thục, hoàn thiện như bậc thầy xuất sắc của nghệ thuật làm tình...

Rồi Hoan tỉnh mộng. Không phải vì nàng Xi-ren xô con thuyền của anh về hải cảng mà vì tiếng gọi của bà chủ nhà:

- Hoan... Hoan... Tỉnh dậy đi cháu...

Hoan mở choàng mắt, thấy gương mặt ân cần của bà Kim Lan đang cúi xuống. Anh định ngồi dậy nhưng đã kịp nhận ra mình trần như nhộng chỉ có một mảnh khăn tắm trùm ngang bộ phận kín. Nằm cạnh anh cô con gái bà chủ nhà. Cô mặc chiếc váy ngủ mỏng như mạng nhện, mặt vẫn trát đầy son phấn. Mồ hôi chảy ra trong cơn làm tình khiến son chảy phấn loang nhơm nhếch và trông cô như ả

đào cải lương gặp mưa. Chiếc giường họ nằm là giường đôi, họ gối lên cặp gối trắng tinh thêu những con chim câu tung cánh. Cảnh tượng hoàn toàn là cảnh khuê phòng, còn họ sắm vai cặp uyên ương ngày đầu trăng mật. Hoan đã đoán được bẩy tám phần câu chuyện. Tim anh lạnh ngắt:

...Ta đã bị lừa lên chiếc giường này đêm qua... Ta đã sập bẫy...

Bà trưởng cửa hàng nhắc lại:

- Hoan dậy đi cháu... Ba mẹ cháu đang chờ ở phòng ngoài.

Chàng trai lặng đi. Ông bà giáo Huy đã bị triệu tới đây, buộc phải chứng kiến và lãnh nhận hậu quả này: Hai con người khả kính đó, anh chưa đền ơn trả nghĩa được ngày nào, đã đu đẩy họ vào nỗi nhục nhã không thể gột rửa:

...Cha ta sẽ nói sao? Ông sẽ nhìn ta với con mắt buồn nản. Và mẹ ta sẽ phải cúi đầu vì hổ thẹn trước nặt phố phường...

Anh nhìn sang bên cô con gái bà trưởng cửa hàng đang oằn oài trong cơn ngái ngủ, miệng há ra ngáp không buồn che đậy. Đứa con gái tuổi mới mười lăm mà trông đã rạc dày. Hoan kinh tởm. Anh ngẩng cổ tìm quần áo của mình. Bà Kim Lan biết ý, nói:

- Quần áo của cháu bác đã mang vào phòng tắm. Cháu tắm rửa thay đồ trước en Liên. Rồi cả hai ra phòng khách nói chuyện. Dứt lời, bà quay đi.

Hoan quấn tấm khăn quanh bông, bước vào phòng tắm kề sát gian buồng của họ. Anh tắm nước lạnh, kì cọ đến trầy da mà chẳng hiểu làm như vậy để làm gì, đầu anh nóng như cổ máy khởi động nhưng bộ phận truyền cơ bị hãm chốt chẳng nghĩ nổi một ý nghĩ nào rành mạch, ngoài nỗi sợ hãi: Ba mẹ anh đang chờ ngoài phòng khách, anh sẽ ăn nói với họ ra sao?... nhất là với cha anh, người suốt đời chưa hề nói năng sàm sỡ, chưa hề có một cử chỉ bất nhã, chưa làm một điều chi nhỏ nhặt tầm thường dù là chuyện đồng tiền phân bạc, chuyện rượu chè hay chuyện bướm ong... Liệu cha ta sẽ xử sự ra sao trước họ hàng thân quyến và xóm giềng nơi phố xá?... Ông sẽ tuyên bố từ bỏ ta trước bàn thờ tiên tổ rồi trục xuất ra khỏi gia đình hoặc sẽ lẳng lặng nhìn vào mặt ta cái nhìn lạnh lùng khinh bỉ...

Hoan thầm nghĩ và biết trong trường hợp thứ hai anh buộc lòng sẽ phải rời bỏ gia đình, chính anh ra đi trước, bởi anh không thể sống trong sự khinh bỉ, cho dù đó là sự khinh bỉ của người đã tạo tác ra anh.

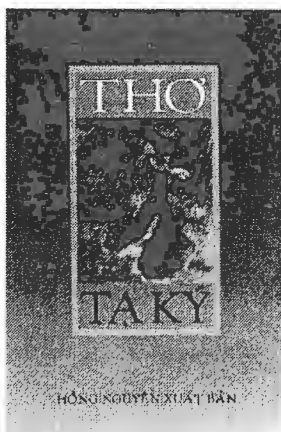
(xem tiếp kỳ sau)

DƯƠNG THU HƯƠNG





NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU
giới thiệu sách mới



THƠ Tạ Ký, tựa Phạm Phú Minh, bìa Nguyễn Đồng-Nguyễn Thị Hợp, Hồng Nguyên xuất bản. Giá 10 Mỹ Kim. Liên lạc Tạ Thái, P.O.Box 1784, Garden Grove, CA 92842. USA - Email: Tbutitry@aol.com

Tạ Ký sinh năm 1928 tại miền Trung Việt Nam. Dù làm thơ từ những năm còn tiểu học, nhưng mãi đến năm 1970 tác phẩm đầu tay, *Sầu ở lại*, mới được xuất bản. Thi tập này đoạt giải thưởng thơ của miền Nam Việt Nam sau đó. Năm 1973, tập thơ thứ 2, *Cô đơn còn mãi* chào đời. Năm 1975, Tạ Ký đi tù cải tạo trong hai năm. Cuối năm 1978, ông lưu lạc xuống miền Nam, sống lay lất ở An Giang, và qua đời trong đơn chiếc, bệnh hoạn tại đó.

Hình như cuộc đời Tạ Ký gắn liền với cô đơn, dù nhìn bên ngoài, ông không khác gì mọi người bình thường khác, cũng có vợ, có con,

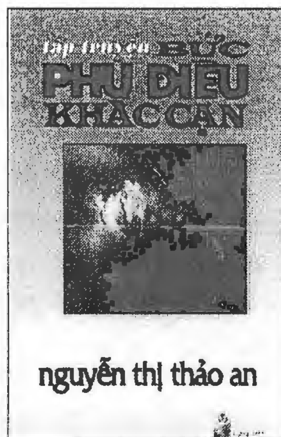
cũng có một nghề nghiệp cao quí (dạy học), và nhất là có rất đông bạn bè. Sự cô đơn ấy vận vào thơ, vận cả vào định mệnh đời ông, mãi đến chung cuộc, nằm xuống, giữa cảnh thổ xa lạ, không bà con họ hàng, không thân thích ruột thịt. Và có lẽ cũng chính vì sự cô đơn ấy, Tạ Ký mượn thơ ca để chở lòng mình, mượn men rượu để tiêu sầu. Anh em văn nghệ của miền Nam VN trước 75, không ai không biết đến chợ Đũi, một điểm nhậu, và không ai không biết tại điểm nhậu ấy, hàng đêm, Tạ Ký thường trực có mặt cùng những chai lade.

Thơ Tạ Ký buồn, buồn như chính hai nhan đề ông đã chọn cho hai thi tập đã xuất bản, buồn như chính hai câu thơ này của ông:

"Hỡi thượng đế! Suốt đời con đơn chiếc
Đi lang thang như lạc nẻo Thiên đường!"

Thi tập chúng tôi đang giới thiệu được Tạ Thái, con trai Tạ Ký, hiện cư ngụ tại California, cũng là một người cầm viết, cùng thời với Hoàng Mai Đạt, Nguyễn Hoàng Nam, Đỗ Kh.... xuất bản, như *"một cảm tạ, tới quê hương, tình yêu, và Thượng Đế"* (Tạ Thái, Lời cảm tạ, in ở cuối thi tập).

BỨC PHÙ ĐIÊU KHẮC CẠN, tập truyện Nguyễn Thị Thảo An, bìa tác giả, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 12MK.



Tác phẩm đầu tay, gồm mười hai truyện ngắn, hầu hết đã được đăng tải trên báo, nhất là trên tạp chí Văn Học và Văn..

Trong số những người viết mới những năm sau này (tôi dùng chữ "những người viết mới" trong nghĩa mới lộ diện trên văn đàn, thực tế, có nhiều vị đã cầm bút từ rất lâu, và tuổi tác chưa hẳn thuộc lớp trẻ), Nguyễn Thị Thảo An là một trong vài người được độc giả quen tên.

Vì xuất hiện đầu tiên (hình như thế) và nhiều nhất trên tạp chí Văn Học, nên không ai đủ thẩm quyền hơn nhàvăn Nguyễn Mộng Giác khi nhận xét về tác phẩm đầu tay của chị: *"Nguyễn Thị Thảo An đã chứng tỏ cho bạn đọc thấy nội lực vững vàng của mình qua Bức Phù Điêu Khắc Cạn. Truyện được chọn làm nhan đề cho sách cũng là*

truyện dài nhất, sưu tập tài liệu sử học công phu, cấu trúc truyện vững mà không gò bó. Nói chung, đây là một truyện đầu tay thành công."



ĐÊM OAKLAND VÀ NHỮNG TRUYỆN KHÁC, tập truyện Phùng Nguyễn, bìa KT, Văn xuất bản. Giá 9MK.

Tác phẩm thứ hai, sau **Tháp Ký Ức** (cũng do Văn xuất bản), gồm 16 truyện ngắn: *Văn sĩ ngại ngần; Đêm Oakland, câu hỏi; Cháy lên những ngọn đồi cỏ khô; Bắt hến ở hồ Isabella; Chim gáy sau vườn; Cựu chiến binh, nhà thơ; Quan hệ; Ngày đầu tiên của mùa xuân; Bước hồi sinh; Khách quen; Chuyện thằng bạn; Phía bên kia đường; Bóng phượng, Tỏ tình với bình minh; Chuyện tình kể lại; Dựng truyện.* 16 truyện, hầu hết xoay quanh đề tài muôn thuở ai cũng viết nhưng viết hay không dễ: tình yêu.

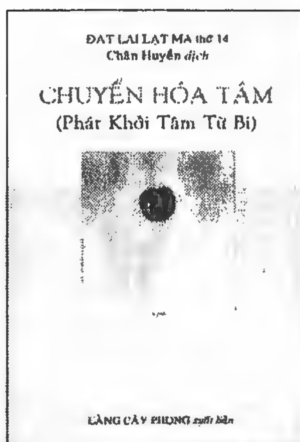
Ngay từ tác phẩm đầy tay, nhà văn Phùng Nguyễn đã chọn hướng đi không dễ này, và thủy chung với nó suốt quá trình sáng tác đã qua. Trong giới hạn nào đó, ông đã thành công.

CUỐI NGÀY, MỘT LẦN NGỒI LẠI, tập truyện Song Thao. Bìa KT, Văn Mới xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 10MK.



Tập truyện thứ 5 của Song Thao, sau **Bỏ chốn mù sương; Đong đưa cuộc tình; Còn đó bóng hình; Chân mang giầy số 6.** Tập truyện này gồm mười truyện ngắn có tên *Biết nói chi; Gặp gỡ; Gió chướng; Nẻo ngược; Những con cá của già Sam; Vương tơ; Bỏ hoang đời; Trên đường thiên lý; Cuối ngày, một lần ngồi lại; Mùa hè đã qua.*

Song Thao viết đều tay, hình như năm nào cũng có đầu sách mới. Trong hoàn cảnh tất bật áo cơm quê người, thị trường sách vở càng ngày càng đi xuống, thế mà Song Thao vẫn thu xếp được thì giờ để viết, và vẫn còn kiên trì sống chết với chữ nghĩa, chỉ riêng điều ấy thôi, tôi cho, đã là một can đảm hiếm có, đáng vinh danh.



CHUYỂN HÓA TÂM (Phát Khởi Tâm Từ Bi), Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Chân Huyền dịch, bìa KT, Làng Cây Phong xuất bản, Văn Nghệ phát hành. Giá 12MK.

Tám bài giảng về Chuyển Hóa Tâm là một trong những văn bản quan trọng bậc nhất của các tác phẩm Tây Tạng có tên chung là *Lo-jong* - có thể dịch nghĩa là Chuyển Hóa Tâm. Tám bài này do đại sư Tây Tạng Langri Thangpa trước tác từ thế kỷ thứ 11 - là những đoạn văn được Đạt Lai Lạt Ma coi là một trong những tác phẩm ngắn và gợi cho ngài nhiều cảm hứng nhất.

Những bài giảng về Duy Thức và Chuyển Hóa Tâm trong cuốn sách này sẽ giúp chúng ta thay đổi để sống an nhiên, cho dù căn nghiệp nặng nề, cuộc sống đấy trở ngại.

NGUYỄN THỊ GIÁNG CHÂU



với văn hữu và độc giả

Anh **Hoàng Đình Hùng** (OR): Cảm ơn anh. Chúng tôi thực tình không dám nhận những từ tán dương ấy của anh. Vì lẽ, nếu quan niệm mỗi người một nghiệp, thì công việc chúng tôi đang làm là một cái nghiệp, do chính chúng tôi chọn một phần, phần khác, do hoàn cảnh đưa đẩy. Giản dị vậy thôi, chả có "sứ mệnh" nào cả, càng không có "tham vọng" to lớn để buộc mình phải đeo đuổi, hy sinh.

Về sáng tác đăng trên HL, trước sau, chúng tôi vẫn cố gắng trung thành với hướng đi của mình: phá bỏ mọi rào ngăn, mạnh dạn giới thiệu những thử nghiệm mới. Tuy nhiên, tất cả báo văn học tại hải ngoại đều vấp phải trở ngại lớn: quá ít độc giả. Cho nên muốn tồn tại, một tờ báo không thể tự chọn cho mình một lớp độc giả nào đó (già, trẻ, bảo thủ, cấp tiến...), mà phải làm thế nào để có thể đáp ứng được mọi yêu cầu của mọi thành phần độc giả... Điều này không dễ. Trái lại, rất khó. "Mới" quá, độc giả lớn tuổi sẽ dị ứng. "Khăn đóng áo dài" nghiêm chỉnh quá, độc giả trẻ tuổi sẽ cười khẩy: văn chương quốc văn giáo khoa thư, tạp chí của Hội cao niên hay Cơ quan ngôn luận của trung tâm chấn hưng Phật (Công) giáo.

Tóm lại, chúng tôi rất mong độc giả cảm thông cho việc chọn lựa bài vở của tòa soạn, đừng ngạc nhiên (ví dụ) tại sao bên cạnh bài thơ hay truyện ngắn rất "hiện đại" ấy, lại là một bài thơ hay truyện ngắn khác âm hưởng "cực kỳ tiền chiến". Chúng tôi không mâu thuẩn với chủ trương của mình, chỉ cố gia giảm liều lượng để làm thế nào qua nội dung tổng quát từng mỗi số báo, độc giả trẻ vẫn "ngửi" được hương hoa của cái mới, đồng thời độc giả cao niên cũng không cảm thấy bị va chạm thái quá.

HỢP LƯU CŨ

30% off



Ngoại trừ các số 1, 4, 6, 8 (Văn Cao), 12 (Thi Ca) & 44 (Bùi Giáng), tất cả các số HỢP LƯU còn lại tòa soạn còn tồn kho một ít. Độc giả nào muốn mua, xin xem bảng giá sau đây:

Các số: 2, 3, 5, 7, 9, 10, 11, 13 mỗi số US$6.00
Từ số 14 đến số 25 mỗi số US$7.00
Từ số 26 đến số 56 (trừ số 44) mỗi số US$8.00
Từ số 57 đến số 60 (mới nhất) mỗi số US$9.00

Nếu mua toàn bộ, sẽ được bớt 30% trên giá tổng cộng:

8 số US$6.00	=	US$48.00
12 số US$7.00	=	US$84.00
30 số US$8.00	=	US$240.00
3 số US$9.00	=	US$28.00
Tổng cộng	=	US$400.00

Bớt 30%, = US$280.00

Join us for the first festival of books

LITTLE SAIGON

BOOK FAIR

tiểu sài gòn hội chợ sách năm thứ nhất

AUGUST 18 &19
AUGUST 25 & 26 **2001**

come celebrate the written word!

Organnized by

VAALA | KICON | WWVIPA | MIMI STUDIO

15361 Brookhurst street suite 103, Westminster, CA 92683

714-531-7065 | 590-3080 | Fax: 714-531-7325

http://bookfair.vinamall.com

major sponsor



VNCR REGISTER BORDERS NGƯỜI VIỆT Little SaigonRadio

Viễn Đông VIỆT BAO HỢP LƯU VinaMaill.com THẾ KỶ 21

Sách báo hải ngoại xuất bản 26 năm qua - Sách của tác giả gốc Việt Nam viết bằng nhiều ngôn ngữ trên thế giới - Sách viết về Việt Nam của các tác giả trên thế giới - Triển lãm nghệ thuật thực hiện bìa sách - Nhiều tác giả sẽ trình bày, diễn thuyết, tặng chữ ký cho độc giả - Các nhà xuất bản trưng bày sách và thư mục - Hội thảo về vấn đề sáng tác - Trao bằng vinh danh các cá nhân và đoàn thể đã có đóng góp quan trọng trong lĩnh vực sáng tác và xuất bản - Độc giả tham gia bỏ phiếu cho các giải thưởng thuộc nhiều thể loại sách khác nhau - Hòa nhạc và trình diễn ca khúc trong ngày bế mạc tại sân khấu ngoài trời Amphitheater của Garden Grove do các ban nhạc trẻ đang lên như The Friends Quintet, Bayadara, The Irvine Jazz Group.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92843. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU TẶNG BÁO

Tên người tặng: ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

tặng [ ] (1,2) năm HỢP LƯU bằng máy bay [ ]; hạng tư [ ] đến

Tên người nhận : ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email: ______________ Điện thoại: ______________

Yêu cầu tòa soạn báo cho tôi biết khi nhận được phiếu tặng báo kèm check (or money order) bằng điện thoại, thư bưu điện, hoặc email.

(Xin xem PHIẾU MUA DÀI HẠN ở mặt sau để biết giá)

PHIẾU GIỚI THIỆU

Yêu cầu tòa soạn gửi đến:

Tên: ______________________
Địa chỉ: ______________________

____

Email ______________ điện thoại ______________

HỢP LƯU số mới nhất. Nếu người nhận vừa lòng với nội dung của tạp chí, sẽ đặt mua dài hạn.



P.O.Box 277, Garden Grove, CA 92842. USA
Tel: (714) 534-2205 - Email: tchl@aol.com

PHIẾU MUA DÀI HẠN HOẶC TÁI HẠN
(Subscription or Renew form)

Họ tên / Full name xin viết chữ IN / Please PRINT

Địa chỉ / Address xin viết chữ IN / Please PRINT

Điện thoại / Phone Điện thư / E mail

Tôi đặt mua HỢP LƯU / I would like HOP LUU delivered to me:

☐ Một năm / one year. ☐ Hai năm / Two years

Bắt đầu từ số / Starting from Issue #:

Mỹ (Four class only)

- *Một năm / One year* ☐ US$50.00.
- *Hai năm / Two years* ☐ US$95.00.

Gia Nã Đại (Canada) (Air mail only):

- *Một năm / One year* ☐ US$70.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$135.00

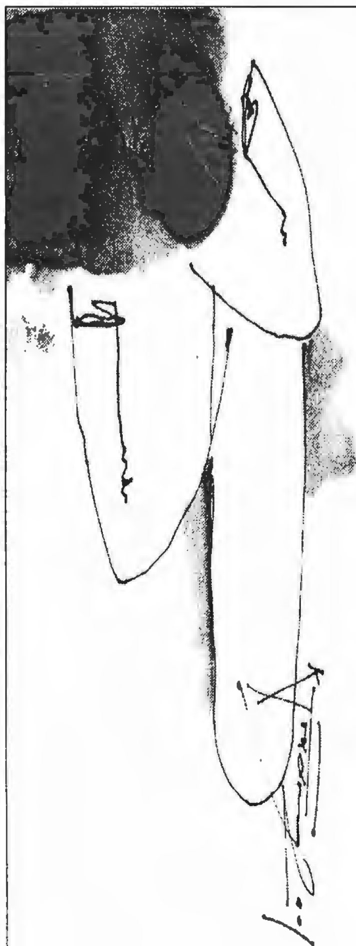
Úc, Âu châu, Á châu (Australia, Europe & Asia) (Global priority only):

- *Một năm / One year* ☐ US$80.00
- *Hai năm / Two years* ☐ US$155.00

Trả bằng ngân phiếu (*Mỹ & Canada*), Money order (*Úc, Á, Âu châu*) để HOP LUU / Check (*US & Canada*), Money order (*Australia, Asia, Europe*), in US funds, pay to HOP LUU.

Thay đổi địa chỉ xin cho biết trước & gửi kèm nhãn gửi báo cũ / Please let us know in advance when you change adderess & attach your old label.

Ghi chú / Note: Số báo đầu tiên & cuối cùng in trên nhãn báo / The first & the last subcribed issues are printed on the label.



Hợp Lưu số 62, phát hành đầu tháng 12 năm 2001 sẽ là số Xuân Nhâm Ngọ, đồng thời cũng là số kỷ niệm Thập nhị chu niên, Hợp Lưu tròn 12 tuổi.

Trân trọng kính mời văn hữu trong, ngoài nước đã cộng tác với Hợp Lưu suốt thời gian dài đã qua, cùng đóng góp bài vở, để số báo này có được sự chuẩn mực mong ước, mà 12 năm qua, Hợp Lưu không ngừng muốn vươn đến.

Bài vở xin gửi về tòa soạn ngay từ bây giờ.

Song song với việc phát hành số đặc biệt này, Hợp Lưu sẽ tổ chức một chương trình họp mặt mang chủ đề **Hợp Lưu với văn hữu & độc giả** tại quận Cam. Ngoài phần ca nhạc thính phòng tối khai mạc, 40 tranh sơn dầu của Khánh Trường sẽ được trưng bày một tuần lễ và bán với giá thật thân hữu (từ 400 đến 600 Mỹ Kim), nhằm tích vốn nuôi dưỡng Hợp Lưu cho năm tới. Quí vị ở xa (kể cả các quốc gia khác) muốn mua tranh KT làm kỷ niệm, (cũng là một hình thức tiếp tay giúp Hợp Lưu tồn tại), xin liên lạc với tòa soạn, chúng tôi sẽ gửi Catalogue để quí vị chọn. Tranh sẽ được đóng thùng gửi đến quí vị qua bưu điện. Nếu vị nào về Orange County trong thời điểm ấy, Hợp Lưu rất hân hạnh được đón tiếp.

Địa điểm, ngày, giờ và chương trình buổi họp mặt sẽ được thông báo trên Hợp Lưu số tới.

HỢP LƯU



60 Giá 9MK